

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

CỘNG HOÀ



Ký bởi: Tổng cục Hải quan
Địa chỉ: Số 9 Phố Dương Đình Nghệ -
Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Thành
phố Hà Nội
Thời gian ký: 29.12.2022 18:00

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5731/TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2022

V/v thực hiện Thông tư số
31/2022/TT-BTC ngày
08/06/2022

Kính gửi:

- Các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan;
- Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Căn cứ Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/06/2022 của Bộ Tài chính về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Thông tư số 72/2022/TT-BTC ngày 30/11/2022 ngưng hiệu lực của Thông tư 31/2022/TT-BTC thì Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam có hiệu lực thực hiện từ ngày 30/12/2022;

Tiếp theo công văn số 4891/TCHQ-TXNK ngày 17/11/2022 của Tổng cục Hải quan về việc thực hiện Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/06/2022, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện một số nội dung sau:

I. Về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế kể từ ngày 30/12/2022:

1. Về phân loại hàng hóa:

Thực hiện phân loại hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu Việt Nam và 6 Quy tắc tổng quát Giải thích việc phân loại hàng hóa ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC và các quy định hiện hành về phân loại hàng hóa, tham khảo Chú giải chi tiết HS2022 đính kèm công văn số 4891/TCHQ-TXNK nêu trên.

2. Về áp dụng mức thuế:

2.1. Về áp dụng các mức thuế suất thuế xuất khẩu, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (gồm Chương 98), nhập khẩu thông thường và thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan:

Căn cứ Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016, Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020, Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 và Nghị định số 51/2022/NĐ-CP ngày 08/08/2022 của Chính phủ, Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01/9/2016, số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 và số 28/2019/QĐ-TTg ngày 16/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là các Nghị định, Quyết định Biểu thuế);

Để đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định hiện hành, kể từ ngày 30/12/2022 khi Thông tư số 31/2022/TT-BTC có hiệu lực đến ngày có hiệu lực của Nghị định thay thế các Nghị định, Quyết định Biểu thuế trên, yêu cầu các đơn vị thực hiện tra cứu và hướng dẫn doanh nghiệp khai báo theo mã số theo

HỎA TỐT

Thông tư số 31/2022/TT-BTC và thuế suất tương ứng quy định tại các Nghị định, Quyết định Biểu thuế được liệt kê tại Phụ lục 1 đính kèm công văn này.

Đối với các mã số hàng hóa có mức thuế được ghi chú “KBTC” tại Phụ lục 1 thì thực hiện tra cứu và hướng dẫn các doanh nghiệp khai báo thủ công trên Hệ thống thông quan điện tử hải quan theo hướng dẫn tại Phụ lục 2, cụ thể: áp dụng thuế suất cho các mã số tại cột 1 theo mức thuế suất quy định tại cột 4 tương ứng với các mã số tại cột 3.

Ví dụ: phân loại và áp dụng mức thuế mặt hàng xuất khẩu “trầm hương, kỳ nam, tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột”: căn cứ Danh mục và 6 Quy tắc tổng quát ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC thì mặt hàng thuộc mã số 1211.90.17 và có mức thuế xuất khẩu được ghi chú “KBTC” tại mục 1 Phụ lục 1 nên tiếp tục tra cứu tại Phụ lục 2, thì có thuế suất là 20% (cột 4) theo mức thuế suất tương ứng của mã số 1211.90.16.10 (cột 3) quy định tại các Nghị định, Quyết định Biểu thuế.

Trường hợp có sự khác nhau về mức thuế áp dụng theo hướng dẫn tại công văn này và các Nghị định, Quyết định Biểu thuế nêu trên, thì áp dụng mã số theo Thông tư 31/2022/TT-BTC và thuế suất hiện hành của mã số tương ứng tại các Nghị định, Quyết định Biểu thuế nêu trên.

2.2. Về áp dụng các mức thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ các FTA song phương và đa phương:

Thực hiện tra cứu và áp dụng các mức thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi và thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo đúng quy định tại các Nghị định của Chính phủ ban hành các Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt có hiệu lực thực hiện từ ngày 30/12/2022.

II. Tổ chức thực hiện:

Để đảm bảo việc tổ chức thực hiện hiệu quả, Tổng cục Hải quan yêu cầu các đơn vị tiếp tục triển khai các nội dung như hướng dẫn tại công văn số 4891/TCHQ-TXNK và các nhiệm vụ dưới đây:

1. Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan:

Chịu trách nhiệm cập nhật các mức thuế suất tại Phụ lục 1 vào Hệ thống VNACCS để hỗ trợ khai báo tự động.

2. Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố:

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp làm thủ tục hải quan tại đơn vị thực hiện khai báo theo đúng các quy định hiện hành và hướng dẫn tại công văn này.

- Trường hợp có vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, yêu cầu kịp thời phản ánh về Tổng cục Hải quan (qua Cục Thuế XNK) để được hướng dẫn xử lý.

3. Cục Thuế XNK:

- Tiếp tục tổ chức phổ biến, tuyên truyền nội dung Thông tư số 31/2022/TT-BTC;

- Tổng hợp vướng mắc của các đơn vị và báo cáo Lãnh đạo Tổng cục để có chỉ đạo kịp thời, thống nhất.

Đầu mối liên hệ: đ/c Nguyễn Thu Hường – Phó trưởng phòng – Cục Thuế XNK (0983.438.859), đ/c Đào Thị Thanh Thủy – Công chức – Cục thuế XNK (0983.025.956).

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Nguyễn Đức Chi (để b/cáo);
- TCT. Nguyễn Văn Cần (để b/cáo);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để c/đạo);
- Vụ CST, Vụ HTQT, Vụ PC-Bộ Tài chính (để p/hợp);
- Website Hải quan;
- Lưu: VT, TXNK-PL-Đ.Thủy (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Lưu Mạnh Tường

Phụ lục I

CÁC MỨC THUẾ SUẤT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI, NHẬP KHẨU THÔNG THƯỜNG VÀ THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU NGOÀI HẠN NGẠCH THUẾ QUAN CĂN CỨ CÁC NGHỊ ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH HIỆN HÀNH

(ban hành kèm theo công văn **5731/TCHQ-TXNK** ngày 9/12/2022 của Tổng cục Hải quan)

1. Biểu thuế xuất khẩu:

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0301.11.10	0
0301.11.91	0
0301.11.92	0
0301.11.93	0
0301.11.95	0
0301.11.99	0
0301.19.10	0
0301.19.90	0
0301.91.00	0
0301.92.00	0
0301.93.21	0
0301.93.22	0
0301.93.29	0
0301.93.31	0
0301.93.32	0
0301.93.39	0
0301.94.00	0
0301.95.00	0
0301.99.11	0
0301.99.19	0
0301.99.22	0
0301.99.23	0
0301.99.24	0
0301.99.29	0
0301.99.31	0
0301.99.32	0
0301.99.33	0
0301.99.34	0
0301.99.35	0
0301.99.36	0
0301.99.41	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0301.99.42	0
0301.99.49	0
0301.99.50	0
0301.99.90	0
0302.11.00	0
0302.13.00	0
0302.14.00	0
0302.19.00	0
0302.21.00	0
0302.22.00	0
0302.23.00	0
0302.24.00	0
0302.29.00	0
0302.31.00	0
0302.32.00	0
0302.33.00	0
0302.34.00	0
0302.35.00	0
0302.36.00	0
0302.39.00	0
0302.41.00	0
0302.42.00	0
0302.43.00	0
0302.44.00	0
0302.45.00	0
0302.46.00	0
0302.47.00	0
0302.49.00	0
0302.51.00	0
0302.52.00	0
0302.53.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0302.54.00	0
0302.55.00	0
0302.56.00	0
0302.59.00	0
0302.71.00	0
0302.72.10	0
0302.72.90	0
0302.73.00	0
0302.74.00	0
0302.79.00	0
0302.81.00	0
0302.82.00	0
0302.83.00	0
0302.84.00	0
0302.85.00	0
0302.89.11	0
0302.89.12	0
0302.89.13	0
0302.89.14	0
0302.89.15	0
0302.89.16	0
0302.89.17	0
0302.89.18	0
0302.89.19	0
0302.89.22	0
0302.89.23	0
0302.89.27	0
0302.89.28	0
0302.89.29	0
0302.91.00	0
0302.92.00	0
0302.99.00	0
0303.11.00	0
0303.12.00	0
0303.13.00	0
0303.14.00	0
0303.19.00	0
0303.23.00	0
0303.24.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0303.25.00	0
0303.26.00	0
0303.29.00	0
0303.31.00	0
0303.32.00	0
0303.33.00	0
0303.34.00	0
0303.39.00	0
0303.41.00	0
0303.42.00	0
0303.43.00	0
0303.44.00	0
0303.45.10	0
0303.45.90	0
0303.46.00	0
0303.49.10	0
0303.49.90	0
0303.51.00	0
0303.53.00	0
0303.54.10	0
0303.54.20	0
0303.55.00	0
0303.56.00	0
0303.57.00	0
0303.59.10	0
0303.59.20	0
0303.59.90	0
0303.63.00	0
0303.64.00	0
0303.65.00	0
0303.66.00	0
0303.67.00	0
0303.68.00	0
0303.69.00	0
0303.81.00	0
0303.82.00	0
0303.83.00	0
0303.84.00	0
0303.89.11	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0303.89.13	0
0303.89.14	0
0303.89.15	0
0303.89.16	0
0303.89.17	0
0303.89.18	0
0303.89.19	0
0303.89.22	0
0303.89.23	0
0303.89.24	0
0303.89.27	0
0303.89.28	0
0303.89.29	0
0303.91.00	0
0303.92.00	0
0303.99.00	0
0304.31.00	0
0304.32.00	0
0304.33.00	0
0304.39.00	0
0304.41.00	0
0304.42.00	0
0304.43.00	0
0304.44.00	0
0304.45.00	0
0304.46.00	0
0304.47.00	0
0304.48.00	0
0304.49.00	0
0304.51.00	0
0304.52.00	0
0304.53.00	0
0304.54.00	0
0304.55.00	0
0304.56.00	0
0304.57.00	0
0304.59.00	0
0304.61.00	0
0304.62.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0304.63.00	0
0304.69.00	0
0304.71.00	0
0304.72.00	0
0304.73.00	0
0304.74.00	0
0304.75.00	0
0304.79.00	0
0304.81.00	0
0304.82.00	0
0304.83.00	0
0304.84.00	0
0304.85.00	0
0304.86.00	0
0304.87.00	0
0304.88.00	0
0304.89.10	0
0304.89.90	0
0304.91.00	0
0304.92.00	0
0304.93.00	0
0304.94.00	0
0304.95.00	0
0304.96.00	0
0304.97.00	0
0304.99.10	0
0304.99.90	0
0305.20.10	0
0305.20.90	0
0305.31.00	0
0305.32.00	0
0305.39.10	0
0305.39.20	0
0305.39.91	0
0305.39.92	0
0305.39.99	0
0305.41.00	0
0305.42.00	0
0305.43.00	0



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0305.44.00	0
0305.49.10	0
0305.49.90	0
0305.51.00	0
0305.52.00	0
0305.53.00	0
0305.54.00	0
0305.59.21	0
0305.59.29	0
0305.59.90	0
0305.61.00	0
0305.62.00	0
0305.63.00	0
0305.64.00	0
0305.69.10	0
0305.69.90	0
0305.71.10	0
0305.71.90	0
0305.72.11	0
0305.72.19	0
0305.72.91	0
0305.72.99	0
0305.79.10	0
0305.79.90	0
0306.11.10	0
0306.11.90	0
0306.12.10	0
0306.12.90	0
0306.14.11	0
0306.14.19	0
0306.14.91	0
0306.14.92	0
0306.14.93	0
0306.14.99	0
0306.15.00	0
0306.16.00	0
0306.17.11	0
0306.17.19	0
0306.17.21	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0306.17.22	0
0306.17.29	0
0306.17.30	0
0306.17.90	0
0306.19.00	0
0306.31.10	0
0306.31.20	0
0306.31.30	0
0306.32.10	0
0306.32.20	0
0306.32.30	0
0306.33.11	0
0306.33.12	0
0306.33.91	0
0306.33.92	0
0306.34.00	0
0306.35.10	0
0306.35.20	0
0306.35.30	0
0306.36.11	0
0306.36.12	0
0306.36.13	0
0306.36.19	0
0306.36.21	0
0306.36.22	0
0306.36.23	0
0306.36.29	0
0306.36.31	0
0306.36.32	0
0306.36.33	0
0306.36.39	0
0306.39.10	0
0306.39.20	0
0306.91.21	0
0306.91.29	0
0306.91.31	0
0306.91.39	0
0306.92.21	0
0306.92.29	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các NĐ hiện hành
0306.92.31	0
0306.92.39	0
0306.93.21	0
0306.93.29	0
0306.93.31	0
0306.93.39	0
0306.94.21	0
0306.94.29	0
0306.94.31	0
0306.94.39	0
0306.95.21	0
0306.95.29	0
0306.95.30	0
0306.99.21	0
0306.99.29	0
0306.99.31	0
0306.99.39	0
0307.11.10	0
0307.11.20	0
0307.12.00	0
0307.19.20	0
0307.19.30	0
0307.21.10	0
0307.21.20	0
0307.22.00	0
0307.29.30	0
0307.29.40	0
0307.31.10	0
0307.31.20	0
0307.32.00	0
0307.39.30	0
0307.39.40	0
0307.42.11	0
0307.42.19	0
0307.42.21	0
0307.42.29	0
0307.43.10	0
0307.43.90	0
0307.49.21	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các NĐ hiện hành
0307.49.29	0
0307.49.31	0
0307.49.39	0
0307.51.10	0
0307.51.20	0
0307.52.00	0
0307.59.20	0
0307.59.30	0
0307.60.10	0
0307.60.20	0
0307.60.40	0
0307.60.50	0
0307.71.10	0
0307.71.20	0
0307.72.00	0
0307.79.30	0
0307.79.40	0
0307.81.10	0
0307.81.20	0
0307.82.10	0
0307.82.20	0
0307.83.00	0
0307.84.00	0
0307.87.10	0
0307.87.20	0
0307.88.10	0
0307.88.20	0
0307.91.10	0
0307.91.20	0
0307.92.00	0
0307.99.30	0
0307.99.40	0
0308.11.10	0
0308.11.20	0
0308.12.00	0
0308.19.20	0
0308.19.30	0
0308.21.10	0
0308.21.20	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0308.22.00	0
0308.29.20	0
0308.29.30	0
0308.30.10	0
0308.30.20	0
0308.30.30	0
0308.30.40	0
0308.30.50	0
0308.90.10	0
0308.90.20	0
0308.90.30	0
0308.90.40	0
0308.90.50	0
0309.10.00	0
0309.90.11	0
0309.90.12	0
0309.90.19	0
0309.90.21	0
0309.90.22	0
0309.90.29	0
0309.90.90	0
0714.10.11	0
0714.10.19	0
0714.10.91	0
0714.10.99	0
0801.11.00	0
0801.12.00	0
0801.19.10	0
0801.19.90	0
0801.21.00	0
0801.22.00	0
0801.31.00	0
0801.32.00	0
0901.11.20	0
0901.11.30	0
0901.11.90	0
0901.12.20	0
0901.12.90	0
0901.21.11	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0901.21.12	0
0901.21.19	0
0901.21.20	0
0901.22.10	0
0901.22.20	0
0901.90.10	0
0901.90.20	0
0902.10.10	0
0902.10.90	0
0902.20.10	0
0902.20.90	0
0902.30.10	0
0902.30.90	0
0902.40.10	0
0902.40.90	0
0904.11.10	0
0904.11.20	0
0904.11.90	0
0904.12.10	0
0904.12.20	0
0904.12.90	0
0904.21.10	0
0904.21.90	0
0904.22.10	0
0904.22.90	0
1005.10.00	0
1005.90.10	0
1005.90.91	0
1005.90.99	0
1006.10.10	0
1006.10.90	0
1006.20.10	0
1006.20.90	0
1006.30.30	0
1006.30.40	0
1006.30.50	0
1006.30.60	0
1006.30.70	0
1006.30.91	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1006.30.99	0
1006.40.10	0
1006.40.90	0
1211.20.10	0
1211.20.90	0
1211.30.00	0
1211.40.00	0
1211.50.00	0
1211.60.00	0
1211.90.11	0
1211.90.12	0
1211.90.13	0
1211.90.15	0
1211.90.17	KBTC
1211.90.18	KBTC
1211.90.19.10	20
1211.90.19.90	0
1211.90.91	0
1211.90.92	0
1211.90.94	0
1211.90.95	0
1211.90.97	0
1211.90.98.10	20
1211.90.98.90	0
1211.90.99.10	20
1211.90.99.90	0
1401.10.00	0
1401.20.10	0
1401.20.21	0
1401.20.29	0
1401.20.30	0
1401.20.90	0
1401.90.00	0
1604.11.10	0
1604.11.90	0
1604.12.10	0
1604.12.90	0
1604.13.11	0
1604.13.19	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1604.13.91	0
1604.13.99	0
1604.14.11	0
1604.14.19	0
1604.14.91	0
1604.14.99	0
1604.15.10	0
1604.15.90	0
1604.16.10	0
1604.16.90	0
1604.17.10	0
1604.17.90	0
1604.18.10	0
1604.18.91	0
1604.18.99	0
1604.19.20	0
1604.19.30	0
1604.19.90	0
1604.20.20	0
1604.20.30	0
1604.20.40	0
1604.20.91	0
1604.20.99	0
1604.31.00	0
1604.32.00	0
1605.10.11	0
1605.10.12	0
1605.10.13	0
1605.10.14	0
1605.10.90	0
1605.21.00	0
1605.29.20	0
1605.29.30	0
1605.29.90	0
1605.30.00	0
1605.40.00	0
1605.51.00	0
1605.52.00	0
1605.53.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1605.54.10	0
1605.54.90	0
1605.55.00	0
1605.56.00	0
1605.57.10	0
1605.57.90	0
1605.58.00	0
1605.59.00	0
1605.61.00	0
1605.62.00	0
1605.63.00	0
1605.69.00	0
2502.00.00	10
2503.00.00	10
25.04	10
2504.10.00	10
2505.10.00.10	10
2505.10.00.20	10
2505.10.00.90	30
2505.90.00	30
2506.10.00	10
2506.20.00	10
2507.00.00	10
2508.10.00	10
2508.30.00	10
2508.40.10	10
2508.40.90	10
2508.50.00	10
2508.60.00	10
2508.70.00	10
2509.00.00	17
2510.10.10	40
2510.10.90	5
2510.20.10.10	15
2510.20.10.20	22
2510.20.10.90	40
2510.20.90	5
2511.10.00	10
2511.20.00	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2512.00.00	15
2513.10.00	10
2513.20.00	10
2514.00.00	17
2515.11.00	20
2515.12.10.10	30
2515.12.10.90	20
2515.12.20	20
2515.20.00.10	30
2515.20.00.90	20
2516.11.00	20
2516.12.10	30
2516.12.20	20
2516.20.10	20
2516.20.20	20
2516.90.00	20
2517.10.00.10	20
2517.10.00.90	20
2517.20.00	20
2517.30.00	20
2517.41.00.10	5
2517.41.00.20	5
2517.41.00.30	20
2517.41.00.90	20
2517.49.00.10	5
2517.49.00.20	5
2517.49.00.30	20
2517.49.00.90	20
2518.10.00	15
2518.20.00	10
2519.10.00	10
2519.90.10	10
2519.90.90	10
2520.10.00	10
2520.20.10	10
2520.20.90	10
2521.00.00	20
2522.10.00	5
2522.20.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các NĐ hiện hành
2522.30.00	5
2524.10.00	10
2524.90.00	10
2525.10.00	5
2525.20.00	5
2525.30.00	5
2526.10.00	30
2526.20.10	30
2526.20.90	30
2528.00.00	10
2529.10.10	10
2529.10.90	10
2529.21.00	10
2529.22.00	10
2529.30.00	10
2530.10.00	10
2530.20.10	10
2530.20.20	10
2530.90.10	10
2530.90.90.10	30
2530.90.90.90	10
2601.11.10	40
2601.11.90.10	20
2601.11.90.90	40
2601.12.10	40
2601.12.90.10	20
2601.12.90.90	40
2601.20.00	40
2602.00.00	40
2603.00.00	40
2604.00.00.10	30
2604.00.00.90	20
2605.00.00.10	30
2605.00.00.90	20
2606.00.00.10	30
2606.00.00.90	20
2607.00.00	40
2608.00.00	40
2609.00.00.10	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các NĐ hiện hành
2609.00.00.90	20
2610.00.00	30
2611.00.00.10	30
2611.00.00.90	20
2612.10.00.10	30
2612.10.00.90	20
2612.20.00.10	30
2612.20.00.90	20
2613.10.00	20
2613.90.00.10	30
2613.90.00.90	20
2614.00.10.10	30
2614.00.10.90	40
2614.00.90.10	30
2614.00.90.90	40
2615.10.00.10	30
2615.10.00.20	10
2615.10.00.90	20
2615.90.00.10	30
2615.90.00.20	20
2615.90.00.30	30
2615.90.00.90	20
2616.10.00.10	30
2616.10.00.90	20
2616.90.00.10	30
2616.90.00.20	30
2616.90.00.90	20
2617.10.00.10	30
2617.10.00.90	20
2617.90.00.10	30
2617.90.00.90	20
2618.00.00	5
2619.00.00.10	5
2619.00.00.90	5
2620.11.00	5
2620.19.00.10	5
2620.19.00.90	5
2620.21.00	5
2620.29.00.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2620.29.00.90	5
2620.30.00.10	5
2620.30.00.90	5
2620.40.00.10	5
2620.40.00.90	5
2620.60.00.10	5
2620.60.00.90	5
2620.91.00.10	5
2620.91.00.90	5
2620.99.10.10	5
2620.99.10.90	5
2620.99.90.10	5
2620.99.90.90	5
2621.10.00	0
2621.90.10	0
2621.90.90	KBTC
2701.11.00	10
2701.12.10	10
2701.12.90	10
2701.19.00	10
2701.20.00	10
2702.10.00	15
2702.20.00	15
2703.00.10	15
2703.00.20	15
2704.00.10	10
2704.00.20	10
2704.00.30	10
2709.00.10	10
2709.00.20	10
2709.00.90	0
2710.12.11	0
2710.12.12	0
2710.12.13	0
2710.12.21	0
2710.12.22	0
2710.12.23	0
2710.12.24	0
2710.12.25	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2710.12.26	0
2710.12.27	0
2710.12.28	0
2710.12.29	0
2710.12.31	0
2710.12.39	0
2710.12.40	0
2710.12.50	0
2710.12.60	0
2710.12.70	0
2710.12.80	0
2710.12.91	0
2710.12.92	0
2710.12.99	0
2710.19.20	0
2710.19.30	0
2710.19.41	0
2710.19.42	0
2710.19.44	0
2710.19.45	0
2710.19.46	0
2710.19.50	0
2710.19.60	0
2710.19.71	0
2710.19.72	0
2710.19.79	0
2710.19.81	0
2710.19.82	0
2710.19.83	0
2710.19.89	0
2710.19.90	0
2710.20.00	0
2710.91.00	0
2710.99.00	0
2711.11.00	0
2711.12.00	0
2711.13.00	0
2711.14.10	0
2711.14.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2711.19.00	0
2711.21.10	0
2711.21.90	0
2711.29.00	0
2712.10.00	0
2712.20.00	0
2712.90.10	0
2712.90.90	0
2713.11.00	0
2713.12.00	0
2713.20.00	0
2713.90.00	0
2714.10.00	0
2714.90.00	0
2715.00.10	0
2715.00.90	0
2716.00.00	0
2804.10.00	0
2804.21.00	0
2804.29.00	0
2804.30.00	0
2804.40.00	0
2804.50.00	0
2804.61.00	0
2804.69.00	0
2804.70.00.10	5
2804.70.00.90	0
2804.80.00	0
2804.90.00	0
2817.00.10.10	5
2817.00.10.90	0
2817.00.20	0
2818.10.00	0
2818.20.00	2
2818.30.00	2
2823.00.00.10	10
2823.00.00.20	10
2823.00.00.30	10
2823.00.00.40	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2823.00.00.90	0
2903.11.10	0
2903.11.90	0
2903.12.00	0
2903.13.00	0
2903.14.00	0
2903.15.00	0
2903.19.20	0
2903.19.90	0
2903.21.00	0
2903.22.00	0
2903.23.00	0
2903.29.00	0
2903.41.00	0
2903.42.00	0
2903.43.00	0
2903.44.00	0
2903.45.00	0
2903.46.00	0
2903.47.00	0
2903.48.00	0
2903.49.00	0
2903.51.00	0
2903.59.00	0
2903.61.00	0
2903.62.00	0
2903.69.00	0
2903.71.00	0
2903.72.00	0
2903.73.00	0
2903.74.00	0
2903.75.00	0
2903.76.00	0
2903.77.00	0
2903.78.00	0
2903.79.00	0
2903.81.00	0
2903.82.00	0
2903.83.00	0



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2903.89.00	0
2903.91.00	0
2903.92.00	0
2903.93.00	0
2903.94.00	0
2903.99.00	0
3101.00.10	0
3101.00.92	0
3101.00.99	0
3102.10.00	0
3102.21.00	0
3102.29.00	0
3102.30.00	0
3102.40.00	0
3102.50.00	0
3102.60.00	0
3102.80.00	0
3102.90.00	0
3103.11.10	0
3103.11.90	0
3103.19.10	0
3103.19.90	0
3103.90.10	0
3103.90.90	0
3104.20.00	0
3104.30.00	0
3104.90.00	0
3105.10.10	0
3105.10.20	0
3105.10.90	0
3105.20.00	0
3105.30.00	0
3105.40.00	0
3105.51.00	0
3105.59.00	0
3105.60.00	0
3105.90.00	0
3824.10.00	0
3824.30.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3824.40.00	0
3824.50.00	0
3824.60.00	0
3824.81.00	0
3824.82.00	0
3824.83.00	0
3824.84.00	0
3824.85.00	0
3824.86.00	0
3824.87.00	0
3824.88.00	0
3824.89.00	0
3824.91.00	0
3824.92.00	0
3824.99.10	0
3824.99.30	0
3824.99.40	0
3824.99.50	0
3824.99.60	0
3824.99.70	0
3824.99.91	0
3824.99.99.10	5
3824.99.99.90	0
3827.11.10	0
3827.11.90	0
3827.12.00	0
3827.13.00	0
3827.14.00	0
3827.20.00	0
3827.31.00	0
3827.32.00	0
3827.39.10	0
3827.39.90	0
3827.40.00	0
3827.51.00	0
3827.59.00	0
3827.61.10	0
3827.61.20	0
3827.61.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các NĐ hiện hành
3827.62.00	0
3827.63.10	0
3827.63.90	0
3827.64.00	0
3827.65.00	0
3827.68.00	0
3827.69.00	0
3827.90.00	0
4001.10.11	0
4001.10.19	0
4001.10.21	0
4001.10.29	0
4001.21.10	0
4001.21.20	0
4001.21.30	0
4001.21.40	0
4001.21.50	0
4001.21.90	0
4001.22.10	0
4001.22.20	0
4001.22.30	0
4001.22.40	0
4001.22.50	0
4001.22.60	0
4001.22.90	0
4001.29.10	0
4001.29.20	0
4001.29.30	0
4001.29.50	0
4001.29.60	0
4001.29.70	0
4001.29.80	0
4001.29.94	0
4001.29.96	0
4001.29.99	0
4001.30.20	0
4001.30.90	0
4101.20.00	10
4101.50.00	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các NĐ hiện hành
4101.90.10	10
4101.90.90	10
4102.10.00	5
4102.21.00	5
4102.29.00	5
4103.20.00.10	0
4103.20.00.90	5
4103.30.00	10
4103.90.00	10
4104.11.10	0
4104.11.90	0
4104.19.00	0
4104.41.00	0
4104.49.00	0
4105.10.00	0
4105.30.00	0
4106.21.00	0
4106.22.00	0
4106.31.00	0
4106.32.00	0
4106.40.00	0
4106.91.00	0
4106.92.00	0
4107.11.00	0
4107.12.00	0
4107.19.00	0
4107.91.00	0
4107.92.00	0
4107.99.00	0
4112.00.00	0
4113.10.00	0
4113.20.00	0
4113.30.00	0
4113.90.00	0
4114.10.00	0
4114.20.00	0
4115.10.00	0
4115.20.00	0
4401.11.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4401.12.00	5
4401.21.00.10	0
4401.21.00.90	2
4401.22.00.10	0
4401.22.00.90	2
4401.31.00	0
4401.32.00	0
4401.39.00	0
4401.41.00	0
4401.49.00	0
4402.10.00	10
4402.20.10	0
4402.20.90	10
4402.90.00	KBTC
4403.11.10	25
4403.11.90	25
4403.12.10	25
4403.12.90	25
4403.21.10	25
4403.21.90	25
4403.22.10	25
4403.22.90	25
4403.23.10	25
4403.23.90	25
4403.24.10	25
4403.24.90	25
4403.25.10	25
4403.25.90	25
4403.26.10	25
4403.26.90	25
4403.41.10	25
4403.41.90	25
4403.42.10	25
4403.42.90	25
4403.49.10	25
4403.49.90	25
4403.91.10	25
4403.91.90	25
4403.93.10	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4403.93.90	25
4403.94.10	25
4403.94.90	25
4403.95.10	25
4403.95.90	25
4403.96.10	25
4403.96.90	25
4403.97.10	25
4403.97.90	25
4403.98.10	25
4403.98.90	25
4403.99.10	25
4403.99.90	25
4404.10.00	5
4404.20.10	5
4404.20.90	5
4406.11.00	20
4406.12.00	20
4406.91.00	20
4406.92.00	20
4407.11.10	25
4407.11.90	25
4407.12.00	25
4407.13.00	25
4407.14.00	25
4407.19.10	25
4407.19.90	25
4407.21.10	25
4407.21.90	25
4407.22.10	25
4407.22.90	25
4407.23.10	25
4407.23.20	25
4407.23.90	25
4407.25.12	25
4407.25.13	25
4407.25.19	25
4407.25.21	25
4407.25.29	25

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4407.26.20	25
4407.26.30	25
4407.26.90	25
4407.27.20	25
4407.27.30	25
4407.27.90	25
4407.28.10	25
4407.28.90	25
4407.29.12	25
4407.29.13	25
4407.29.19	25
4407.29.22	25
4407.29.23	25
4407.29.29	25
4407.29.32	25
4407.29.33	25
4407.29.39	25
4407.29.42	25
4407.29.43	25
4407.29.49	25
4407.29.51	25
4407.29.59	25
4407.29.72	25
4407.29.73	25
4407.29.79	25
4407.29.82	25
4407.29.83	25
4407.29.89	25
4407.29.91	25
4407.29.92	25
4407.29.94	25
4407.29.95	25
4407.29.96	25
4407.29.97	25
4407.29.98	25
4407.29.99	25
4407.91.20	25
4407.91.30	25
4407.91.90	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4407.92.10	25
4407.92.90	25
4407.93.10	25
4407.93.90	25
4407.94.10	25
4407.94.90	25
4407.95.10	25
4407.95.90	25
4407.96.10	25
4407.96.90	25
4407.97.10	25
4407.97.90	25
4407.99.10	25
4407.99.90	25
4408.10.10	10
4408.10.30	10
4408.10.90	10
4408.31.00	10
4408.39.10	10
4408.39.20	10
4408.39.90	10
4408.90.10	10
4408.90.90	10
4409.10.00	5
4409.21.00	5
4409.22.00	5
4409.29.00	5
4410.11.00	0
4410.12.00	0
4410.19.00	0
4410.90.00	0
4411.12.00	0
4411.13.00	0
4411.14.00	0
4411.92.00	0
4411.93.00	0
4411.94.00	0
4412.10.00	0
4412.31.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4412.33.00	0
4412.34.00	0
4412.39.00	0
4412.41.10	0
4412.41.90	0
4412.42.00	0
4412.49.00	0
4412.51.00	0
4412.52.00	0
4412.59.00	0
4412.91.10	0
4412.91.90	0
4412.92.00	0
4412.99.00	0
4413.00.00	0
4414.10.00	0
4414.90.00	0
4415.10.00	0
4415.20.00	0
4416.00.10	0
4416.00.90	0
4417.00.10	0
4417.00.90	0
4418.11.00	0
4418.19.00	0
4418.21.00	0
4418.29.00	0
4418.30.00	0
4418.40.00	0
4418.50.00	0
4418.73.10	0
4418.73.20	0
4418.73.90	0
4418.74.00	0
4418.75.00	0
4418.79.00	0
4418.81.10	0
4418.81.90	0
4418.82.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4418.83.00	0
4418.89.00	0
4418.91.00	0
4418.92.00	0
4418.99.00	0
4419.11.00	0
4419.12.00	0
4419.19.00	0
4419.20.00	0
4419.90.00	0
4420.11.00	0
4420.19.00	0
4420.90.10	0
4420.90.20	0
4420.90.90	0
4421.10.00	0
4421.20.00	0
4421.91.10	0
4421.91.20	0
4421.91.30	0
4421.91.40	0
4421.91.50	0
4421.91.60	0
4421.91.70	0
4421.91.90	0
4421.99.10	0
4421.99.20	0
4421.99.30	0
4421.99.40	0
4421.99.70	0
4421.99.80	0
4421.99.93	0
4421.99.94	0
4421.99.95	0
4421.99.96	0
4421.99.99	0
7102.10.00.10	15
7102.10.00.90	5
7102.21.00	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7102.29.00	5
7102.31.00	15
7102.39.00	5
7103.10.10	15
7103.10.20	15
7103.10.90	15
7103.91.10	5
7103.91.90	5
7103.99.00	5
7104.10.10	10
7104.10.20	5
7104.21.00	10
7104.29.00	10
7104.91.00	5
7104.99.00	5
7105.10.00	2
7105.90.00	2
7106.10.00	5
7106.91.00	5
7106.92.00	5
7107.00.00	0
7108.11.00	2
7108.12.10	2
7108.12.90	2
7108.13.00	2
7108.20.00	2
7109.00.00	0
7110.11.10	0
7110.11.90	0
7110.19.00	0
7110.21.10	0
7110.21.90	0
7110.29.00	0
7110.31.10	0
7110.31.90	0
7110.39.00	0
7110.41.10	0
7110.41.90	0
7110.49.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7111.00.10	0
7111.00.90	0
7112.30.00	0
7112.91.00	0
7112.92.00	0
7112.99.10	0
7112.99.90	0
7113.11.10	0
7113.11.90	0
7113.19.10.10	1
7113.19.10.90	1
7113.19.90.10	1
7113.19.90.90	1
7113.20.10	0
7113.20.90	0
7114.11.00	0
7114.19.00.10	1
7114.19.00.90	1
7114.20.00	0
7115.10.00	0
7115.90.10.10	1
7115.90.10.90	1
7115.90.20	0
7115.90.90	0
7201.10.00	0
7201.20.00	0
7201.50.00	0
7202.11.00	0
7202.19.00	0
7202.21.00	0
7202.29.00	0
7202.30.00	0
7202.41.00	0
7202.49.00	0
7202.50.00	0
7202.60.00	0
7202.70.00	0
7202.80.00	0
7202.91.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7202.92.00	0
7202.93.00	0
7202.99.00	0
7203.10.00	0
7203.90.00	0
7204.10.00	17
7204.21.00	15
7204.29.00	17
7204.30.00	17
7204.41.00	15
7204.49.00	17
7204.50.00	17
7205.10.00	0
7205.21.00	0
7205.29.00	0
7206.10.10	0
7206.10.90	0
7206.90.00	0
7207.11.00	0
7207.12.10	0
7207.12.90	0
7207.19.00	0
7207.20.10	0
7207.20.21	0
7207.20.29	0
7207.20.91	0
7207.20.92	0
7207.20.99	0
7401.00.10	15
7401.00.20	20
7402.00.10	5
7402.00.90	5
7403.11.00.10	10
7403.11.00.90	20
7403.12.00	20
7403.13.00	20
7403.19.00	20
7403.21.00	20
7403.22.00	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7403.29.00	20
7404.00.00.10	22
7404.00.00.90	22
7405.00.00	15
7406.10.00	15
7406.20.00	15
7407.10.30	5
7407.10.41	5
7407.10.49	5
7407.21.00	5
7407.29.00	5
7408.11.20	0
7408.11.30	0
7408.11.90	0
7408.19.10	0
7408.19.90	0
7408.21.00	0
7408.22.00	0
7408.29.10	0
7408.29.90	0
7409.11.00	0
7409.19.00	0
7409.21.00	0
7409.29.00	0
7409.31.00	0
7409.39.00	0
7409.40.00	0
7409.90.00	0
7410.11.10	0
7410.11.90	0
7410.12.00	0
7410.21.00	0
7410.22.00	0
7411.10.00	5
7411.21.00	5
7411.22.00	5
7411.29.00	5
7412.10.00	0
7412.20.20	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7412.20.91	0
7412.20.99	0
7413.00.11	0
7413.00.19	0
7413.00.91	0
7413.00.99	0
7415.10.10	0
7415.10.20	0
7415.10.90	0
7415.21.00	0
7415.29.00	0
7415.33.10	0
7415.33.20	0
7415.39.00	0
7418.10.10	0
7418.10.30	0
7418.10.90	0
7418.20.00	0
7419.20.10	0
7419.20.20	0
7419.20.90	0
7419.80.10	0
7419.80.21	0
7419.80.29	0
7419.80.30	0
7419.80.40	0
7419.80.50	0
7419.80.60	0
7419.80.70	0
7419.80.80	0
7419.80.90	0
7501.10.00	5
7501.20.00	5
7502.10.00	5
7502.20.00	5
7503.00.00.10	20
7503.00.00.90	22
7504.00.00	5
7505.11.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7505.12.00	5
7505.21.00	0
7505.22.00	0
7506.10.00	0
7506.20.00	0
7507.11.00	0
7507.12.00	0
7507.20.00	0
7508.10.00	0
7508.90.30	0
7508.90.50	0
7508.90.90	0
7601.10.00	5
7601.20.00	5
7602.00.00.10	20
7602.00.00.20	22
7603.10.00	10
7603.20.10	10
7603.20.20	10
7604.10.10	5
7604.10.90	5
7604.21.10	5
7604.21.20	5
7604.21.90	5
7604.29.10	5
7604.29.30	5
7604.29.90	5
7605.11.00	5
7605.19.10	5
7605.19.90	5
7605.21.00	5
7605.29.10	5
7605.29.90	5
7606.11.10	0
7606.11.90	0
7606.12.20	0
7606.12.32.10	20
7606.12.32.90	0
7606.12.33	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7606.12.34	0
7606.12.35	0
7606.12.39	0
7606.12.90	0
7606.91.00	0
7606.92.00	0
7607.11.00	0
7607.19.00	0
7607.20.10	0
7607.20.91	0
7607.20.99	0
7608.10.00	0
7608.20.00	0
7609.00.00	0
7610.10.10	0
7610.10.90	0
7610.90.30	0
7610.90.91	0
7610.90.99	0
7611.00.00	0
7612.10.00	0
7612.90.10	0
7612.90.90	0
7613.00.00	0
7614.10.11	0
7614.10.12	0
7614.10.19	0
7614.10.90	0
7614.90.11	0
7614.90.12	0
7614.90.19	0
7614.90.90	0
7615.10.10	0
7615.10.90	0
7615.20.20	0
7615.20.90	0
7616.10.10	0
7616.10.20	0
7616.10.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7616.91.00	0
7616.99.20	0
7616.99.30	0
7616.99.40	0
7616.99.51	0
7616.99.59	0
7616.99.60	0
7616.99.70	0
7616.99.80	0
7616.99.90	0
7801.10.00.10	15
7801.10.00.90	15
7801.91.00.10	15
7801.91.00.90	15
7801.99.00.10	15
7801.99.00.90	15
7802.00.00.10	20
7802.00.00.90	22
7804.11.10	5
7804.11.90	5
7804.19.00	5
7804.20.00	5
7806.00.20.10	5
7806.00.20.90	0
7806.00.30	0
7806.00.40	0
7806.00.90	0
7901.11.00.10	10
7901.11.00.90	5
7901.12.00.10	10
7901.12.00.90	5
7901.20.00.10	10
7901.20.00.90	5
7902.00.00.10	20
7902.00.00.90	22
7903.10.00	5
7903.90.00	5
7904.00.00.10	5
7904.00.00.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7905.00.40	5
7905.00.90	5
7907.00.30	0
7907.00.40	0
7907.00.91	0
7907.00.92	0
7907.00.93	0
7907.00.99	0
8001.10.00.10	10
8001.10.00.90	5
8001.20.00.10	10
8001.20.00.90	5
8002.00.00.10	20
8002.00.00.90	22
8003.00.10	5
8003.00.90.10	5
8003.00.90.90	5
8007.00.20	0
8007.00.30.10	5
8007.00.30.90	0
8007.00.40	0
8007.00.91	0
8007.00.92	0
8007.00.93	0
8007.00.99	0
8101.10.00	5
8101.94.00	5
8101.96.00	5
8101.97.00	22
8101.99.10	5
8101.99.90	5
8102.10.00	5
8102.94.00	5
8102.95.00	5
8102.96.00	5
8102.97.00	5
8102.99.00	5
8103.20.00	5
8103.30.00	22

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8103.91.00	5
8103.99.00	5
8104.11.00	15
8104.19.00	15
8104.20.00	22
8104.30.00	15
8104.90.00	15
8105.20.10	5
8105.20.90.10	5
8105.20.90.90	5
8105.30.00	22
8105.90.00	5
8106.10.10	KBTC
8106.10.90	5
8106.90.10	KBTC
8106.90.90	5
8108.20.00	5
8108.30.00	22
8108.90.00.10	5
8108.90.00.90	5
8109.21.00	5
8109.29.00	5
8109.31.00	22
8109.39.00	22
8109.91.00	5
8109.99.00	5
8110.10.00	5
8110.20.00	22
8110.90.00.10	5
8110.90.00.90	5
8111.00.10	22
8111.00.90.10	5
8111.00.90.90	5
8112.12.00	5
8112.13.00	22
8112.19.00.10	5
8112.19.00.90	5
8112.21.00	5
8112.22.00	22

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8112.29.00.10	5
8112.29.00.90	5
8112.31.00	KBTC
8112.39.00	5
8112.41.00	KBTC
8112.49.00	5
8112.51.00	5
8112.52.00	22
8112.59.00.10	5
8112.59.00.90	5
8112.61.00	22
8112.69.10	5
8112.69.90	5
8112.92.00.10	22
8112.92.00.90	5
8112.99.00.10	5
8112.99.00.90	5
8113.00.00.10	22
8113.00.00.20	5
8113.00.00.90	5
2523.10.10	5 (từ 01/01/2023: 10%)
2523.10.90	5 (từ 01/01/2023: 10%)
2706.00.00	5
2707.10.00	5
2707.20.00	5
2707.30.00	5
2707.40.00	5
2707.50.00	5
2707.91.00	5
2707.99.10	5
2707.99.90	5
2708.10.00	5
2708.20.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6801.00.00	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6802.10.00	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6802.21.00	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6802.23.00	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6802.29.10	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6802.29.90	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6802.91.10	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6802.91.90	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6802.92.00	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6802.93.10	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6802.93.90	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6802.99.00	5 (từ 01/01/2023: 10%)
6803.00.00	5 (từ 01/01/2023: 10%)

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
Hàng hoá không quy định ở trên có giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên	5

2. Thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan:

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0407.21.00	80
0407.29.10	80
0407.29.90	80
0407.90.10	80
0407.90.20	80
0407.90.90	80
1701.12.00	80
1701.13.00	80
1701.14.00	80
1701.91.00	100
1701.99.10	85
1701.99.90	85
2401.10.10	80
2401.10.20	90
2401.10.40	80
2401.10.50	80
2401.10.90	90

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2401.20.10	80
2401.20.20	90
2401.20.30	90
2401.20.40	80
2401.20.50	80
2401.20.90	90
2401.30.10	80
2401.30.90	90
2501.00.10	60
2501.00.20	60
2501.00.50	50
2501.00.91	50
2501.00.93	50
2501.00.99	50

3. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi:

a) Đối với thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi áp dụng đối với 97 Chương theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu Việt Nam:

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0101.21.00	0
0101.29.00	5
0101.30.10	0
0101.30.90	5
0101.90.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0102.21.00	0
0102.29.11	5
0102.29.19	5
0102.29.90	5
0102.31.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0102.39.00	5
0102.90.10	0
0102.90.90	5
0103.10.00	0
0103.91.00	5
0103.92.00	5
0104.10.10	0
0104.10.90	5
0104.20.10	0
0104.20.90	5
0105.11.10	0
0105.11.90	10
0105.12.10	0
0105.12.90	10
0105.13.10	0
0105.13.90	10
0105.14.10	0
0105.14.90	10
0105.15.10	0
0105.15.90	10
0105.94.10	0
0105.94.41	5
0105.94.49	5
0105.94.91	10
0105.94.99	10
0105.99.10	0
0105.99.20	5
0105.99.30	0
0105.99.40	5
0106.11.00	5
0106.12.10	5
0106.12.20	5
0106.13.00	5
0106.14.00	5
0106.19.00	5
0106.20.00	5
0106.31.00	5
0106.32.00	5
0106.33.00	5
0106.39.00	5
0106.41.00	5
0106.49.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0106.90.00	5
0201.10.00	30
0201.20.00	20
0201.30.00	14
0202.10.00	20
0202.20.00	20
0202.30.00	14
0203.11.00	25
0203.12.00	25
0203.19.00	22
0203.21.00	10
0203.22.00	10
0203.29.00	10
0204.10.00	7
0204.21.00	7
0204.22.00	7
0204.23.00	7
0204.30.00	7
0204.41.00	7
0204.42.00	7
0204.43.00	7
0204.50.00	7
0205.00.00	10
0206.10.00	8
0206.21.00	8
0206.22.00	8
0206.29.00	8
0206.30.00	8
0206.41.00	8
0206.49.00	8
0206.80.00	10
0206.90.00	10
0207.11.00	40
0207.12.00	40
0207.13.00	40
0207.14.10	20
0207.14.20	20
0207.14.30	20
0207.14.91	20
0207.14.99	20
0207.24.00	40
0207.25.00	40

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0207.26.00	40
0207.27.10	20
0207.27.91	20
0207.27.99	20
0207.41.00	40
0207.42.00	40
0207.43.00	15
0207.44.00	15
0207.45.10	15
0207.45.90	15
0207.51.00	40
0207.52.00	40
0207.53.00	15
0207.54.00	15
0207.55.10	15
0207.55.90	15
0207.60.10	40
0207.60.20	40
0207.60.30	40
0207.60.40	40
0208.10.00	10
0208.30.00	10
0208.40.10	10
0208.40.90	5
0208.50.00	10
0208.60.00	5
0208.90.10	10
0208.90.90	5
0209.10.00	10
0209.90.00	10
0210.11.00	10
0210.12.00	10
0210.19.30	10
0210.19.90	10
0210.20.00	15
0210.91.00	20
0210.92.10	20
0210.92.90	20
0210.93.00	20
0210.99.10	20
0210.99.20	20
0210.99.90	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0301.11.10	15
0301.11.91	20
0301.11.92	20
0301.11.93	20
0301.11.95	20
0301.11.99	20
0301.19.10	15
0301.19.90	20
0301.91.00	20
0301.92.00	20
0301.93.21	0
0301.93.22	20
0301.93.29	20
0301.93.31	0
0301.93.32	20
0301.93.39	20
0301.94.00	20
0301.95.00	20
0301.99.11	0
0301.99.19	20
0301.99.22	0
0301.99.23	20
0301.99.24	0
0301.99.29	20
0301.99.31	0
0301.99.32	20
0301.99.33	20
0301.99.34	20
0301.99.35	20
0301.99.36	20
0301.99.41	20
0301.99.42	0
0301.99.49	20
0301.99.50	20
0301.99.90	20
0302.11.00	10
0302.13.00	10
0302.14.00	10
0302.19.00	20
0302.21.00	20
0302.22.00	20
0302.23.00	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0302.24.00	15
0302.29.00	15
0302.31.00	15
0302.32.00	15
0302.33.00	20
0302.34.00	15
0302.35.00	15
0302.36.00	15
0302.39.00	15
0302.41.00	20
0302.42.00	12
0302.43.00	20
0302.44.00	15
0302.45.00	12
0302.46.00	12
0302.47.00	12
0302.49.00	12
0302.51.00	20
0302.52.00	20
0302.53.00	20
0302.54.00	12
0302.55.00	12
0302.56.00	12
0302.59.00	12
0302.71.00	20
0302.72.10	20
0302.72.90	20
0302.73.00	20
0302.74.00	20
0302.79.00	20
0302.81.00	15
0302.82.00	12
0302.83.00	12
0302.84.00	12
0302.85.00	12
0302.89.11	12
0302.89.12	12
0302.89.13	12
0302.89.14	12
0302.89.15	20
0302.89.16	12
0302.89.17	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0302.89.18	12
0302.89.19	12
0302.89.22	20
0302.89.23	20
0302.89.27	20
0302.89.28	20
0302.89.29	20
0302.91.00	20
0302.92.00	15
0302.99.00	10
0303.11.00	15
0303.12.00	10
0303.13.00	10
0303.14.00	10
0303.19.00	15
0303.23.00	20
0303.24.00	20
0303.25.00	20
0303.26.00	15
0303.29.00	20
0303.31.00	12
0303.32.00	20
0303.33.00	20
0303.34.00	15
0303.39.00	15
0303.41.00	12
0303.42.00	20
0303.43.00	15
0303.44.00	20
0303.45.10	14
0303.45.90	14
0303.46.00	15
0303.49.10	15
0303.49.90	15
0303.51.00	10
0303.53.00	20
0303.54.10	13
0303.54.20	13
0303.55.00	10
0303.56.00	10
0303.57.00	10
0303.59.10	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0303.59.20	10
0303.59.90	10
0303.63.00	14
0303.64.00	14
0303.65.00	14
0303.66.00	12
0303.67.00	10
0303.68.00	10
0303.69.00	10
0303.81.00	15
0303.82.00	10
0303.83.00	10
0303.84.00	20
0303.89.11	10
0303.89.13	10
0303.89.14	10
0303.89.15	20
0303.89.16	10
0303.89.17	10
0303.89.18	10
0303.89.19	10
0303.89.22	20
0303.89.23	20
0303.89.24	20
0303.89.27	20
0303.89.28	20
0303.89.29	20
0303.91.00	12
0303.92.00	15
0303.99.00	10
0304.31.00	15
0304.32.00	15
0304.33.00	15
0304.39.00	15
0304.41.00	15
0304.42.00	15
0304.43.00	15
0304.44.00	15
0304.45.00	15
0304.46.00	15
0304.47.00	15
0304.48.00	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0304.49.00	15
0304.51.00	15
0304.52.00	15
0304.53.00	15
0304.54.00	15
0304.55.00	15
0304.56.00	15
0304.57.00	15
0304.59.00	15
0304.61.00	15
0304.62.00	15
0304.63.00	15
0304.69.00	15
0304.71.00	15
0304.72.00	15
0304.73.00	15
0304.74.00	15
0304.75.00	15
0304.79.00	15
0304.81.00	15
0304.82.00	15
0304.83.00	15
0304.84.00	15
0304.85.00	15
0304.86.00	15
0304.87.00	15
0304.88.00	15
0304.89.10	15
0304.89.90	15
0304.91.00	15
0304.92.00	15
0304.93.00	15
0304.94.00	15
0304.95.00	15
0304.96.00	15
0304.97.00	15
0304.99.10	15
0304.99.90	15
0305.20.10	20
0305.20.90	20
0305.31.00	20
0305.32.00	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0305.39.10	20
0305.39.20	20
0305.39.91	20
0305.39.92	20
0305.39.99	20
0305.41.00	15
0305.42.00	20
0305.43.00	20
0305.44.00	20
0305.49.10	20
0305.49.90	20
0305.51.00	20
0305.52.00	20
0305.53.00	20
0305.54.00	20
0305.59.21	20
0305.59.29	20
0305.59.90	20
0305.61.00	20
0305.62.00	20
0305.63.00	20
0305.64.00	20
0305.69.10	20
0305.69.90	20
0305.71.10	20
0305.71.90	20
0305.72.11	5
0305.72.19	5
0305.72.91	15
0305.72.99	15
0305.79.10	15
0305.79.90	15
0306.11.10	27
0306.11.90	15
0306.12.10	27
0306.12.90	10
0306.14.11	3
0306.14.19	0
0306.14.91	KBTC
0306.14.92	KBTC
0306.14.93	KBTC
0306.14.99	KBTC

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0306.15.00	10
0306.16.00	3
0306.17.11	12
0306.17.19	12
0306.17.21	12
0306.17.22	12
0306.17.29	12
0306.17.30	12
0306.17.90	0
0306.19.00	0
0306.31.10	0
0306.31.20	10
0306.31.30	10
0306.32.10	0
0306.32.20	10
0306.32.30	10
0306.33.11	0
0306.33.12	0
0306.33.91	0
0306.33.92	0
0306.34.00	10
0306.35.10	0
0306.35.20	0
0306.35.30	0
0306.36.11	0
0306.36.12	0
0306.36.13	0
0306.36.19	0
0306.36.21	10
0306.36.22	10
0306.36.23	0
0306.36.29	0
0306.36.31	10
0306.36.32	12
0306.36.33	0
0306.36.39	0
0306.39.10	0
0306.39.20	0
0306.91.21	27
0306.91.29	10
0306.91.31	27
0306.91.39	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0306.92.21	27
0306.92.29	10
0306.92.31	27
0306.92.39	10
0306.93.21	27
0306.93.29	10
0306.93.31	10
0306.93.39	10
0306.94.21	27
0306.94.29	10
0306.94.31	27
0306.94.39	10
0306.95.21	10
0306.95.29	10
0306.95.30	10
0306.99.21	27
0306.99.29	10
0306.99.31	27
0306.99.39	10
0307.11.10	0
0307.11.20	0
0307.12.00	3
0307.19.20	10
0307.19.30	25
0307.21.10	KBTC
0307.21.20	0
0307.22.00	KBTC
0307.29.30	10
0307.29.40	10
0307.31.10	0
0307.31.20	0
0307.32.00	0
0307.39.30	10
0307.39.40	10
0307.42.11	0
0307.42.19	3
0307.42.21	10
0307.42.29	0
0307.43.10	10
0307.43.90	0
0307.49.21	10
0307.49.29	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0307.49.31	15
0307.49.39	15
0307.51.10	0
0307.51.20	10
0307.52.00	15
0307.59.20	10
0307.59.30	25
0307.60.10	0
0307.60.20	0
0307.60.40	10
0307.60.50	10
0307.71.10	3
0307.71.20	0
0307.72.00	0
0307.79.30	10
0307.79.40	10
0307.81.10	0
0307.81.20	0
0307.82.10	3
0307.82.20	0
0307.83.00	0
0307.84.00	0
0307.87.10	10
0307.87.20	10
0307.88.10	10
0307.88.20	10
0307.91.10	3
0307.91.20	0
0307.92.00	0
0307.99.30	10
0307.99.40	10
0308.11.10	0
0308.11.20	0
0308.12.00	0
0308.19.20	10
0308.19.30	25
0308.21.10	0
0308.21.20	0
0308.22.00	0
0308.29.20	10
0308.29.30	25
0308.30.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0308.30.20	0
0308.30.30	0
0308.30.40	10
0308.30.50	25
0308.90.10	0
0308.90.20	0
0308.90.30	0
0308.90.40	10
0308.90.50	25
0309.10.00	20
0309.90.11	20
0309.90.12	0
0309.90.19	10
0309.90.21	0
0309.90.22	0
0309.90.29	15
0309.90.90	0
0401.10.10	15
0401.10.90	15
0401.20.10	15
0401.20.90	15
0401.40.10	15
0401.40.20	15
0401.40.90	15
0401.50.10	15
0401.50.90	15
0402.10.41	2
0402.10.42	5
0402.10.49	2
0402.10.91	2
0402.10.92	5
0402.10.99	2
0402.21.20	2
0402.21.30	5
0402.21.90	2
0402.29.20	2
0402.29.30	5
0402.29.90	2
0402.91.00	2
0402.99.00	2
0403.20.11	20
0403.20.19	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0403.20.91	20
0403.20.99	20
0403.90.10	20
0403.90.90	20
0404.10.11	0
0404.10.19	0
0404.10.91	0
0404.10.99	0
0404.90.00	5
0405.10.00	13
0405.20.00	15
0405.90.10	5
0405.90.20	5
0405.90.30	15
0405.90.90	5
0406.10.10	5
0406.10.20	5
0406.20.10	5
0406.20.90	5
0406.30.00	5
0406.40.00	5
0406.90.00	5
0407.11.10	0
0407.11.90	0
0407.19.11	0
0407.19.19	0
0407.19.91	0
0407.19.99	0
0407.21.00	40
0407.29.10	40
0407.29.90	40
0407.90.10	40
0407.90.20	40
0407.90.90	40
0408.11.00	20
0408.19.00	20
0408.91.00	20
0408.99.00	20
0409.00.00	10
0410.10.00	5
0410.90.10	5
0410.90.20	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0410.90.90	5
0501.00.00	5
0502.10.00	5
0502.90.00	5
0504.00.00	3
0505.10.10	5
0505.10.90	5
0505.90.10	5
0505.90.90	5
0506.10.00	0
0506.90.00	0
0507.10.00	3
0507.90.20	5
0507.90.90	3
0508.00.20	5
0508.00.90	5
0510.00.00	0
0511.10.00	0
0511.91.10	5
0511.91.20	0
0511.91.30	5
0511.91.90	5
0511.99.10	0
0511.99.20	0
0511.99.30	0
0511.99.90	0
0601.10.00	0
0601.20.10	0
0601.20.20	0
0601.20.90	0
0602.10.10	0
0602.10.20	0
0602.10.90	0
0602.20.00	0
0602.30.00	0
0602.40.00	0
0602.90.10	0
0602.90.20	0
0602.90.40	0
0602.90.50	0
0602.90.60	0
0602.90.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0603.11.00	20
0603.12.00	20
0603.13.00	20
0603.14.00	20
0603.15.00	20
0603.19.00	20
0603.90.00	20
0604.20.10	20
0604.20.90	20
0604.90.10	20
0604.90.90	20
0701.10.00	0
0701.90.10	20
0701.90.90	20
0702.00.00	20
0703.10.11	0
0703.10.19	15
0703.10.21	0
0703.10.29	20
0703.20.10	0
0703.20.90	20
0703.90.10	0
0703.90.90	20
0704.10.10	20
0704.10.20	20
0704.10.90	20
0704.20.00	20
0704.90.10	20
0704.90.20	20
0704.90.30	20
0704.90.90	20
0705.11.00	20
0705.19.00	20
0705.21.00	20
0705.29.00	20
0706.10.10	17
0706.10.20	20
0706.90.00	20
0707.00.00	20
0708.10.00	20
0708.20.10	20
0708.20.20	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0708.20.90	20
0708.90.00	20
0709.20.00	15
0709.30.00	15
0709.40.00	15
0709.51.00	15
0709.52.00	15
0709.53.00	15
0709.54.00	15
0709.55.00	15
0709.56.00	20
0709.59.20	20
0709.59.90	15
0709.60.10	13
0709.60.90	13
0709.70.00	15
0709.91.00	15
0709.92.00	12
0709.93.00	13
0709.99.10	13
0709.99.20	13
0709.99.90	13
0710.10.00	10
0710.21.00	17
0710.22.00	17
0710.29.00	17
0710.30.00	15
0710.40.00	17
0710.80.00	17
0710.90.00	17
0711.20.10	15
0711.20.90	15
0711.40.10	30
0711.40.90	30
0711.51.10	30
0711.51.90	30
0711.59.10	30
0711.59.90	30
0711.90.10	30
0711.90.20	30
0711.90.30	15
0711.90.40	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0711.90.50	30
0711.90.60	30
0711.90.90	30
0712.20.00	30
0712.31.00	30
0712.32.00	30
0712.33.00	30
0712.34.00	30
0712.39.10	30
0712.39.90	30
0712.90.10	22
0712.90.20	22
0712.90.90	22
0713.10.10	0
0713.10.90	15
0713.20.10	0
0713.20.90	15
0713.31.10	0
0713.31.90	15
0713.32.10	0
0713.32.90	20
0713.33.10	0
0713.33.90	15
0713.34.10	0
0713.34.90	20
0713.35.10	0
0713.35.90	20
0713.39.10	0
0713.39.90	20
0713.40.10	0
0713.40.90	20
0713.50.10	0
0713.50.90	20
0713.60.10	0
0713.60.90	20
0713.90.10	0
0713.90.90	20
0714.10.11	3
0714.10.19	3
0714.10.91	3
0714.10.99	3
0714.20.10	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0714.20.90	10
0714.30.10	10
0714.30.90	10
0714.40.10	10
0714.40.90	10
0714.50.10	10
0714.50.90	10
0714.90.11	10
0714.90.19	10
0714.90.91	10
0714.90.99	10
0801.11.00	30
0801.12.00	30
0801.19.10	30
0801.19.90	30
0801.21.00	30
0801.22.00	30
0801.31.00	5
0801.32.00	25
0802.11.00	10
0802.12.10	10
0802.12.90	10
0802.21.00	20
0802.22.00	20
0802.31.00	8
0802.32.00	30
0802.41.00	30
0802.42.00	30
0802.51.00	15
0802.52.00	15
0802.61.00	30
0802.62.00	30
0802.70.00	30
0802.80.00	30
0802.91.00	30
0802.92.00	30
0802.99.00	30
0803.10.10	25
0803.10.20	25
0803.90.10	25
0803.90.20	25
0803.90.30	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0803.90.90	25
0804.10.00	30
0804.20.00	30
0804.30.00	30
0804.40.00	15
0804.50.10	25
0804.50.21	25
0804.50.22	25
0804.50.30	25
0805.10.10	20
0805.10.20	20
0805.21.00	30
0805.22.00	30
0805.29.00	30
0805.40.00	40
0805.50.10	20
0805.50.20	20
0805.90.00	40
0806.10.00	8
0806.20.00	12
0807.11.00	30
0807.19.00	30
0807.20.00	30
0808.10.00	8
0808.30.00	10
0808.40.00	10
0809.10.00	20
0809.21.00	10
0809.29.00	10
0809.30.00	20
0809.40.10	20
0809.40.20	20
0810.10.00	15
0810.20.00	15
0810.30.00	15
0810.40.00	15
0810.50.00	7
0810.60.00	30
0810.70.00	25
0810.90.10	25
0810.90.20	30
0810.90.30	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0810.90.40	25
0810.90.50	25
0810.90.60	25
0810.90.70	25
0810.90.91	25
0810.90.92	25
0810.90.93	25
0810.90.94	25
0810.90.99	25
0811.10.00	30
0811.20.00	30
0811.90.00	30
0812.10.00	30
0812.90.10	30
0812.90.90	30
0813.10.00	30
0813.20.00	30
0813.30.00	30
0813.40.10	30
0813.40.20	30
0813.40.90	30
0813.50.10	30
0813.50.20	30
0813.50.30	30
0813.50.40	30
0813.50.90	30
0814.00.00	10
0901.11.20	15
0901.11.30	15
0901.11.90	15
0901.12.20	20
0901.12.90	20
0901.21.11	30
0901.21.12	30
0901.21.19	30
0901.21.20	30
0901.22.10	30
0901.22.20	30
0901.90.10	30
0901.90.20	30
0902.10.10	40
0902.10.90	40

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0902.20.10	40
0902.20.90	40
0902.30.10	40
0902.30.90	40
0902.40.10	40
0902.40.90	40
0903.00.00	30
0904.11.10	20
0904.11.20	20
0904.11.90	20
0904.12.10	20
0904.12.20	20
0904.12.90	20
0904.21.10	20
0904.21.90	20
0904.22.10	20
0904.22.90	20
0905.10.00	20
0905.20.00	20
0906.11.00	20
0906.19.00	20
0906.20.00	20
0907.10.00	20
0907.20.00	20
0908.11.00	20
0908.12.00	20
0908.21.00	20
0908.22.00	20
0908.31.00	20
0908.32.00	20
0909.21.00	15
0909.22.00	15
0909.31.00	15
0909.32.00	15
0909.61.10	15
0909.61.20	15
0909.61.30	15
0909.61.90	15
0909.62.10	15
0909.62.20	15
0909.62.30	15
0909.62.90	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
0910.11.00	15
0910.12.00	15
0910.20.00	15
0910.30.00	15
0910.91.10	15
0910.91.90	15
0910.99.10	15
0910.99.90	15
1001.11.00	0
1001.19.00	0
1001.91.00	0
1001.99.11	0
1001.99.12	0
1001.99.19	0
1001.99.91	0
1001.99.99	0
1002.10.00	0
1002.90.00	0
1003.10.00	0
1003.90.00	0
1004.10.00	0
1004.90.00	0
1005.10.00	0
1005.90.10	30
1005.90.91	2
1005.90.99	2
1006.10.10	0
1006.10.90	40
1006.20.10	40
1006.20.90	40
1006.30.30	40
1006.30.40	40
1006.30.50	40
1006.30.60	40
1006.30.70	40
1006.30.91	40
1006.30.99	40
1006.40.10	40
1006.40.90	40
1007.10.00	5
1007.90.00	5
1008.10.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1008.21.00	0
1008.29.00	0
1008.30.00	10
1008.40.00	5
1008.50.00	5
1008.60.00	5
1008.90.00	5
1101.00.11	15
1101.00.19	15
1101.00.20	15
1102.20.00	15
1102.90.10	15
1102.90.20	15
1102.90.90	15
1103.11.00	20
1103.13.00	10
1103.19.10	20
1103.19.20	20
1103.19.90	20
1103.20.00	20
1104.12.00	15
1104.19.10	5
1104.19.90	5
1104.22.00	15
1104.23.00	5
1104.29.20	15
1104.29.90	5
1104.30.00	15
1105.10.00	30
1105.20.00	30
1106.10.00	30
1106.20.10	30
1106.20.20	30
1106.20.90	30
1106.30.00	30
1107.10.00	5
1107.20.00	5
1108.11.00	15
1108.12.00	15
1108.13.00	20
1108.14.00	20
1108.19.10	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1108.19.90	20
1108.20.00	20
1109.00.00	10
1201.10.00	0
1201.90.00	0
1202.30.00	0
1202.41.00	10
1202.42.00	10
1203.00.00	10
1204.00.00	10
1205.10.00	5
1205.90.00	5
1206.00.00	10
1207.10.10	5
1207.10.30	5
1207.10.90	5
1207.21.00	5
1207.29.00	5
1207.30.00	10
1207.40.10	5
1207.40.90	5
1207.50.00	5
1207.60.00	10
1207.70.00	10
1207.91.00	10
1207.99.40	10
1207.99.50	10
1207.99.90	10
1208.10.00	8
1208.90.00	25
1209.10.00	0
1209.21.00	0
1209.22.00	0
1209.23.00	0
1209.24.00	0
1209.25.00	0
1209.29.10	0
1209.29.90	0
1209.30.00	0
1209.91.10	0
1209.91.90	0
1209.99.20	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1209.99.30	0
1209.99.90	0
1210.10.00	5
1210.20.00	5
1211.20.10	5
1211.20.90	5
1211.30.00	5
1211.40.00	0
1211.50.00	5
1211.60.00	5
1211.90.11	5
1211.90.12	5
1211.90.13	5
1211.90.15	5
1211.90.17	5
1211.90.18	5
1211.90.19	5
1211.90.91	5
1211.90.92	5
1211.90.94	5
1211.90.95	5
1211.90.97	0
1211.90.98	5
1211.90.99	5
1212.21.11	10
1212.21.12	10
1212.21.13	10
1212.21.19	10
1212.21.90	10
1212.29.11	10
1212.29.19	10
1212.29.20	10
1212.29.30	10
1212.91.00	10
1212.92.00	10
1212.93.10	0
1212.93.90	10
1212.94.00	10
1212.99.10	10
1212.99.90	10
1213.00.00	10
1214.10.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1214.90.00	0
1301.20.00	5
1301.90.30	5
1301.90.40	5
1301.90.90	5
1302.11.10	5
1302.11.90	5
1302.12.00	5
1302.13.00	5
1302.14.00	5
1302.19.20	5
1302.19.40	5
1302.19.50	5
1302.19.90	5
1302.20.00	5
1302.31.00	5
1302.32.00	5
1302.39.11	5
1302.39.12	5
1302.39.13	5
1302.39.19	5
1302.39.90	5
1401.10.00	5
1401.20.10	5
1401.20.21	5
1401.20.29	5
1401.20.30	5
1401.20.90	5
1401.90.00	5
1404.20.00	5
1404.90.20	5
1404.90.30	5
1404.90.91	5
1404.90.92	5
1404.90.99	5
1501.10.00	10
1501.20.00	10
1501.90.00	10
1502.10.00	10
1502.90.10	10
1502.90.90	10
1503.00.10	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1503.00.90	15
1504.10.20	5
1504.10.90	10
1504.20.10	5
1504.20.90	10
1504.30.00	5
1505.00.10	10
1505.00.90	10
1506.00.00	10
1507.10.00	5
1507.90.10	5
1507.90.20	15
1507.90.90	15
1508.10.00	5
1508.90.00	20
1509.20.10	5
1509.20.90	5
1509.30.00	5
1509.40.00	5
1509.90.11	5
1509.90.19	5
1509.90.91	20
1509.90.99	20
1510.10.00	5
1510.90.10	5
1510.90.20	5
1510.90.90	25
1511.10.00	5
1511.90.20	30
1511.90.31	30
1511.90.32	30
1511.90.36	30
1511.90.37	30
1511.90.39	30
1511.90.41	7
1511.90.42	7
1511.90.49	7
1512.11.00	5
1512.19.10	5
1512.19.20	15
1512.19.90	15
1512.21.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1512.29.10	5
1512.29.90	25
1513.11.10	5
1513.11.90	5
1513.19.10	5
1513.19.90	30
1513.21.10	7
1513.21.90	7
1513.29.11	5
1513.29.12	5
1513.29.13	5
1513.29.14	5
1513.29.91	25
1513.29.92	25
1513.29.94	25
1513.29.95	35
1513.29.96	25
1513.29.97	25
1514.11.00	5
1514.19.10	5
1514.19.20	5
1514.19.90	5
1514.91.00	5
1514.99.10	5
1514.99.90	20
1515.11.00	5
1515.19.00	15
1515.21.00	5
1515.29.11	5
1515.29.19	5
1515.29.91	20
1515.29.99	30
1515.30.10	7
1515.30.90	15
1515.50.10	7
1515.50.20	5
1515.50.90	25
1515.60.00	30
1515.90.11	5
1515.90.12	5
1515.90.19	25
1515.90.21	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1515.90.22	5
1515.90.29	10
1515.90.31	5
1515.90.32	5
1515.90.39	25
1515.90.91	5
1515.90.92	5
1515.90.99	30
1516.10.20	22
1516.10.90	22
1516.20.11	20
1516.20.12	25
1516.20.14	30
1516.20.17	25
1516.20.18	25
1516.20.19	25
1516.20.21	25
1516.20.22	30
1516.20.23	25
1516.20.24	30
1516.20.25	25
1516.20.26	25
1516.20.29	25
1516.20.31	30
1516.20.32	25
1516.20.33	25
1516.20.34	30
1516.20.35	30
1516.20.39	30
1516.20.41	30
1516.20.42	30
1516.20.43	30
1516.20.44	25
1516.20.45	25
1516.20.46	30
1516.20.47	30
1516.20.48	25
1516.20.49	30
1516.20.51	25
1516.20.52	25
1516.20.53	25
1516.20.54	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1516.20.59	30
1516.20.61	25
1516.20.62	25
1516.20.69	25
1516.20.91	30
1516.20.92	25
1516.20.93	25
1516.20.94	25
1516.20.96	25
1516.20.98	30
1516.20.99	30
1516.30.00	30
1517.10.10	25
1517.10.90	25
1517.90.10	30
1517.90.20	25
1517.90.30	30
1517.90.43	25
1517.90.44	25
1517.90.50	30
1517.90.61	30
1517.90.62	30
1517.90.63	30
1517.90.64	30
1517.90.65	30
1517.90.66	30
1517.90.67	30
1517.90.68	30
1517.90.69	30
1517.90.80	30
1517.90.90	30
1518.00.12	5
1518.00.14	5
1518.00.15	5
1518.00.16	5
1518.00.19	5
1518.00.20	5
1518.00.32	5
1518.00.33	5
1518.00.34	5
1518.00.35	5
1518.00.36	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1518.00.37	5
1518.00.38	5
1518.00.39	5
1518.00.60	5
1518.00.90	5
1520.00.10	3
1520.00.90	5
1521.10.00	5
1521.90.10	5
1521.90.20	3
1522.00.10	3
1522.00.90	3
1601.00.10	KBTC
1601.00.90	KBTC
1602.10.10	KBTC
1602.10.90	KBTC
1602.20.00	30
1602.31.10	22
1602.31.91	22
1602.31.99	22
1602.32.10	40
1602.32.90	22
1602.39.00	22
1602.41.10	22
1602.41.90	22
1602.42.10	22
1602.42.90	22
1602.49.11	22
1602.49.19	22
1602.49.91	22
1602.49.99	22
1602.50.10	35
1602.50.90	35
1602.90.10	35
1602.90.20	35
1602.90.90	35
1603.00.10	30
1603.00.90	30
1604.11.10	30
1604.11.90	30
1604.12.10	30
1604.12.90	30

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1604.13.11	30
1604.13.19	30
1604.13.91	30
1604.13.99	30
1604.14.11	30
1604.14.19	30
1604.14.91	30
1604.14.99	30
1604.15.10	30
1604.15.90	30
1604.16.10	35
1604.16.90	35
1604.17.10	30
1604.17.90	30
1604.18.10	20
1604.18.91	30
1604.18.99	30
1604.19.20	30
1604.19.30	30
1604.19.90	30
1604.20.20	30
1604.20.30	30
1604.20.40	30
1604.20.91	30
1604.20.99	30
1604.31.00	35
1604.32.00	35
1605.10.11	35
1605.10.12	35
1605.10.13	35
1605.10.14	35
1605.10.90	35
1605.21.00	30
1605.29.20	30
1605.29.30	30
1605.29.90	30
1605.30.00	35
1605.40.00	35
1605.51.00	25
1605.52.00	25
1605.53.00	25
1605.54.10	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1605.54.90	25
1605.55.00	25
1605.56.00	25
1605.57.10	25
1605.57.90	25
1605.58.00	25
1605.59.00	25
1605.61.00	25
1605.62.00	25
1605.63.00	25
1605.69.00	25
1701.12.00	25
1701.13.00	25
1701.14.00	25
1701.91.00	40
1701.99.10	40
1701.99.90	40
1702.11.00	0
1702.19.00	0
1702.20.00	10
1702.30.10	15
1702.30.20	15
1702.40.00	15
1702.50.00	15
1702.60.10	15
1702.60.20	15
1702.90.11	15
1702.90.19	15
1702.90.20	15
1702.90.30	15
1702.90.40	15
1702.90.51	15
1702.90.59	15
1702.90.91	15
1702.90.99	15
1703.10.10	10
1703.10.90	10
1703.90.10	10
1703.90.90	10
1704.10.00	25
1704.90.10	20
1704.90.20	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1704.90.91	15
1704.90.99	15
1801.00.10	10
1801.00.90	10
1802.00.00	10
1803.10.00	10
1803.20.00	10
1804.00.00	10
1805.00.00	20
1806.10.00	20
1806.20.10	20
1806.20.90	18
1806.31.00	13
1806.32.00	20
1806.90.10	13
1806.90.30	25
1806.90.40	25
1806.90.90	20
1901.10.10	10
1901.10.20	7
1901.10.30	18
1901.10.91	7
1901.10.92	10
1901.10.99	10
1901.20.10	18
1901.20.20	18
1901.20.30	18
1901.20.40	18
1901.90.11	7
1901.90.19	10
1901.90.20	10
1901.90.31	10
1901.90.32	10
1901.90.39	10
1901.90.41	18
1901.90.49	18
1901.90.91	7
1901.90.99	18
1902.11.00	40
1902.19.20	40
1902.19.30	20
1902.19.40	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
1902.19.90	20
1902.20.10	40
1902.20.30	40
1902.20.90	40
1902.30.20	35
1902.30.30	35
1902.30.40	30
1902.30.90	35
1902.40.00	40
1903.00.00	40
1904.10.10	15
1904.10.90	15
1904.20.10	35
1904.20.90	35
1904.30.00	35
1904.90.10	35
1904.90.90	20
1905.10.00	40
1905.20.00	40
1905.31.10	15
1905.31.20	15
1905.32.10	35
1905.32.20	35
1905.40.10	40
1905.40.90	40
1905.90.10	20
1905.90.20	20
1905.90.30	30
1905.90.40	30
1905.90.50	30
1905.90.60	10
1905.90.70	30
1905.90.80	20
1905.90.90	20
2001.10.00	40
2001.90.10	35
2001.90.90	35
2002.10.00	30
2002.90.10	20
2002.90.20	20
2002.90.90	20
2003.10.00	40

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2003.90.10	40
2003.90.90	40
2004.10.00	12
2004.90.10	40
2004.90.90	40
2005.10.20	40
2005.10.30	40
2005.20.11	18
2005.20.19	18
2005.20.91	35
2005.20.99	35
2005.40.00	35
2005.51.00	35
2005.59.10	35
2005.59.90	35
2005.60.00	30
2005.70.00	25
2005.80.00	40
2005.91.00	32
2005.99.10	32
2005.99.90	32
2006.00.00	35
2007.10.00	35
2007.91.00	35
2007.99.10	40
2007.99.20	40
2007.99.30	40
2007.99.90	40
2008.11.10	30
2008.11.20	18
2008.11.90	20
2008.19.10	35
2008.19.91	18
2008.19.99	18
2008.20.10	40
2008.20.90	40
2008.30.10	40
2008.30.90	40
2008.40.00	35
2008.50.00	40
2008.60.10	40
2008.60.90	40

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2008.70.10	35
2008.70.90	35
2008.80.00	35
2008.91.00	40
2008.93.10	30
2008.93.90	30
2008.97.10	30
2008.97.20	30
2008.97.90	30
2008.99.10	40
2008.99.20	40
2008.99.30	40
2008.99.40	30
2008.99.90	30
2009.11.00	20
2009.12.00	30
2009.19.00	30
2009.21.00	35
2009.29.00	35
2009.31.00	35
2009.39.00	35
2009.41.00	35
2009.49.00	35
2009.50.00	35
2009.61.00	35
2009.69.00	30
2009.71.00	30
2009.79.00	25
2009.81.10	25
2009.81.90	25
2009.89.10	25
2009.89.20	25
2009.89.30	25
2009.89.40	25
2009.89.91	25
2009.89.99	25
2009.90.10	25
2009.90.91	25
2009.90.99	25
2101.11.11	30
2101.11.19	30
2101.11.90	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2101.12.10	30
2101.12.91	30
2101.12.92	30
2101.12.99	30
2101.20.20	30
2101.20.30	30
2101.20.90	30
2101.30.00	30
2102.10.00	10
2102.20.10	7
2102.20.90	7
2102.30.00	7
2103.10.00	32
2103.20.00	35
2103.30.00	35
2103.90.11	30
2103.90.12	32
2103.90.13	20
2103.90.19	20
2103.90.21	30
2103.90.29	30
2104.10.11	40
2104.10.19	40
2104.10.91	40
2104.10.99	40
2104.20.11	40
2104.20.19	40
2104.20.91	40
2104.20.99	40
2105.00.00	20
2106.10.00	5
2106.90.11	25
2106.90.12	15
2106.90.19	15
2106.90.20	15
2106.90.30	20
2106.90.41	15
2106.90.49	15
2106.90.53	15
2106.90.54	15
2106.90.55	15
2106.90.59	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2106.90.61	18
2106.90.62	18
2106.90.64	18
2106.90.65	18
2106.90.66	18
2106.90.67	18
2106.90.69	18
2106.90.71	15
2106.90.72	15
2106.90.73	15
2106.90.81	10
2106.90.89	10
2106.90.91	15
2106.90.92	15
2106.90.93	15
2106.90.95	15
2106.90.96	7
2106.90.97	15
2106.90.98	8
2106.90.99	15
2201.10.10	35
2201.10.20	35
2201.90.10	40
2201.90.90	40
2202.10.20	35
2202.10.30	35
2202.10.90	35
2202.91.00	20
2202.99.10	30
2202.99.20	30
2202.99.30	30
2202.99.40	20
2202.99.50	30
2202.99.90	20
2203.00.11	35
2203.00.19	35
2203.00.91	35
2203.00.99	35
2204.10.00	50
2204.21.11	50
2204.21.13	50
2204.21.14	50

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2204.21.21	50
2204.21.22	50
2204.22.11	50
2204.22.12	50
2204.22.13	50
2204.22.21	50
2204.22.22	50
2204.29.11	50
2204.29.12	50
2204.29.21	50
2204.29.22	50
2204.30.10	50
2204.30.20	50
2205.10.10	50
2205.10.20	50
2205.90.10	50
2205.90.20	50
2206.00.10	55
2206.00.20	55
2206.00.31	55
2206.00.39	55
2206.00.41	55
2206.00.49	55
2206.00.50	55
2206.00.60	55
2206.00.91	55
2206.00.99	55
2207.10.00	40
2207.20.11	15
2207.20.19	15
2207.20.90	40
2208.20.50	45
2208.20.90	45
2208.30.10	45
2208.30.90	45
2208.40.00	45
2208.50.00	45
2208.60.00	45
2208.70.10	45
2208.70.90	45
2208.90.10	45
2208.90.20	45

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2208.90.30	45
2208.90.40	45
2208.90.50	45
2208.90.60	45
2208.90.70	45
2208.90.80	45
2208.90.91	45
2208.90.99	45
2209.00.00	20
2301.10.00	0
2301.20.10	0
2301.20.20	0
2301.20.90	0
2302.10.00	0
2302.30.10	0
2302.30.90	0
2302.40.10	0
2302.40.90	0
2302.50.00	0
2303.10.10	0
2303.10.90	0
2303.20.00	0
2303.30.00	0
2304.00.10	0
2304.00.21	2
2304.00.29	2
2304.00.90	2
2305.00.00	0
2306.10.00	0
2306.20.00	0
2306.30.00	0
2306.41.10	0
2306.41.20	0
2306.49.10	0
2306.49.20	0
2306.50.00	0
2306.60.10	0
2306.60.90	0
2306.90.10	0
2306.90.90	0
2307.00.00	0
2308.00.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2309.10.10	7
2309.10.90	7
2309.90.11	3
2309.90.12	3
2309.90.13	0
2309.90.14	3
2309.90.19	3
2309.90.20	0
2309.90.90	0
2401.10.10	30
2401.10.20	30
2401.10.40	30
2401.10.50	30
2401.10.90	30
2401.20.10	30
2401.20.20	30
2401.20.30	30
2401.20.40	30
2401.20.50	30
2401.20.90	30
2401.30.10	15
2401.30.90	30
2402.10.00	100
2402.20.10	135
2402.20.20	135
2402.20.90	135
2402.90.10	135
2402.90.20	135
2403.11.10	30
2403.11.90	30
2403.19.11	50
2403.19.19	30
2403.19.20	40
2403.19.91	40
2403.19.99	40
2403.91.10	50
2403.91.90	70
2403.99.10	30
2403.99.30	30
2403.99.40	50
2403.99.50	50
2403.99.90	50

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2404.11.00	50
2404.12.10	50
2404.12.90	50
2404.19.10	KBTC
2404.19.20	50
2404.91.10	50
2404.91.90	50
2404.92.10	50
2404.92.90	50
2404.99.00	50
2501.00.10	30
2501.00.20	30
2501.00.50	15
2501.00.91	15
2501.00.93	15
2501.00.99	15
2502.00.00	0
2503.00.00	0
2504.10.00	5
2504.90.00	5
2505.10.00	0
2505.90.00	0
2506.10.00	5
2506.20.00	5
2507.00.00	3
2508.10.00	3
2508.30.00	3
2508.40.10	3
2508.40.90	3
2508.50.00	3
2508.60.00	3
2508.70.00	3
2509.00.00	3
2510.10.10	0
2510.10.90	0
2510.20.10	0
2510.20.90	3
2511.10.00	3
2511.20.00	0
2512.00.00	3
2513.10.00	3
2513.20.00	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2514.00.00	3
2515.11.00	0
2515.12.10	2
2515.12.20	2
2515.20.00	2
2516.11.00	0
2516.12.10	2
2516.12.20	2
2516.20.10	0
2516.20.20	0
2516.90.00	2
2517.10.00	3
2517.20.00	0
2517.30.00	0
2517.41.00	3
2517.49.00	3
2518.10.00	3
2518.20.00	3
2519.10.00	3
2519.90.10	3
2519.90.90	3
2520.10.00	3
2520.20.10	0
2520.20.90	3
2521.00.00	0
2522.10.00	5
2522.20.00	5
2522.30.00	5
2523.10.10	25
2523.10.90	25
2523.21.00	32
2523.29.10	32
2523.29.90	32
2523.30.00	32
2523.90.00	32
2524.10.00	5
2524.90.00	5
2525.10.00	5
2525.20.00	5
2525.30.00	3
2526.10.00	0
2526.20.10	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2526.20.90	0
2528.00.00	3
2529.10.10	5
2529.10.90	5
2529.21.00	3
2529.22.00	3
2529.30.00	3
2530.10.00	3
2530.20.10	3
2530.20.20	3
2530.90.10	3
2530.90.90	3
2601.11.10	0
2601.11.90	0
2601.12.10	0
2601.12.90	0
2601.20.00	0
2602.00.00	0
2603.00.00	0
2604.00.00	0
2605.00.00	0
2606.00.00	0
2607.00.00	0
2608.00.00	0
2609.00.00	0
2610.00.00	0
2611.00.00	0
2612.10.00	0
2612.20.00	0
2613.10.00	0
2613.90.00	0
2614.00.10	0
2614.00.90	0
2615.10.00	0
2615.90.00	0
2616.10.00	0
2616.90.00	0
2617.10.00	0
2617.90.00	0
2618.00.00	10
2619.00.00	10
2620.11.00	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2620.19.00	10
2620.21.00	10
2620.29.00	10
2620.30.00	10
2620.40.00	10
2620.60.00	10
2620.91.00	10
2620.99.10	10
2620.99.90	10
2621.10.00	10
2621.90.10	10
2621.90.90	10
2701.11.00	2
2701.12.10	2
2701.12.90	2
2701.19.00	2
2701.20.00	2
2702.10.00	2
2702.20.00	2
2703.00.10	2
2703.00.20	2
2704.00.10	3
2704.00.20	3
2704.00.30	0
2705.00.00	0
2706.00.00	0
2707.10.00	3
2707.20.00	0
2707.30.00	3
2707.40.00	0
2707.50.00	0
2707.91.00	0
2707.99.10	0
2707.99.90	0
2708.10.00	0
2708.20.00	0
2709.00.10	0
2709.00.20	3
2709.00.90	0
2710.12.11	20
2710.12.12	20
2710.12.13	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2710.12.21	10
2710.12.22	10
2710.12.23	10
2710.12.24	10
2710.12.25	10
2710.12.26	10
2710.12.27	10
2710.12.28	10
2710.12.29	10
2710.12.31	7
2710.12.39	7
2710.12.40	20
2710.12.50	20
2710.12.60	20
2710.12.70	20
2710.12.80	20
2710.12.91	20
2710.12.92	20
2710.12.99	20
2710.19.20	5
2710.19.30	5
2710.19.41	5
2710.19.42	5
2710.19.44	5
2710.19.45	5
2710.19.46	5
2710.19.50	3
2710.19.60	5
2710.19.71	7
2710.19.72	7
2710.19.79	7
2710.19.81	7
2710.19.82	7
2710.19.83	7
2710.19.89	5
2710.19.90	5
2710.20.00	5
2710.91.00	20
2710.99.00	20
2711.11.00	5
2711.12.00	2
2711.13.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2711.14.10	5
2711.14.90	5
2711.19.00	5
2711.21.10	0
2711.21.90	0
2711.29.00	0
2712.10.00	3
2712.20.00	3
2712.90.10	3
2712.90.90	3
2713.11.00	0
2713.12.00	0
2713.20.00	0
2713.90.00	0
2714.10.00	0
2714.90.00	0
2715.00.10	20
2715.00.90	0
2716.00.00	1
2801.10.00	3
2801.20.00	0
2801.30.00	0
2802.00.00	0
2803.00.20	10
2803.00.41	2
2803.00.49	2
2803.00.90	3
2804.10.00	0
2804.21.00	3
2804.29.00	3
2804.30.00	3
2804.40.00	3
2804.50.00	0
2804.61.00	0
2804.69.00	0
2804.70.00	3
2804.80.00	0
2804.90.00	0
2805.11.00	0
2805.12.00	0
2805.19.00	0
2805.30.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2805.40.00	0
2806.10.00	10
2806.20.00	3
2807.00.10	10
2807.00.90	10
2808.00.00	2
2809.10.00	0
2809.20.31	5
2809.20.32	5
2809.20.39	5
2809.20.91	5
2809.20.92	5
2809.20.99	5
2810.00.10	0
2810.00.20	0
2811.11.00	0
2811.12.00	0
2811.19.10	0
2811.19.20	0
2811.19.90	0
2811.21.00	2
2811.22.10	0
2811.22.90	0
2811.29.10	0
2811.29.20	0
2811.29.90	0
2812.11.00	0
2812.12.00	0
2812.13.00	0
2812.14.00	0
2812.15.00	0
2812.16.00	0
2812.17.00	0
2812.19.00	0
2812.90.00	0
2813.10.00	0
2813.90.00	0
2814.10.00	2
2814.20.00	5
2815.11.00	5
2815.12.00	20
2815.20.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2815.30.00	0
2816.10.00	5
2816.40.00	5
2817.00.10	2
2817.00.20	0
2818.10.00	0
2818.20.00	2
2818.30.00	3
2819.10.00	0
2819.90.00	0
2820.10.00	3
2820.90.00	0
2821.10.00	2
2821.20.00	3
2822.00.00	0
2823.00.00	0
2824.10.00	0
2824.90.00	0
2825.10.00	0
2825.20.00	0
2825.30.00	0
2825.40.00	0
2825.50.00	0
2825.60.00	0
2825.70.00	0
2825.80.00	0
2825.90.00	0
2826.12.00	0
2826.19.00	0
2826.30.00	0
2826.90.00	0
2827.10.00	0
2827.20.10	15
2827.20.90	10
2827.31.00	0
2827.32.00	3
2827.35.00	0
2827.39.10	0
2827.39.20	0
2827.39.30	2
2827.39.90	2
2827.41.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2827.49.00	0
2827.51.00	0
2827.59.00	0
2827.60.00	0
2828.10.00	0
2828.90.10	0
2828.90.90	0
2829.11.00	0
2829.19.00	0
2829.90.10	0
2829.90.90	0
2830.10.00	0
2830.90.10	0
2830.90.90	0
2831.10.00	0
2831.90.00	0
2832.10.00	0
2832.20.00	0
2832.30.00	0
2833.11.00	5
2833.19.00	5
2833.21.00	5
2833.22.10	5
2833.22.90	5
2833.24.00	5
2833.25.00	5
2833.27.00	3
2833.29.20	5
2833.29.30	5
2833.29.40	5
2833.29.90	5
2833.30.00	10
2833.40.00	5
2834.10.00	0
2834.21.00	0
2834.29.10	3
2834.29.90	3
2835.10.00	0
2835.22.00	0
2835.24.00	0
2835.25.10	0
2835.25.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2835.26.00	0
2835.29.10	0
2835.29.90	0
2835.31.10	5
2835.31.90	5
2835.39.10	0
2835.39.90	0
2836.20.00	2
2836.30.00	5
2836.40.00	0
2836.50.10	10
2836.50.90	10
2836.60.00	0
2836.91.00	0
2836.92.00	0
2836.99.10	0
2836.99.20	0
2836.99.90	3
2837.11.00	0
2837.19.00	0
2837.20.00	0
2839.11.00	3
2839.19.20	3
2839.19.90	0
2839.90.00	2
2840.11.00	0
2840.19.00	0
2840.20.00	0
2840.30.00	0
2841.30.00	0
2841.50.00	0
2841.61.00	0
2841.69.00	0
2841.70.00	0
2841.80.00	0
2841.90.00	0
2842.10.00	5
2842.90.10	0
2842.90.20	0
2842.90.30	0
2842.90.90	0
2843.10.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2843.21.00	0
2843.29.00	0
2843.30.00	0
2843.90.00	0
2844.10.10	0
2844.10.90	0
2844.20.10	0
2844.20.90	0
2844.30.10	0
2844.30.90	0
2844.41.00	0
2844.42.00	0
2844.43.00	0
2844.44.00	0
2844.50.00	0
2845.10.00	0
2845.20.00	0
2845.30.00	0
2845.40.00	0
2845.90.00	0
2846.10.00	0
2846.90.00	0
2847.00.10	3
2847.00.90	0
2849.10.00	0
2849.20.00	0
2849.90.00	0
2850.00.00	0
2852.10.10	3
2852.10.20	0
2852.10.90	0
2852.90.10	0
2852.90.20	0
2852.90.90	0
2853.10.00	0
2853.90.10	0
2853.90.90	0
2901.10.00	0
2901.21.00	0
2901.22.00	0
2901.23.00	0
2901.24.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2901.29.10	0
2901.29.20	0
2901.29.90	0
2902.11.00	0
2902.19.00	0
2902.20.00	3
2902.30.00	0
2902.41.00	0
2902.42.00	0
2902.43.00	3
2902.44.00	0
2902.50.00	0
2902.60.00	0
2902.70.00	0
2902.90.10	0
2902.90.20	0
2902.90.90	2
2903.11.10	5
2903.11.90	5
2903.12.00	0
2903.13.00	0
2903.14.00	5
2903.15.00	5
2903.19.20	5
2903.19.90	5
2903.21.00	0
2903.22.00	5
2903.23.00	5
2903.29.00	5
2903.41.00	5
2903.42.00	5
2903.43.00	5
2903.44.00	5
2903.45.00	5
2903.46.00	5
2903.47.00	5
2903.48.00	5
2903.49.00	5
2903.51.00	5
2903.59.00	5
2903.61.00	0
2903.62.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2903.69.00	5
2903.71.00	5
2903.72.00	5
2903.73.00	5
2903.74.00	5
2903.75.00	5
2903.76.00	5
2903.77.00	5
2903.78.00	5
2903.79.00	5
2903.81.00	5
2903.82.00	5
2903.83.00	5
2903.89.00	5
2903.91.00	5
2903.92.00	5
2903.93.00	5
2903.94.00	5
2903.99.00	5
2904.10.00	3
2904.20.10	3
2904.20.90	3
2904.31.00	3
2904.32.00	3
2904.33.00	3
2904.34.00	3
2904.35.00	3
2904.36.00	3
2904.91.00	3
2904.99.00	3
2905.11.00	0
2905.12.00	0
2905.13.00	0
2905.14.00	0
2905.16.00	0
2905.17.00	0
2905.19.00	0
2905.22.00	0
2905.29.00	0
2905.31.00	0
2905.32.00	0
2905.39.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2905.41.00	0
2905.42.00	0
2905.43.00	0
2905.44.00	5
2905.45.00	0
2905.49.00	0
2905.51.00	0
2905.59.00	0
2906.11.00	0
2906.12.00	0
2906.13.00	0
2906.19.00	0
2906.21.00	0
2906.29.00	0
2907.11.00	0
2907.12.00	0
2907.13.00	0
2907.15.00	0
2907.19.00	0
2907.21.00	0
2907.22.00	0
2907.23.00	0
2907.29.10	0
2907.29.90	0
2908.11.00	0
2908.19.00	0
2908.91.00	0
2908.92.00	0
2908.99.00	0
2909.11.00	0
2909.19.00	0
2909.20.00	0
2909.30.00	0
2909.41.00	0
2909.43.00	0
2909.44.00	0
2909.49.00	0
2909.50.00	0
2909.60.00	0
2910.10.00	0
2910.20.00	0
2910.30.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2910.40.00	0
2910.50.00	0
2910.90.00	0
2911.00.00	0
2912.11.00	3
2912.12.00	0
2912.19.00	0
2912.21.00	0
2912.29.00	0
2912.41.00	0
2912.42.00	0
2912.49.10	0
2912.49.90	0
2912.50.00	0
2912.60.00	0
2913.00.00	0
2914.11.00	0
2914.12.00	0
2914.13.00	0
2914.19.00	0
2914.22.00	0
2914.23.00	0
2914.29.10	0
2914.29.90	0
2914.31.00	0
2914.39.00	0
2914.40.00	0
2914.50.00	0
2914.61.00	0
2914.62.00	0
2914.69.00	0
2914.71.00	0
2914.79.00	0
2915.11.00	0
2915.12.00	0
2915.13.00	0
2915.21.00	0
2915.24.00	0
2915.29.10	0
2915.29.90	0
2915.31.00	0
2915.32.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2915.33.00	0
2915.36.00	0
2915.39.10	0
2915.39.20	0
2915.39.90	0
2915.40.00	0
2915.50.00	0
2915.60.00	0
2915.70.10	0
2915.70.20	0
2915.70.30	0
2915.90.20	0
2915.90.30	0
2915.90.40	0
2915.90.90	0
2916.11.00	0
2916.12.00	0
2916.13.00	0
2916.14.10	0
2916.14.90	0
2916.15.00	0
2916.16.00	0
2916.19.00	0
2916.20.00	0
2916.31.00	5
2916.32.10	0
2916.32.20	0
2916.34.00	0
2916.39.10	0
2916.39.20	0
2916.39.90	0
2917.11.00	0
2917.12.10	5
2917.12.90	0
2917.13.00	0
2917.14.00	0
2917.19.00	0
2917.20.00	0
2917.32.00	10
2917.33.00	10
2917.34.10	10
2917.34.90	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2917.35.00	0
2917.36.00	0
2917.37.00	0
2917.39.10	5
2917.39.20	0
2917.39.90	0
2918.11.00	0
2918.12.00	0
2918.13.00	0
2918.14.00	5
2918.15.10	5
2918.15.90	5
2918.16.00	0
2918.17.00	0
2918.18.00	0
2918.19.00	0
2918.21.00	0
2918.22.00	0
2918.23.00	0
2918.29.10	0
2918.29.90	0
2918.30.00	0
2918.91.00	0
2918.99.00	0
2919.10.00	3
2919.90.00	3
2920.11.00	0
2920.19.00	0
2920.21.00	0
2920.22.00	0
2920.23.00	0
2920.24.00	0
2920.29.00	0
2920.30.00	0
2920.90.00	0
2921.11.00	0
2921.12.00	0
2921.13.00	0
2921.14.00	0
2921.19.00	0
2921.21.00	0
2921.22.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2921.29.00	0
2921.30.00	0
2921.41.00	0
2921.42.00	0
2921.43.00	0
2921.44.00	0
2921.45.00	0
2921.46.00	0
2921.49.00	0
2921.51.00	0
2921.59.00	0
2922.11.00	3
2922.12.00	3
2922.14.00	0
2922.15.00	3
2922.16.00	3
2922.17.00	3
2922.18.00	3
2922.19.10	0
2922.19.20	3
2922.19.90	3
2922.21.00	3
2922.29.00	3
2922.31.00	0
2922.39.00	3
2922.41.00	0
2922.42.10	10
2922.42.20	20
2922.42.90	20
2922.43.00	3
2922.44.00	3
2922.49.00	0
2922.50.10	0
2922.50.90	0
2923.10.00	0
2923.20.11	3
2923.20.19	3
2923.20.90	0
2923.30.00	0
2923.40.00	0
2923.90.00	0
2924.11.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2924.12.10	0
2924.12.20	0
2924.19.10	0
2924.19.90	0
2924.21.10	0
2924.21.20	0
2924.21.90	0
2924.23.00	3
2924.24.00	0
2924.25.00	0
2924.29.10	10
2924.29.20	3
2924.29.30	0
2924.29.90	0
2925.11.00	10
2925.12.00	0
2925.19.00	0
2925.21.00	0
2925.29.00	0
2926.10.00	0
2926.20.00	0
2926.30.00	0
2926.40.00	0
2926.90.00	0
2927.00.10	0
2927.00.90	0
2928.00.10	0
2928.00.90	0
2929.10.10	0
2929.10.20	0
2929.10.90	5
2929.90.10	5
2929.90.20	5
2929.90.90	0
2930.10.00	0
2930.20.00	0
2930.30.00	0
2930.40.00	0
2930.60.00	0
2930.70.00	0
2930.80.00	0
2930.90.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2930.90.90	0
2931.10.10	0
2931.10.20	0
2931.20.00	0
2931.41.00	0
2931.42.00	0
2931.43.00	0
2931.44.00	0
2931.45.00	0
2931.46.00	0
2931.47.00	0
2931.48.00	0
2931.49.10	0
2931.49.20	0
2931.49.90	0
2931.51.00	0
2931.52.00	0
2931.53.00	0
2931.54.00	0
2931.59.10	0
2931.59.90	0
2931.90.41	0
2931.90.49	0
2931.90.50	0
2931.90.90	0
2932.11.00	0
2932.12.00	0
2932.13.00	0
2932.14.00	0
2932.19.00	0
2932.20.10	0
2932.20.90	0
2932.91.00	0
2932.92.00	0
2932.93.00	0
2932.94.00	0
2932.95.00	0
2932.96.00	0
2932.99.00	0
2933.11.00	0
2933.19.00	0
2933.21.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2933.29.00	0
2933.31.00	0
2933.32.00	0
2933.33.00	0
2933.34.00	0
2933.35.00	0
2933.36.00	0
2933.37.00	0
2933.39.10	0
2933.39.30	0
2933.39.90	0
2933.41.00	0
2933.49.10	0
2933.49.90	0
2933.52.00	0
2933.53.00	0
2933.54.00	0
2933.55.00	0
2933.59.10	0
2933.59.90	0
2933.61.00	0
2933.69.00	0
2933.71.00	0
2933.72.00	0
2933.79.00	0
2933.91.00	0
2933.92.00	0
2933.99.10	0
2933.99.90	0
2934.10.00	0
2934.20.00	0
2934.30.00	0
2934.91.00	0
2934.92.00	5
2934.99.10	10
2934.99.20	5
2934.99.30	0
2934.99.40	5
2934.99.50	0
2934.99.90	5
2935.10.00	0
2935.20.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2935.30.00	0
2935.40.00	0
2935.50.00	0
2935.90.00	0
2936.21.00	0
2936.22.00	0
2936.23.00	0
2936.24.00	0
2936.25.00	0
2936.26.00	0
2936.27.00	0
2936.28.00	0
2936.29.00	0
2936.90.00	0
2937.11.00	0
2937.12.00	0
2937.19.00	0
2937.21.00	0
2937.22.00	0
2937.23.00	0
2937.29.00	0
2937.50.00	0
2937.90.10	0
2937.90.20	0
2937.90.90	0
2938.10.00	3
2938.90.00	3
2939.11.10	0
2939.11.90	0
2939.19.00	0
2939.20.10	0
2939.20.90	0
2939.30.00	0
2939.41.00	0
2939.42.00	0
2939.43.00	0
2939.44.00	0
2939.45.00	0
2939.49.00	0
2939.51.00	0
2939.59.00	0
2939.61.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
2939.62.00	0
2939.63.00	0
2939.69.00	0
2939.72.00	0
2939.79.00	0
2939.80.00	0
2940.00.00	3
2941.10.11	10
2941.10.19	10
2941.10.20	5
2941.10.90	0
2941.20.00	0
2941.30.00	0
2941.40.00	0
2941.50.00	0
2941.90.00	0
2942.00.00	3
3001.20.00	0
3001.90.00	0
3002.12.10	0
3002.12.90	0
3002.13.00	0
3002.14.00	0
3002.15.00	0
3002.41.10	0
3002.41.20	0
3002.41.90	0
3002.42.00	0
3002.49.00	0
3002.51.00	0
3002.59.00	0
3002.90.00	0
3003.10.10	8
3003.10.20	8
3003.10.90	0
3003.20.00	0
3003.31.00	0
3003.39.00	0
3003.41.00	0
3003.42.00	0
3003.43.00	0
3003.49.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3003.60.00	0
3003.90.00	0
3004.10.15	5
3004.10.16	8
3004.10.19	0
3004.10.20	0
3004.20.10	5
3004.20.31	5
3004.20.32	5
3004.20.39	0
3004.20.71	5
3004.20.79	0
3004.20.91	0
3004.20.99	0
3004.31.00	0
3004.32.10	5
3004.32.40	0
3004.32.90	0
3004.39.00	0
3004.41.00	0
3004.42.00	0
3004.43.00	0
3004.49.11	0
3004.49.19	0
3004.49.51	5
3004.49.59	0
3004.49.60	5
3004.49.70	5
3004.49.80	0
3004.49.90	0
3004.50.10	0
3004.50.21	0
3004.50.29	0
3004.50.91	0
3004.50.99	0
3004.60.10	5
3004.60.20	5
3004.60.90	5
3004.90.10	0
3004.90.20	0
3004.90.30	0
3004.90.41	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3004.90.49	0
3004.90.51	3
3004.90.53	5
3004.90.54	0
3004.90.55	5
3004.90.59	3
3004.90.62	5
3004.90.64	5
3004.90.65	5
3004.90.69	0
3004.90.71	5
3004.90.72	5
3004.90.79	0
3004.90.81	0
3004.90.82	0
3004.90.89	0
3004.90.91	0
3004.90.92	0
3004.90.93	5
3004.90.94	5
3004.90.95	5
3004.90.96	5
3004.90.98	5
3004.90.99	0
3005.10.10	8
3005.10.90	8
3005.90.10	8
3005.90.20	8
3005.90.90	8
3006.10.10	0
3006.10.90	0
3006.30.10	7
3006.30.20	0
3006.30.30	0
3006.30.90	0
3006.40.10	0
3006.40.20	0
3006.50.00	0
3006.60.00	0
3006.70.00	0
3006.91.00	5
3006.92.10	14

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3006.92.90	14
3006.93.00	15
3101.00.10	0
3101.00.92	0
3101.00.99	0
3102.10.00	6
3102.21.00	0
3102.29.00	0
3102.30.00	3
3102.40.00	0
3102.50.00	0
3102.60.00	0
3102.80.00	0
3102.90.00	0
3103.11.10	6
3103.11.90	6
3103.19.10	6
3103.19.90	6
3103.90.10	6
3103.90.90	0
3104.20.00	0
3104.30.00	0
3104.90.00	0
3105.10.10	6
3105.10.20	6
3105.10.90	0
3105.20.00	6
3105.30.00	6
3105.40.00	0
3105.51.00	0
3105.59.00	0
3105.60.00	0
3105.90.00	0
3201.10.00	0
3201.20.00	0
3201.90.00	0
3202.10.00	0
3202.90.00	0
3203.00.10	5
3203.00.90	5
3204.11.10	0
3204.11.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3204.12.10	0
3204.12.90	0
3204.13.00	0
3204.14.00	0
3204.15.00	0
3204.16.00	0
3204.17.10	0
3204.17.90	0
3204.18.00	0
3204.19.00	0
3204.20.00	0
3204.90.00	0
3205.00.00	0
3206.11.10	0
3206.11.90	0
3206.19.10	0
3206.19.90	0
3206.20.10	0
3206.20.90	0
3206.41.10	0
3206.41.90	0
3206.42.10	0
3206.42.90	0
3206.49.11	0
3206.49.19	0
3206.49.90	0
3206.50.10	0
3206.50.90	0
3207.10.00	0
3207.20.10	0
3207.20.90	0
3207.30.00	0
3207.40.00	0
3208.10.11	5
3208.10.19	10
3208.10.20	10
3208.10.90	10
3208.20.40	10
3208.20.70	5
3208.20.90	10
3208.90.11	5
3208.90.19	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3208.90.21	5
3208.90.29	10
3208.90.30	10
3208.90.90	10
3209.10.10	10
3209.10.40	5
3209.10.50	10
3209.10.90	10
3209.90.00	10
3210.00.10	10
3210.00.20	0
3210.00.30	5
3210.00.91	10
3210.00.99	20
3211.00.00	3
3212.10.00	3
3212.90.11	5
3212.90.13	3
3212.90.14	3
3212.90.19	5
3212.90.21	3
3212.90.22	3
3212.90.29	3
3213.10.00	5
3213.90.00	5
3214.10.00	5
3214.90.00	5
3215.11.10	5
3215.11.20	5
3215.11.90	5
3215.19.10	5
3215.19.90	5
3215.90.10	7
3215.90.60	5
3215.90.70	7
3215.90.90	5
3301.12.00	5
3301.13.00	5
3301.19.00	5
3301.24.00	5
3301.25.00	5
3301.29.20	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3301.29.30	5
3301.29.40	5
3301.29.50	5
3301.29.60	5
3301.29.70	5
3301.29.90	5
3301.30.00	5
3301.90.10	5
3301.90.20	5
3301.90.90	5
3302.10.10	10
3302.10.20	10
3302.10.30	8
3302.10.90	8
3302.90.00	5
3303.00.00	18
3304.10.00	20
3304.20.00	22
3304.30.00	22
3304.91.00	22
3304.99.20	10
3304.99.30	18
3304.99.90	18
3305.10.10	15
3305.10.90	15
3305.20.00	15
3305.30.00	15
3305.90.00	20
3306.10.10	20
3306.10.90	20
3306.20.00	6
3306.90.00	20
3307.10.00	18
3307.20.00	20
3307.30.00	20
3307.41.10	20
3307.41.90	20
3307.49.10	20
3307.49.90	20
3307.90.10	20
3307.90.30	20
3307.90.40	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3307.90.50	6
3307.90.90	18
3401.11.40	20
3401.11.50	20
3401.11.61	20
3401.11.69	20
3401.11.70	20
3401.11.90	20
3401.19.10	22
3401.19.20	22
3401.19.90	22
3401.20.20	17
3401.20.91	22
3401.20.99	22
3401.30.00	27
3402.31.10	8
3402.31.90	8
3402.39.10	8
3402.39.90	8
3402.41.00	8
3402.42.10	5
3402.42.90	3
3402.49.10	0
3402.49.90	8
3402.50.11	8
3402.50.12	10
3402.50.19	10
3402.50.91	8
3402.50.92	10
3402.50.99	10
3402.90.11	8
3402.90.12	10
3402.90.13	10
3402.90.14	8
3402.90.19	8
3402.90.91	8
3402.90.92	8
3402.90.93	8
3402.90.94	8
3402.90.99	8
3403.11.11	5
3403.11.19	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3403.11.90	5
3403.19.11	5
3403.19.12	5
3403.19.19	18
3403.19.90	10
3403.91.11	5
3403.91.19	5
3403.91.90	5
3403.99.11	5
3403.99.12	5
3403.99.19	20
3403.99.90	10
3404.20.00	3
3404.90.10	3
3404.90.90	3
3405.10.00	20
3405.20.00	20
3405.30.00	20
3405.40.00	15
3405.90.10	20
3405.90.90	20
3406.00.00	20
3407.00.10	5
3407.00.20	0
3407.00.30	0
3501.10.00	10
3501.90.10	10
3501.90.20	10
3502.11.00	10
3502.19.00	10
3502.20.00	5
3502.90.00	10
3503.00.41	3
3503.00.49	5
3503.00.50	5
3503.00.61	10
3503.00.69	10
3504.00.00	3
3505.10.10	5
3505.10.90	5
3505.20.00	20
3506.10.00	14

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3506.91.10	14
3506.91.90	14
3506.99.00	14
3507.10.00	3
3507.90.00	3
3601.00.00	0
3602.00.00	0
3603.10.00	0
3603.20.00	0
3603.30.00	0
3603.40.00	0
3603.50.00	0
3603.60.00	0
3604.10.00	20
3604.90.20	20
3604.90.40	0
3604.90.50	0
3604.90.90	0
3605.00.00	20
3606.10.00	20
3606.90.10	20
3606.90.20	20
3606.90.30	20
3606.90.90	20
3701.10.00	0
3701.20.00	5
3701.30.00	5
3701.91.10	5
3701.91.90	5
3701.99.10	5
3701.99.90	5
3702.10.00	0
3702.31.00	5
3702.32.00	5
3702.39.00	5
3702.41.00	3
3702.42.10	3
3702.42.90	3
3702.43.00	3
3702.44.00	3
3702.52.20	0
3702.52.90	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3702.53.00	3
3702.54.40	0
3702.54.90	5
3702.55.20	0
3702.55.50	0
3702.55.90	5
3702.56.20	0
3702.56.90	5
3702.96.10	0
3702.96.90	5
3702.97.10	5
3702.97.90	5
3702.98.10	0
3702.98.30	6
3702.98.90	5
3703.10.10	6
3703.10.90	6
3703.20.00	6
3703.90.00	6
3704.00.10	5
3704.00.90	6
3705.00.10	5
3705.00.20	3
3705.00.30	5
3705.00.90	5
3706.10.10	5
3706.10.30	5
3706.10.40	5
3706.10.90	5
3706.90.10	5
3706.90.30	5
3706.90.40	5
3706.90.90	5
3707.10.00	3
3707.90.10	3
3707.90.90	3
3801.10.00	5
3801.20.00	5
3801.30.00	3
3801.90.00	3
3802.10.10	0
3802.10.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3802.90.10	0
3802.90.20	0
3802.90.90	0
3803.00.00	0
3804.00.10	0
3804.00.20	5
3804.00.90	5
3805.10.00	5
3805.90.00	5
3806.10.00	5
3806.20.00	5
3806.30.10	5
3806.30.90	5
3806.90.10	5
3806.90.90	5
3807.00.00	3
3808.52.10	0
3808.52.20	3
3808.52.90	3
3808.59.11	3
3808.59.19	3
3808.59.21	3
3808.59.29	3
3808.59.31	0
3808.59.39	0
3808.59.40	0
3808.59.50	0
3808.59.60	0
3808.59.91	0
3808.59.99	0
3808.61.10	6
3808.61.20	6
3808.61.30	3
3808.61.40	3
3808.61.50	3
3808.61.90	3
3808.62.10	3
3808.62.20	6
3808.62.30	6
3808.62.40	3
3808.62.50	3
3808.62.90	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3808.69.10	3
3808.69.90	3
3808.91.10	0
3808.91.20	3
3808.91.30	3
3808.91.40	6
3808.91.50	6
3808.91.91	3
3808.91.99	3
3808.92.11	3
3808.92.19	KBTC
3808.92.90	3
3808.93.11	0
3808.93.19	0
3808.93.20	0
3808.93.30	0
3808.94.10	0
3808.94.20	0
3808.94.90	0
3808.99.10	0
3808.99.90	0
3809.10.00	0
3809.91.10	5
3809.91.90	0
3809.92.00	0
3809.93.00	0
3810.10.00	0
3810.90.00	3
3811.11.00	0
3811.19.00	0
3811.21.10	5
3811.21.90	5
3811.29.00	0
3811.90.10	0
3811.90.90	0
3812.10.00	0
3812.20.00	3
3812.31.00	0
3812.39.00	0
3813.00.00	0
3814.00.00	3
3815.11.00	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3815.12.00	3
3815.19.00	3
3815.90.00	3
3816.00.10	5
3816.00.20	0
3816.00.90	6
3817.00.00	0
3818.00.00	0
3819.00.00	3
3820.00.00	3
3821.00.10	0
3821.00.90	0
3822.11.00	0
3822.12.00	0
3822.13.00	0
3822.19.00	0
3822.90.10	0
3822.90.90	0
3823.11.00	10
3823.12.00	10
3823.13.00	10
3823.19.11	10
3823.19.19	10
3823.19.20	10
3823.19.30	10
3823.19.90	10
3823.70.10	5
3823.70.90	5
3824.10.00	0
3824.30.00	0
3824.40.00	5
3824.50.00	6
3824.60.00	5
3824.81.00	0
3824.82.00	0
3824.83.00	0
3824.84.00	0
3824.85.00	0
3824.86.00	0
3824.87.00	0
3824.88.00	0
3824.89.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3824.91.00	0
3824.92.00	0
3824.99.10	5
3824.99.30	0
3824.99.40	0
3824.99.50	0
3824.99.60	15
3824.99.70	6
3824.99.91	0
3824.99.99	0
3825.10.00	20
3825.20.00	20
3825.30.10	20
3825.30.90	20
3825.41.00	20
3825.49.00	20
3825.50.00	20
3825.61.00	20
3825.69.00	20
3825.90.00	20
3826.00.10	0
3826.00.21	0
3826.00.22	0
3826.00.29	0
3826.00.30	0
3826.00.90	0
3827.11.10	5
3827.11.90	0
3827.12.00	0
3827.13.00	0
3827.14.00	0
3827.20.00	0
3827.31.00	0
3827.32.00	0
3827.39.10	5
3827.39.90	0
3827.40.00	0
3827.51.00	0
3827.59.00	0
3827.61.10	0
3827.61.20	0
3827.61.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3827.62.00	0
3827.63.10	0
3827.63.90	0
3827.64.00	0
3827.65.00	0
3827.68.00	0
3827.69.00	0
3827.90.00	0
3901.10.12	0
3901.10.19	0
3901.10.92	0
3901.10.99	0
3901.20.00	0
3901.30.00	0
3901.40.00	0
3901.90.40	0
3901.90.90	0
3902.10.30	3
3902.10.40	3
3902.10.90	3
3902.20.00	0
3902.30.30	3
3902.30.90	3
3902.90.10	0
3902.90.90	0
3903.11.10	5
3903.11.90	5
3903.19.10	5
3903.19.20	5
3903.19.90	5
3903.20.40	10
3903.20.50	5
3903.20.90	5
3903.30.40	8
3903.30.50	5
3903.30.60	3
3903.30.90	5
3903.90.30	5
3903.90.91	5
3903.90.99	5
3904.10.10	5
3904.10.91	6

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3904.10.92	5
3904.10.99	3
3904.21.10	6
3904.21.20	6
3904.21.90	0
3904.22.10	0
3904.22.20	6
3904.22.30	6
3904.22.90	0
3904.30.10	5
3904.30.20	3
3904.30.90	0
3904.40.10	5
3904.40.20	3
3904.40.90	0
3904.50.40	0
3904.50.50	5
3904.50.60	3
3904.50.90	0
3904.61.10	5
3904.61.20	3
3904.61.90	0
3904.69.30	0
3904.69.40	5
3904.69.50	3
3904.69.90	0
3904.90.30	0
3904.90.40	5
3904.90.50	3
3904.90.90	0
3905.12.00	5
3905.19.10	5
3905.19.90	0
3905.21.00	10
3905.29.00	5
3905.30.10	5
3905.30.90	5
3905.91.10	5
3905.91.90	5
3905.99.10	10
3905.99.20	5
3905.99.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3906.10.10	5
3906.10.90	5
3906.90.20	5
3906.90.92	0
3906.90.99	5
3907.10.00	0
3907.21.00	0
3907.29.10	0
3907.29.90	0
3907.30.20	3
3907.30.30	0
3907.30.90	0
3907.40.00	0
3907.50.10	3
3907.50.90	0
3907.61.00	3
3907.69.10	3
3907.69.90	0
3907.70.00	0
3907.91.20	5
3907.91.30	5
3907.91.90	5
3907.99.40	3
3907.99.50	0
3907.99.60	0
3907.99.90	0
3908.10.10	0
3908.10.90	0
3908.90.00	0
3909.10.10	5
3909.10.90	3
3909.20.10	5
3909.20.90	3
3909.31.10	3
3909.31.90	3
3909.39.10	3
3909.39.91	0
3909.39.99	0
3909.40.10	3
3909.40.90	3
3909.50.00	3
3910.00.20	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3910.00.90	0
3911.10.00	0
3911.20.00	3
3911.90.00	3
3912.11.00	0
3912.12.00	0
3912.20.11	0
3912.20.12	0
3912.20.19	0
3912.20.20	0
3912.31.00	0
3912.39.00	0
3912.90.20	0
3912.90.90	0
3913.10.00	0
3913.90.10	0
3913.90.20	0
3913.90.30	0
3913.90.90	0
3914.00.00	0
3915.10.10	10
3915.10.90	10
3915.20.10	10
3915.20.90	10
3915.30.10	10
3915.30.90	10
3915.90.10	10
3915.90.20	10
3915.90.30	10
3915.90.40	10
3915.90.50	10
3915.90.90	10
3916.10.10	5
3916.10.20	10
3916.20.10	5
3916.20.20	10
3916.90.11	6
3916.90.12	6
3916.90.19	6
3916.90.21	6
3916.90.22	6
3916.90.29	6

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3916.90.30	6
3916.90.40	KBTC
3916.90.50	10
3916.90.60	10
3916.90.91	5
3916.90.92	10
3917.10.10	10
3917.10.90	10
3917.21.00	15
3917.22.00	15
3917.23.00	17
3917.29.11	17
3917.29.19	17
3917.29.21	17
3917.29.22	17
3917.29.23	17
3917.29.24	17
3917.29.25	17
3917.29.29	17
3917.31.11	15
3917.31.12	15
3917.31.19	15
3917.31.21	15
3917.31.23	15
3917.31.24	15
3917.31.25	15
3917.31.29	15
3917.32.10	10
3917.32.20	17
3917.32.91	17
3917.32.92	17
3917.32.93	17
3917.32.94	17
3917.32.95	17
3917.32.99	17
3917.33.10	15
3917.33.90	15
3917.39.11	15
3917.39.12	15
3917.39.19	15
3917.39.91	15
3917.39.92	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3917.39.93	15
3917.39.94	15
3917.39.99	15
3917.40.00	15
3918.10.11	27
3918.10.19	27
3918.10.90	27
3918.90.11	27
3918.90.13	27
3918.90.14	27
3918.90.15	27
3918.90.16	27
3918.90.19	27
3918.90.91	27
3918.90.92	27
3918.90.93	27
3918.90.94	27
3918.90.99	27
3919.10.10	15
3919.10.20	15
3919.10.91	15
3919.10.92	15
3919.10.99	15
3919.90.10	12
3919.90.20	12
3919.90.91	12
3919.90.92	12
3919.90.99	12
3920.10.11	6
3920.10.19	6
3920.10.90	6
3920.20.10	6
3920.20.91	6
3920.20.99	6
3920.30.20	5
3920.30.91	6
3920.30.92	6
3920.30.99	6
3920.43.10	6
3920.43.90	6
3920.49.00	6
3920.51.11	6

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3920.51.19	6
3920.51.90	6
3920.59.11	6
3920.59.19	6
3920.59.90	6
3920.61.10	6
3920.61.90	6
3920.62.10	6
3920.62.91	6
3920.62.99	6
3920.63.10	6
3920.63.90	6
3920.69.10	6
3920.69.90	6
3920.71.10	6
3920.71.91	6
3920.71.99	6
3920.73.00	6
3920.79.10	6
3920.79.20	6
3920.79.91	6
3920.79.99	6
3920.91.10	6
3920.91.91	6
3920.91.99	6
3920.92.10	6
3920.92.91	6
3920.92.99	6
3920.93.10	6
3920.93.90	6
3920.94.10	6
3920.94.91	6
3920.94.99	6
3920.99.10	6
3920.99.21	6
3920.99.29	6
3920.99.31	6
3920.99.39	6
3920.99.90	6
3921.11.21	6
3921.11.29	6
3921.11.91	6

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3921.11.92	6
3921.11.99	6
3921.12.00	6
3921.13.11	6
3921.13.19	6
3921.13.91	6
3921.13.92	6
3921.13.99	6
3921.14.21	6
3921.14.29	6
3921.14.91	6
3921.14.92	6
3921.14.99	6
3921.19.11	6
3921.19.12	6
3921.19.19	6
3921.19.31	6
3921.19.39	6
3921.19.40	6
3921.19.50	6
3921.19.61	6
3921.19.62	6
3921.19.69	6
3921.19.93	6
3921.19.94	6
3921.19.99	6
3921.90.10	6
3921.90.20	6
3921.90.30	6
3921.90.41	6
3921.90.42	6
3921.90.43	6
3921.90.49	6
3921.90.50	6
3921.90.60	6
3921.90.70	6
3921.90.90	6
3922.10.11	22
3922.10.19	22
3922.10.90	22
3922.20.00	22
3922.90.11	22

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3922.90.12	25
3922.90.19	25
3922.90.90	25
3923.10.10	12
3923.10.20	10
3923.10.90	10
3923.21.11	12
3923.21.19	12
3923.21.91	15
3923.21.99	15
3923.29.10	12
3923.29.90	15
3923.30.20	10
3923.30.90	15
3923.40.10	5
3923.40.90	5
3923.50.00	10
3923.90.10	10
3923.90.90	15
3924.10.10	22
3924.10.91	22
3924.10.99	22
3924.90.10	22
3924.90.20	22
3924.90.30	22
3924.90.90	22
3925.10.00	25
3925.20.00	27
3925.30.00	27
3925.90.00	20
3926.10.00	20
3926.20.10	20
3926.20.20	15
3926.20.30	15
3926.20.60	10
3926.20.90	20
3926.30.00	20
3926.40.00	20
3926.90.10	15
3926.90.20	15
3926.90.32	10
3926.90.39	7

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
3926.90.41	5
3926.90.42	6
3926.90.44	6
3926.90.49	6
3926.90.53	6
3926.90.55	6
3926.90.59	6
3926.90.60	12
3926.90.81	0
3926.90.82	12
3926.90.89	12
3926.90.91	15
3926.90.92	10
3926.90.93	12
3926.90.99	12
4001.10.11	3
4001.10.19	3
4001.10.21	3
4001.10.29	3
4001.21.10	3
4001.21.20	3
4001.21.30	3
4001.21.40	3
4001.21.50	3
4001.21.90	3
4001.22.10	3
4001.22.20	3
4001.22.30	3
4001.22.40	3
4001.22.50	3
4001.22.60	3
4001.22.90	3
4001.29.10	3
4001.29.20	3
4001.29.30	3
4001.29.50	3
4001.29.60	3
4001.29.70	3
4001.29.80	3
4001.29.94	3
4001.29.96	3
4001.29.99	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4001.30.20	3
4001.30.90	3
4002.11.00	0
4002.19.10	0
4002.19.90	0
4002.20.10	0
4002.20.90	0
4002.31.10	0
4002.31.90	0
4002.39.10	0
4002.39.90	0
4002.41.00	0
4002.49.10	0
4002.49.90	0
4002.51.00	0
4002.59.10	0
4002.59.90	0
4002.60.10	0
4002.60.90	0
4002.70.10	0
4002.70.90	0
4002.80.10	3
4002.80.90	3
4002.91.00	0
4002.99.30	3
4002.99.40	3
4002.99.90	3
4003.00.00	3
4004.00.00	3
4005.10.10	5
4005.10.90	5
4005.20.00	5
4005.91.10	5
4005.91.90	5
4005.99.10	5
4005.99.20	5
4005.99.90	5
4006.10.00	3
4006.90.11	3
4006.90.19	3
4006.90.90	3
4007.00.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4008.11.10	3
4008.11.20	3
4008.11.90	3
4008.19.00	3
4008.21.10	3
4008.21.20	3
4008.21.30	3
4008.21.40	3
4008.21.90	3
4008.29.00	3
4009.11.00	3
4009.12.10	3
4009.12.90	3
4009.21.10	3
4009.21.90	3
4009.22.10	3
4009.22.90	3
4009.31.10	3
4009.31.91	3
4009.31.99	3
4009.32.10	3
4009.32.90	3
4009.41.10	3
4009.41.90	3
4009.42.10	3
4009.42.20	3
4009.42.90	3
4010.11.00	5
4010.12.00	5
4010.19.00	5
4010.31.00	15
4010.32.00	15
4010.33.00	15
4010.34.00	15
4010.35.00	5
4010.36.00	5
4010.39.00	5
4011.10.00	25
4011.20.11	25
4011.20.12	25
4011.20.13	25
4011.20.19	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4011.20.90	10
4011.30.00	0
4011.40.00	35
4011.50.00	35
4011.70.00	20
4011.80.11	20
4011.80.19	20
4011.80.31	20
4011.80.39	20
4011.80.40	10
4011.90.10	20
4011.90.20	20
4011.90.90	10
4012.11.00	30
4012.12.10	30
4012.12.90	10
4012.13.00	0
4012.19.20	20
4012.19.30	20
4012.19.41	20
4012.19.49	20
4012.19.90	20
4012.20.10	25
4012.20.21	25
4012.20.29	20
4012.20.30	0
4012.20.40	25
4012.20.50	25
4012.20.60	20
4012.20.71	20
4012.20.79	20
4012.20.80	20
4012.20.91	20
4012.20.99	20
4012.90.14	5
4012.90.17	5
4012.90.19	30
4012.90.21	30
4012.90.22	5
4012.90.71	30
4012.90.72	5
4012.90.80	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4012.90.90	5
4013.10.11	30
4013.10.19	10
4013.10.21	30
4013.10.29	10
4013.20.00	35
4013.90.11	20
4013.90.19	5
4013.90.20	35
4013.90.31	30
4013.90.39	10
4013.90.40	0
4013.90.91	30
4013.90.99	10
4014.10.00	5
4014.90.10	3
4014.90.40	3
4014.90.50	3
4014.90.90	3
4015.12.10	20
4015.12.90	20
4015.19.10	20
4015.19.90	20
4015.90.10	5
4015.90.20	15
4015.90.90	20
4016.10.10	20
4016.10.20	20
4016.10.90	20
4016.91.10	30
4016.91.20	30
4016.91.90	30
4016.92.10	20
4016.92.90	20
4016.93.10	3
4016.93.20	3
4016.93.90	3
4016.94.00	5
4016.95.00	5
4016.99.11	10
4016.99.12	10
4016.99.13	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4016.99.15	10
4016.99.16	25
4016.99.17	25
4016.99.18	25
4016.99.19	5
4016.99.20	5
4016.99.30	5
4016.99.40	5
4016.99.51	3
4016.99.52	3
4016.99.53	3
4016.99.54	5
4016.99.59	3
4016.99.60	5
4016.99.70	5
4016.99.91	20
4016.99.99	5
4017.00.10	10
4017.00.20	10
4017.00.90	10
4101.20.00	0
4101.50.00	0
4101.90.10	5
4101.90.90	0
4102.10.00	0
4102.21.00	0
4102.29.00	0
4103.20.00	0
4103.30.00	5
4103.90.00	0
4104.11.10	3
4104.11.90	3
4104.19.00	3
4104.41.00	5
4104.49.00	5
4105.10.00	0
4105.30.00	5
4106.21.00	0
4106.22.00	5
4106.31.00	0
4106.32.00	0
4106.40.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4106.91.00	0
4106.92.00	5
4107.11.00	10
4107.12.00	10
4107.19.00	10
4107.91.00	10
4107.92.00	5
4107.99.00	10
4112.00.00	10
4113.10.00	10
4113.20.00	5
4113.30.00	10
4113.90.00	10
4114.10.00	5
4114.20.00	5
4115.10.00	5
4115.20.00	5
4201.00.00	20
4202.11.10	25
4202.11.90	25
4202.12.11	25
4202.12.19	25
4202.12.91	25
4202.12.99	25
4202.19.20	25
4202.19.90	25
4202.21.00	25
4202.22.10	25
4202.22.20	25
4202.29.00	25
4202.31.00	25
4202.32.00	25
4202.39.00	25
4202.91.11	25
4202.91.19	25
4202.91.90	25
4202.92.10	25
4202.92.20	25
4202.92.90	25
4202.99.10	25
4202.99.90	25
4203.10.00	25



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4203.21.10	20
4203.21.90	20
4203.29.10	25
4203.29.90	25
4203.30.00	25
4203.40.00	25
4205.00.10	20
4205.00.20	20
4205.00.30	20
4205.00.40	5
4205.00.90	20
4206.00.00	0
4301.10.00	0
4301.30.00	0
4301.60.00	0
4301.80.00	0
4301.90.00	0
4302.11.00	0
4302.19.00	0
4302.20.00	0
4302.30.00	0
4303.10.00	25
4303.90.20	25
4303.90.90	15
4304.00.10	25
4304.00.20	25
4304.00.91	25
4304.00.99	25
4401.11.00	3
4401.12.00	3
4401.21.00	3
4401.22.00	3
4401.31.00	3
4401.32.00	3
4401.39.00	3
4401.41.00	3
4401.49.00	3
4402.10.00	5
4402.20.10	5
4402.20.90	5
4402.90.00	5
4403.11.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4403.11.90	0
4403.12.10	0
4403.12.90	0
4403.21.10	0
4403.21.90	0
4403.22.10	0
4403.22.90	0
4403.23.10	0
4403.23.90	0
4403.24.10	0
4403.24.90	0
4403.25.10	0
4403.25.90	0
4403.26.10	0
4403.26.90	0
4403.41.10	0
4403.41.90	0
4403.42.10	0
4403.42.90	0
4403.49.10	0
4403.49.90	0
4403.91.10	0
4403.91.90	0
4403.93.10	0
4403.93.90	0
4403.94.10	0
4403.94.90	0
4403.95.10	0
4403.95.90	0
4403.96.10	0
4403.96.90	0
4403.97.10	0
4403.97.90	0
4403.98.10	0
4403.98.90	0
4403.99.10	0
4403.99.90	0
4404.10.00	3
4404.20.10	3
4404.20.90	3
4405.00.10	0
4405.00.20	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4406.11.00	0
4406.12.00	0
4406.91.00	0
4406.92.00	0
4407.11.10	0
4407.11.90	0
4407.12.00	0
4407.13.00	0
4407.14.00	0
4407.19.10	0
4407.19.90	0
4407.21.10	0
4407.21.90	0
4407.22.10	0
4407.22.90	0
4407.23.10	0
4407.23.20	0
4407.23.90	0
4407.25.12	0
4407.25.13	0
4407.25.19	0
4407.25.21	0
4407.25.29	0
4407.26.20	0
4407.26.30	0
4407.26.90	0
4407.27.20	0
4407.27.30	0
4407.27.90	0
4407.28.10	0
4407.28.90	0
4407.29.12	0
4407.29.13	0
4407.29.19	0
4407.29.22	0
4407.29.23	0
4407.29.29	0
4407.29.32	0
4407.29.33	0
4407.29.39	0
4407.29.42	0
4407.29.43	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4407.29.49	0
4407.29.51	0
4407.29.59	0
4407.29.72	0
4407.29.73	0
4407.29.79	0
4407.29.82	0
4407.29.83	0
4407.29.89	0
4407.29.91	0
4407.29.92	0
4407.29.94	0
4407.29.95	0
4407.29.96	0
4407.29.97	0
4407.29.98	0
4407.29.99	0
4407.91.20	0
4407.91.30	0
4407.91.90	0
4407.92.10	0
4407.92.90	0
4407.93.10	0
4407.93.90	0
4407.94.10	0
4407.94.90	0
4407.95.10	0
4407.95.90	0
4407.96.10	0
4407.96.90	0
4407.97.10	0
4407.97.90	0
4407.99.10	0
4407.99.90	0
4408.10.10	0
4408.10.30	0
4408.10.90	0
4408.31.00	0
4408.39.10	0
4408.39.20	0
4408.39.90	0
4408.90.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4408.90.90	0
4409.10.00	3
4409.21.00	3
4409.22.00	3
4409.29.00	3
4410.11.00	5
4410.12.00	5
4410.19.00	5
4410.90.00	5
4411.12.00	8
4411.13.00	8
4411.14.00	8
4411.92.00	8
4411.93.00	8
4411.94.00	8
4412.10.00	5
4412.31.00	5
4412.33.00	5
4412.34.00	5
4412.39.00	5
4412.41.10	5
4412.41.90	5
4412.42.00	5
4412.49.00	5
4412.51.00	5
4412.52.00	5
4412.59.00	5
4412.91.10	5
4412.91.90	5
4412.92.00	5
4412.99.00	5
4413.00.00	3
4414.10.00	25
4414.90.00	25
4415.10.00	20
4415.20.00	20
4416.00.10	20
4416.00.90	20
4417.00.10	20
4417.00.90	20
4418.11.00	5
4418.19.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4418.21.00	5
4418.29.00	5
4418.30.00	3
4418.40.00	5
4418.50.00	5
4418.73.10	3
4418.73.20	5
4418.73.90	5
4418.74.00	3
4418.75.00	5
4418.79.00	5
4418.81.10	3
4418.81.90	3
4418.82.00	3
4418.83.00	3
4418.89.00	3
4418.91.00	3
4418.92.00	3
4418.99.00	3
4419.11.00	25
4419.12.00	25
4419.19.00	25
4419.20.00	25
4419.90.00	25
4420.11.00	20
4420.19.00	20
4420.90.10	20
4420.90.20	20
4420.90.90	20
4421.10.00	25
4421.20.00	25
4421.91.10	20
4421.91.20	25
4421.91.30	25
4421.91.40	25
4421.91.50	25
4421.91.60	25
4421.91.70	25
4421.91.90	25
4421.99.10	20
4421.99.20	25
4421.99.30	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4421.99.40	25
4421.99.70	25
4421.99.80	25
4421.99.93	25
4421.99.94	25
4421.99.95	25
4421.99.96	25
4421.99.99	25
4501.10.00	0
4501.90.00	0
4502.00.00	5
4503.10.00	20
4503.90.00	20
4504.10.00	10
4504.90.00	20
4601.21.00	20
4601.22.00	20
4601.29.00	20
4601.92.10	20
4601.92.20	20
4601.92.90	20
4601.93.10	20
4601.93.20	20
4601.93.90	20
4601.94.10	20
4601.94.20	20
4601.94.90	20
4601.99.10	20
4601.99.20	20
4601.99.30	20
4601.99.90	20
4602.11.10	20
4602.11.20	20
4602.11.90	20
4602.12.10	20
4602.12.20	20
4602.12.90	20
4602.19.10	20
4602.19.20	20
4602.19.90	20
4602.90.10	20
4602.90.20	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4602.90.90	20
4701.00.00	1
4702.00.10	1
4702.00.20	1
4703.11.00	0
4703.19.00	0
4703.21.00	0
4703.29.00	0
4704.11.00	0
4704.19.00	0
4704.21.00	0
4704.29.00	0
4705.00.00	0
4706.10.00	0
4706.20.00	0
4706.30.00	0
4706.91.00	0
4706.92.00	0
4706.93.10	0
4706.93.90	0
4707.10.00	0
4707.20.00	0
4707.30.00	0
4707.90.00	0
4801.00.11	20
4801.00.12	20
4801.00.13	20
4801.00.14	20
4801.00.21	20
4801.00.22	20
4801.00.23	20
4801.00.24	20
4802.10.00	20
4802.20.10	5
4802.20.90	5
4802.40.10	5
4802.40.90	5
4802.54.11	5
4802.54.19	5
4802.54.21	5
4802.54.29	5
4802.54.30	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4802.54.40	20
4802.54.50	20
4802.54.90	20
4802.55.21	20
4802.55.29	20
4802.55.40	5
4802.55.50	5
4802.55.61	20
4802.55.69	20
4802.55.70	20
4802.55.90	5
4802.56.21	25
4802.56.29	25
4802.56.41	20
4802.56.49	20
4802.56.50	20
4802.56.90	20
4802.57.21	20
4802.57.29	20
4802.57.30	20
4802.57.90	20
4802.58.21	20
4802.58.29	20
4802.58.31	20
4802.58.39	20
4802.58.91	20
4802.58.99	20
4802.61.31	20
4802.61.39	20
4802.61.41	5
4802.61.49	5
4802.61.51	20
4802.61.59	20
4802.61.60	20
4802.61.91	20
4802.61.99	20
4802.62.11	20
4802.62.19	20
4802.62.21	20
4802.62.29	20
4802.62.31	20
4802.62.39	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4802.62.91	20
4802.62.99	20
4802.69.11	20
4802.69.19	20
4802.69.91	20
4802.69.99	20
4803.00.30	20
4803.00.90	20
4804.11.00	15
4804.19.00	18
4804.21.10	3
4804.21.90	17
4804.29.10	3
4804.29.90	20
4804.31.10	5
4804.31.30	10
4804.31.40	5
4804.31.50	3
4804.31.90	20
4804.39.10	10
4804.39.20	17
4804.39.90	18
4804.41.10	5
4804.41.90	20
4804.42.10	20
4804.42.90	20
4804.49.10	20
4804.49.90	20
4804.51.10	5
4804.51.20	5
4804.51.30	10
4804.51.90	20
4804.52.10	17
4804.52.90	17
4804.59.10	20
4804.59.90	20
4805.11.00	10
4805.12.00	10
4805.19.10	10
4805.19.90	10
4805.24.00	10
4805.25.10	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4805.25.90	10
4805.30.10	10
4805.30.90	10
4805.40.00	5
4805.50.00	10
4805.91.10	5
4805.91.20	20
4805.91.90	5
4805.92.10	10
4805.92.90	10
4805.93.10	10
4805.93.20	10
4805.93.90	10
4806.10.00	3
4806.20.00	10
4806.30.00	3
4806.40.00	5
4807.00.00	20
4808.10.00	10
4808.40.00	10
4808.90.20	10
4808.90.30	10
4808.90.90	10
4809.20.00	10
4809.90.10	20
4809.90.90	20
4810.13.10	5
4810.13.91	5
4810.13.99	5
4810.14.10	5
4810.14.91	5
4810.14.99	5
4810.19.10	5
4810.19.90	5
4810.22.10	5
4810.22.90	5
4810.29.10	5
4810.29.91	5
4810.29.99	5
4810.31.30	10
4810.31.90	10
4810.32.30	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4810.32.90	5
4810.39.30	10
4810.39.90	10
4810.92.40	10
4810.92.90	10
4810.99.40	10
4810.99.90	10
4811.10.20	5
4811.10.90	5
4811.41.20	15
4811.41.90	15
4811.49.00	15
4811.51.31	25
4811.51.39	15
4811.51.91	25
4811.51.99	15
4811.59.20	3
4811.59.41	25
4811.59.49	15
4811.59.91	25
4811.59.99	15
4811.60.20	15
4811.60.91	15
4811.60.99	15
4811.90.41	25
4811.90.42	5
4811.90.49	5
4811.90.91	25
4811.90.92	5
4811.90.93	5
4811.90.99	5
4812.00.00	0
4813.10.00	20
4813.20.10	20
4813.20.21	20
4813.20.22	20
4813.20.23	20
4813.20.29	20
4813.20.31	20
4813.20.32	20
4813.20.39	20
4813.90.11	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4813.90.12	20
4813.90.19	20
4813.90.91	20
4813.90.99	20
4814.20.10	25
4814.20.91	25
4814.20.99	25
4814.90.00	20
4816.20.10	10
4816.20.90	10
4816.90.10	20
4816.90.20	20
4816.90.30	10
4816.90.40	15
4816.90.50	20
4816.90.90	20
4817.10.00	25
4817.20.00	25
4817.30.00	25
4818.10.00	18
4818.20.00	18
4818.30.10	20
4818.30.20	20
4818.50.00	20
4818.90.00	20
4819.10.00	15
4819.20.00	15
4819.30.00	20
4819.40.00	20
4819.50.00	20
4819.60.00	20
4820.10.00	25
4820.20.00	25
4820.30.00	25
4820.40.00	25
4820.50.00	25
4820.90.00	25
4821.10.10	20
4821.10.90	15
4821.90.10	20
4821.90.90	20
4822.10.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4822.10.90	5
4822.90.10	5
4822.90.90	5
4823.20.10	5
4823.20.90	5
4823.40.21	0
4823.40.29	0
4823.40.90	0
4823.61.00	20
4823.69.00	20
4823.70.00	5
4823.90.10	20
4823.90.20	20
4823.90.30	20
4823.90.40	20
4823.90.51	10
4823.90.59	10
4823.90.60	20
4823.90.70	20
4823.90.91	20
4823.90.92	20
4823.90.94	20
4823.90.95	20
4823.90.96	20
4823.90.99	20
4901.10.00	0
4901.91.00	0
4901.99.10	0
4901.99.90	5
4902.10.00	0
4902.90.10	0
4902.90.90	0
4903.00.00	0
4904.00.00	5
4905.20.00	0
4905.90.00	0
4906.00.00	0
4907.00.10	0
4907.00.21	20
4907.00.29	0
4907.00.50	0
4907.00.60	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
4907.00.90	20
4908.10.00	5
4908.90.00	15
4909.00.00	20
4910.00.00	20
4911.10.10	20
4911.10.90	20
4911.91.10	10
4911.91.21	10
4911.91.29	20
4911.91.91	10
4911.91.99	20
4911.99.10	20
4911.99.20	20
4911.99.30	20
4911.99.40	20
4911.99.90	20
5001.00.00	5
5002.00.00	5
5003.00.00	10
5004.00.00	5
5005.00.00	5
5006.00.00	5
5007.10.20	12
5007.10.30	12
5007.10.90	12
5007.20.20	12
5007.20.30	12
5007.20.90	12
5007.90.20	12
5007.90.30	12
5007.90.90	12
5101.11.00	0
5101.19.00	0
5101.21.00	0
5101.29.00	0
5101.30.00	0
5102.11.00	0
5102.19.00	0
5102.20.00	0
5103.10.00	10
5103.20.00	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5103.30.00	10
5104.00.00	3
5105.10.00	0
5105.21.00	0
5105.29.00	0
5105.31.00	0
5105.39.00	0
5105.40.00	0
5106.10.00	5
5106.20.00	5
5107.10.00	5
5107.20.00	5
5108.10.00	5
5108.20.00	5
5109.10.00	5
5109.90.00	5
5110.00.00	5
5111.11.00	12
5111.19.00	12
5111.20.00	12
5111.30.00	12
5111.90.00	12
5112.11.10	12
5112.11.90	12
5112.19.10	12
5112.19.90	12
5112.20.00	12
5112.30.00	12
5112.90.00	12
5113.00.00	12
5201.00.00	0
5202.10.00	10
5202.91.00	10
5202.99.00	10
5203.00.00	0
5204.11.10	5
5204.11.90	5
5204.19.00	5
5204.20.00	5
5205.11.00	5
5205.12.00	5
5205.13.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5205.14.00	5
5205.15.00	5
5205.21.00	5
5205.22.00	5
5205.23.00	5
5205.24.00	5
5205.26.00	5
5205.27.00	5
5205.28.00	5
5205.31.00	5
5205.32.00	5
5205.33.00	5
5205.34.00	5
5205.35.00	5
5205.41.00	5
5205.42.00	5
5205.43.00	5
5205.44.00	5
5205.46.00	5
5205.47.00	5
5205.48.00	5
5206.11.00	5
5206.12.00	5
5206.13.00	5
5206.14.00	5
5206.15.00	5
5206.21.00	5
5206.22.00	5
5206.23.00	5
5206.24.00	5
5206.25.00	5
5206.31.00	5
5206.32.00	5
5206.33.00	5
5206.34.00	5
5206.35.00	5
5206.41.00	5
5206.42.00	5
5206.43.00	5
5206.44.00	5
5206.45.00	5
5207.10.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5207.90.00	5
5208.11.00	12
5208.12.00	12
5208.13.00	12
5208.19.00	12
5208.21.00	12
5208.22.00	12
5208.23.00	12
5208.29.00	12
5208.31.10	12
5208.31.90	12
5208.32.00	12
5208.33.00	12
5208.39.00	12
5208.41.10	12
5208.41.90	12
5208.42.10	12
5208.42.90	12
5208.43.00	12
5208.49.00	12
5208.51.10	12
5208.51.90	12
5208.52.10	12
5208.52.90	12
5208.59.10	12
5208.59.20	12
5208.59.90	12
5209.11.10	12
5209.11.90	12
5209.12.00	12
5209.19.00	12
5209.21.00	12
5209.22.00	12
5209.29.00	12
5209.31.00	12
5209.32.00	12
5209.39.00	12
5209.41.00	12
5209.42.00	12
5209.43.00	12
5209.49.00	12
5209.51.10	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5209.51.90	12
5209.52.10	12
5209.52.90	12
5209.59.10	12
5209.59.90	12
5210.11.00	12
5210.19.00	12
5210.21.00	12
5210.29.00	12
5210.31.00	12
5210.32.00	12
5210.39.00	12
5210.41.10	12
5210.41.90	12
5210.49.00	12
5210.51.10	12
5210.51.90	12
5210.59.10	12
5210.59.90	12
5211.11.00	12
5211.12.00	12
5211.19.00	12
5211.20.00	12
5211.31.00	12
5211.32.00	12
5211.39.00	12
5211.41.10	12
5211.41.90	12
5211.42.00	12
5211.43.00	12
5211.49.00	12
5211.51.10	12
5211.51.90	12
5211.52.10	12
5211.52.90	12
5211.59.10	12
5211.59.90	12
5212.11.00	12
5212.12.00	12
5212.13.00	12
5212.14.00	12
5212.15.10	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5212.15.90	12
5212.21.00	12
5212.22.00	12
5212.23.00	12
5212.24.00	12
5212.25.10	12
5212.25.90	12
5301.10.00	0
5301.21.00	0
5301.29.00	0
5301.30.00	0
5302.10.00	0
5302.90.00	0
5303.10.00	3
5303.90.00	3
5305.00.10	5
5305.00.21	5
5305.00.22	5
5305.00.23	5
5305.00.90	5
5306.10.00	3
5306.20.00	3
5307.10.00	5
5307.20.00	5
5308.10.00	5
5308.20.00	5
5308.90.10	5
5308.90.90	5
5309.11.00	12
5309.19.00	12
5309.21.00	12
5309.29.00	12
5310.10.10	12
5310.10.90	12
5310.90.00	12
5311.00.10	12
5311.00.20	12
5311.00.90	12
5401.10.10	5
5401.10.90	5
5401.20.10	5
5401.20.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5402.11.00	0
5402.19.00	0
5402.20.00	3
5402.31.00	0
5402.32.00	0
5402.33.10	3
5402.33.90	3
5402.34.00	0
5402.39.00	0
5402.44.10	3
5402.44.20	3
5402.44.90	3
5402.45.00	0
5402.46.10	3
5402.46.90	3
5402.47.10	3
5402.47.90	3
5402.48.00	0
5402.49.00	0
5402.51.00	0
5402.52.00	3
5402.53.00	0
5402.59.00	0
5402.61.00	0
5402.62.00	3
5402.63.00	0
5402.69.00	0
5403.10.00	0
5403.31.10	0
5403.31.90	0
5403.32.10	0
5403.32.90	0
5403.33.10	0
5403.33.90	0
5403.39.10	0
5403.39.90	0
5403.41.10	0
5403.41.90	0
5403.42.00	0
5403.49.00	0
5404.11.00	0
5404.12.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5404.19.00	0
5404.90.00	0
5405.00.00	0
5406.00.00	5
5407.10.20	12
5407.10.91	12
5407.10.99	12
5407.20.00	12
5407.30.00	12
5407.41.10	12
5407.41.90	12
5407.42.00	12
5407.43.00	12
5407.44.00	12
5407.51.00	12
5407.52.00	12
5407.53.00	12
5407.54.00	12
5407.61.10	12
5407.61.90	12
5407.69.10	12
5407.69.90	12
5407.71.00	12
5407.72.00	12
5407.73.00	12
5407.74.00	12
5407.81.00	12
5407.82.00	12
5407.83.00	12
5407.84.00	12
5407.91.00	12
5407.92.00	12
5407.93.00	12
5407.94.00	12
5408.10.10	12
5408.10.90	12
5408.21.00	12
5408.22.00	12
5408.23.00	12
5408.24.00	12
5408.31.00	12
5408.32.00	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5408.33.00	12
5408.34.00	12
5501.11.00	0
5501.19.00	0
5501.20.00	0
5501.30.00	0
5501.40.00	0
5501.90.00	0
5502.10.00	0
5502.90.00	0
5503.11.00	0
5503.19.00	0
5503.20.10	2
5503.20.90	2
5503.30.00	0
5503.40.00	0
5503.90.10	0
5503.90.90	0
5504.10.00	0
5504.90.00	0
5505.10.00	3
5505.20.00	3
5506.10.00	0
5506.20.00	0
5506.30.00	0
5506.40.00	0
5506.90.00	0
5507.00.00	0
5508.10.10	5
5508.10.90	5
5508.20.10	5
5508.20.90	5
5509.11.00	5
5509.12.00	5
5509.21.00	5
5509.22.00	5
5509.31.00	5
5509.32.00	5
5509.41.00	5
5509.42.00	5
5509.51.00	5
5509.52.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5509.52.90	5
5509.53.00	5
5509.59.00	5
5509.61.00	5
5509.62.00	5
5509.69.00	5
5509.91.00	5
5509.92.00	5
5509.99.00	5
5510.11.00	5
5510.12.00	5
5510.20.00	5
5510.30.00	5
5510.90.00	5
5511.10.10	5
5511.10.90	5
5511.20.10	5
5511.20.90	5
5511.30.00	5
5512.11.00	12
5512.19.00	12
5512.21.00	12
5512.29.00	12
5512.91.00	12
5512.99.00	12
5513.11.00	12
5513.12.00	12
5513.13.00	12
5513.19.00	12
5513.21.00	12
5513.23.00	12
5513.29.00	12
5513.31.00	12
5513.39.00	12
5513.41.00	12
5513.49.00	12
5514.11.00	12
5514.12.00	12
5514.19.00	12
5514.21.00	12
5514.22.00	12
5514.23.00	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5514.29.00	12
5514.30.00	12
5514.41.00	12
5514.42.00	12
5514.43.00	12
5514.49.00	12
5515.11.00	12
5515.12.00	12
5515.13.00	12
5515.19.00	12
5515.21.00	12
5515.22.00	12
5515.29.00	12
5515.91.00	12
5515.99.10	12
5515.99.90	12
5516.11.00	12
5516.12.00	12
5516.13.00	12
5516.14.00	12
5516.21.00	12
5516.22.00	12
5516.23.00	12
5516.24.00	12
5516.31.00	12
5516.32.00	12
5516.33.00	12
5516.34.00	12
5516.41.00	12
5516.42.00	12
5516.43.00	12
5516.44.00	12
5516.91.00	12
5516.92.00	12
5516.93.00	12
5516.94.00	12
5601.21.00	5
5601.22.10	5
5601.22.90	5
5601.29.00	5
5601.30.10	5
5601.30.20	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5601.30.90	5
5602.10.00	12
5602.21.00	12
5602.29.00	12
5602.90.00	12
5603.11.00	12
5603.12.00	12
5603.13.00	12
5603.14.00	12
5603.91.00	12
5603.92.00	12
5603.93.00	12
5603.94.00	12
5604.10.00	5
5604.90.10	5
5604.90.20	5
5604.90.30	5
5604.90.90	5
5605.00.00	5
5606.00.00	12
5607.21.00	12
5607.29.00	12
5607.41.00	12
5607.49.00	12
5607.50.10	12
5607.50.90	12
5607.90.10	12
5607.90.21	12
5607.90.22	12
5607.90.30	12
5607.90.90	12
5608.11.00	12
5608.19.20	12
5608.19.90	10
5608.90.10	12
5608.90.90	10
5609.00.00	12
5701.10.10	12
5701.10.90	12
5701.90.11	12
5701.90.19	12
5701.90.20	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5701.90.91	12
5701.90.99	12
5702.10.00	12
5702.20.00	12
5702.31.00	12
5702.32.00	12
5702.39.10	12
5702.39.20	12
5702.39.90	12
5702.41.10	12
5702.41.90	12
5702.42.10	12
5702.42.90	12
5702.49.11	12
5702.49.19	12
5702.49.20	12
5702.49.91	12
5702.49.99	12
5702.50.10	12
5702.50.20	12
5702.50.90	12
5702.91.10	12
5702.91.90	12
5702.92.10	12
5702.92.90	12
5702.99.11	12
5702.99.19	12
5702.99.20	12
5702.99.91	12
5702.99.99	12
5703.10.10	12
5703.10.20	12
5703.10.30	12
5703.10.90	12
5703.21.00	12
5703.29.10	12
5703.29.90	12
5703.31.00	12
5703.39.10	12
5703.39.90	12
5703.90.11	12
5703.90.19	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5703.90.21	12
5703.90.22	12
5703.90.29	12
5703.90.91	12
5703.90.92	12
5703.90.93	12
5703.90.99	12
5704.10.00	12
5704.20.00	12
5704.90.00	12
5705.00.11	12
5705.00.19	12
5705.00.21	12
5705.00.29	12
5705.00.91	12
5705.00.92	12
5705.00.99	12
5801.10.10	12
5801.10.90	12
5801.21.10	12
5801.21.90	12
5801.22.10	12
5801.22.90	12
5801.23.10	12
5801.23.90	12
5801.26.10	12
5801.26.90	12
5801.27.10	12
5801.27.90	12
5801.31.10	12
5801.31.90	12
5801.32.10	12
5801.32.90	12
5801.33.10	12
5801.33.90	12
5801.36.10	12
5801.36.90	12
5801.37.11	12
5801.37.12	12
5801.37.91	12
5801.37.92	12
5801.90.11	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5801.90.19	12
5801.90.91	12
5801.90.99	12
5802.10.10	12
5802.10.90	12
5802.20.10	12
5802.20.90	12
5802.30.10	12
5802.30.20	12
5802.30.30	12
5802.30.90	12
5803.00.10	12
5803.00.20	12
5803.00.30	12
5803.00.90	12
5804.10.11	12
5804.10.19	12
5804.10.21	12
5804.10.29	12
5804.10.91	12
5804.10.99	12
5804.21.10	12
5804.21.90	12
5804.29.10	12
5804.29.90	12
5804.30.00	12
5805.00.10	12
5805.00.90	12
5806.10.10	12
5806.10.20	12
5806.10.90	12
5806.20.10	12
5806.20.90	12
5806.31.10	12
5806.31.20	12
5806.31.30	12
5806.31.90	12
5806.32.10	12
5806.32.40	12
5806.32.50	12
5806.32.90	12
5806.39.10	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5806.39.91	12
5806.39.92	12
5806.39.93	12
5806.39.99	12
5806.40.00	12
5807.10.00	12
5807.90.10	12
5807.90.90	12
5808.10.10	12
5808.10.90	12
5808.90.10	12
5808.90.90	12
5809.00.00	12
5810.10.00	12
5810.91.00	12
5810.92.00	12
5810.99.00	12
5811.00.10	12
5811.00.90	12
5901.10.00	12
5901.90.10	12
5901.90.20	12
5901.90.90	12
5902.10.11	3
5902.10.19	5
5902.10.91	10
5902.10.99	5
5902.20.20	0
5902.20.91	3
5902.20.99	5
5902.90.00	0
5903.10.10	12
5903.10.90	12
5903.20.00	12
5903.90.10	12
5903.90.90	12
5904.10.00	12
5904.90.00	12
5905.00.10	12
5905.00.90	12
5906.10.00	12
5906.91.00	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
5906.99.10	5
5906.99.90	5
5907.00.10	12
5907.00.30	5
5907.00.40	10
5907.00.50	10
5907.00.60	12
5907.00.90	12
5908.00.10	12
5908.00.90	12
5909.00.10	0
5909.00.90	0
5910.00.00	6
5911.10.00	0
5911.20.00	0
5911.31.00	0
5911.32.00	0
5911.40.00	0
5911.90.10	0
5911.90.90	0
6001.10.00	12
6001.21.00	12
6001.22.00	12
6001.29.00	12
6001.91.00	12
6001.92.20	12
6001.92.30	12
6001.92.90	12
6001.99.00	12
6002.40.00	12
6002.90.00	12
6003.10.00	12
6003.20.00	12
6003.30.00	12
6003.40.00	12
6003.90.00	12
6004.10.10	12
6004.10.90	12
6004.90.00	12
6005.21.00	12
6005.22.00	12
6005.23.00	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6005.24.00	12
6005.35.00	12
6005.36.10	12
6005.36.90	12
6005.37.10	12
6005.37.90	12
6005.38.10	12
6005.38.90	12
6005.39.10	12
6005.39.90	12
6005.41.00	12
6005.42.00	12
6005.43.00	12
6005.44.00	12
6005.90.10	12
6005.90.90	12
6006.10.00	12
6006.21.00	12
6006.22.00	12
6006.23.00	12
6006.24.00	12
6006.31.10	12
6006.31.20	12
6006.31.90	12
6006.32.10	12
6006.32.20	12
6006.32.90	12
6006.33.10	12
6006.33.90	12
6006.34.10	12
6006.34.90	12
6006.41.10	12
6006.41.90	12
6006.42.10	12
6006.42.90	12
6006.43.10	12
6006.43.90	12
6006.44.10	12
6006.44.90	12
6006.90.00	12
6101.20.00	20
6101.30.00	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6101.90.00	20
6102.10.00	20
6102.20.00	20
6102.30.00	20
6102.90.00	20
6103.10.00	20
6103.22.00	20
6103.23.00	20
6103.29.00	20
6103.31.00	20
6103.32.00	20
6103.33.00	20
6103.39.10	20
6103.39.90	20
6103.41.00	20
6103.42.00	20
6103.43.00	20
6103.49.00	20
6104.13.00	20
6104.19.20	20
6104.19.90	20
6104.22.00	20
6104.23.00	20
6104.29.00	20
6104.31.00	20
6104.32.00	20
6104.33.00	20
6104.39.00	20
6104.41.00	20
6104.42.00	20
6104.43.00	20
6104.44.00	20
6104.49.00	20
6104.51.00	20
6104.52.00	20
6104.53.00	20
6104.59.00	20
6104.61.00	20
6104.62.00	20
6104.63.00	20
6104.69.00	20
6105.10.00	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6105.20.10	20
6105.20.20	20
6105.90.00	20
6106.10.00	20
6106.20.00	20
6106.90.00	20
6107.11.00	20
6107.12.00	20
6107.19.00	20
6107.21.00	20
6107.22.00	20
6107.29.00	20
6107.91.00	20
6107.99.00	20
6108.11.00	20
6108.19.20	20
6108.19.30	20
6108.19.40	20
6108.19.90	20
6108.21.00	20
6108.22.00	20
6108.29.00	20
6108.31.00	20
6108.32.00	20
6108.39.00	20
6108.91.00	20
6108.92.00	20
6108.99.00	20
6109.10.10	20
6109.10.20	20
6109.90.10	20
6109.90.20	20
6109.90.30	20
6110.11.00	20
6110.12.00	20
6110.19.00	20
6110.20.00	20
6110.30.00	20
6110.90.00	20
6111.20.00	20
6111.30.00	20
6111.90.10	20



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6111.90.90	20
6112.11.00	20
6112.12.00	20
6112.19.00	20
6112.20.00	20
6112.31.00	20
6112.39.00	20
6112.41.10	20
6112.41.90	20
6112.49.10	20
6112.49.90	20
6113.00.10	20
6113.00.30	5
6113.00.40	20
6113.00.90	20
6114.20.00	20
6114.30.20	5
6114.30.90	20
6114.90.10	20
6114.90.90	20
6115.10.10	20
6115.10.90	20
6115.21.00	20
6115.22.00	20
6115.29.10	20
6115.29.90	20
6115.30.10	20
6115.30.90	20
6115.94.00	20
6115.95.00	20
6115.96.00	20
6115.99.00	20
6116.10.10	20
6116.10.90	20
6116.91.00	20
6116.92.00	20
6116.93.00	20
6116.99.00	20
6117.10.10	20
6117.10.90	20
6117.80.11	20
6117.80.19	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6117.80.20	20
6117.80.90	20
6117.90.00	20
6201.20.10	20
6201.20.90	20
6201.30.10	20
6201.30.90	20
6201.40.10	20
6201.40.90	20
6201.90.11	20
6201.90.19	20
6201.90.21	20
6201.90.29	20
6201.90.90	20
6202.20.10	20
6202.20.90	20
6202.30.10	20
6202.30.90	20
6202.40.10	20
6202.40.90	20
6202.90.10	20
6202.90.20	20
6202.90.90	20
6203.11.00	20
6203.12.00	20
6203.19.11	20
6203.19.19	20
6203.19.21	20
6203.19.29	20
6203.19.90	20
6203.22.10	20
6203.22.90	20
6203.23.00	20
6203.29.10	20
6203.29.90	20
6203.31.00	20
6203.32.10	20
6203.32.90	20
6203.33.00	20
6203.39.00	20
6203.41.00	20
6203.42.10	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6203.42.90	20
6203.43.00	20
6203.49.10	20
6203.49.90	20
6204.11.00	20
6204.12.10	20
6204.12.90	20
6204.13.00	20
6204.19.11	20
6204.19.19	20
6204.19.90	20
6204.21.00	20
6204.22.10	20
6204.22.90	20
6204.23.00	20
6204.29.10	20
6204.29.90	20
6204.31.00	20
6204.32.10	20
6204.32.90	20
6204.33.00	20
6204.39.11	20
6204.39.19	20
6204.39.90	20
6204.41.00	20
6204.42.10	20
6204.42.90	20
6204.43.00	20
6204.44.00	20
6204.49.10	20
6204.49.90	20
6204.51.00	20
6204.52.10	20
6204.52.90	20
6204.53.00	20
6204.59.10	20
6204.59.90	20
6204.61.00	20
6204.62.00	20
6204.63.00	20
6204.69.00	20
6205.20.10	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6205.20.20	20
6205.20.90	20
6205.30.10	20
6205.30.90	20
6205.90.10	20
6205.90.91	20
6205.90.92	20
6205.90.99	20
6206.10.10	20
6206.10.90	20
6206.20.00	20
6206.30.10	20
6206.30.90	20
6206.40.00	20
6206.90.00	20
6207.11.00	20
6207.19.00	20
6207.21.10	20
6207.21.90	20
6207.22.00	20
6207.29.10	20
6207.29.90	20
6207.91.00	20
6207.99.10	20
6207.99.90	20
6208.11.00	20
6208.19.00	20
6208.21.10	20
6208.21.90	20
6208.22.00	20
6208.29.10	20
6208.29.90	20
6208.91.10	20
6208.91.90	20
6208.92.10	20
6208.92.90	20
6208.99.10	20
6208.99.90	20
6209.20.30	20
6209.20.40	20
6209.20.90	20
6209.30.10	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6209.30.30	20
6209.30.40	20
6209.30.90	20
6209.90.00	20
6210.10.11	20
6210.10.19	20
6210.10.90	20
6210.20.20	5
6210.20.30	20
6210.20.40	20
6210.20.90	20
6210.30.20	5
6210.30.30	20
6210.30.40	20
6210.30.90	20
6210.40.10	5
6210.40.20	20
6210.40.90	20
6210.50.10	5
6210.50.20	20
6210.50.90	20
6211.11.00	20
6211.12.00	20
6211.20.00	20
6211.32.10	20
6211.32.20	20
6211.32.90	20
6211.33.10	20
6211.33.20	5
6211.33.30	20
6211.33.40	20
6211.33.90	20
6211.39.10	20
6211.39.20	5
6211.39.30	20
6211.39.40	20
6211.39.90	20
6211.42.10	20
6211.42.20	20
6211.42.30	20
6211.42.90	20
6211.43.10	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6211.43.20	20
6211.43.30	20
6211.43.40	20
6211.43.50	20
6211.43.60	20
6211.43.70	20
6211.43.90	20
6211.49.10	20
6211.49.20	20
6211.49.31	20
6211.49.39	20
6211.49.50	20
6211.49.60	20
6211.49.90	20
6212.10.11	20
6212.10.19	20
6212.10.91	20
6212.10.99	20
6212.20.10	20
6212.20.90	20
6212.30.10	20
6212.30.90	20
6212.90.11	20
6212.90.12	20
6212.90.19	20
6212.90.91	20
6212.90.92	20
6212.90.99	20
6213.20.10	20
6213.20.90	20
6213.90.11	20
6213.90.19	20
6213.90.91	20
6213.90.99	20
6214.10.10	20
6214.10.90	20
6214.20.00	20
6214.30.10	20
6214.30.90	20
6214.40.10	20
6214.40.90	20
6214.90.10	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6214.90.90	20
6215.10.10	20
6215.10.90	20
6215.20.10	20
6215.20.90	20
6215.90.10	20
6215.90.90	20
6216.00.10	20
6216.00.91	20
6216.00.92	20
6216.00.99	20
6217.10.10	20
6217.10.90	20
6217.90.00	20
6301.10.00	12
6301.20.00	12
6301.30.10	12
6301.30.90	12
6301.40.10	12
6301.40.90	12
6301.90.10	12
6301.90.90	12
6302.10.00	12
6302.21.00	12
6302.22.10	12
6302.22.90	12
6302.29.00	12
6302.31.00	12
6302.32.10	12
6302.32.90	12
6302.39.00	12
6302.40.00	12
6302.51.10	12
6302.51.90	12
6302.53.00	12
6302.59.10	12
6302.59.90	12
6302.60.00	12
6302.91.00	12
6302.93.00	12
6302.99.10	12
6302.99.90	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6303.12.00	12
6303.19.10	12
6303.19.90	12
6303.91.00	12
6303.92.00	12
6303.99.00	12
6304.11.00	12
6304.19.10	12
6304.19.20	12
6304.19.90	12
6304.20.00	12
6304.91.10	12
6304.91.90	12
6304.92.00	12
6304.93.00	12
6304.99.00	12
6305.10.11	12
6305.10.19	12
6305.10.21	12
6305.10.29	12
6305.20.00	12
6305.32.10	12
6305.32.20	12
6305.32.90	12
6305.33.10	12
6305.33.20	12
6305.33.90	12
6305.39.10	12
6305.39.20	12
6305.39.90	12
6305.90.10	12
6305.90.20	12
6305.90.90	12
6306.12.00	12
6306.19.10	12
6306.19.20	12
6306.19.90	12
6306.22.00	12
6306.29.10	12
6306.29.90	12
6306.30.00	12
6306.40.10	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6306.40.90	12
6306.90.10	12
6306.90.91	12
6306.90.99	12
6307.10.10	12
6307.10.20	12
6307.10.90	12
6307.20.00	0
6307.90.30	20
6307.90.40	5
6307.90.61	5
6307.90.69	20
6307.90.70	20
6307.90.80	20
6307.90.90	20
6308.00.00	20
6309.00.00	100
6310.10.10	50
6310.10.90	50
6310.90.10	50
6310.90.90	50
6401.10.00	30
6401.92.10	30
6401.92.90	30
6401.99.10	30
6401.99.90	30
6402.12.00	30
6402.19.10	30
6402.19.90	30
6402.20.00	30
6402.91.10	30
6402.91.91	30
6402.91.92	30
6402.91.99	30
6402.99.10	30
6402.99.20	30
6402.99.90	30
6403.12.00	30
6403.19.10	30
6403.19.20	30
6403.19.30	30
6403.19.90	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6403.20.00	30
6403.40.00	30
6403.51.00	30
6403.59.10	30
6403.59.90	30
6403.91.10	30
6403.91.20	30
6403.91.30	30
6403.91.90	30
6403.99.10	30
6403.99.20	30
6403.99.30	30
6403.99.90	30
6404.11.10	30
6404.11.20	30
6404.11.90	30
6404.19.10	30
6404.19.90	30
6404.20.00	30
6405.10.00	30
6405.20.00	30
6405.90.00	30
6406.10.10	15
6406.10.90	15
6406.20.10	30
6406.20.20	30
6406.90.10	15
6406.90.21	5
6406.90.22	5
6406.90.23	5
6406.90.29	5
6406.90.41	5
6406.90.42	5
6406.90.49	5
6406.90.51	5
6406.90.52	5
6406.90.59	5
6406.90.91	5
6406.90.99	5
6501.00.00	10
6502.00.00	10
6504.00.00	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6505.00.10	25
6505.00.20	25
6505.00.90	25
6506.10.10	20
6506.10.20	0
6506.10.30	0
6506.10.40	0
6506.10.90	0
6506.91.00	25
6506.99.10	25
6506.99.90	25
6507.00.00	25
6601.10.00	25
6601.91.00	25
6601.99.00	25
6602.00.00	25
6603.20.00	25
6603.90.10	25
6603.90.20	25
6701.00.00	20
6702.10.00	25
6702.90.10	30
6702.90.20	30
6702.90.90	30
6703.00.00	20
6704.11.00	25
6704.19.00	25
6704.20.00	25
6704.90.00	25
6801.00.00	20
6802.10.00	20
6802.21.00	12
6802.23.00	12
6802.29.10	12
6802.29.90	12
6802.91.10	12
6802.91.90	12
6802.92.00	20
6802.93.10	12
6802.93.90	12
6802.99.00	20
6803.00.00	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6804.10.00	20
6804.21.00	0
6804.22.00	20
6804.23.00	20
6804.30.00	20
6805.10.00	10
6805.20.00	10
6805.30.00	10
6806.10.00	5
6806.20.00	5
6806.90.00	5
6807.10.00	5
6807.90.10	5
6807.90.90	5
6808.00.20	30
6808.00.40	30
6808.00.91	30
6808.00.99	30
6809.11.00	30
6809.19.10	30
6809.19.90	30
6809.90.10	10
6809.90.90	30
6810.11.00	35
6810.19.10	35
6810.19.90	35
6810.91.10	35
6810.91.90	35
6810.99.00	35
6811.40.10	20
6811.40.21	20
6811.40.22	20
6811.40.29	20
6811.40.30	20
6811.40.40	20
6811.40.50	15
6811.40.90	15
6811.81.00	20
6811.82.10	20
6811.82.20	20
6811.82.90	20
6811.89.10	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6811.89.20	20
6811.89.30	20
6811.89.90	20
6812.80.20	10
6812.80.30	10
6812.80.50	10
6812.80.90	10
6812.91.10	10
6812.91.90	10
6812.99.20	10
6812.99.30	10
6812.99.40	10
6812.99.51	10
6812.99.59	10
6812.99.90	10
6813.20.10	10
6813.20.90	10
6813.81.00	10
6813.89.00	10
6814.10.00	10
6814.90.00	10
6815.11.00	12
6815.12.00	15
6815.13.10	5
6815.13.90	15
6815.19.10	5
6815.19.20	15
6815.19.90	15
6815.20.00	20
6815.91.00	KBTC
6815.99.00	5
6901.00.00	20
6902.10.00	10
6902.20.00	10
6902.90.00	10
6903.10.00	5
6903.20.00	5
6903.90.00	5
6904.10.00	35
6904.90.00	35
6905.10.00	45
6905.90.00	45

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6906.00.00	35
6907.21.10	20
6907.21.21	45
6907.21.22	45
6907.21.23	45
6907.21.24	45
6907.21.91	35
6907.21.92	35
6907.21.93	35
6907.21.94	35
6907.22.11	45
6907.22.12	45
6907.22.13	45
6907.22.14	45
6907.22.91	35
6907.22.92	35
6907.22.93	35
6907.22.94	35
6907.23.11	45
6907.23.12	45
6907.23.13	45
6907.23.14	45
6907.23.91	35
6907.23.92	35
6907.23.93	35
6907.23.94	35
6907.30.11	45
6907.30.19	35
6907.30.91	45
6907.30.99	35
6907.40.10	20
6907.40.21	45
6907.40.22	45
6907.40.91	35
6907.40.92	35
6909.11.00	5
6909.12.00	5
6909.19.00	5
6909.90.00	20
6910.10.00	35
6910.90.00	35
6911.10.00	35

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
6911.90.00	35
6912.00.00	35
6913.10.10	30
6913.10.90	30
6913.90.10	30
6913.90.90	30
6914.10.00	30
6914.90.00	30
7001.00.00	0
7002.10.00	3
7002.20.00	3
7002.31.10	25
7002.31.90	3
7002.32.10	25
7002.32.30	3
7002.32.40	5
7002.32.90	3
7002.39.10	25
7002.39.20	5
7002.39.90	3
7003.12.10	5
7003.12.20	40
7003.12.90	40
7003.19.10	5
7003.19.20	40
7003.19.90	40
7003.20.10	40
7003.20.90	40
7003.30.10	40
7003.30.90	40
7004.20.10	5
7004.20.20	40
7004.20.90	40
7004.90.10	5
7004.90.20	40
7004.90.90	40
7005.10.10	5
7005.10.90	35
7005.21.10	5
7005.21.20	40
7005.21.90	40
7005.29.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7005.29.20	40
7005.29.90	40
7005.30.10	30
7005.30.90	30
7006.00.10	5
7006.00.90	30
7007.11.10	20
7007.11.20	0
7007.11.90	3
7007.19.10	15
7007.19.90	15
7007.21.10	20
7007.21.20	0
7007.21.90	3
7007.29.10	15
7007.29.90	15
7008.00.00	25
7009.10.00	25
7009.91.00	25
7009.92.00	30
7010.10.00	10
7010.20.00	20
7010.90.10	20
7010.90.40	5
7010.90.91	20
7010.90.99	20
7011.10.10	5
7011.10.90	25
7011.20.00	0
7011.90.00	25
7013.10.00	35
7013.22.00	30
7013.28.00	35
7013.33.00	30
7013.37.00	35
7013.41.00	30
7013.42.00	35
7013.49.00	35
7013.91.00	30
7013.99.00	15
7014.00.10	5
7014.00.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7015.10.00	3
7015.90.10	5
7015.90.90	5
7016.10.00	25
7016.90.00	45
7017.10.10	0
7017.10.90	0
7017.20.00	0
7017.90.00	0
7018.10.10	30
7018.10.90	30
7018.20.00	0
7018.90.10	0
7018.90.90	30
7019.11.00	3
7019.12.00	3
7019.13.00	3
7019.14.00	3
7019.15.00	3
7019.19.00	3
7019.61.00	3
7019.62.00	3
7019.63.00	3
7019.64.00	3
7019.65.00	3
7019.66.00	3
7019.69.00	3
7019.71.00	3
7019.72.00	3
7019.73.00	3
7019.80.10	3
7019.80.20	3
7019.90.20	30
7019.90.30	3
7019.90.40	3
7019.90.50	3
7019.90.90	3
7020.00.11	0
7020.00.19	0
7020.00.20	0
7020.00.30	40
7020.00.40	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7020.00.90	30
7101.10.00	3
7101.21.00	3
7101.22.00	3
7102.10.00	1
7102.21.00	0
7102.29.00	0
7102.31.00	0
7102.39.00	0
7103.10.10	0
7103.10.20	0
7103.10.90	0
7103.91.10	0
7103.91.90	0
7103.99.00	0
7104.10.10	0
7104.10.20	0
7104.21.00	0
7104.29.00	0
7104.91.00	0
7104.99.00	0
7105.10.00	1
7105.90.00	1
7106.10.00	1
7106.91.00	1
7106.92.00	1
7107.00.00	1
7108.11.00	0
7108.12.10	0
7108.12.90	0
7108.13.00	0
7108.20.00	0
7109.00.00	1
7110.11.10	1
7110.11.90	1
7110.19.00	1
7110.21.10	1
7110.21.90	1
7110.29.00	1
7110.31.10	1
7110.31.90	1
7110.39.00	1

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7110.41.10	1
7110.41.90	1
7110.49.00	1
7111.00.10	1
7111.00.90	1
7112.30.00	1
7112.91.00	1
7112.92.00	1
7112.99.10	1
7112.99.90	1
7113.11.10	30
7113.11.90	30
7113.19.10	25
7113.19.90	25
7113.20.10	30
7113.20.90	30
7114.11.00	30
7114.19.00	30
7114.20.00	30
7115.10.00	30
7115.90.10	30
7115.90.20	30
7115.90.90	30
7116.10.00	30
7116.20.00	30
7117.11.10	30
7117.11.90	30
7117.19.10	25
7117.19.20	25
7117.19.90	25
7117.90.10	25
7117.90.20	25
7117.90.94	25
7117.90.99	25
7118.10.10	30
7118.10.90	30
7118.90.10	25
7118.90.20	25
7118.90.90	25
7201.10.00	5
7201.20.00	5
7201.50.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7202.11.00	5
7202.19.00	5
7202.21.00	5
7202.29.00	5
7202.30.00	5
7202.41.00	5
7202.49.00	0
7202.50.00	0
7202.60.00	0
7202.70.00	0
7202.80.00	0
7202.91.00	0
7202.92.00	0
7202.93.00	0
7202.99.00	0
7203.10.00	0
7203.90.00	0
7204.10.00	3
7204.21.00	0
7204.29.00	0
7204.30.00	0
7204.41.00	3
7204.49.00	0
7204.50.00	3
7205.10.00	0
7205.21.00	0
7205.29.00	0
7206.10.10	1
7206.10.90	1
7206.90.00	1
7207.11.00	10
7207.12.10	5
7207.12.90	10
7207.19.00	10
7207.20.10	5
7207.20.21	5
7207.20.29	10
7207.20.91	5
7207.20.92	5
7207.20.99	10
7208.10.00	0
7208.25.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7208.26.00	0
7208.27.11	0
7208.27.19	0
7208.27.91	0
7208.27.99	0
7208.36.00	0
7208.37.00	0
7208.38.00	0
7208.39.10	0
7208.39.20	0
7208.39.30	0
7208.39.40	0
7208.39.90	0
7208.40.00	0
7208.51.00	0
7208.52.00	0
7208.53.00	0
7208.54.10	0
7208.54.90	0
7208.90.10	0
7208.90.20	0
7208.90.90	0
7209.15.00	7
7209.16.10	7
7209.16.90	7
7209.17.10	7
7209.17.90	7
7209.18.10	0
7209.18.91	7
7209.18.99	7
7209.25.00	7
7209.26.10	7
7209.26.90	7
7209.27.10	7
7209.27.90	7
7209.28.10	7
7209.28.90	7
7209.90.10	7
7209.90.90	7
7210.11.10	5
7210.11.90	5
7210.12.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7210.12.90	5
7210.20.10	0
7210.20.90	0
7210.30.11	10
7210.30.12	5
7210.30.19	5
7210.30.91	10
7210.30.99	5
7210.41.11	15
7210.41.12	10
7210.41.19	10
7210.41.91	15
7210.41.99	10
7210.49.11	0
7210.49.14	15
7210.49.15	10
7210.49.16	10
7210.49.17	15
7210.49.18	10
7210.49.19	10
7210.49.91	15
7210.49.99	10
7210.50.00	5
7210.61.11	15
7210.61.12	10
7210.61.19	10
7210.61.91	15
7210.61.92	10
7210.61.99	10
7210.69.11	15
7210.69.19	10
7210.69.91	15
7210.69.99	10
7210.70.12	5
7210.70.13	5
7210.70.19	5
7210.70.21	5
7210.70.29	5
7210.70.91	5
7210.70.99	5
7210.90.10	5
7210.90.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7211.13.12	0
7211.13.13	0
7211.13.14	0
7211.13.19	0
7211.13.92	0
7211.13.93	0
7211.13.99	0
7211.14.14	0
7211.14.15	0
7211.14.16	0
7211.14.17	0
7211.14.19	0
7211.14.94	0
7211.14.95	0
7211.14.99	0
7211.19.13	10
7211.19.14	7
7211.19.19	0
7211.19.91	10
7211.19.99	0
7211.23.10	7
7211.23.20	7
7211.23.30	7
7211.23.90	7
7211.29.10	7
7211.29.20	7
7211.29.30	7
7211.29.90	7
7211.90.11	7
7211.90.12	7
7211.90.13	7
7211.90.14	7
7211.90.19	7
7211.90.91	7
7211.90.99	7
7212.10.11	7
7212.10.14	7
7212.10.19	7
7212.10.94	7
7212.10.99	7
7212.20.10	7
7212.20.20	7

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7212.20.90	7
7212.30.11	0
7212.30.12	0
7212.30.13	10
7212.30.14	0
7212.30.19	10
7212.30.90	10
7212.40.11	10
7212.40.12	10
7212.40.13	10
7212.40.14	10
7212.40.19	10
7212.40.91	10
7212.40.99	10
7212.50.14	0
7212.50.19	0
7212.50.23	10
7212.50.24	10
7212.50.29	10
7212.50.93	0
7212.50.94	0
7212.50.99	0
7212.60.11	0
7212.60.12	0
7212.60.19	0
7212.60.91	0
7212.60.99	0
7213.10.10	10
7213.10.90	10
7213.20.00	0
7213.91.10	10
7213.91.20	15
7213.91.30	10
7213.91.90	10
7213.99.10	10
7213.99.20	15
7213.99.90	10
7214.10.11	0
7214.10.19	0
7214.10.21	0
7214.10.29	0
7214.20.31	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7214.20.39	10
7214.20.41	15
7214.20.49	10
7214.20.51	15
7214.20.59	10
7214.20.61	15
7214.20.69	10
7214.30.10	0
7214.30.90	0
7214.91.11	0
7214.91.12	0
7214.91.19	0
7214.91.20	0
7214.99.11	0
7214.99.19	0
7214.99.91	0
7214.99.92	0
7214.99.93	0
7214.99.99	0
7215.10.10	0
7215.10.90	0
7215.50.10	0
7215.50.91	15
7215.50.99	0
7215.90.10	15
7215.90.91	0
7215.90.99	0
7216.10.00	15
7216.21.10	15
7216.21.90	15
7216.22.00	15
7216.31.10	15
7216.31.90	15
7216.32.10	15
7216.32.90	15
7216.33.11	10
7216.33.19	10
7216.33.90	10
7216.40.10	15
7216.40.90	15
7216.50.11	15
7216.50.19	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7216.50.91	15
7216.50.99	15
7216.61.00	15
7216.69.00	15
7216.91.10	15
7216.91.90	15
7216.99.00	15
7217.10.10	15
7217.10.22	0
7217.10.29	10
7217.10.32	0
7217.10.33	0
7217.10.39	3
7217.20.10	15
7217.20.20	5
7217.20.91	0
7217.20.99	5
7217.30.11	10
7217.30.19	15
7217.30.20	5
7217.30.33	5
7217.30.34	5
7217.30.35	5
7217.30.39	5
7217.90.10	10
7217.90.90	5
7218.10.00	0
7218.91.00	0
7218.99.00	0
7219.11.00	0
7219.12.00	0
7219.13.00	0
7219.14.00	0
7219.21.00	0
7219.22.00	0
7219.23.00	0
7219.24.00	0
7219.31.00	0
7219.32.00	0
7219.33.00	10
7219.34.00	10
7219.35.00	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7219.90.00	0
7220.11.10	0
7220.11.90	0
7220.12.10	0
7220.12.90	0
7220.20.10	10
7220.20.90	10
7220.90.10	0
7220.90.90	0
7221.00.00	0
7222.11.00	0
7222.19.00	0
7222.20.10	10
7222.20.90	10
7222.30.10	10
7222.30.90	10
7222.40.10	0
7222.40.90	0
7223.00.10	10
7223.00.90	10
7224.10.00	0
7224.90.00	0
7225.11.00	0
7225.19.00	0
7225.30.10	0
7225.30.90	0
7225.40.10	0
7225.40.90	0
7225.50.10	0
7225.50.90	0
7225.91.10	0
7225.91.90	0
7225.92.10	0
7225.92.20	0
7225.92.90	0
7225.99.10	0
7225.99.90	0
7226.11.10	0
7226.11.90	0
7226.19.10	0
7226.19.90	0
7226.20.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7226.20.90	0
7226.91.10	0
7226.91.90	0
7226.92.10	0
7226.92.90	0
7226.99.11	0
7226.99.19	0
7226.99.91	0
7226.99.99	0
7227.10.00	0
7227.20.00	0
7227.90.10	0
7227.90.90	0
7228.10.10	0
7228.10.90	0
7228.20.11	0
7228.20.19	0
7228.20.91	0
7228.20.99	0
7228.30.10	0
7228.30.90	0
7228.40.10	0
7228.40.90	0
7228.50.10	0
7228.50.90	0
7228.60.10	0
7228.60.90	0
7228.70.10	0
7228.70.90	0
7228.80.11	0
7228.80.19	0
7228.80.90	0
7229.20.00	0
7229.90.21	0
7229.90.29	0
7229.90.30	0
7229.90.91	0
7229.90.99	0
7301.10.00	3
7301.20.00	5
7302.10.00	3
7302.30.00	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7302.40.00	3
7302.90.10	3
7302.90.90	3
7303.00.11	10
7303.00.19	10
7303.00.91	3
7303.00.99	3
7304.11.00	0
7304.19.00	0
7304.22.10	0
7304.22.90	0
7304.23.10	0
7304.23.90	0
7304.24.10	5
7304.24.20	0
7304.24.30	0
7304.29.10	5
7304.29.20	0
7304.29.30	0
7304.31.10	5
7304.31.20	0
7304.31.40	10
7304.31.90	5
7304.39.20	0
7304.39.40	10
7304.39.90	5
7304.41.00	0
7304.49.00	0
7304.51.10	0
7304.51.20	0
7304.51.90	0
7304.59.10	0
7304.59.90	0
7304.90.10	0
7304.90.30	10
7304.90.90	5
7305.11.00	5
7305.12.10	5
7305.12.90	5
7305.19.10	10
7305.19.90	10
7305.20.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7305.31.10	5
7305.31.90	5
7305.39.10	10
7305.39.90	10
7305.90.00	5
7306.11.10	5
7306.11.90	5
7306.19.10	5
7306.19.20	5
7306.19.90	5
7306.21.00	5
7306.29.00	5
7306.30.11	10
7306.30.19	10
7306.30.21	10
7306.30.29	10
7306.30.30	10
7306.30.41	5
7306.30.49	5
7306.30.91	10
7306.30.92	10
7306.30.99	10
7306.40.11	7
7306.40.19	7
7306.40.20	7
7306.40.30	7
7306.40.90	0
7306.50.11	5
7306.50.19	5
7306.50.91	5
7306.50.99	5
7306.61.10	5
7306.61.90	5
7306.69.10	5
7306.69.90	5
7306.90.11	10
7306.90.19	10
7306.90.91	10
7306.90.94	10
7306.90.95	10
7306.90.96	10
7306.90.97	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7306.90.99	10
7307.11.10	5
7307.11.90	5
7307.19.00	5
7307.21.10	5
7307.21.90	5
7307.22.10	10
7307.22.90	10
7307.23.10	5
7307.23.90	5
7307.29.10	5
7307.29.90	5
7307.91.10	5
7307.91.90	5
7307.92.10	10
7307.92.90	10
7307.93.10	5
7307.93.90	5
7307.99.10	5
7307.99.90	5
7308.10.10	0
7308.10.90	3
7308.20.11	3
7308.20.19	3
7308.20.21	5
7308.20.29	5
7308.30.10	12
7308.30.90	12
7308.40.10	3
7308.40.90	3
7308.90.20	10
7308.90.40	10
7308.90.50	10
7308.90.60	10
7308.90.92	10
7308.90.99	10
7309.00.11	5
7309.00.19	5
7309.00.91	5
7309.00.99	5
7310.10.10	12
7310.10.91	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7310.10.99	12
7310.21.11	15
7310.21.19	15
7310.21.91	10
7310.21.99	12
7310.29.11	15
7310.29.19	15
7310.29.91	10
7310.29.92	10
7310.29.99	10
7311.00.21	5
7311.00.22	0
7311.00.23	20
7311.00.24	5
7311.00.25	0
7311.00.26	20
7311.00.27	5
7311.00.29	0
7311.00.91	17
7311.00.92	17
7311.00.94	5
7311.00.99	0
7312.10.10	5
7312.10.20	5
7312.10.30	5
7312.10.91	3
7312.10.99	5
7312.90.00	5
7313.00.00	30
7314.12.00	15
7314.14.00	15
7314.19.10	15
7314.19.90	15
7314.20.00	15
7314.31.00	20
7314.39.00	20
7314.41.00	30
7314.42.00	30
7314.49.00	30
7314.50.00	20
7315.11.10	35
7315.11.91	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các NĐ hiện hành
7315.11.99	3
7315.12.10	3
7315.12.90	3
7315.19.10	35
7315.19.90	3
7315.20.00	3
7315.81.00	3
7315.82.00	3
7315.89.10	30
7315.89.90	3
7315.90.20	30
7315.90.90	3
7316.00.00	3
7317.00.10	20
7317.00.20	20
7317.00.30	20
7317.00.90	20
7318.11.00	5
7318.12.10	12
7318.12.90	12
7318.13.00	10
7318.14.10	12
7318.14.90	12
7318.15.10	12
7318.15.90	12
7318.16.10	12
7318.16.90	12
7318.19.10	12
7318.19.90	12
7318.21.00	12
7318.22.00	12
7318.23.10	12
7318.23.90	12
7318.24.00	12
7318.29.10	12
7318.29.90	12
7319.40.10	30
7319.40.20	30
7319.90.10	30
7319.90.90	30
7320.10.11	10
7320.10.12	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các NĐ hiện hành
7320.10.19	3
7320.10.90	3
7320.20.11	3
7320.20.12	3
7320.20.19	3
7320.20.90	3
7320.90.10	3
7320.90.90	3
7321.11.00	15
7321.12.00	20
7321.19.10	20
7321.19.90	20
7321.81.00	15
7321.82.00	25
7321.89.00	25
7321.90.10	10
7321.90.21	10
7321.90.29	10
7321.90.90	10
7322.11.00	27
7322.19.00	30
7322.90.00	20
7323.10.00	25
7323.91.10	30
7323.91.20	30
7323.91.90	30
7323.92.00	30
7323.93.10	30
7323.93.20	30
7323.93.90	30
7323.94.00	30
7323.99.10	20
7323.99.20	20
7323.99.90	20
7324.10.10	20
7324.10.90	20
7324.21.10	35
7324.21.90	35
7324.29.10	35
7324.29.90	35
7324.90.10	20
7324.90.91	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7324.90.93	20
7324.90.99	20
7325.10.20	20
7325.10.30	15
7325.10.90	15
7325.91.00	20
7325.99.20	20
7325.99.90	20
7326.11.00	20
7326.19.00	10
7326.20.50	20
7326.20.60	15
7326.20.70	15
7326.20.90	15
7326.90.10	5
7326.90.20	10
7326.90.30	15
7326.90.60	15
7326.90.70	15
7326.90.91	15
7326.90.99	10
7401.00.10	0
7401.00.20	0
7402.00.10	0
7402.00.90	0
7403.11.00	0
7403.12.00	0
7403.13.00	0
7403.19.00	0
7403.21.00	0
7403.22.00	0
7403.29.00	0
7404.00.00	0
7405.00.00	0
7406.10.00	0
7406.20.00	0
7407.10.30	0
7407.10.41	5
7407.10.49	5
7407.21.00	0
7407.29.00	0
7408.11.20	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7408.11.30	10
7408.11.90	5
7408.19.10	10
7408.19.90	10
7408.21.00	3
7408.22.00	0
7408.29.10	0
7408.29.90	0
7409.11.00	3
7409.19.00	0
7409.21.00	0
7409.29.00	0
7409.31.00	0
7409.39.00	0
7409.40.00	0
7409.90.00	0
7410.11.10	0
7410.11.90	0
7410.12.00	0
7410.21.00	0
7410.22.00	0
7411.10.00	5
7411.21.00	5
7411.22.00	5
7411.29.00	3
7412.10.00	0
7412.20.20	0
7412.20.91	0
7412.20.99	0
7413.00.11	15
7413.00.19	15
7413.00.91	0
7413.00.99	0
7415.10.10	20
7415.10.20	20
7415.10.90	20
7415.21.00	10
7415.29.00	10
7415.33.10	10
7415.33.20	10
7415.39.00	10
7418.10.10	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7418.10.30	25
7418.10.90	25
7418.20.00	30
7419.20.10	5
7419.20.20	5
7419.20.90	5
7419.80.10	5
7419.80.21	0
7419.80.29	0
7419.80.30	0
7419.80.40	5
7419.80.50	5
7419.80.60	5
7419.80.70	5
7419.80.80	5
7419.80.90	5
7501.10.00	0
7501.20.00	0
7502.10.00	0
7502.20.00	0
7503.00.00	0
7504.00.00	0
7505.11.00	0
7505.12.00	0
7505.21.00	0
7505.22.00	0
7506.10.00	0
7506.20.00	0
7507.11.00	0
7507.12.00	0
7507.20.00	0
7508.10.00	0
7508.90.30	0
7508.90.50	0
7508.90.90	0
7601.10.00	3
7601.20.00	3
7602.00.00	0
7603.10.00	0
7603.20.10	0
7603.20.20	0
7604.10.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7604.10.90	10
7604.21.10	10
7604.21.20	10
7604.21.90	10
7604.29.10	5
7604.29.30	10
7604.29.90	10
7605.11.00	10
7605.19.10	10
7605.19.90	10
7605.21.00	3
7605.29.10	3
7605.29.90	3
7606.11.10	0
7606.11.90	0
7606.12.20	0
7606.12.32	3
7606.12.33	3
7606.12.34	3
7606.12.35	3
7606.12.39	3
7606.12.90	3
7606.91.00	0
7606.92.00	3
7607.11.00	0
7607.19.00	3
7607.20.10	3
7607.20.91	3
7607.20.99	3
7608.10.00	3
7608.20.00	3
7609.00.00	3
7610.10.10	15
7610.10.90	15
7610.90.30	3
7610.90.91	15
7610.90.99	15
7611.00.00	5
7612.10.00	20
7612.90.10	15
7612.90.90	15
7613.00.00	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7614.10.11	20
7614.10.12	15
7614.10.19	10
7614.10.90	5
7614.90.11	20
7614.90.12	15
7614.90.19	10
7614.90.90	5
7615.10.10	30
7615.10.90	22
7615.20.20	30
7615.20.90	30
7616.10.10	20
7616.10.20	20
7616.10.90	20
7616.91.00	20
7616.99.20	20
7616.99.30	20
7616.99.40	20
7616.99.51	15
7616.99.59	15
7616.99.60	20
7616.99.70	15
7616.99.80	15
7616.99.90	15
7801.10.00	0
7801.91.00	0
7801.99.00	0
7802.00.00	0
7804.11.10	0
7804.11.90	0
7804.19.00	0
7804.20.00	0
7806.00.20	0
7806.00.30	0
7806.00.40	0
7806.00.90	0
7901.11.00	0
7901.12.00	0
7901.20.00	0
7902.00.00	0
7903.10.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
7903.90.00	0
7904.00.00	0
7905.00.40	0
7905.00.90	0
7907.00.30	10
7907.00.40	0
7907.00.91	10
7907.00.92	10
7907.00.93	10
7907.00.99	10
8001.10.00	3
8001.20.00	3
8002.00.00	3
8003.00.10	10
8003.00.90	3
8007.00.20	3
8007.00.30	3
8007.00.40	5
8007.00.91	20
8007.00.92	20
8007.00.93	20
8007.00.99	20
8101.10.00	0
8101.94.00	0
8101.96.00	0
8101.97.00	0
8101.99.10	0
8101.99.90	0
8102.10.00	0
8102.94.00	0
8102.95.00	0
8102.96.00	0
8102.97.00	0
8102.99.00	0
8103.20.00	0
8103.30.00	0
8103.91.00	0
8103.99.00	0
8104.11.00	0
8104.19.00	0
8104.20.00	0
8104.30.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8104.90.00	0
8105.20.10	0
8105.20.90	0
8105.30.00	0
8105.90.00	0
8106.10.10	0
8106.10.90	0
8106.90.10	0
8106.90.90	0
8108.20.00	0
8108.30.00	0
8108.90.00	0
8109.21.00	0
8109.29.00	0
8109.31.00	0
8109.39.00	0
8109.91.00	0
8109.99.00	0
8110.10.00	0
8110.20.00	0
8110.90.00	0
8111.00.10	0
8111.00.90	0
8112.12.00	0
8112.13.00	0
8112.19.00	0
8112.21.00	0
8112.22.00	0
8112.29.00	0
8112.31.00	0
8112.39.00	0
8112.41.00	0
8112.49.00	0
8112.51.00	0
8112.52.00	0
8112.59.00	0
8112.61.00	0
8112.69.10	0
8112.69.90	0
8112.92.00	0
8112.99.00	0
8113.00.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8201.10.00	20
8201.30.10	20
8201.30.90	20
8201.40.00	20
8201.50.00	20
8201.60.00	20
8201.90.00	20
8202.10.00	20
8202.20.00	10
8202.31.00	2
8202.39.00	2
8202.40.00	0
8202.91.00	2
8202.99.10	2
8202.99.90	2
8203.10.00	20
8203.20.00	20
8203.30.00	5
8203.40.00	10
8204.11.00	20
8204.12.00	20
8204.20.00	20
8205.10.00	5
8205.20.00	20
8205.30.00	20
8205.40.00	20
8205.51.00	20
8205.59.00	20
8205.60.00	20
8205.70.00	20
8205.90.00	20
8206.00.00	20
8207.13.00	0
8207.19.00	0
8207.20.00	0
8207.30.00	0
8207.40.00	0
8207.50.00	0
8207.60.00	0
8207.70.00	0
8207.80.00	0
8207.90.00	0



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8208.10.00	0
8208.20.00	0
8208.30.00	20
8208.40.00	0
8208.90.00	0
8209.00.00	0
8210.00.00	20
8211.10.00	5
8211.91.00	5
8211.92.50	5
8211.92.92	5
8211.92.99	5
8211.93.21	5
8211.93.29	5
8211.93.30	5
8211.93.90	5
8211.94.10	5
8211.94.90	5
8211.95.00	5
8212.10.00	20
8212.20.10	20
8212.20.90	20
8212.90.00	17
8213.00.00	25
8214.10.00	25
8214.20.00	25
8214.90.00	25
8215.10.00	25
8215.20.00	25
8215.91.00	25
8215.99.00	25
8301.10.00	25
8301.20.00	25
8301.30.00	25
8301.40.10	0
8301.40.20	25
8301.40.90	25
8301.50.00	25
8301.60.00	25
8301.70.00	25
8302.10.00	20
8302.20.10	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8302.20.90	15
8302.30.10	20
8302.30.90	20
8302.41.31	20
8302.41.39	20
8302.41.90	20
8302.42.20	20
8302.42.90	20
8302.49.10	20
8302.49.91	20
8302.49.99	20
8302.50.00	25
8302.60.00	17
8303.00.00	25
8304.00.10	25
8304.00.91	25
8304.00.92	25
8304.00.99	25
8305.10.10	25
8305.10.90	25
8305.20.10	25
8305.20.20	25
8305.20.90	15
8305.90.10	25
8305.90.90	25
8306.10.00	25
8306.21.00	25
8306.29.10	25
8306.29.20	25
8306.29.30	25
8306.29.90	25
8306.30.10	25
8306.30.91	25
8306.30.99	25
8307.10.00	10
8307.90.00	10
8308.10.00	27
8308.20.00	20
8308.90.10	25
8308.90.20	25
8308.90.90	25
8309.10.00	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8309.90.10	15
8309.90.20	15
8309.90.60	15
8309.90.70	15
8309.90.81	15
8309.90.89	15
8309.90.91	15
8309.90.92	15
8309.90.99	15
8310.00.00	10
8311.10.10	25
8311.10.90	25
8311.20.21	2
8311.20.29	2
8311.20.90	25
8311.30.21	2
8311.30.29	2
8311.30.91	15
8311.30.99	15
8311.90.00	25
8401.10.00	0
8401.20.00	0
8401.30.00	0
8401.40.00	0
8402.11.10	0
8402.11.20	0
8402.12.11	5
8402.12.19	5
8402.12.21	5
8402.12.29	5
8402.19.11	3
8402.19.19	3
8402.19.21	3
8402.19.29	3
8402.20.10	0
8402.20.20	0
8402.90.10	0
8402.90.90	0
8403.10.00	0
8403.90.10	0
8403.90.90	0
8404.10.11	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8404.10.19	0
8404.10.20	0
8404.20.00	0
8404.90.11	0
8404.90.19	0
8404.90.21	0
8404.90.29	0
8404.90.90	0
8405.10.00	0
8405.90.00	0
8406.10.00	0
8406.81.00	0
8406.82.10	0
8406.82.90	0
8406.90.00	0
8407.10.00	0
8407.21.10	25
8407.21.90	7
8407.29.20	25
8407.29.90	7
8407.31.00	50
8407.32.11	30
8407.32.12	45
8407.32.19	30
8407.32.22	45
8407.32.29	30
8407.33.10	25
8407.33.20	32
8407.33.90	20
8407.34.40	25
8407.34.50	25
8407.34.60	32
8407.34.71	20
8407.34.72	20
8407.34.73	10
8407.34.91	25
8407.34.92	25
8407.34.93	32
8407.34.94	18
8407.34.95	18
8407.34.99	18
8407.90.10	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8407.90.20	25
8407.90.90	5
8408.10.10	20
8408.10.20	3
8408.10.30	0
8408.10.90	0
8408.20.10	25
8408.20.21	20
8408.20.22	20
8408.20.23	7
8408.20.93	25
8408.20.94	25
8408.20.95	20
8408.20.96	15
8408.90.10	25
8408.90.51	5
8408.90.52	0
8408.90.59	5
8408.90.91	10
8408.90.92	0
8408.90.99	10
8409.10.00	0
8409.91.11	10
8409.91.12	10
8409.91.13	10
8409.91.14	10
8409.91.15	10
8409.91.16	10
8409.91.17	10
8409.91.18	10
8409.91.19	10
8409.91.21	10
8409.91.22	10
8409.91.23	10
8409.91.24	10
8409.91.26	10
8409.91.28	10
8409.91.29	10
8409.91.31	27
8409.91.32	27
8409.91.34	27
8409.91.35	27

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8409.91.37	27
8409.91.38	27
8409.91.39	27
8409.91.41	10
8409.91.42	10
8409.91.43	10
8409.91.44	10
8409.91.45	10
8409.91.46	10
8409.91.47	10
8409.91.48	10
8409.91.49	10
8409.91.51	15
8409.91.52	15
8409.91.53	15
8409.91.54	15
8409.91.55	15
8409.91.59	15
8409.91.61	3
8409.91.62	3
8409.91.63	3
8409.91.64	3
8409.91.69	3
8409.91.71	10
8409.91.72	10
8409.91.73	10
8409.91.74	10
8409.91.76	10
8409.91.77	10
8409.91.78	10
8409.91.79	10
8409.99.11	10
8409.99.12	10
8409.99.13	10
8409.99.14	10
8409.99.15	10
8409.99.16	10
8409.99.17	10
8409.99.18	10
8409.99.19	10
8409.99.21	10
8409.99.22	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8409.99.23	10
8409.99.24	10
8409.99.25	10
8409.99.26	10
8409.99.27	10
8409.99.29	10
8409.99.31	15
8409.99.32	15
8409.99.34	15
8409.99.36	15
8409.99.37	15
8409.99.38	15
8409.99.39	15
8409.99.41	10
8409.99.42	10
8409.99.43	10
8409.99.44	10
8409.99.45	10
8409.99.46	10
8409.99.47	10
8409.99.48	10
8409.99.49	10
8409.99.51	10
8409.99.52	10
8409.99.53	10
8409.99.54	10
8409.99.55	10
8409.99.59	10
8409.99.61	3
8409.99.62	3
8409.99.63	3
8409.99.64	3
8409.99.65	3
8409.99.69	3
8409.99.71	10
8409.99.72	10
8409.99.73	10
8409.99.74	10
8409.99.75	10
8409.99.76	10
8409.99.77	10
8409.99.78	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8409.99.79	10
8410.11.00	0
8410.12.00	0
8410.13.00	0
8410.90.00	0
8411.11.00	0
8411.12.00	0
8411.21.00	0
8411.22.00	0
8411.81.00	0
8411.82.00	0
8411.91.00	0
8411.99.00	0
8412.10.00	0
8412.21.00	0
8412.29.00	0
8412.31.00	0
8412.39.00	0
8412.80.00	0
8412.90.10	0
8412.90.20	0
8412.90.90	0
8413.11.00	3
8413.19.10	3
8413.19.20	3
8413.20.10	20
8413.20.20	20
8413.20.90	20
8413.30.30	3
8413.30.40	3
8413.30.51	3
8413.30.52	3
8413.30.90	3
8413.40.00	0
8413.50.31	10
8413.50.32	10
8413.50.40	10
8413.50.90	0
8413.60.31	10
8413.60.32	10
8413.60.40	10
8413.60.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8413.70.11	20
8413.70.19	20
8413.70.31	10
8413.70.39	10
8413.70.42	10
8413.70.43	10
8413.70.49	10
8413.70.51	10
8413.70.59	10
8413.70.91	0
8413.70.99	0
8413.81.13	10
8413.81.14	10
8413.81.15	10
8413.81.19	0
8413.82.10	0
8413.82.20	0
8413.91.10	5
8413.91.20	5
8413.91.30	5
8413.91.40	5
8413.91.90	0
8413.92.00	0
8414.10.00	10
8414.20.10	20
8414.20.90	20
8414.30.40	3
8414.30.90	3
8414.40.00	7
8414.51.10	30
8414.51.91	25
8414.51.99	25
8414.59.10	15
8414.59.20	5
8414.59.30	15
8414.59.41	15
8414.59.49	15
8414.59.50	10
8414.59.91	10
8414.59.92	3
8414.59.99	10
8414.60.11	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8414.60.19	15
8414.60.91	15
8414.60.99	15
8414.70.11	15
8414.70.19	5
8414.70.21	15
8414.70.29	5
8414.80.11	0
8414.80.19	5
8414.80.21	5
8414.80.29	5
8414.80.30	5
8414.80.41	5
8414.80.42	7
8414.80.43	3
8414.80.49	5
8414.80.50	5
8414.80.90	5
8414.90.21	5
8414.90.22	10
8414.90.29	15
8414.90.31	10
8414.90.32	0
8414.90.41	0
8414.90.42	0
8414.90.50	10
8414.90.60	0
8414.90.70	0
8414.90.80	0
8414.90.90	0
8415.10.20	30
8415.10.30	30
8415.10.90	20
8415.20.10	25
8415.20.90	17
8415.81.11	0
8415.81.12	0
8415.81.19	0
8415.81.21	25
8415.81.29	17
8415.81.31	25
8415.81.39	17

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8415.81.95	17
8415.81.96	17
8415.81.97	25
8415.81.98	25
8415.81.99	20
8415.82.11	0
8415.82.19	0
8415.82.21	27
8415.82.29	15
8415.82.31	27
8415.82.39	15
8415.82.91	27
8415.82.99	15
8415.83.11	0
8415.83.19	0
8415.83.21	25
8415.83.29	17
8415.83.31	25
8415.83.39	17
8415.83.91	25
8415.83.99	17
8415.90.13	0
8415.90.14	5
8415.90.15	3
8415.90.19	3
8415.90.24	0
8415.90.25	3
8415.90.26	0
8415.90.29	3
8415.90.34	0
8415.90.35	3
8415.90.36	0
8415.90.39	3
8415.90.44	0
8415.90.45	3
8415.90.46	0
8415.90.49	3
8416.10.00	0
8416.20.00	0
8416.30.00	0
8416.90.00	0
8417.10.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8417.20.00	10
8417.80.10	0
8417.80.90	0
8417.90.00	0
8418.10.31	25
8418.10.32	25
8418.10.39	3
8418.10.40	5
8418.10.91	10
8418.10.99	20
8418.21.10	25
8418.21.90	25
8418.29.00	35
8418.30.10	20
8418.30.90	20
8418.40.10	20
8418.40.90	20
8418.50.11	5
8418.50.19	10
8418.50.91	5
8418.50.99	20
8418.61.00	10
8418.69.10	10
8418.69.30	10
8418.69.41	10
8418.69.49	10
8418.69.50	3
8418.69.90	10
8418.91.00	3
8418.99.10	0
8418.99.40	0
8418.99.90	0
8419.11.10	10
8419.11.90	10
8419.12.00	5
8419.19.10	5
8419.19.90	5
8419.20.00	0
8419.33.10	0
8419.33.90	0
8419.34.10	0
8419.34.20	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8419.34.90	0
8419.35.10	0
8419.35.20	0
8419.39.30	0
8419.39.90	0
8419.40.10	0
8419.40.20	0
8419.50.10	3
8419.50.20	3
8419.50.91	3
8419.50.92	3
8419.60.00	0
8419.81.10	15
8419.81.20	15
8419.89.13	0
8419.89.19	0
8419.89.20	0
8419.90.12	0
8419.90.13	0
8419.90.19	0
8419.90.22	0
8419.90.29	0
8420.10.10	0
8420.10.20	5
8420.10.90	0
8420.91.10	0
8420.91.90	0
8420.99.10	0
8420.99.90	0
8421.11.00	10
8421.12.00	18
8421.19.10	5
8421.19.90	5
8421.21.11	5
8421.21.19	5
8421.21.22	5
8421.21.23	5
8421.22.30	10
8421.22.90	10
8421.23.11	0
8421.23.19	0
8421.23.21	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8421.23.29	15
8421.23.91	0
8421.23.99	0
8421.29.10	0
8421.29.20	0
8421.29.30	0
8421.29.40	0
8421.29.50	0
8421.29.60	0
8421.29.90	0
8421.31.10	0
8421.31.20	10
8421.31.90	0
8421.32.00	0
8421.39.20	0
8421.39.30	0
8421.39.90	0
8421.91.10	0
8421.91.20	0
8421.91.90	0
8421.99.21	0
8421.99.29	0
8421.99.30	0
8421.99.40	0
8421.99.50	0
8421.99.60	0
8421.99.70	0
8421.99.91	0
8421.99.94	0
8421.99.96	0
8421.99.97	0
8421.99.99	0
8422.11.00	20
8422.19.00	15
8422.20.00	5
8422.30.00	0
8422.40.00	0
8422.90.10	5
8422.90.90	0
8423.10.10	20
8423.10.20	20
8423.20.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8423.20.90	0
8423.30.10	0
8423.30.90	0
8423.81.10	20
8423.81.90	20
8423.82.31	7
8423.82.32	7
8423.82.39	15
8423.82.41	3
8423.82.42	3
8423.82.49	3
8423.89.10	3
8423.89.90	3
8423.90.10	15
8423.90.30	5
8423.90.40	5
8424.10.10	0
8424.10.90	0
8424.20.11	0
8424.20.19	0
8424.20.21	0
8424.20.29	0
8424.30.00	0
8424.41.10	15
8424.41.20	0
8424.41.90	0
8424.49.10	0
8424.49.20	0
8424.82.10	0
8424.82.20	0
8424.82.30	0
8424.89.10	8
8424.89.20	8
8424.89.40	0
8424.89.50	0
8424.89.90	0
8424.90.10	0
8424.90.21	0
8424.90.23	0
8424.90.24	0
8424.90.29	0
8424.90.30	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8424.90.93	0
8424.90.94	0
8424.90.95	0
8424.90.96	0
8424.90.99	0
8425.11.00	0
8425.19.00	0
8425.31.00	0
8425.39.00	0
8425.41.00	0
8425.42.10	0
8425.42.90	0
8425.49.10	0
8425.49.20	0
8426.11.00	5
8426.12.00	0
8426.19.20	0
8426.19.30	0
8426.19.90	0
8426.20.00	0
8426.30.00	5
8426.41.00	0
8426.49.00	0
8426.91.00	0
8426.99.00	0
8427.10.00	0
8427.20.00	0
8427.90.00	0
8428.10.31	10
8428.10.39	10
8428.10.40	0
8428.20.10	5
8428.20.90	5
8428.31.00	5
8428.32.10	5
8428.32.90	5
8428.33.10	5
8428.33.90	5
8428.39.10	5
8428.39.90	5
8428.40.00	5
8428.60.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8428.70.00	0
8428.90.20	0
8428.90.30	0
8428.90.90	0
8429.11.00	0
8429.19.00	0
8429.20.00	0
8429.30.00	0
8429.40.30	0
8429.40.40	5
8429.40.50	0
8429.40.90	0
8429.51.00	0
8429.52.00	0
8429.59.00	0
8430.10.00	0
8430.20.00	0
8430.31.00	0
8430.39.00	0
8430.41.00	0
8430.49.10	0
8430.49.90	0
8430.50.00	0
8430.61.00	0
8430.69.00	0
8431.10.13	0
8431.10.19	0
8431.10.22	0
8431.10.29	0
8431.20.10	0
8431.20.90	0
8431.31.10	0
8431.31.20	0
8431.39.10	0
8431.39.40	0
8431.39.50	0
8431.39.90	0
8431.41.10	5
8431.41.90	5
8431.42.00	5
8431.43.00	0
8431.49.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8431.49.20	0
8431.49.40	0
8431.49.50	0
8431.49.60	0
8431.49.90	0
8432.10.00	20
8432.21.00	20
8432.29.00	20
8432.31.00	5
8432.39.00	5
8432.41.00	5
8432.42.00	5
8432.80.10	5
8432.80.20	5
8432.80.90	5
8432.90.10	0
8432.90.20	0
8432.90.90	0
8433.11.00	5
8433.19.10	5
8433.19.90	5
8433.20.00	5
8433.30.00	5
8433.40.00	5
8433.51.00	5
8433.52.00	5
8433.53.00	5
8433.59.20	5
8433.59.90	5
8433.60.10	0
8433.60.20	0
8433.90.10	0
8433.90.20	0
8433.90.30	0
8433.90.90	0
8434.10.00	0
8434.20.00	0
8434.90.00	0
8435.10.10	0
8435.10.20	0
8435.90.10	0
8435.90.20	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8436.10.10	20
8436.10.20	20
8436.21.10	3
8436.21.20	3
8436.29.10	3
8436.29.20	3
8436.80.11	3
8436.80.19	3
8436.80.21	3
8436.80.29	3
8436.91.00	0
8436.99.11	0
8436.99.19	0
8436.99.21	0
8436.99.29	0
8437.10.10	5
8437.10.20	5
8437.10.30	5
8437.10.40	5
8437.80.10	20
8437.80.20	20
8437.80.30	20
8437.80.40	20
8437.80.51	20
8437.80.59	20
8437.80.61	20
8437.80.69	20
8437.90.11	0
8437.90.19	0
8437.90.21	0
8437.90.29	0
8438.10.00	3
8438.20.10	3
8438.20.20	3
8438.30.10	3
8438.30.20	3
8438.40.00	5
8438.50.00	0
8438.60.00	0
8438.80.11	5
8438.80.12	0
8438.80.21	2

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8438.80.22	0
8438.80.91	2
8438.80.92	0
8438.90.11	0
8438.90.12	0
8438.90.19	0
8438.90.21	0
8438.90.22	0
8438.90.29	0
8439.10.00	0
8439.20.00	5
8439.30.00	0
8439.91.00	0
8439.99.00	0
8440.10.10	0
8440.10.20	0
8440.90.00	0
8441.10.10	0
8441.10.20	0
8441.20.00	0
8441.30.00	0
8441.40.00	0
8441.80.10	0
8441.80.20	0
8441.90.00	0
8442.30.00	0
8442.40.00	0
8442.50.00	0
8443.11.00	0
8443.12.00	0
8443.13.00	2
8443.14.00	2
8443.15.00	2
8443.16.00	2
8443.17.00	2
8443.19.00	0
8443.31.11	0
8443.31.19	0
8443.31.21	0
8443.31.29	0
8443.31.31	0
8443.31.39	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8443.31.91	0
8443.31.99	0
8443.32.11	0
8443.32.19	0
8443.32.21	0
8443.32.29	0
8443.32.31	0
8443.32.39	0
8443.32.40	0
8443.32.50	0
8443.32.60	0
8443.32.90	0
8443.39.10	0
8443.39.20	10
8443.39.30	0
8443.39.40	5
8443.39.90	5
8443.91.00	0
8443.99.10	0
8443.99.20	0
8443.99.30	0
8443.99.90	0
8444.00.10	0
8444.00.20	0
8445.11.10	0
8445.11.20	0
8445.12.00	0
8445.13.00	0
8445.19.30	5
8445.19.40	0
8445.19.50	0
8445.20.10	0
8445.20.20	0
8445.30.10	0
8445.30.20	0
8445.40.10	0
8445.40.20	0
8445.90.10	0
8445.90.20	0
8446.10.10	0
8446.10.20	0
8446.21.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8446.29.00	0
8446.30.00	0
8447.11.00	0
8447.12.00	0
8447.20.10	0
8447.20.20	0
8447.90.10	0
8447.90.20	0
8448.11.10	0
8448.11.20	0
8448.19.10	0
8448.19.20	0
8448.20.00	0
8448.31.00	0
8448.32.00	0
8448.33.00	0
8448.39.00	0
8448.42.00	0
8448.49.11	0
8448.49.12	0
8448.49.90	0
8448.51.00	0
8448.59.00	2
8449.00.00	0
8450.11.10	25
8450.11.90	25
8450.12.10	25
8450.12.90	25
8450.19.11	25
8450.19.19	25
8450.19.91	25
8450.19.99	25
8450.20.00	25
8450.90.10	5
8450.90.20	5
8451.10.00	0
8451.21.00	15
8451.29.00	3
8451.30.10	0
8451.30.90	0
8451.40.00	0
8451.50.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8451.80.00	0
8451.90.10	3
8451.90.90	0
8452.10.00	25
8452.21.00	0
8452.29.00	0
8452.30.00	10
8452.90.11	25
8452.90.12	25
8452.90.19	25
8452.90.91	0
8452.90.92	0
8452.90.99	0
8453.10.10	0
8453.10.20	0
8453.20.10	0
8453.20.20	0
8453.80.10	0
8453.80.20	0
8453.90.00	0
8454.10.00	0
8454.20.00	5
8454.30.00	0
8454.90.00	0
8455.10.00	2
8455.21.00	2
8455.22.00	2
8455.30.00	0
8455.90.00	0
8456.11.10	0
8456.11.90	0
8456.12.10	0
8456.12.90	0
8456.20.00	0
8456.30.00	0
8456.40.10	0
8456.40.20	0
8456.40.90	0
8456.50.00	0
8456.90.20	0
8456.90.90	0
8457.10.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8457.10.90	0
8457.20.00	0
8457.30.00	0
8458.11.10	0
8458.11.90	0
8458.19.10	15
8458.19.90	2
8458.91.00	0
8458.99.10	15
8458.99.90	2
8459.10.00	0
8459.21.00	0
8459.29.10	2
8459.29.20	2
8459.31.00	0
8459.39.10	0
8459.39.20	0
8459.41.00	0
8459.49.10	0
8459.49.20	0
8459.51.00	0
8459.59.10	0
8459.59.20	0
8459.61.00	0
8459.69.10	0
8459.69.20	0
8459.70.10	0
8459.70.20	0
8460.12.00	0
8460.19.00	0
8460.22.00	0
8460.23.00	0
8460.24.00	0
8460.29.10	0
8460.29.20	0
8460.31.10	0
8460.31.90	0
8460.39.10	0
8460.39.20	0
8460.40.00	0
8460.90.10	2
8460.90.20	2

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8461.20.00	5
8461.30.00	0
8461.40.00	0
8461.50.00	5
8461.90.20	5
8461.90.90	0
8462.11.00	2
8462.19.00	2
8462.22.10	0
8462.22.90	0
8462.23.00	0
8462.24.00	0
8462.25.00	0
8462.26.00	0
8462.29.00	0
8462.32.10	0
8462.32.90	0
8462.33.00	0
8462.39.00	0
8462.42.00	0
8462.49.00	0
8462.51.00	0
8462.59.00	0
8462.61.11	2
8462.61.19	0
8462.61.91	2
8462.61.99	0
8462.62.11	2
8462.62.19	0
8462.62.91	2
8462.62.99	0
8462.63.10	2
8462.63.90	0
8462.69.10	2
8462.69.90	0
8462.90.10	2
8462.90.90	0
8463.10.10	0
8463.10.20	0
8463.20.10	0
8463.20.20	0
8463.30.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8463.30.20	0
8463.90.10	0
8463.90.20	0
8464.10.10	0
8464.10.20	0
8464.20.10	0
8464.20.20	0
8464.90.10	0
8464.90.20	0
8465.10.00	0
8465.20.00	3
8465.91.10	3
8465.91.90	3
8465.92.10	3
8465.92.90	3
8465.93.10	3
8465.93.20	3
8465.94.00	3
8465.95.10	3
8465.95.90	3
8465.96.00	3
8465.99.10	3
8465.99.50	3
8465.99.60	3
8465.99.90	3
8466.10.10	0
8466.10.90	0
8466.20.10	0
8466.20.90	0
8466.30.00	0
8466.91.00	0
8466.92.00	0
8466.93.30	0
8466.93.40	0
8466.93.90	0
8466.94.00	0
8467.11.00	0
8467.19.00	0
8467.21.00	10
8467.22.00	10
8467.29.00	10
8467.81.00	0

e

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8467.89.00	0
8467.91.10	0
8467.91.90	0
8467.92.00	0
8467.99.10	5
8467.99.90	0
8468.10.00	0
8468.20.10	0
8468.20.90	0
8468.80.00	0
8468.90.20	0
8468.90.90	0
8470.10.00	0
8470.21.00	0
8470.29.00	0
8470.30.00	0
8470.50.00	0
8470.90.10	0
8470.90.90	0
8471.30.20	0
8471.30.90	0
8471.41.10	0
8471.41.90	0
8471.49.10	0
8471.49.90	0
8471.50.10	0
8471.50.90	0
8471.60.30	0
8471.60.40	0
8471.60.90	0
8471.70.20	0
8471.70.30	0
8471.70.40	0
8471.70.90	0
8471.80.10	0
8471.80.70	0
8471.80.90	0
8471.90.10	0
8471.90.30	3
8471.90.40	0
8471.90.90	0
8472.10.00	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8472.30.00	3
8472.90.10	0
8472.90.41	0
8472.90.49	0
8472.90.50	0
8472.90.60	3
8472.90.90	3
8473.21.00	0
8473.29.00	0
8473.30.10	0
8473.30.90	0
8473.40.00	0
8473.50.10	0
8473.50.90	0
8474.10.10	2
8474.10.20	2
8474.20.11	2
8474.20.19	2
8474.20.21	2
8474.20.29	2
8474.31.10	2
8474.31.20	2
8474.32.11	5
8474.32.19	2
8474.32.21	5
8474.32.29	0
8474.39.10	2
8474.39.20	2
8474.80.10	2
8474.80.20	2
8474.90.00	0
8475.10.00	0
8475.21.00	0
8475.29.00	0
8475.90.30	0
8475.90.90	0
8476.21.00	0
8476.29.00	0
8476.81.00	0
8476.89.10	0
8476.89.90	0
8476.90.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8476.90.90	0
8477.10.10	0
8477.10.31	0
8477.10.39	0
8477.20.10	0
8477.20.20	0
8477.30.00	0
8477.40.10	0
8477.40.20	0
8477.51.00	0
8477.59.10	0
8477.59.20	0
8477.80.10	0
8477.80.20	0
8477.80.31	0
8477.80.39	0
8477.80.40	0
8477.90.10	0
8477.90.20	0
8477.90.32	0
8477.90.39	0
8477.90.40	0
8478.10.10	0
8478.10.20	0
8478.90.00	0
8479.10.10	0
8479.10.20	0
8479.20.10	2
8479.20.20	0
8479.30.00	2
8479.40.10	0
8479.40.20	0
8479.50.00	0
8479.60.00	0
8479.71.00	0
8479.79.00	0
8479.81.10	0
8479.81.20	0
8479.82.10	0
8479.82.20	0
8479.83.00	0
8479.89.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8479.89.50	0
8479.89.61	0
8479.89.69	0
8479.89.70	0
8479.90.10	0
8479.90.50	0
8479.90.90	0
8480.10.00	2
8480.20.00	0
8480.30.10	0
8480.30.90	0
8480.41.00	0
8480.49.00	2
8480.50.00	0
8480.60.00	5
8480.71.10	3
8480.71.90	0
8480.79.10	3
8480.79.90	0
8481.10.11	5
8481.10.19	3
8481.10.21	3
8481.10.22	3
8481.10.91	3
8481.10.99	3
8481.20.11	5
8481.20.19	5
8481.20.20	0
8481.20.90	0
8481.30.10	0
8481.30.20	2
8481.30.40	0
8481.30.90	0
8481.40.10	5
8481.40.30	5
8481.40.90	5
8481.80.11	5
8481.80.12	5
8481.80.13	5
8481.80.14	5
8481.80.21	5
8481.80.22	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8481.80.30	5
8481.80.41	5
8481.80.49	5
8481.80.51	20
8481.80.59	20
8481.80.61	15
8481.80.62	15
8481.80.63	15
8481.80.64	15
8481.80.65	15
8481.80.66	10
8481.80.67	10
8481.80.71	10
8481.80.72	10
8481.80.73	5
8481.80.74	5
8481.80.77	10
8481.80.78	5
8481.80.79	5
8481.80.81	3
8481.80.82	3
8481.80.83	10
8481.80.84	5
8481.80.93	10
8481.80.94	10
8481.80.95	5
8481.80.96	5
8481.80.97	10
8481.80.98	10
8481.80.99	10
8481.90.10	0
8481.90.21	10
8481.90.22	0
8481.90.23	3
8481.90.29	3
8481.90.31	3
8481.90.39	3
8481.90.41	3
8481.90.49	3
8481.90.90	0
8482.10.00	3
8482.20.00	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8482.30.00	3
8482.40.00	3
8482.50.00	3
8482.80.00	3
8482.91.00	0
8482.99.00	0
8483.10.10	20
8483.10.24	20
8483.10.25	20
8483.10.26	20
8483.10.27	3
8483.10.31	10
8483.10.39	0
8483.10.90	20
8483.20.20	0
8483.20.30	10
8483.20.90	0
8483.30.30	10
8483.30.90	0
8483.40.20	10
8483.40.30	15
8483.40.40	10
8483.40.90	10
8483.50.00	10
8483.60.00	0
8483.90.11	10
8483.90.13	10
8483.90.14	10
8483.90.15	5
8483.90.19	10
8483.90.91	10
8483.90.93	10
8483.90.94	10
8483.90.95	5
8483.90.99	10
8484.10.00	3
8484.20.00	3
8484.90.00	3
8485.10.00	0
8485.20.00	0
8485.30.10	0
8485.30.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8485.80.00	KBTC
8485.90.10	0
8485.90.90	0
8486.10.10	0
8486.10.20	0
8486.10.30	0
8486.10.40	0
8486.10.50	0
8486.10.60	0
8486.10.90	0
8486.20.11	0
8486.20.12	0
8486.20.13	0
8486.20.19	0
8486.20.21	0
8486.20.29	0
8486.20.31	0
8486.20.32	0
8486.20.33	0
8486.20.39	0
8486.20.41	0
8486.20.42	0
8486.20.49	0
8486.20.51	0
8486.20.59	0
8486.20.91	0
8486.20.92	0
8486.20.93	0
8486.20.94	0
8486.20.95	0
8486.20.99	0
8486.30.10	0
8486.30.20	0
8486.30.30	0
8486.30.90	0
8486.40.10	0
8486.40.20	0
8486.40.30	0
8486.40.40	0
8486.40.50	0
8486.40.60	0
8486.40.70	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8486.40.90	0
8486.90.11	0
8486.90.12	0
8486.90.13	0
8486.90.14	0
8486.90.15	0
8486.90.16	0
8486.90.17	0
8486.90.19	0
8486.90.21	0
8486.90.22	0
8486.90.23	0
8486.90.24	0
8486.90.25	0
8486.90.26	0
8486.90.27	0
8486.90.28	0
8486.90.29	0
8486.90.31	0
8486.90.32	0
8486.90.33	0
8486.90.34	0
8486.90.35	0
8486.90.36	0
8486.90.39	0
8486.90.41	0
8486.90.42	0
8486.90.43	0
8486.90.44	0
8486.90.45	0
8486.90.46	0
8486.90.49	0
8487.10.00	0
8487.90.00	0
8501.10.21	3
8501.10.22	25
8501.10.29	25
8501.10.30	10
8501.10.41	3
8501.10.49	25
8501.10.51	3
8501.10.59	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8501.10.60	10
8501.10.91	3
8501.10.99	25
8501.20.12	3
8501.20.19	15
8501.20.21	3
8501.20.29	15
8501.31.30	3
8501.31.60	20
8501.31.70	20
8501.31.80	20
8501.32.21	3
8501.32.24	10
8501.32.25	10
8501.32.26	10
8501.32.31	3
8501.32.32	5
8501.32.33	5
8501.33.10	0
8501.33.90	0
8501.34.00	0
8501.40.11	3
8501.40.19	20
8501.40.21	3
8501.40.29	20
8501.51.11	3
8501.51.19	15
8501.52.11	3
8501.52.12	10
8501.52.19	10
8501.52.21	3
8501.52.22	10
8501.52.29	10
8501.52.31	0
8501.52.32	0
8501.52.39	0
8501.53.10	0
8501.53.90	0
8501.61.10	20
8501.61.20	20
8501.62.10	7
8501.62.20	7

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8501.63.00	0
8501.64.00	0
8501.71.00	20
8501.72.10	20
8501.72.20	10
8501.72.30	5
8501.72.40	0
8501.80.10	20
8501.80.20	7
8501.80.30	0
8501.80.40	0
8502.11.00	15
8502.12.10	10
8502.12.20	10
8502.13.20	5
8502.13.90	5
8502.20.10	20
8502.20.20	10
8502.20.30	10
8502.20.42	10
8502.20.49	10
8502.31.10	0
8502.31.20	0
8502.39.10	0
8502.39.20	0
8502.39.32	0
8502.39.39	0
8502.40.00	0
8503.00.20	5
8503.00.90	5
8504.10.00	15
8504.21.11	5
8504.21.19	5
8504.21.92	5
8504.21.93	5
8504.21.99	5
8504.22.11	25
8504.22.19	25
8504.22.92	5
8504.22.93	25
8504.22.99	15
8504.23.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8504.23.21	5
8504.23.22	5
8504.23.29	5
8504.31.11	5
8504.31.12	15
8504.31.13	20
8504.31.19	20
8504.31.21	5
8504.31.22	5
8504.31.23	15
8504.31.24	20
8504.31.29	20
8504.31.30	3
8504.31.40	5
8504.31.91	20
8504.31.92	20
8504.31.93	15
8504.31.99	15
8504.32.11	10
8504.32.19	10
8504.32.20	20
8504.32.30	0
8504.32.41	10
8504.32.49	0
8504.32.51	10
8504.32.59	10
8504.33.11	20
8504.33.19	10
8504.33.91	10
8504.33.99	10
8504.34.11	10
8504.34.12	3
8504.34.13	10
8504.34.14	10
8504.34.15	3
8504.34.19	10
8504.34.22	10
8504.34.23	3
8504.34.24	10
8504.34.25	10
8504.34.26	3
8504.34.29	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8504.40.11	0
8504.40.19	0
8504.40.20	0
8504.40.30	0
8504.40.40	0
8504.40.90	0
8504.50.10	0
8504.50.20	0
8504.50.93	0
8504.50.94	0
8504.50.95	0
8504.90.10	5
8504.90.20	0
8504.90.31	5
8504.90.39	0
8504.90.41	5
8504.90.49	0
8504.90.90	0
8505.11.00	0
8505.19.00	0
8505.20.00	0
8505.90.10	0
8505.90.20	0
8505.90.90	0
8506.10.11	15
8506.10.12	25
8506.10.19	25
8506.10.91	5
8506.10.99	5
8506.30.00	20
8506.40.00	20
8506.50.00	20
8506.60.10	20
8506.60.90	5
8506.80.30	25
8506.80.90	5
8506.90.00	5
8507.10.10	0
8507.10.92	25
8507.10.95	25
8507.10.96	25
8507.10.97	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8507.10.98	20
8507.10.99	20
8507.20.10	0
8507.20.94	25
8507.20.95	25
8507.20.96	25
8507.20.97	20
8507.20.98	20
8507.20.99	20
8507.30.10	0
8507.30.90	20
8507.50.10	0
8507.50.20	0
8507.50.90	0
8507.60.31	0
8507.60.32	0
8507.60.33	0
8507.60.39	0
8507.60.90	0
8507.80.11	0
8507.80.19	0
8507.80.20	0
8507.80.91	20
8507.80.99	0
8507.90.11	5
8507.90.12	0
8507.90.19	5
8507.90.91	0
8507.90.92	5
8507.90.93	5
8507.90.99	5
8508.11.00	25
8508.19.10	25
8508.19.90	0
8508.60.00	0
8508.70.10	0
8508.70.90	0
8509.40.00	25
8509.80.10	25
8509.80.20	25
8509.80.90	25
8509.90.10	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8509.90.90	7
8510.10.00	20
8510.20.00	20
8510.30.00	20
8510.90.00	20
8511.10.10	0
8511.10.20	10
8511.10.90	20
8511.20.10	0
8511.20.21	10
8511.20.29	10
8511.20.91	20
8511.20.99	20
8511.30.30	0
8511.30.41	10
8511.30.49	10
8511.30.91	20
8511.30.99	20
8511.40.10	0
8511.40.21	10
8511.40.29	20
8511.40.31	20
8511.40.32	10
8511.40.33	10
8511.40.91	10
8511.40.99	20
8511.50.10	0
8511.50.21	10
8511.50.29	20
8511.50.31	20
8511.50.32	10
8511.50.33	10
8511.50.91	10
8511.50.99	20
8511.80.10	0
8511.80.20	10
8511.80.90	20
8511.90.10	0
8511.90.20	0
8511.90.90	5
8512.10.00	25
8512.20.20	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8512.20.91	25
8512.20.99	25
8512.30.10	25
8512.30.20	25
8512.30.91	20
8512.30.99	20
8512.40.00	25
8512.90.10	20
8512.90.20	15
8513.10.30	0
8513.10.90	20
8513.90.10	0
8513.90.30	20
8513.90.90	20
8514.11.00	0
8514.19.00	0
8514.20.20	0
8514.20.90	0
8514.31.10	0
8514.31.90	0
8514.32.10	0
8514.32.90	0
8514.39.10	0
8514.39.90	0
8514.40.00	0
8514.90.20	0
8514.90.90	0
8515.11.00	0
8515.19.11	0
8515.19.19	0
8515.19.90	0
8515.21.00	0
8515.29.00	0
8515.31.00	0
8515.39.10	0
8515.39.90	0
8515.80.10	0
8515.80.90	0
8515.90.10	0
8515.90.21	0
8515.90.29	0
8515.90.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8516.10.11	20
8516.10.19	20
8516.10.30	20
8516.21.00	25
8516.29.00	25
8516.31.00	25
8516.32.00	25
8516.33.00	25
8516.40.10	20
8516.40.90	25
8516.50.00	25
8516.60.10	20
8516.60.90	20
8516.71.00	25
8516.72.00	25
8516.79.10	25
8516.79.90	20
8516.80.10	10
8516.80.30	20
8516.80.90	10
8516.90.21	3
8516.90.29	3
8516.90.30	3
8516.90.40	3
8516.90.90	3
8517.11.00	0
8517.13.00	0
8517.14.00	0
8517.18.00	0
8517.61.00	0
8517.62.10	0
8517.62.30	0
8517.62.41	0
8517.62.42	0
8517.62.43	0
8517.62.49	0
8517.62.51	0
8517.62.52	0
8517.62.53	0
8517.62.59	0
8517.62.61	0
8517.62.69	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8517.62.91	0
8517.62.92	10
8517.62.99	0
8517.69.00	0
8517.71.00	0
8517.79.10	0
8517.79.21	0
8517.79.29	0
8517.79.31	0
8517.79.32	3
8517.79.39	0
8517.79.91	0
8517.79.92	5
8517.79.99	0
8518.10.11	0
8518.10.19	15
8518.10.90	15
8518.21.10	15
8518.21.90	15
8518.22.10	15
8518.22.90	15
8518.29.20	0
8518.29.90	15
8518.30.10	15
8518.30.20	15
8518.30.40	0
8518.30.51	15
8518.30.59	15
8518.30.90	15
8518.40.20	0
8518.40.30	7
8518.40.40	10
8518.40.90	20
8518.50.10	10
8518.50.20	10
8518.50.90	20
8518.90.10	0
8518.90.20	0
8518.90.30	10
8518.90.40	10
8518.90.90	0
8519.20.10	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8519.20.90	25
8519.30.00	25
8519.81.10	25
8519.81.20	25
8519.81.30	30
8519.81.41	10
8519.81.49	25
8519.81.50	10
8519.81.61	10
8519.81.62	0
8519.81.69	25
8519.81.71	10
8519.81.79	25
8519.81.91	10
8519.81.99	20
8519.89.10	10
8519.89.20	25
8519.89.30	10
8519.89.40	20
8519.89.90	20
8521.10.10	10
8521.10.90	30
8521.90.11	10
8521.90.19	35
8521.90.91	10
8521.90.99	35
8522.10.00	0
8522.90.20	0
8522.90.30	0
8522.90.40	0
8522.90.50	0
8522.90.91	5
8522.90.92	10
8522.90.93	3
8522.90.99	3
8523.21.10	0
8523.21.90	20
8523.29.11	0
8523.29.19	0
8523.29.21	10
8523.29.29	10
8523.29.31	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8523.29.33	0
8523.29.39	0
8523.29.41	0
8523.29.42	10
8523.29.43	5
8523.29.49	5
8523.29.51	0
8523.29.52	0
8523.29.59	0
8523.29.61	0
8523.29.62	10
8523.29.63	25
8523.29.69	10
8523.29.71	0
8523.29.79	0
8523.29.81	0
8523.29.82	0
8523.29.83	0
8523.29.85	10
8523.29.86	10
8523.29.89	10
8523.29.91	0
8523.29.92	0
8523.29.93	0
8523.29.94	0
8523.29.95	0
8523.29.99	0
8523.41.10	0
8523.41.90	0
8523.49.11	0
8523.49.12	15
8523.49.13	15
8523.49.14	0
8523.49.15	15
8523.49.16	5
8523.49.19	15
8523.49.91	0
8523.49.92	15
8523.49.93	0
8523.49.99	10
8523.51.11	0
8523.51.19	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8523.51.21	0
8523.51.29	0
8523.51.30	0
8523.51.91	10
8523.51.92	10
8523.51.99	10
8523.52.00	0
8523.59.10	0
8523.59.21	0
8523.59.29	0
8523.59.30	0
8523.59.40	0
8523.59.90	10
8523.80.40	25
8523.80.51	0
8523.80.59	0
8523.80.91	0
8523.80.92	0
8523.80.99	10
8524.11.00	0
8524.12.00	0
8524.19.00	0
8524.91.00	0
8524.92.00	0
8524.99.00	0
8525.50.00	0
8525.60.00	0
8525.81.10	0
8525.81.20	10
8525.81.90	0
8525.82.10	0
8525.82.20	10
8525.82.90	0
8525.83.10	0
8525.83.20	10
8525.83.90	0
8525.89.10	0
8525.89.20	10
8525.89.30	15
8525.89.90	0
8526.10.10	0
8526.10.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8526.91.10	0
8526.91.90	0
8526.92.00	0
8527.12.00	30
8527.13.10	30
8527.13.90	30
8527.19.20	30
8527.19.90	30
8527.21.10	25
8527.21.90	25
8527.29.00	25
8527.91.10	30
8527.91.90	30
8527.92.20	30
8527.92.90	30
8527.99.20	30
8527.99.90	30
8528.42.00	0
8528.49.10	12
8528.49.20	10
8528.52.00	0
8528.59.10	12
8528.59.20	10
8528.62.00	0
8528.69.10	10
8528.69.90	0
8528.71.11	0
8528.71.19	0
8528.71.91	25
8528.71.99	25
8528.72.10	35
8528.72.91	35
8528.72.92	35
8528.72.99	35
8528.73.00	25
8529.10.21	10
8529.10.29	10
8529.10.30	15
8529.10.40	0
8529.10.60	10
8529.10.93	10
8529.10.94	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8529.10.99	0
8529.90.20	0
8529.90.40	0
8529.90.51	0
8529.90.52	3
8529.90.53	0
8529.90.54	5
8529.90.55	0
8529.90.59	0
8529.90.91	3
8529.90.94	0
8529.90.99	0
8530.10.00	0
8530.80.00	0
8530.90.00	0
8531.10.10	0
8531.10.20	0
8531.10.30	0
8531.10.90	0
8531.20.00	0
8531.80.11	20
8531.80.19	20
8531.80.21	0
8531.80.29	0
8531.80.90	5
8531.90.10	0
8531.90.20	10
8531.90.30	10
8531.90.90	0
8532.10.00	0
8532.21.00	0
8532.22.00	0
8532.23.00	0
8532.24.00	0
8532.25.00	0
8532.29.00	0
8532.30.00	0
8532.90.00	0
8533.10.10	0
8533.10.90	0
8533.21.00	0
8533.29.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8533.31.00	0
8533.39.00	0
8533.40.00	0
8533.90.00	0
8534.00.10	0
8534.00.20	0
8534.00.30	0
8534.00.90	0
8535.10.00	0
8535.21.10	5
8535.21.20	5
8535.21.90	5
8535.29.10	5
8535.29.90	5
8535.30.11	5
8535.30.19	5
8535.30.20	5
8535.30.90	5
8535.40.00	0
8535.90.10	0
8535.90.20	0
8535.90.90	0
8536.10.11	25
8536.10.12	25
8536.10.13	25
8536.10.19	25
8536.10.91	25
8536.10.92	25
8536.10.93	25
8536.10.99	15
8536.20.11	15
8536.20.12	15
8536.20.13	15
8536.20.19	0
8536.20.20	20
8536.20.91	15
8536.20.99	15
8536.30.10	3
8536.30.20	25
8536.30.90	15
8536.41.10	3
8536.41.20	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8536.41.30	10
8536.41.40	10
8536.41.91	10
8536.41.99	10
8536.49.10	3
8536.49.90	0
8536.50.20	10
8536.50.32	0
8536.50.33	15
8536.50.39	15
8536.50.40	15
8536.50.51	0
8536.50.59	0
8536.50.61	15
8536.50.69	15
8536.50.95	15
8536.50.96	10
8536.50.99	10
8536.61.11	5
8536.61.19	5
8536.61.91	25
8536.61.99	25
8536.69.10	25
8536.69.23	15
8536.69.24	15
8536.69.29	15
8536.69.32	0
8536.69.39	0
8536.69.92	25
8536.69.99	25
8536.70.10	0
8536.70.20	5
8536.70.90	5
8536.90.12	0
8536.90.19	0
8536.90.22	20
8536.90.29	20
8536.90.32	20
8536.90.39	20
8536.90.40	25
8536.90.93	25
8536.90.94	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8536.90.99	25
8537.10.11	0
8537.10.12	5
8537.10.13	0
8537.10.19	15
8537.10.20	10
8537.10.30	10
8537.10.40	15
8537.10.91	15
8537.10.92	0
8537.10.99	15
8537.20.11	5
8537.20.19	5
8537.20.21	5
8537.20.29	5
8537.20.90	5
8538.10.11	15
8538.10.12	15
8538.10.19	15
8538.10.21	5
8538.10.22	5
8538.10.29	5
8538.90.11	12
8538.90.12	12
8538.90.13	12
8538.90.19	12
8538.90.20	3
8539.10.10	20
8539.10.90	0
8539.21.20	0
8539.21.30	20
8539.21.40	10
8539.21.90	0
8539.22.20	0
8539.22.31	10
8539.22.32	10
8539.22.33	10
8539.22.39	10
8539.22.91	15
8539.22.93	15
8539.22.99	15
8539.29.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8539.29.20	25
8539.29.30	10
8539.29.41	0
8539.29.49	10
8539.29.50	25
8539.29.60	10
8539.29.90	7
8539.31.10	25
8539.31.20	25
8539.31.30	25
8539.31.90	25
8539.32.00	0
8539.39.10	10
8539.39.20	10
8539.39.40	10
8539.39.90	8
8539.41.00	0
8539.49.00	0
8539.51.00	KBTC
8539.52.10	0
8539.52.90	0
8539.90.10	5
8539.90.20	15
8539.90.30	KBTC
8539.90.90	3
8540.11.00	5
8540.12.00	10
8540.20.00	10
8540.40.10	0
8540.40.90	0
8540.60.00	0
8540.71.00	0
8540.79.00	0
8540.81.00	0
8540.89.00	0
8540.91.00	0
8540.99.00	0
8541.10.00	0
8541.21.00	0
8541.29.00	0
8541.30.00	0
8541.41.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8541.42.00	0
8541.43.00	0
8541.49.00	0
8541.51.00	0
8541.59.00	0
8541.60.00	0
8541.90.00	0
8542.31.00	0
8542.32.00	0
8542.33.00	0
8542.39.00	0
8542.90.00	0
8543.10.00	0
8543.20.00	0
8543.30.20	0
8543.30.91	0
8543.30.99	0
8543.40.00	0
8543.70.10	0
8543.70.21	0
8543.70.29	0
8543.70.30	0
8543.70.40	0
8543.70.50	0
8543.70.60	0
8543.70.90	0
8543.90.10	0
8543.90.20	0
8543.90.30	0
8543.90.40	0
8543.90.90	0
8544.11.20	15
8544.11.30	15
8544.11.40	15
8544.11.90	10
8544.19.00	5
8544.20.11	10
8544.20.19	10
8544.20.21	10
8544.20.29	10
8544.20.31	0
8544.20.39	2

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8544.20.41	0
8544.20.49	2
8544.30.12	20
8544.30.13	20
8544.30.14	20
8544.30.19	20
8544.30.91	5
8544.30.99	5
8544.42.11	0
8544.42.13	0
8544.42.19	0
8544.42.21	0
8544.42.23	0
8544.42.29	0
8544.42.32	15
8544.42.33	15
8544.42.34	15
8544.42.39	15
8544.42.91	10
8544.42.92	10
8544.42.94	17
8544.42.95	17
8544.42.96	17
8544.42.97	10
8544.42.99	10
8544.49.11	0
8544.49.13	0
8544.49.19	0
8544.49.21	10
8544.49.22	17
8544.49.23	15
8544.49.24	10
8544.49.29	10
8544.49.31	0
8544.49.32	10
8544.49.33	10
8544.49.39	10
8544.49.41	10
8544.49.42	10
8544.49.49	10
8544.60.11	20
8544.60.12	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8544.60.19	5
8544.60.21	5
8544.60.22	5
8544.60.29	5
8544.60.31	5
8544.60.39	5
8544.70.10	0
8544.70.90	0
8545.11.00	0
8545.19.00	5
8545.20.00	5
8545.90.00	5
8546.10.00	0
8546.20.10	10
8546.20.90	10
8546.90.00	0
8547.10.00	0
8547.20.00	0
8547.90.10	0
8547.90.90	0
8548.00.00	0
8549.11.11	20
8549.11.12	20
8549.11.19	20
8549.11.20	20
8549.11.30	20
8549.11.91	20
8549.11.92	20
8549.11.99	20
8549.12.10	20
8549.12.20	20
8549.12.90	20
8549.13.10	20
8549.13.20	20
8549.13.90	20
8549.14.10	20
8549.14.20	20
8549.14.90	20
8549.19.10	20
8549.19.20	20
8549.19.90	20
8549.21.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8549.29.00	0
8549.31.00	0
8549.39.00	0
8549.91.10	0
8549.91.90	0
8549.99.00	0
8601.10.00	0
8601.20.00	0
8602.10.00	0
8602.90.00	0
8603.10.00	0
8603.90.00	0
8604.00.00	0
8605.00.00	0
8606.10.00	0
8606.30.00	0
8606.91.00	0
8606.92.00	0
8606.99.00	2
8607.11.00	0
8607.12.00	0
8607.19.00	0
8607.21.00	0
8607.29.00	0
8607.30.00	0
8607.91.00	0
8607.99.00	0
8608.00.20	0
8608.00.90	0
8609.00.10	0
8609.00.90	0
8701.10.11	30
8701.10.19	30
8701.10.91	10
8701.10.99	10
8701.21.10	0
8701.21.90	5
8701.22.10	0
8701.22.90	5
8701.23.10	0
8701.23.90	5
8701.24.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8701.24.90	5
8701.29.10	0
8701.29.90	5
8701.30.00	0
8701.91.10	5
8701.91.90	5
8701.92.10	5
8701.92.90	5
8701.93.10	5
8701.93.90	5
8701.94.10	5
8701.94.90	5
8701.95.10	5
8701.95.90	5
8702.10.10	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.10.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.10.42	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.10.49	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.10.50	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.10.60	70
8702.10.71	5
8702.10.72	5
8702.10.79	5
8702.10.81	70
8702.10.82	70
8702.10.89	70
8702.10.91	70
8702.10.99	70
8702.20.10	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8702.20.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.32	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.49	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.50	70
8702.20.61	5
8702.20.62	5
8702.20.69	5
8702.20.71	70
8702.20.72	70
8702.20.79	70
8702.20.91	70
8702.20.99	70
8702.30.10	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8702.30.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.49	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.50	70
8702.30.61	5
8702.30.69	5
8702.30.71	70
8702.30.79	70
8702.30.91	70
8702.30.99	70
8702.40.10	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.49	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.50	70
8702.40.61	5
8702.40.69	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8702.40.71	70
8702.40.79	70
8702.40.91	70
8702.40.99	70
8702.90.10	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.32	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.33	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.40	70
8702.90.51	5
8702.90.59	5
8702.90.61	70
8702.90.69	70
8702.90.71	70
8702.90.79	70
8702.90.80	70
8702.90.90	70
8703.10.10	70
8703.10.90	70
8703.21.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.21.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.21.14	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.15	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.41	70
8703.21.42	70
8703.21.43	15
8703.21.44	70
8703.21.45	70
8703.21.51	70
8703.21.59	70
8703.21.91	70
8703.21.99	70
8703.22.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.22.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.22.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.22.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.30	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.41	70
8703.22.42	70
8703.22.43	20
8703.22.44	20
8703.22.45	20
8703.22.46	70
8703.22.47	70
8703.22.51	70
8703.22.59	70
8703.22.90	70
8703.23.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.23.12	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.23.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.23.14	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.24	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.32	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.33	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.34	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.35	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.36	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.42	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.23.51	20
8703.23.52	20
8703.23.53	15
8703.23.54	70
8703.23.55	70
8703.23.56	70
8703.23.57	64
8703.23.58	52
8703.23.61	70
8703.23.62	70
8703.23.63	64
8703.23.64	52
8703.23.65	70
8703.23.66	70
8703.23.67	70
8703.23.68	52
8703.23.71	70
8703.23.72	70
8703.23.73	70
8703.23.74	52
8703.24.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.24.12	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.24.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.24.14	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.24.15	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.24.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.24.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.24.30	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.24.41	15
8703.24.42	15
8703.24.43	15
8703.24.44	70
8703.24.45	47
8703.24.49	52
8703.24.51	45
8703.24.59	52
8703.24.61	47
8703.24.69	52
8703.31.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.31.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.31.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.31.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.31.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.41	70
8703.31.42	70
8703.31.43	15
8703.31.44	20
8703.31.45	20
8703.31.46	70
8703.31.47	70
8703.31.51	70
8703.31.59	70
8703.31.91	70
8703.31.99	70
8703.32.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.32.12	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.32.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.32.14	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.32.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.32	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.33	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.34	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.35	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.36	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.42	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.43	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.51	20
8703.32.52	15
8703.32.53	20
8703.32.54	70
8703.32.61	70
8703.32.62	70
8703.32.63	70
8703.32.71	70
8703.32.72	70
8703.32.73	70
8703.32.74	70
8703.32.75	70
8703.32.76	70

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.32.81	70
8703.32.82	70
8703.32.83	70
8703.33.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.33.12	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.33.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.33.14	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.32	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.33	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.34	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.40	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.51	20
8703.33.52	15
8703.33.53	15
8703.33.54	70

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.33.61	70
8703.33.62	70
8703.33.71	70
8703.33.72	70
8703.33.80	70
8703.33.90	70
8703.40.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.40.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.40.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.40.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.40.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.24	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.25	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.26	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.27	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.28	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.31	70
8703.40.32	70
8703.40.33	70
8703.40.34	20
8703.40.35	20
8703.40.36	15
8703.40.41	20
8703.40.42	20
8703.40.43	20
8703.40.44	20
8703.40.45	20
8703.40.46	20
8703.40.47	15
8703.40.51	20
8703.40.52	20
8703.40.53	15
8703.40.54	15
8703.40.55	15
8703.40.56	70
8703.40.57	70
8703.40.58	70
8703.40.61	70
8703.40.62	70
8703.40.63	70
8703.40.64	70

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.40.65	70
8703.40.66	52
8703.40.67	47
8703.40.68	52
8703.40.71	70
8703.40.72	70
8703.40.73	70
8703.40.74	70
8703.40.75	70
8703.40.76	52
8703.40.77	47
8703.40.81	70
8703.40.82	70
8703.40.83	70
8703.40.84	70
8703.40.85	70
8703.40.86	52
8703.40.87	52
8703.40.91	70
8703.40.92	70
8703.40.93	70
8703.40.94	70
8703.40.95	70
8703.40.96	52
8703.40.97	47
8703.40.98	52
8703.50.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.50.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.50.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.50.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.24	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.25	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.26	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.27	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.28	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.31	70
8703.50.32	70
8703.50.33	70

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.50.34	15
8703.50.35	20
8703.50.36	20
8703.50.41	20
8703.50.42	20
8703.50.43	15
8703.50.44	15
8703.50.45	15
8703.50.46	15
8703.50.47	15
8703.50.51	20
8703.50.52	20
8703.50.53	20
8703.50.54	20
8703.50.55	15
8703.50.56	70
8703.50.57	70
8703.50.58	70
8703.50.61	70
8703.50.62	70
8703.50.63	70
8703.50.64	70
8703.50.65	70
8703.50.66	70
8703.50.67	70
8703.50.71	70
8703.50.72	70
8703.50.73	70
8703.50.74	70
8703.50.75	70
8703.50.76	70
8703.50.77	70
8703.50.81	70
8703.50.82	70
8703.50.83	70
8703.50.84	70
8703.50.85	70
8703.50.86	70
8703.50.87	70
8703.50.91	70
8703.50.92	70
8703.50.93	70

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.50.94	70
8703.50.95	70
8703.50.96	70
8703.50.97	70
8703.60.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.60.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.60.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.60.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.60.24	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.25	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.26	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.27	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.28	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.31	70
8703.60.32	70
8703.60.33	70
8703.60.34	20
8703.60.35	20
8703.60.36	15
8703.60.41	20
8703.60.42	20
8703.60.43	20
8703.60.44	20
8703.60.45	20
8703.60.46	20
8703.60.47	15
8703.60.51	20
8703.60.52	20
8703.60.53	15
8703.60.54	15
8703.60.55	15
8703.60.56	70
8703.60.57	70
8703.60.58	70
8703.60.61	70
8703.60.62	70
8703.60.63	70
8703.60.64	70
8703.60.65	70
8703.60.66	52
8703.60.67	47

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.60.68	52
8703.60.71	70
8703.60.72	70
8703.60.73	70
8703.60.74	70
8703.60.75	70
8703.60.76	52
8703.60.77	47
8703.60.81	70
8703.60.82	70
8703.60.83	70
8703.60.84	70
8703.60.85	70
8703.60.86	52
8703.60.87	52
8703.60.91	70
8703.60.92	70
8703.60.93	70
8703.60.94	70
8703.60.95	70
8703.60.96	52
8703.60.97	47
8703.60.98	52
8703.70.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.70.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.70.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.70.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.24	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.25	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.26	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.27	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.28	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.31	70
8703.70.32	70
8703.70.33	70
8703.70.34	15
8703.70.35	20
8703.70.36	20
8703.70.41	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.70.42	20
8703.70.43	15
8703.70.44	15
8703.70.45	15
8703.70.46	15
8703.70.47	15
8703.70.51	20
8703.70.52	20
8703.70.53	20
8703.70.54	20
8703.70.55	15
8703.70.56	70
8703.70.57	70
8703.70.58	70
8703.70.61	70
8703.70.62	70
8703.70.63	70
8703.70.64	70
8703.70.65	70
8703.70.66	70
8703.70.67	70
8703.70.71	70
8703.70.72	70
8703.70.73	70
8703.70.74	70
8703.70.75	70
8703.70.76	70
8703.70.77	70
8703.70.81	70
8703.70.82	70
8703.70.83	70
8703.70.84	70
8703.70.85	70
8703.70.86	70
8703.70.87	70
8703.70.91	70
8703.70.92	70
8703.70.93	70
8703.70.94	70
8703.70.95	70
8703.70.96	70
8703.70.97	70

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.80.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.80.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.80.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.80.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.91	70
8703.80.92	70
8703.80.93	15
8703.80.94	20
8703.80.95	20
8703.80.96	70
8703.80.97	70
8703.80.98	70
8703.80.99	70
8703.90.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8703.90.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.90.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.90.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.90.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.90.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.90.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.90.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.90.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.90.91	70
8703.90.92	70
8703.90.93	20
8703.90.94	20
8703.90.95	20
8703.90.96	70
8703.90.97	70
8703.90.98	70
8703.90.99	70
8704.10.13	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.10.14	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8704.10.15	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.10.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.10.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.10.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.10.31	50
8704.10.32	50
8704.10.33	50
8704.10.34	50
8704.10.35	10
8704.10.36	10
8704.10.37	0
8704.21.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.21.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.21.13	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.21.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.21.21	20
8704.21.22	20
8704.21.23	20
8704.21.24	10
8704.21.25	20
8704.21.26	70
8704.21.27	70
8704.21.29	70

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8704.22.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.22.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.22.21	20
8704.22.22	20
8704.22.23	20
8704.22.24	10
8704.22.25	20
8704.22.29	50
8704.22.31	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.22.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.22.41	20
8704.22.42	20
8704.22.43	20
8704.22.45	20
8704.22.46	10
8704.22.47	10
8704.22.51	50
8704.22.59	30
8704.23.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.23.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.23.21	20
8704.23.22	20
8704.23.23	20
8704.23.24	10
8704.23.25	20
8704.23.29	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8704.23.51	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.23.59	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.23.61	20
8704.23.62	20
8704.23.63	20
8704.23.64	10
8704.23.65	20
8704.23.66	25
8704.23.69	25
8704.23.71	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.23.79	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.23.81	0
8704.23.82	0
8704.23.84	0
8704.23.85	0
8704.23.86	0
8704.23.89	0
8704.31.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.31.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.31.13	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.31.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.31.21	20
8704.31.22	20
8704.31.23	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8704.31.24	10
8704.31.25	20
8704.31.26	70
8704.31.27	70
8704.31.29	70
8704.32.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.32.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.32.21	20
8704.32.22	20
8704.32.23	20
8704.32.24	10
8704.32.25	20
8704.32.29	70
8704.32.31	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.32.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.32.41	20
8704.32.42	20
8704.32.43	20
8704.32.44	10
8704.32.45	20
8704.32.48	70
8704.32.49	45
8704.32.51	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.32.59	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.32.61	20
8704.32.62	20
8704.32.63	20
8704.32.64	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8704.32.65	20
8704.32.69	35
8704.32.72	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.32.79	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.32.81	20
8704.32.82	20
8704.32.83	20
8704.32.84	10
8704.32.85	20
8704.32.86	25
8704.32.89	25
8704.32.91	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.32.92	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.32.93	0
8704.32.94	0
8704.32.95	0
8704.32.96	0
8704.32.97	0
8704.32.98	0
8704.32.99	0
8704.41.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.41.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.41.21	20
8704.41.22	20
8704.41.23	20
8704.41.24	10
8704.41.25	20
8704.41.26	70

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8704.41.27	70
8704.41.29	70
8704.42.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.42.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.42.21	20
8704.42.22	20
8704.42.23	20
8704.42.24	10
8704.42.25	20
8704.42.29	50
8704.42.31	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.42.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.42.41	20
8704.42.42	20
8704.42.43	20
8704.42.45	20
8704.42.46	10
8704.42.47	10
8704.42.51	50
8704.42.59	30
8704.43.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.43.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.43.21	20
8704.43.22	20
8704.43.23	20
8704.43.24	10
8704.43.25	20
8704.43.29	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8704.43.51	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.43.59	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.43.61	20
8704.43.62	20
8704.43.63	20
8704.43.64	10
8704.43.65	20
8704.43.69	25
8704.43.71	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.43.79	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.43.81	0
8704.43.86	0
8704.43.89	0
8704.51.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.51.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.51.21	20
8704.51.22	20
8704.51.23	20
8704.51.24	10
8704.51.25	20
8704.51.26	70
8704.51.27	70
8704.51.29	70
8704.52.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8704.52.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.52.21	20
8704.52.22	20
8704.52.23	20
8704.52.24	10
8704.52.25	20
8704.52.29	70
8704.52.31	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.52.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.52.41	20
8704.52.42	20
8704.52.43	20
8704.52.44	10
8704.52.45	20
8704.52.48	70
8704.52.49	45
8704.52.51	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.52.59	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.52.61	20
8704.52.62	20
8704.52.63	20
8704.52.64	10
8704.52.65	20
8704.52.69	35
8704.52.72	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.52.79	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8704.52.81	20
8704.52.82	20
8704.52.83	20
8704.52.84	10
8704.52.85	20
8704.52.86	25
8704.52.89	25
8704.52.91	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.52.92	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.52.93	0
8704.52.94	0
8704.52.99	0
8704.60.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.60.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.60.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.60.21	70
8704.60.22	70
8704.60.29	70
8704.60.91	70
8704.60.92	70
8704.60.93	25
8704.60.94	0
8704.90.10	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.90.91	70
8704.90.92	70
8704.90.93	70
8704.90.94	25
8704.90.95	0
8705.10.00	3
8705.20.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8705.30.00	3
8705.40.00	15
8705.90.50	5
8705.90.60	0
8705.90.90	0
8706.00.11	10
8706.00.19	10
8706.00.21	30
8706.00.22	30
8706.00.23	30
8706.00.31	27
8706.00.32	27
8706.00.33	27
8706.00.34	27
8706.00.39	27
8706.00.41	30
8706.00.42	30
8706.00.50	10
8707.10.10	27
8707.10.20	30
8707.10.30	27
8707.10.90	27
8707.90.11	10
8707.90.19	10
8707.90.21	27
8707.90.29	27
8707.90.30	10
8707.90.40	27
8707.90.90	27
8708.10.10	15
8708.10.90	25
8708.21.00	20
8708.22.10	15
8708.22.20	15
8708.22.30	15
8708.29.11	15
8708.29.15	15
8708.29.16	15
8708.29.17	15
8708.29.18	15
8708.29.19	15
8708.29.20	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8708.29.92	15
8708.29.93	15
8708.29.94	15
8708.29.95	15
8708.29.96	15
8708.29.97	15
8708.29.98	15
8708.29.99	15
8708.30.10	15
8708.30.21	20
8708.30.29	20
8708.30.30	10
8708.30.90	10
8708.40.11	18
8708.40.13	10
8708.40.14	15
8708.40.19	10
8708.40.25	15
8708.40.26	20
8708.40.27	15
8708.40.29	15
8708.40.91	10
8708.40.92	10
8708.40.99	10
8708.50.11	20
8708.50.13	7
8708.50.15	15
8708.50.19	10
8708.50.25	15
8708.50.26	20
8708.50.27	10
8708.50.29	10
8708.50.91	10
8708.50.92	10
8708.50.94	10
8708.50.95	10
8708.50.96	5
8708.50.99	5
8708.70.15	15
8708.70.16	15
8708.70.17	20
8708.70.18	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8708.70.19	20
8708.70.21	25
8708.70.22	25
8708.70.23	25
8708.70.29	25
8708.70.31	25
8708.70.32	20
8708.70.33	20
8708.70.34	20
8708.70.39	20
8708.70.95	25
8708.70.96	20
8708.70.97	20
8708.70.99	20
8708.80.15	15
8708.80.16	20
8708.80.17	7
8708.80.19	7
8708.80.91	10
8708.80.92	10
8708.80.99	5
8708.91.15	15
8708.91.16	20
8708.91.17	10
8708.91.18	10
8708.91.19	10
8708.91.91	10
8708.91.93	10
8708.91.94	10
8708.91.95	10
8708.91.99	10
8708.92.10	15
8708.92.20	20
8708.92.51	15
8708.92.52	15
8708.92.61	15
8708.92.62	15
8708.92.90	15
8708.93.50	15
8708.93.60	20
8708.93.70	10
8708.93.90	10

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8708.94.11	20
8708.94.19	20
8708.94.94	15
8708.94.95	25
8708.94.99	15
8708.95.10	10
8708.95.90	10
8708.99.11	15
8708.99.19	15
8708.99.21	15
8708.99.24	15
8708.99.25	15
8708.99.30	20
8708.99.40	15
8708.99.50	15
8708.99.61	15
8708.99.62	15
8708.99.63	10
8708.99.70	15
8708.99.80	15
8708.99.91	15
8708.99.99	15
8709.11.00	3
8709.19.00	3
8709.90.00	3
8710.00.00	0
8711.10.12	70
8711.10.14	75
8711.10.15	75
8711.10.19	75
8711.10.92	70
8711.10.94	75
8711.10.95	75
8711.10.99	75
8711.20.11	75
8711.20.12	70
8711.20.13	75
8711.20.14	75
8711.20.15	75
8711.20.16	75
8711.20.19	75
8711.20.91	75

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8711.20.92	70
8711.20.93	75
8711.20.94	75
8711.20.95	75
8711.20.96	75
8711.20.99	75
8711.30.11	75
8711.30.19	75
8711.30.30	75
8711.30.90	75
8711.40.11	75
8711.40.19	75
8711.40.20	75
8711.40.90	75
8711.50.20	75
8711.50.90	40
8711.60.11	55
8711.60.12	55
8711.60.13	55
8711.60.19	55
8711.60.92	55
8711.60.93	55
8711.60.94	55
8711.60.95	55
8711.60.99	55
8711.90.40	32
8711.90.60	55
8711.90.90	55
8712.00.10	5
8712.00.20	45
8712.00.30	45
8712.00.90	45
8713.10.00	0
8713.90.00	0
8714.10.10	35
8714.10.20	32
8714.10.30	32
8714.10.40	32
8714.10.50	32
8714.10.60	32
8714.10.70	32
8714.10.90	32

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8714.20.11	0
8714.20.12	0
8714.20.19	0
8714.20.90	0
8714.91.10	40
8714.91.91	40
8714.91.99	40
8714.92.10	45
8714.92.90	40
8714.93.10	45
8714.93.90	45
8714.94.10	45
8714.94.90	40
8714.95.10	45
8714.95.90	45
8714.96.10	45
8714.96.90	45
8714.99.11	45
8714.99.12	45
8714.99.91	45
8714.99.93	45
8714.99.94	45
8715.00.00	30
8716.10.00	20
8716.20.00	5
8716.31.00	5
8716.39.40	20
8716.39.91	5
8716.39.99	20
8716.40.00	20
8716.80.10	20
8716.80.20	20
8716.80.90	20
8716.90.13	15
8716.90.19	15
8716.90.21	15
8716.90.22	15
8716.90.23	15
8716.90.24	15
8716.90.94	15
8716.90.95	15
8716.90.96	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8716.90.99	15
8801.00.00	0
8802.11.00	0
8802.12.00	0
8802.20.10	0
8802.20.90	0
8802.30.10	0
8802.30.90	0
8802.40.10	0
8802.40.90	0
8802.60.00	0
8804.00.10	0
8804.00.90	0
8805.10.00	0
8805.21.00	0
8805.29.10	0
8805.29.90	0
8806.10.00	0
8806.21.00	0
8806.22.00	0
8806.23.00	0
8806.24.00	0
8806.29.00	0
8806.91.00	0
8806.92.00	0
8806.93.00	0
8806.94.00	0
8806.99.00	0
8807.10.00	0
8807.20.00	0
8807.30.00	0
8807.90.00	0
8901.10.10	10
8901.10.20	10
8901.10.60	10
8901.10.70	10
8901.10.80	10
8901.10.90	5
8901.20.50	10
8901.20.71	2
8901.20.72	2
8901.20.73	2

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8901.20.80	0
8901.30.50	10
8901.30.70	0
8901.30.80	0
8901.90.11	10
8901.90.12	10
8901.90.14	10
8901.90.31	10
8901.90.32	10
8901.90.33	10
8901.90.34	10
8901.90.35	10
8901.90.36	0
8901.90.37	0
8902.00.31	10
8902.00.32	10
8902.00.33	10
8902.00.34	10
8902.00.35	5
8902.00.36	5
8902.00.37	0
8902.00.41	10
8902.00.42	10
8902.00.43	10
8902.00.44	10
8902.00.45	5
8902.00.46	5
8902.00.47	0
8903.11.00	10
8903.12.00	10
8903.19.00	10
8903.21.00	10
8903.22.00	10
8903.23.00	10
8903.31.00	10
8903.32.00	10
8903.33.00	10
8903.93.00	10
8903.99.00	10
8904.00.10	5
8904.00.32	5
8904.00.33	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
8904.00.34	5
8904.00.35	0
8905.10.00	5
8905.20.00	5
8905.90.10	5
8905.90.90	5
8906.10.00	0
8906.90.10	5
8906.90.20	5
8906.90.90	0
8907.10.00	5
8907.90.10	0
8907.90.90	0
8908.00.00	0
9001.10.10	0
9001.10.90	0
9001.20.00	0
9001.30.00	0
9001.40.00	5
9001.50.00	0
9001.90.10	0
9001.90.90	0
9002.11.00	0
9002.19.00	0
9002.20.10	0
9002.20.20	0
9002.20.90	0
9002.90.20	0
9002.90.30	0
9002.90.90	0
9003.11.00	10
9003.19.00	10
9003.90.00	10
9004.10.00	20
9004.90.10	0
9004.90.50	0
9004.90.90	20
9005.10.00	0
9005.80.10	0
9005.80.90	0
9005.90.10	0
9005.90.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9006.30.00	0
9006.40.00	25
9006.53.10	25
9006.53.90	10
9006.59.11	25
9006.59.19	15
9006.59.21	0
9006.59.29	0
9006.59.30	0
9006.59.90	0
9006.61.00	20
9006.69.00	20
9006.91.10	0
9006.91.40	15
9006.91.50	15
9006.91.90	0
9006.99.10	15
9006.99.90	15
9007.10.00	0
9007.20.10	0
9007.20.90	0
9007.91.00	0
9007.92.00	0
9008.50.10	0
9008.50.90	0
9008.90.20	0
9008.90.90	0
9010.10.00	5
9010.50.10	5
9010.50.20	5
9010.50.90	5
9010.60.10	0
9010.60.90	5
9010.90.20	0
9010.90.30	0
9010.90.90	0
9011.10.00	0
9011.20.00	0
9011.80.00	0
9011.90.00	0
9012.10.00	0
9012.90.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9013.10.10	0
9013.10.20	0
9013.20.00	0
9013.80.10	0
9013.80.90	0
9013.90.10	0
9013.90.60	0
9013.90.70	0
9013.90.90	0
9014.10.00	0
9014.20.00	0
9014.80.11	0
9014.80.19	0
9014.80.90	0
9014.90.10	0
9014.90.90	0
9015.10.10	0
9015.10.90	0
9015.20.00	0
9015.30.00	0
9015.40.00	0
9015.80.10	0
9015.80.90	0
9015.90.00	0
9016.00.00	10
9017.10.10	0
9017.10.90	0
9017.20.10	5
9017.20.40	5
9017.20.50	0
9017.20.90	5
9017.30.00	0
9017.80.00	5
9017.90.30	0
9017.90.40	0
9017.90.90	0
9018.11.00	0
9018.12.00	0
9018.13.00	0
9018.14.00	0
9018.19.00	0
9018.20.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9018.31.10	0
9018.31.90	0
9018.32.00	0
9018.39.10	0
9018.39.90	0
9018.41.00	0
9018.49.00	0
9018.50.00	0
9018.90.10	0
9018.90.20	0
9018.90.31	0
9018.90.39	0
9018.90.90	0
9019.10.10	0
9019.10.90	0
9019.20.10	0
9019.20.20	0
9019.20.90	0
9020.00.10	0
9020.00.90	0
9021.10.10	0
9021.10.90	0
9021.21.00	0
9021.29.10	0
9021.29.20	0
9021.29.90	0
9021.31.00	0
9021.39.00	0
9021.40.00	0
9021.50.00	0
9021.90.00	0
9022.12.00	0
9022.13.00	0
9022.14.00	0
9022.19.10	0
9022.19.90	0
9022.21.00	0
9022.29.00	0
9022.30.00	0
9022.90.10	0
9022.90.20	0
9022.90.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9023.00.00	0
9024.10.10	0
9024.10.20	0
9024.80.10	0
9024.80.20	0
9024.90.00	0
9025.11.00	0
9025.19.11	0
9025.19.19	0
9025.19.20	0
9025.80.00	0
9025.90.00	0
9026.10.50	0
9026.10.90	0
9026.20.50	0
9026.20.90	0
9026.80.00	0
9026.90.00	0
9027.10.00	0
9027.20.00	0
9027.30.00	0
9027.50.00	0
9027.81.00	0
9027.89.10	0
9027.89.90	0
9027.90.00	0
9028.10.10	10
9028.10.90	0
9028.20.20	10
9028.20.90	0
9028.30.10	25
9028.30.90	25
9028.90.10	0
9028.90.90	0
9029.10.20	20
9029.10.90	0
9029.20.10	20
9029.20.20	0
9029.20.90	0
9029.90.10	0
9029.90.20	0
9030.10.00	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9030.20.00	0
9030.31.00	0
9030.32.00	0
9030.33.10	0
9030.33.20	0
9030.33.30	0
9030.33.40	0
9030.33.90	0
9030.39.00	0
9030.40.00	0
9030.82.10	0
9030.82.90	0
9030.84.10	0
9030.84.90	0
9030.89.10	0
9030.89.90	0
9030.90.10	0
9030.90.30	0
9030.90.40	0
9030.90.90	0
9031.10.00	0
9031.20.00	0
9031.41.00	0
9031.49.10	0
9031.49.20	0
9031.49.30	0
9031.49.90	0
9031.80.10	0
9031.80.90	0
9031.90.30	0
9031.90.40	0
9031.90.50	0
9031.90.90	0
9032.10.00	0
9032.20.00	20
9032.81.00	0
9032.89.10	0
9032.89.20	0
9032.89.31	0
9032.89.39	0
9032.89.90	0
9032.90.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9032.90.20	0
9032.90.90	0
9033.00.00	0
9101.11.00	15
9101.19.00	20
9101.21.00	15
9101.29.00	20
9101.91.00	20
9101.99.00	20
9102.11.00	15
9102.12.00	20
9102.19.00	20
9102.21.00	15
9102.29.00	20
9102.91.00	20
9102.99.00	20
9103.10.00	20
9103.90.00	20
9104.00.10	10
9104.00.90	0
9105.11.00	25
9105.19.00	25
9105.21.00	25
9105.29.00	25
9105.91.10	10
9105.91.90	25
9105.99.10	10
9105.99.90	25
9106.10.00	5
9106.90.10	5
9106.90.90	5
9107.00.00	5
9108.11.00	20
9108.12.00	20
9108.19.00	20
9108.20.00	20
9108.90.00	20
9109.10.00	20
9109.90.00	20
9110.11.00	20
9110.12.00	20
9110.19.00	20

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9110.90.00	20
9111.10.00	20
9111.20.00	20
9111.80.00	20
9111.90.00	20
9112.20.00	20
9112.90.00	20
9113.10.00	20
9113.20.00	20
9113.90.00	20
9114.30.00	20
9114.40.00	20
9114.90.00	20
9201.10.00	3
9201.20.00	3
9201.90.00	3
9202.10.00	3
9202.90.00	3
9205.10.00	3
9205.90.10	3
9205.90.90	3
9206.00.00	3
9207.10.00	5
9207.90.00	3
9208.10.00	3
9208.90.10	3
9208.90.90	3
9209.30.00	3
9209.91.10	3
9209.91.90	3
9209.92.00	3
9209.94.00	3
9209.99.00	3
9301.10.00	0
9301.20.00	0
9301.90.00	0
9302.00.00	0
9303.10.00	0
9303.20.10	30
9303.20.90	0
9303.30.10	30
9303.30.90	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9303.90.10	0
9303.90.90	0
9304.00.10	30
9304.00.90	0
9305.10.00	0
9305.20.00	0
9305.91.10	0
9305.91.90	0
9305.99.11	0
9305.99.19	0
9305.99.91	30
9305.99.99	30
9306.21.00	0
9306.29.00	0
9306.30.11	0
9306.30.19	0
9306.30.20	0
9306.30.30	0
9306.30.91	0
9306.30.99	0
9306.90.10	0
9306.90.90	0
9307.00.00	5
9401.10.00	0
9401.20.10	25
9401.20.90	25
9401.31.00	25
9401.39.00	25
9401.41.00	25
9401.49.00	25
9401.52.00	25
9401.53.00	25
9401.59.00	25
9401.61.00	25
9401.69.10	25
9401.69.90	25
9401.71.00	25
9401.79.10	25
9401.79.90	25
9401.80.00	25
9401.91.00	20
9401.99.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9401.99.21	20
9401.99.29	20
9401.99.30	20
9401.99.91	20
9401.99.99	20
9402.10.10	0
9402.10.30	0
9402.90.11	0
9402.90.12	0
9402.90.13	0
9402.90.14	0
9402.90.15	0
9402.90.19	0
9402.90.90	0
9403.10.00	10
9403.20.10	15
9403.20.90	10
9403.30.00	25
9403.40.00	25
9403.50.00	25
9403.60.10	20
9403.60.90	25
9403.70.10	25
9403.70.20	20
9403.70.90	20
9403.82.00	25
9403.83.00	25
9403.89.10	20
9403.89.90	25
9403.91.00	20
9403.99.10	20
9403.99.90	20
9404.10.00	25
9404.21.10	25
9404.21.20	25
9404.29.10	25
9404.29.20	25
9404.29.90	25
9404.30.00	25
9404.40.00	20
9404.90.00	20
9405.11.10	0

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9405.11.91	5
9405.11.99	30
9405.19.10	0
9405.19.91	5
9405.19.92	20
9405.19.99	30
9405.21.10	0
9405.21.90	25
9405.29.10	0
9405.29.90	25
9405.31.00	25
9405.39.00	25
9405.41.10	25
9405.41.20	5
9405.41.30	5
9405.41.40	20
9405.41.90	10
9405.42.10	25
9405.42.20	5
9405.42.30	5
9405.42.40	10
9405.42.50	20
9405.42.60	20
9405.42.90	10
9405.49.10	25
9405.49.20	5
9405.49.30	5
9405.49.40	10
9405.49.50	20
9405.49.60	20
9405.49.90	10
9405.50.11	25
9405.50.19	25
9405.50.40	25
9405.50.50	5
9405.50.90	5
9405.61.10	20
9405.61.90	20
9405.69.10	20
9405.69.90	20
9405.91.10	0
9405.91.20	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9405.91.40	20
9405.91.50	20
9405.91.90	5
9405.92.10	0
9405.92.20	5
9405.92.30	20
9405.92.90	5
9405.99.10	20
9405.99.20	20
9405.99.30	20
9405.99.40	20
9405.99.50	20
9405.99.90	20
9406.10.10	3
9406.10.90	15
9406.20.10	3
9406.20.90	15
9406.90.11	3
9406.90.12	3
9406.90.19	3
9406.90.20	15
9406.90.30	15
9406.90.40	15
9406.90.90	15
9503.00.10	10
9503.00.21	10
9503.00.22	10
9503.00.29	10
9503.00.30	10
9503.00.40	10
9503.00.50	20
9503.00.60	20
9503.00.70	10
9503.00.80	20
9503.00.91	20
9503.00.92	20
9503.00.93	20
9503.00.94	20
9503.00.99	20
9504.20.20	25
9504.20.30	20
9504.20.90	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9504.30.30	20
9504.30.40	20
9504.30.50	20
9504.30.90	20
9504.40.00	25
9504.50.10	20
9504.50.90	20
9504.90.10	25
9504.90.21	25
9504.90.29	25
9504.90.32	25
9504.90.33	25
9504.90.34	25
9504.90.35	25
9504.90.36	25
9504.90.39	25
9504.90.92	25
9504.90.93	25
9504.90.95	25
9504.90.99	25
9505.10.00	25
9505.90.00	25
9506.11.00	5
9506.12.00	5
9506.19.00	5
9506.21.00	5
9506.29.00	5
9506.31.00	5
9506.32.00	5
9506.39.00	5
9506.40.10	5
9506.40.90	5
9506.51.00	5
9506.59.00	5
9506.61.00	5
9506.62.00	5
9506.69.00	5
9506.70.00	5
9506.91.00	5
9506.99.10	5
9506.99.20	5
9506.99.30	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9506.99.90	5
9507.10.00	5
9507.20.00	5
9507.30.00	5
9507.90.00	5
9508.10.00	10
9508.21.00	10
9508.22.00	10
9508.23.00	10
9508.24.00	10
9508.25.00	10
9508.26.00	10
9508.29.00	10
9508.30.00	10
9508.40.00	10
9601.10.10	25
9601.10.90	25
9601.90.11	25
9601.90.12	25
9601.90.19	25
9601.90.21	25
9601.90.29	25
9601.90.91	25
9601.90.99	25
9602.00.10	10
9602.00.20	20
9602.00.90	20
9603.10.10	25
9603.10.20	25
9603.21.00	25
9603.29.00	25
9603.30.00	25
9603.40.00	25
9603.50.00	25
9603.90.10	25
9603.90.20	25
9603.90.40	25
9603.90.90	25
9604.00.10	25
9604.00.90	25
9605.00.00	25
9606.10.10	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9606.10.90	25
9606.21.00	25
9606.22.00	25
9606.29.00	25
9606.30.10	25
9606.30.90	25
9607.11.00	20
9607.19.00	20
9607.20.00	15
9608.10.10	25
9608.10.90	25
9608.20.00	25
9608.30.20	25
9608.30.90	25
9608.40.00	25
9608.50.00	25
9608.60.10	10
9608.60.90	10
9608.91.10	10
9608.91.90	10
9608.99.10	25
9608.99.91	25
9608.99.99	25
9609.10.10	25
9609.10.90	25
9609.20.00	25
9609.90.10	25
9609.90.30	25
9609.90.91	25
9609.90.99	25
9610.00.10	25
9610.00.90	25
9611.00.00	25
9612.10.10	10
9612.10.90	10
9612.20.00	5
9613.10.10	25
9613.10.90	25
9613.20.10	25
9613.20.90	25
9613.80.10	25
9613.80.20	25

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9613.80.30	25
9613.80.90	25
9613.90.10	25
9613.90.90	25
9614.00.10	25
9614.00.90	25
9615.11.20	20
9615.11.30	20
9615.19.00	20
9615.90.11	20
9615.90.12	20
9615.90.13	20
9615.90.19	20
9615.90.21	20
9615.90.22	20
9615.90.23	20
9615.90.29	20
9615.90.91	20
9615.90.92	20
9615.90.93	20
9615.90.99	20
9616.10.10	25
9616.10.20	10
9616.20.00	25
9617.00.10	30
9617.00.20	25
9618.00.00	25
9619.00.11	5
9619.00.12	15
9619.00.13	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND hiện hành
9619.00.14	15
9619.00.19	15
9619.00.92	20
9619.00.93	20
9619.00.99	20
9620.00.10	0
9620.00.20	0
9620.00.30	0
9620.00.40	0
9620.00.50	0
9620.00.90	0
9701.21.00	5
9701.22.00	5
9701.29.00	5
9701.91.00	5
9701.92.00	5
9701.99.00	5
9702.10.00	0
9702.90.00	0
9703.10.00	0
9703.90.00	0
9704.00.00	20
9705.10.00	0
9705.21.00	0
9705.22.00	0
9705.29.00	0
9705.31.00	0
9705.39.00	0
9706.10.00	0
9706.90.00	0

b) Chương 98:

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ-CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9801.00.00	0207.60.30	15
	0207.60.40	
9803.00.00	0301.93.22	0
	0301.93.32	

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ-CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9804.14.10	0306.14.11	27
9804.14.90	0306.14.19	27
9804.15.00	0306.15.00	27
9804.16.00	0306.16.00	27

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9804.17.11	0306.17.11	27
9804.17.19	0306.17.19	27
9804.17.21	0306.17.21	27
9804.17.22	0306.17.22	27
9804.17.29	0306.17.29	27
9804.17.30	0306.17.30	27
9804.17.90	0306.17.90	27
9804.19.00	0306.19.00	27
	0309.90.12	
9804.23.00	0306.93.31	27
9804.28.11	0306.95.21	27
9804.28.19	0306.95.29	27
9804.28.90	0306.95.30	27
9805.00.00	1207.30.00	0
	1207.40.90	
	1207.50.00	
	1207.60.00	
	1207.70.00	
	1207.91.00	
	1207.99.40	
	1207.99.50	
	1207.99.90	
9808.00.10	5903.90.10	0
9808.00.90	5903.90.90	0
9810.00.10	7213.91.30	0
	7213.91.90	
9810.00.90	7326.20.90	0
9811.00.10	72.24	10
	72.25	
	72.26	
	72.27	
	72.28	
9811.00.90	72.29	3
9812.00.10	8408.20.10	5
	8408.20.21	
	8408.20.22	
	8408.20.23	
9812.00.90	8408.20.93	5
9816.00.00	9405.99.50	0

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
	9405.99.90	
9817.20.00	8467.21.00	3
9817.30.10	8504.33.11	3
	8504.34.11	
	8504.34.14	
	8504.34.22	
9817.30.90	8504.33.19	3
	8504.34.13	
	8504.34.19	
	8504.34.24	
9818.11.10	4016.99.53	0
9818.11.90	4016.99.59	0
9818.12.11	7216.31.10	0
9818.12.19	7216.31.90	0
9818.12.91	7216.32.10	0
9818.12.99	7216.32.90	0
9818.13.10	7318.15.10	0
	7318.15.90	
9818.13.90	7318.24.00	0
9818.14.10	7320.10.90	0
9818.14.90	7320.20.90	0
9818.15.00	7322.90.00	10
9818.16.00	7325.99.90	0
9818.17.00	8302.60.00	10
9818.19.10	8409.99.71	0
9818.19.20	8409.99.72	0
9818.19.30	8409.99.73	0
9818.19.40	8409.99.74	0
9818.19.50	8409.99.75	0
9818.19.60	8409.99.76	0
9818.19.70	8409.99.77	0
9818.19.90	8409.99.79	0
9818.20.10	8413.20.10	0
9818.20.21	8413.30.51	0
	8413.30.52	
9818.20.29	8413.30.90	0
9818.20.31	8413.70.11	0
9818.20.39	8413.70.19	0
9818.20.90	8413.91.30	0

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9818.21.10	8414.59.50	0
9818.21.21	8414.59.91	0
9818.21.29	8414.59.99	0
9818.22.11	8415.81.21	0
9818.22.19	8415.81.29	0
9818.22.20	8415.82.29	0
9818.22.31	8415.90.36	0
9818.22.39	8415.90.46	0
9818.23.00	8418.69.90	0
9818.24.10	8419.50.91	0
	8419.50.20	
9818.24.90	8419.50.92	0
	8419.50.20	
9818.25.00	8471.41.90	0
9818.26.10	8481.40.30	0
9818.26.90	8481.40.90	0
9818.27.00	8482.20.00	0
9818.28.00	8483.10.90	0
9818.29.00	8483.40.90	0
9818.30.00	8484.10.00	0
9818.31.00	8502.20.30	0
9818.32.00	8538.90.11	0
	8542.31.00	
	8542.32.00	
	8542.39.00	
9818.33.00	8545.20.00	0
9819.00.00	Tùy theo bản chất mặt hàng để phân loại vào mã hàng ghi tại các chương khác nhau quy định tại Phụ lục I Thông tư số 31/2022/TT- BTC	0

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9820.00.00	Tùy theo bản chất mặt hàng để phân loại vào mã hàng ghi tại các chương khác nhau quy định tại Phụ lục I Thông tư số 31/2022/TT- BTC	0
9821.10.11	8702.10.71	5
	8702.10.72	
	8702.10.79	
9821.10.19	8702.10.60	70
	8702.10.81	
	8702.10.82	
	8702.10.89	
	8702.10.91	
	8702.10.99	
9821.10.21	8702.20.61	5
	8702.20.62	
	8702.20.69	
9821.10.29	8702.20.50	70
	8702.20.71	
	8702.20.72	
	8702.20.79	
	8702.20.91	
	8702.20.99	
9821.10.31	8702.30.61	5
	8702.30.69	
9821.10.39	8702.30.50	70
	8702.30.71	
	8702.30.79	
	8702.30.91	
	8702.30.99	
9821.10.41	8702.40.61	5
	8702.40.69	
9821.10.49	8702.40.50	70
	8702.40.71	
	8702.40.79	

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31	Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31		
	8702.40.91			8703.23.71			
	8702.40.99			8703.23.72			
9821.10.51	8702.90.51	5				8703.23.73	
9821.10.59	8702.90.59	70	9821.22.35	8703.23.64	52		
	8702.90.40		8703.23.68				
	8702.90.61		8703.23.74				
	8702.90.69		9821.22.36	8703.24.44	70		
	8702.90.71		9821.22.37	8703.24.45	47		
	8702.90.79		9821.22.38	8703.24.49	52		
	8702.90.80		9821.22.39	8703.24.51	47		
8702.90.90	8703.24.61						
9821.21.00	8703.10.10	70	9821.22.40	8703.24.59	52		
	8703.10.90			8703.24.69			
9821.22.10	8703.21.41	70	9821.23.10	8703.31.41	70		
	8703.21.42			8703.31.42			
	8703.21.44			8703.31.46			
	8703.21.45			8703.31.47			
	8703.21.51			8703.31.51			
	8703.21.59			8703.31.59			
	8703.21.91			8703.31.91			
	8703.21.99			8703.31.99			
9821.22.20	8703.22.41	70		9821.23.20		8703.32.54	70
	8703.22.42		8703.32.61				
	8703.22.46		8703.32.62				
	8703.22.47		8703.32.63				
	8703.22.51		8703.32.71				
	8703.22.59		8703.32.72				
	8703.22.90		8703.32.73				
9821.22.31	8703.23.54	70			8703.32.74		
9821.22.32	8703.23.55	70			8703.32.75		
	8703.23.56		8703.32.76				
	8703.23.57		8703.32.81				
9821.22.33	8703.23.58	52			8703.32.82		
9821.22.34	8703.23.61	70	9821.23.30		8703.32.83	70	
	8703.23.62			8703.33.54			
	8703.23.63			8703.33.61			
	8703.23.65			8703.33.62			
	8703.23.66			8703.33.71			
	8703.23.67			8703.33.72			

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31	Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31	
	8703.33.80			8703.50.32		
	8703.33.90			8703.50.33		
9821.24.10	8703.40.31	70		8703.50.56		
	8703.40.32			8703.50.57		
	8703.40.33			8703.50.58		
9821.24.20	8703.40.56	70		8703.50.61		
	8703.40.57			8703.50.62		
	8703.40.58			8703.50.63		
9821.24.31	8703.40.61	70		8703.50.64		
	8703.40.62			8703.50.65		
	8703.40.63			8703.50.66		
	8703.40.64			8703.50.67		
	8703.40.65			8703.50.71		
9821.24.32	8703.40.66	52		8703.50.72		
9821.24.33	8703.40.67	47		8703.50.73		
9821.24.34	8703.40.68	52		8703.50.74		
9821.24.41	8703.40.71	70		8703.50.75		
	8703.40.72			8703.50.76		
	8703.40.73			8703.50.77		
	8703.40.74			8703.50.81		
	8703.40.75			8703.50.82		
9821.24.42	8703.40.76	52		8703.50.83		
9821.24.43	8703.40.77	47		8703.50.84		
9821.24.51	8703.40.81	70		8703.50.85		
	8703.40.82			8703.50.86		
	8703.40.83			8703.50.87		
	8703.40.84			8703.50.91		
	8703.40.85			8703.50.92		
9821.24.59	8703.40.86	52		8703.50.93		
	8703.40.87			8703.50.94		
9821.24.61	8703.40.91	70		8703.50.95		
	8703.40.92			8703.50.96		
	8703.40.93			8703.50.97		
	8703.40.94			9821.26.10	70	
	8703.40.95					
9821.24.62	8703.40.96	52				
9821.24.63	8703.40.97	47				
9821.24.64	8703.40.98	52				
9821.25.00	8703.50.31	70				
				8703.60.31		
				8703.60.32		
				8703.60.33		
				8703.60.56		
				8703.60.57		
				8703.60.58		



Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9821.26.21	8703.60.61	70
	8703.60.62	
	8703.60.63	
	8703.60.64	
	8703.60.65	
9821.26.22	8703.60.66	52
9821.26.23	8703.60.67	47
9821.26.24	8703.60.68	52
9821.26.31	8703.60.71	70
	8703.60.72	
	8703.60.73	
	8703.60.74	
9821.26.32	8703.60.76	52
9821.26.33	8703.60.77	47
9821.26.41	8703.60.81	70
	8703.60.82	
	8703.60.83	
	8703.60.84	
	8703.60.85	
9821.26.42	8703.60.86	52
9821.26.43	8703.60.87	52
9821.26.51	8703.60.91	70
	8703.60.92	
	8703.60.93	
	8703.60.94	
	8703.60.95	
9821.26.52	8703.60.96	52
9821.26.53	8703.60.97	47
9821.26.54	8703.60.98	52
9821.27.10	8703.70.31	70
	8703.70.32	
	8703.70.33	
	8703.70.56	
	8703.70.57	
	8703.70.58	
9821.27.20	8703.70.61	70
	8703.70.62	
	8703.70.63	
	8703.70.64	

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
	8703.70.65	
	8703.70.66	
	8703.70.67	
9821.27.30	8703.70.71	70
	8703.70.72	
	8703.70.73	
	8703.70.74	
	8703.70.75	
	8703.70.76	
9821.27.40	8703.70.77	70
	8703.70.81	
	8703.70.82	
	8703.70.83	
	8703.70.84	
	8703.70.85	
	8703.70.86	
9821.27.90	8703.70.87	70
	8703.70.91	
	8703.70.92	
	8703.70.93	
	8703.70.94	
	8703.70.95	
	8703.70.96	
9821.28.00	8703.70.97	70
	8703.80.91	
	8703.80.92	
	8703.80.96	
	8703.80.97	
	8703.80.98	
9821.29.00	8703.80.99	70
	8703.90.91	
	8703.90.92	
	8703.90.96	
	8703.90.97	
	8703.90.98	
	8703.90.99	
9821.30.11	8704.10.31	50
9821.30.12	8704.10.32	50
9821.30.13	8704.10.33	50

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9821.30.14	8704.10.34	7
9821.30.15	8704.10.35	7
	8704.10.36	
9821.30.19	8704.10.37	0
9821.30.21	8704.21.26	70
	8704.21.27	
	8704.21.29	
	8704.41.26	
	8704.41.27	
	8704.41.29	
9821.30.22	8704.22.29	50
	8704.42.29	
9821.30.23	8704.22.51	50
	8704.42.51	
9821.30.24	8704.22.59	30
	8704.42.59	
9821.30.25	8704.23.29	7
	8704.43.29	
9821.30.26	8704.23.66	7
	8704.43.69	
	8704.23.69	
9821.30.29	8704.23.86	0
	8704.43.86	
	8704.23.89	
	8704.43.89	
9821.30.31	8704.31.26	70
	8704.31.27	
	8704.31.29	
	8704.51.26	
	8704.51.27	
	8704.51.29	
9821.30.32	8704.32.29	70
	8704.52.29	
9821.30.33	8704.32.48	70
	8704.52.48	
9821.30.34	8704.32.49	45
	8704.52.49	
9821.30.35	8704.32.69	7
	8704.52.69	

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9821.30.36	8704.32.86	7
	8704.52.86	
	8704.32.89	
	8704.52.89	
9821.30.39	8704.32.98	0
	8704.52.94	
	8704.32.99	
9821.30.91	8704.60.21	70
	8704.60.22	
	8704.60.29	
	8704.90.91	
9821.30.92	8704.60.91	70
	8704.90.92	
9821.30.93	8704.60.92	70
	8704.90.93	
9821.30.94	8704.60.93	7
	8704.90.94	
9821.30.99	8704.60.94	0
	8704.90.95	
9822.10.00	Tùy theo bản chất mặt hàng để phân loại vào mã hàng ghi tại các chương khác nhau quy định tại Phụ lục I Thông tư số 31/2022/TT- BTC	0
9822.20.00		
9822.30.00		
9822.40.00		
9822.50.00		
9822.90.00		
9823.00.00	8705.90.90	10
9825.00.00	3304.99.90	10
9826.00.00	5902.10.91	3
9827.10.10	7304.24.10	5
9827.10.90	7304.24.20	5
	7304.24.30	

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31	Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9827.90.10	7304.29.10	5		8504.31.99	
9827.90.90	7304.29.20	5	9834.18.00	8506.50.00	0
	7304.29.30		9834.19.00	8517.79.32	0
9828.00.00	7305.20.00	10	9834.20.00	8536.90.93	0
9829.10.00	7306.21.00	10	9834.21.00	8536.10.12	0
9829.20.00	7306.29.00	10		8536.10.92	
9830.00.00	7408.11.20	0	9834.22.00	8536.41.91	0
9832.10.00	8704.21.29	15	9834.23.00	8536.69.23	0
	8704.22.29		9834.24.00	8536.90.99	0
	8704.22.51			8542.39.00	
	8704.22.59		9834.25.00	8544.42.94	0
	8704.23.29		9834.26.00	8544.42.91	0
	8704.41.29			8544.42.92	
	8704.42.29		9834.27.00	8544.49.29	0
	8704.42.51		9834.28.00	8504.34.29	0
	8704.42.59		9834.29.00	8506.50.00	0
	8704.43.29		9834.30.00	8536.69.99	0
9832.90.00	8704.31.29	15	9834.31.00	8537.10.19	0
	8704.32.29		9834.32.00	8544.42.96	0
	8704.32.48		9834.33.00	8517.79.92	0
	8704.32.49			8542.31.00	
	8704.32.69			8542.32.00	
	8704.51.29			8542.33.00	
	8704.52.29			8542.39.00	
	8704.52.48		9834.34.00	8518.10.90	0
	8704.52.49		9834.35.00	8518.30.20	0
	8704.52.69		9834.36.00	8518.30.59	0
9833.00.00	9403.60.90	10	9834.37.00	9006.69.00	0
9834.11.00	4016.99.99	0	9834.38.00	3921.90.41	0
9834.12.10	7318.15.10	0		3921.90.42	
	7318.15.90			3921.90.43	
9834.12.90	7326.90.20	0		3921.90.49	
	7326.90.99			3921.90.50	
9834.13.00	8003.00.10	0		3921.90.60	
9834.14.00	8311.90.00	0		3921.90.70	
9834.15.00	8501.10.49	0		3921.90.90	
9834.16.00	8501.10.22	0	9834.39.00	3926.90.59	0
	8501.10.29		9834.40.00	7312.10.30	0
9834.17.00	8504.31.93	0		7312.10.99	

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31	Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9834.41.00	8536.69.92	0	9836.40.50	8704.32.65	18
9835.00.00	2815.12.00	3		8704.52.65	
9836.10.10	8704.10.34	40	9836.40.90	8704.32.69	30
9836.10.90	8704.10.35	10		8704.52.69	
	8704.10.36		9836.50.10	8704.32.81	18
9836.20.10	8704.23.21	18		8704.52.81	
	8704.43.21		9836.50.20	8704.32.82	18
9836.20.20	8704.23.22	18		8704.52.82	
	8704.43.22		9836.50.30	8704.32.83	18
9836.20.30	8704.23.23	18		8704.52.83	
	8704.43.23		9836.50.40	8704.32.84	10
9836.20.40	8704.23.24	10		8704.52.84	
	8704.43.24		9836.50.50	8704.32.85	18
9836.20.50	8704.23.25	18		8704.52.85	
	8704.43.25		9836.50.60	8704.32.86	24
9836.20.90	8704.23.29	24		8704.52.86	
	8704.43.29		9836.50.90	8704.32.89	24
9836.30.10	8704.23.61	18		8704.52.89	
	8704.43.61		9836.90.00	8704.90.94	24
9836.30.20	8704.23.62	18		8704.60.93	
	8704.43.62		9837.00.00	3902.10.40	0
9836.30.30	8704.23.63	18		3902.10.90	
	8704.43.63		9838.00.00	2710.20.00	7
9836.30.40	8704.23.64	10	9839.10.00	7213.91.90	0
	8704.43.64			7213.91.30	
9836.30.50	8704.23.65	18	9839.20.00	7213.99.90	0
	8704.43.65		9840.11.00	7318.29.10	0
9836.30.60	8704.23.66	24		7318.29.90	
	8704.43.69		9840.12.00	7318.22.00	0
9836.30.90	8704.23.69	24	9840.13.00	7415.21.00	10
	8704.43.69		9840.14.00	7616.99.90	0
9836.40.10	8704.32.61	18	9840.15.00	3506.99.00	5
	8704.52.61		9840.16.00	7318.22.00	0
9836.40.20	8704.32.62	18	9840.17.00	7318.21.00	0
	8704.52.62		9840.18.00	7616.99.90	0
9836.40.30	8704.32.63	18	9840.19.00	3823.11.00	0
	8704.52.63		9840.20.00	6804.10.00	0
9836.40.40	8704.32.64	10	9840.21.00	4016.93.90	0
	8704.52.64		9840.22.00	4008.19.00	0

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31	Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9840.23.00	2803.00.90	0		7005.30.90	
9840.24.00	7616.99.90	0	9850.00.00	3004.90.99	5
9840.25.00	2710.19.90	0	9851.00.00	0511.91.90	0
9840.26.00	3812.20.00	0	9852.00.00	2309.90.20	2
9840.27.00	2817.00.20	0	9849.11.10	4009.31.91	0
9840.28.00	7318.22.00	0	9849.12.10	4011.10.00	0
9841.10.00	9406.10.90	5	9849.12.11	4011.20.11	0
9841.20.00	9406.90.30	5		4011.20.12	
	9406.20.90			4011.20.13	
9841.30.00	9406.90.20	5		4011.20.19	
9841.40.00	9406.90.40	5	9849.12.19	4011.20.90	0
9841.50.00	9406.90.90	5	9849.12.90	4011.90.10	0
9842.00.00	2710.12.70	2	9849.13.10	4012.11.00	0
9844.10.90	8701.91.90	0	9849.13.11	4012.12.10	0
	8701.92.90		9849.13.19	4012.12.90	0
	8701.93.90		9849.13.20	4012.20.10	0
	8701.94.90		9849.13.31	4012.20.21	0
	8701.95.90		9849.13.39	4012.20.29	0
9844.20.10	8716.10.00	0	9849.13.40	4012.20.79	0
9844.20.20	8716.20.00	0	9849.13.51	4012.20.91	0
9844.20.31	8716.31.00	0	9849.13.59	4012.20.99	0
9844.20.32	8716.39.40	0	9849.14.11	4013.10.11	0
9844.20.33	8716.39.91	0	9849.14.19	4013.10.19	0
9844.20.39	8716.39.99	0	9849.14.21	4013.10.21	0
9844.20.90	8716.40.00	0	9849.14.29	4013.10.29	0
9845.10.00	7007.11.10	25	9849.14.31	4013.90.31	0
9845.20.00	7007.21.10	25	9849.14.39	4013.90.39	0
9845.30.00	8409.99.44	15	9849.15.10	4016.93.20	0
9845.40.00	8483.30.30	15	9849.15.21	4016.99.11	0
9845.50.00	8483.40.40	15	9849.15.29	4016.99.13	0
9845.60.00	8708.30.29	15	9849.16.10	7007.11.10	0
9845.80.00	8708.40.29	20	9849.16.90	7007.21.10	0
9845.90.10	8708.40.92	15	9849.17.10	7009.10.00	0
9845.90.20	8708.70.32	25	9849.17.20	7009.91.00	0
9845.90.90	8708.92.20	25	9849.17.90	7009.92.00	0
9846.00.10	8528.71.91	0	9849.18.10	7320.10.11	0
9846.00.90	8528.71.99	0	9849.18.20	7320.10.12	0
9847.00.00	3926.90.99	0	9849.18.30	7320.20.11	0
9848.00.00	7005.30.10	5	9849.18.90	7320.90.10	0

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31	Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9849.19.10	8301.20.00	0	9849.25.19	8415.20.90	0
9849.20.11	8407.31.00	0	9849.25.21	8415.81.31	0
9849.20.12	8407.32.19	0	9849.25.29	8415.81.39	0
9849.20.13	8407.32.29	0	9849.25.31	8415.82.31	0
9849.20.14	8407.33.90	0	9849.25.39	8415.82.39	0
9849.20.15	8407.34.71	0	9849.25.41	8415.83.31	0
9849.20.16	8407.34.72	0	9849.25.49	8415.83.39	0
9849.20.17	8407.34.73	0	9849.25.90	8415.90.14	0
9849.20.18	8407.34.94	0	9849.26.11	8421.23.21	0
9849.20.19	8407.34.95	0	9849.26.19	8421.23.29	0
9849.20.20	8407.34.99	0	9849.26.21	8421.29.40	0
9849.21.11	8408.20.21	0	9849.26.29	8421.29.50	0
9849.21.12	8408.20.22	0	9849.26.30	8421.31.20	0
9849.21.13	8408.20.23	0	9849.26.40	8421.99.30	0
9849.21.14	8408.20.94	0	9849.26.90	8421.99.99	0
9849.21.15	8408.20.95	0		8421.99.50	
9849.21.19	8408.20.96	0	9849.27.10	8481.80.83	0
9849.22.11	8409.91.41	0	9849.27.90	8481.80.93	0
9849.22.12	8409.91.42	0	9849.28.11	8483.10.25	0
9849.22.13	8409.91.43	0	9849.28.12	8483.10.26	0
9849.22.14	8409.91.44	0	9849.28.13	8483.10.27	0
9849.22.15	8409.91.45	0	9849.28.20	8483.20.30	0
9849.22.16	8409.91.46	0	9849.28.30	8483.30.30	0
9849.22.17	8409.91.47	0	9849.28.40	8483.40.40	0
9849.22.18	8409.91.48	0	9849.28.50	8483.50.00	0
9849.22.19	8409.91.49	0	9849.28.60	8483.60.00	0
9849.22.21	8409.99.41	0	9849.28.91	8483.90.15	0
9849.22.22	8409.99.42	0	9849.28.99	8483.90.95	0
9849.22.23	8409.99.43	0	9849.29.10	8511.10.20	0
9849.22.24	8409.99.44	0	9849.29.21	8511.20.21	0
9849.22.25	8409.99.45	0	9849.29.29	8511.20.29	0
9849.22.26	8409.99.46	0	9849.29.31	8511.30.41	0
9849.22.27	8409.99.47	0	9849.29.39	8511.30.49	0
9849.22.28	8409.99.48	0	9849.29.41	8511.40.21	0
9849.22.29	8409.99.49	0	9849.29.42	8511.40.32	0
9849.23.11	8413.30.30	0	9849.29.43	8511.40.33	0
9849.23.19	8413.30.40	0	9849.29.49	8511.40.91	0
9849.24.00	8414.80.42	0	9849.29.50	8511.50.21	0
9849.25.11	8415.20.10	0	9849.29.61	8511.50.32	0

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31	Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9849.29.69	8511.50.33	0		8708.22.30	
9849.29.71	8511.50.91	0	9849.34.29	8708.29.99	0
9849.29.79	8511.50.99	0		8708.22.30	
9849.29.80	8511.80.20	0	9849.34.31	8708.30.21	0
9849.29.90	8511.90.20	0	9849.34.32	8708.30.29	0
9849.30.10	8512.20.20	0	9849.34.33	8708.30.30	0
9849.30.20	8512.20.99	0	9849.34.39	8708.30.90	0
9849.30.31	8512.30.10	0	9849.34.41	8708.40.11	0
9849.30.32	8512.30.20	0	9849.34.42	8708.40.13	0
9849.30.33	8512.30.91	0	9849.34.43	8708.40.19	0
9849.30.39	8512.30.99	0	9849.34.44	8708.40.26	0
9849.30.40	8512.40.00	0	9849.34.45	8708.40.27	0
9849.30.50	8512.90.20	0	9849.34.46	8708.40.29	0
9849.31.10	8536.10.13	0	9849.34.47	8708.40.92	0
9849.31.90	8536.10.93	0	9849.34.49	8708.40.99	0
9849.32.10	8539.10.10	0	9849.34.51	8708.50.11	0
9849.32.20	8539.21.30	0	9849.34.52	8708.50.13	0
9849.32.30	8539.29.20	0	9849.34.53	8708.50.19	0
9849.32.90	8539.90.20	0	9849.34.54	8708.50.26	0
	8539.51.00		9849.34.55	8708.50.27	0
9849.33.10	8544.30.12	0	9849.34.56	8708.50.29	0
9849.33.20	8544.30.14	0	9849.34.57	8708.50.94	0
9849.33.30	8544.42.32	0	9849.34.58	8708.50.95	0
9849.33.40	8544.42.34	0	9849.34.59	8708.50.96	0
9849.34.11	8708.10.90	0	9849.34.60	8708.50.99	0
9849.34.12	8708.21.00	0	9849.34.71	8708.70.16	0
9849.34.13	8708.29.15	0	9849.34.72	8708.70.17	0
9849.34.14	8708.29.16	0	9849.34.73	8708.70.18	0
9849.34.15	8708.29.17	0	9849.34.74	8708.70.19	0
9849.34.16	8708.29.18	0	9849.34.75	8708.70.22	0
9849.34.17	8708.29.19	0	9849.34.76	8708.70.23	0
9849.34.18	8708.29.20	0	9849.34.77	8708.70.29	0
9849.34.19	8708.29.93	0	9849.34.78	8708.70.32	0
9849.34.20	8708.29.94	0	9849.34.79	8708.70.33	0
9849.34.21	8708.29.95	0	9849.34.80	8708.70.34	0
	8708.22.20		9849.34.81	8708.70.39	0
9849.34.22	8708.29.96	0	9849.34.82	8708.70.96	0
9849.34.23	8708.29.97	0	9849.34.83	8708.70.97	0
9849.34.24	8708.29.98	0	9849.34.89	8708.70.99	0

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9849.34.91	8708.80.16	0
9849.34.92	8708.80.17	0
9849.34.93	8708.80.19	0
9849.34.94	8708.80.92	0
9849.34.99	8708.80.99	0
9849.35.10	8708.91.16	0
9849.35.21	8708.91.17	0
9849.35.22	8708.91.18	0
9849.35.29	8708.91.19	0
9849.35.31	8708.91.93	0
9849.35.32	8708.91.94	0
9849.35.33	8708.91.95	0
9849.35.39	8708.91.99	0
9849.35.41	8708.92.20	0
9849.35.42	8708.92.51	0
9849.35.43	8708.92.52	0
9849.35.44	8708.92.61	0
9849.35.45	8708.92.62	0
9849.35.49	8708.92.90	0
9849.35.51	8708.93.60	0
9849.35.52	8708.93.70	0
9849.35.59	8708.93.90	0
9849.35.61	8708.94.19	0
9849.35.62	8708.94.95	0
9849.35.69	8708.94.99	0
9849.35.71	8708.95.10	0
9849.35.79	8708.95.90	0
9849.35.81	8708.99.21	0
9849.35.82	8708.99.24	0
9849.35.83	8708.99.25	0
9849.35.84	8708.99.30	0
9849.35.85	8708.99.40	0
9849.35.86	8708.99.50	0
9849.35.87	8708.99.61	0
9849.35.88	8708.99.62	0

Mã số Chương 98 tại Nghị định 57/2020/NĐ- CP	Mã số khai báo theo Thông tư 31	Thuế suất theo mã số TT31
9849.35.89	8708.99.63	0
9849.35.90	8708.99.70	0
9849.35.91	8708.99.80	0
9849.35.92	8708.99.91	0
9849.35.99	8708.99.99	0
9849.36.00	9025.19.11	0
9849.37.11	9026.10.50	0
9849.37.19	9026.10.50	0
9849.37.90	9026.20.50	0
9849.38.10	9029.20.10	0
9849.38.90	9029.20.20	0
9849.39.10	9104.00.10	0
9849.39.90	9104.00.90	0
9849.40.11	9401.20.10	0
9849.40.19	9401.20.90	0
9849.40.21	9401.99.21	0
9849.40.22	9401.99.21	0
	9401.99.29	
9849.41.10	8527.21.10	0
	8527.21.90	
9849.41.90	8527.29.00	0
9849.42.10	8501.20.29	0
9849.42.21	8501.32.24	0
9849.42.22	8501.32.32	0
9849.42.30	8501.40.29	0
9849.42.40	8501.52.22	0
9849.43.10	8506.50.00	0
9849.43.21	8506.80.30	0
9849.43.29	8506.80.90	0
9849.43.90	8506.90.00	0
9849.44.00	3926.30.00	0
9849.45.00	8302.30.10	0
9849.46.00	8537.10.99	0
	8537.10.40	

4. Biểu thuế nhập khẩu thông thường:

a) Đối với thuế suất thuế nhập khẩu thông thường áp dụng đối với 97 Chương theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu Việt Nam:

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0101.21.00	5
0101.29.00	7.5
0101.30.10	5
0101.30.90	7.5
0101.90.00	7.5
0102.21.00	5
0102.29.11	7.5
0102.29.19	7.5
0102.29.90	7.5
0102.31.00	5
0102.39.00	7.5
0102.90.10	5
0102.90.90	7.5
0103.10.00	5
0103.91.00	7.5
0103.92.00	7.5
0104.10.10	5
0104.10.90	7.5
0104.20.10	5
0104.20.90	7.5
0105.11.10	5
0105.11.90	15
0105.12.10	5
0105.12.90	15
0105.13.10	5
0105.13.90	15
0105.14.10	5
0105.14.90	15
0105.15.10	5
0105.15.90	15
0105.94.10	5
0105.94.41	7.5
0105.94.49	7.5
0105.94.91	15
0105.94.99	15
0105.99.10	5
0105.99.20	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0105.99.30	5
0105.99.40	7.5
0106.11.00	7.5
0106.12.10	7.5
0106.12.20	7.5
0106.13.00	7.5
0106.14.00	7.5
0106.19.00	7.5
0106.20.00	7.5
0106.31.00	7.5
0106.32.00	7.5
0106.33.00	7.5
0106.39.00	7.5
0106.41.00	7.5
0106.49.00	7.5
0106.90.00	7.5
0201.10.00	45
0201.20.00	30
0201.30.00	21
0202.10.00	30
0202.20.00	30
0202.30.00	21
0203.11.00	37.5
0203.12.00	37.5
0203.19.00	33
0203.21.00	15
0203.22.00	15
0203.29.00	15
0204.10.00	10.5
0204.21.00	10.5
0204.22.00	10.5
0204.23.00	10.5
0204.30.00	10.5
0204.41.00	10.5
0204.42.00	10.5
0204.43.00	10.5
0204.50.00	10.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0205.00.00	15
0206.10.00	12
0206.21.00	12
0206.22.00	12
0206.29.00	12
0206.30.00	12
0206.41.00	12
0206.49.00	12
0206.80.00	15
0206.90.00	15
0207.11.00	60
0207.12.00	60
0207.13.00	60
0207.14.10	30
0207.14.20	30
0207.14.30	30
0207.14.91	30
0207.14.99	30
0207.24.00	60
0207.25.00	60
0207.26.00	60
0207.27.10	30
0207.27.91	30
0207.27.99	30
0207.41.00	60
0207.42.00	60
0207.43.00	22.5
0207.44.00	22.5
0207.45.10	22.5
0207.45.90	22.5
0207.51.00	60
0207.52.00	60
0207.53.00	22.5
0207.54.00	22.5
0207.55.10	22.5
0207.55.90	22.5
0207.60.10	60
0207.60.20	60
0207.60.30	60
0207.60.40	60

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0208.10.00	15
0208.30.00	15
0208.40.10	15
0208.40.90	7.5
0208.50.00	15
0208.60.00	7.5
0208.90.10	15
0208.90.90	7.5
0209.10.00	15
0209.90.00	15
0210.11.00	15
0210.12.00	15
0210.19.30	15
0210.19.90	15
0210.20.00	22.5
0210.91.00	30
0210.92.10	30
0210.92.90	30
0210.93.00	30
0210.99.10	30
0210.99.20	30
0210.99.90	30
0301.11.10	22.5
0301.11.91	30
0301.11.92	30
0301.11.93	30
0301.11.95	30
0301.11.99	30
0301.19.10	22.5
0301.19.90	30
0301.91.00	30
0301.92.00	30
0301.93.21	5
0301.93.22	30
0301.93.29	30
0301.93.31	5
0301.93.32	30
0301.93.39	30
0301.94.00	30
0301.95.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0301.99.11	5
0301.99.19	30
0301.99.22	5
0301.99.23	30
0301.99.24	5
0301.99.29	30
0301.99.31	5
0301.99.32	30
0301.99.33	30
0301.99.34	30
0301.99.35	30
0301.99.36	30
0301.99.41	30
0301.99.42	5
0301.99.49	30
0301.99.50	30
0301.99.90	30
0302.11.00	15
0302.13.00	15
0302.14.00	15
0302.19.00	30
0302.21.00	30
0302.22.00	30
0302.23.00	30
0302.24.00	22.5
0302.29.00	22.5
0302.31.00	22.5
0302.32.00	22.5
0302.33.00	30
0302.34.00	22.5
0302.35.00	22.5
0302.36.00	22.5
0302.39.00	22.5
0302.41.00	30
0302.42.00	18
0302.43.00	30
0302.44.00	22.5
0302.45.00	18
0302.46.00	18
0302.47.00	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0302.49.00	18
0302.51.00	30
0302.52.00	30
0302.53.00	30
0302.54.00	18
0302.55.00	18
0302.56.00	18
0302.59.00	18
0302.71.00	30
0302.72.10	30
0302.72.90	30
0302.73.00	30
0302.74.00	30
0302.79.00	30
0302.81.00	22.5
0302.82.00	18
0302.83.00	18
0302.84.00	18
0302.85.00	18
0302.89.11	18
0302.89.12	18
0302.89.13	18
0302.89.14	18
0302.89.15	30
0302.89.16	18
0302.89.17	18
0302.89.18	18
0302.89.19	18
0302.89.22	30
0302.89.23	30
0302.89.27	30
0302.89.28	30
0302.89.29	30
0302.91.00	30
0302.92.00	22.5
0302.99.00	15
0303.11.00	22.5
0303.12.00	15
0303.13.00	15
0303.14.00	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0303.19.00	22.5
0303.23.00	30
0303.24.00	30
0303.25.00	30
0303.26.00	22.5
0303.29.00	30
0303.31.00	18
0303.32.00	30
0303.33.00	30
0303.34.00	22.5
0303.39.00	22.5
0303.41.00	18
0303.42.00	30
0303.43.00	22.5
0303.44.00	30
0303.45.10	21
0303.45.90	21
0303.46.00	22.5
0303.49.10	22.5
0303.49.90	22.5
0303.51.00	15
0303.53.00	30
0303.54.10	19.5
0303.54.20	19.5
0303.55.00	15
0303.56.00	15
0303.57.00	15
0303.59.10	15
0303.59.20	15
0303.59.90	15
0303.63.00	21
0303.64.00	21
0303.65.00	21
0303.66.00	18
0303.67.00	15
0303.68.00	15
0303.69.00	15
0303.81.00	22.5
0303.82.00	15
0303.83.00	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0303.84.00	30
0303.89.11	15
0303.89.13	15
0303.89.14	15
0303.89.15	30
0303.89.16	15
0303.89.17	15
0303.89.18	15
0303.89.19	15
0303.89.22	30
0303.89.23	30
0303.89.24	30
0303.89.27	30
0303.89.28	30
0303.89.29	30
0303.91.00	18
0303.92.00	22.5
0303.99.00	15
0304.31.00	22.5
0304.32.00	22.5
0304.33.00	22.5
0304.39.00	22.5
0304.41.00	22.5
0304.42.00	22.5
0304.43.00	22.5
0304.44.00	22.5
0304.45.00	22.5
0304.46.00	22.5
0304.47.00	22.5
0304.48.00	22.5
0304.49.00	22.5
0304.51.00	22.5
0304.52.00	22.5
0304.53.00	22.5
0304.54.00	22.5
0304.55.00	22.5
0304.56.00	22.5
0304.57.00	22.5
0304.59.00	22.5
0304.61.00	22.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0304.62.00	22.5
0304.63.00	22.5
0304.69.00	22.5
0304.71.00	22.5
0304.72.00	22.5
0304.73.00	22.5
0304.74.00	22.5
0304.75.00	22.5
0304.79.00	22.5
0304.81.00	22.5
0304.82.00	22.5
0304.83.00	22.5
0304.84.00	22.5
0304.85.00	22.5
0304.86.00	22.5
0304.87.00	22.5
0304.88.00	22.5
0304.89.10	22.5
0304.89.90	22.5
0304.91.00	22.5
0304.92.00	22.5
0304.93.00	22.5
0304.94.00	22.5
0304.95.00	22.5
0304.96.00	22.5
0304.97.00	22.5
0304.99.10	22.5
0304.99.90	22.5
0305.20.10	30
0305.20.90	30
0305.31.00	30
0305.32.00	30
0305.39.10	30
0305.39.20	30
0305.39.91	30
0305.39.92	30
0305.39.99	30
0305.41.00	22.5
0305.42.00	30
0305.43.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0305.44.00	30
0305.49.10	30
0305.49.90	30
0305.51.00	30
0305.52.00	30
0305.53.00	30
0305.54.00	30
0305.59.21	30
0305.59.29	30
0305.59.90	30
0305.61.00	30
0305.62.00	30
0305.63.00	30
0305.64.00	30
0305.69.10	30
0305.69.90	30
0305.71.10	30
0305.71.90	30
0305.72.11	7.5
0305.72.19	7.5
0305.72.91	22.5
0305.72.99	22.5
0305.79.10	22.5
0305.79.90	22.5
0306.11.10	40.5
0306.11.90	22.5
0306.12.10	40.5
0306.12.90	15
0306.14.11	4.5
0306.14.19	5
0306.14.91	KBTC
0306.14.92	KBTC
0306.14.93	KBTC
0306.14.99	KBTC
0306.15.00	15
0306.16.00	4.5
0306.17.11	18
0306.17.19	18
0306.17.21	18
0306.17.22	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0306.17.29	18
0306.17.30	18
0306.17.90	5
0306.19.00	5
0306.31.10	5
0306.31.20	15
0306.31.30	15
0306.32.10	5
0306.32.20	15
0306.32.30	15
0306.33.11	5
0306.33.12	5
0306.33.91	5
0306.33.92	5
0306.34.00	15
0306.35.10	5
0306.35.20	5
0306.35.30	5
0306.36.11	5
0306.36.12	5
0306.36.13	5
0306.36.19	5
0306.36.21	15
0306.36.22	15
0306.36.23	5
0306.36.29	5
0306.36.31	15
0306.36.32	18
0306.36.33	5
0306.36.39	5
0306.39.10	5
0306.39.20	5
0306.91.21	40.5
0306.91.29	15
0306.91.31	40.5
0306.91.39	15
0306.92.21	40.5
0306.92.29	15
0306.92.31	40.5
0306.92.39	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0306.93.21	40.5
0306.93.29	15
0306.93.31	15
0306.93.39	15
0306.94.21	40.5
0306.94.29	15
0306.94.31	40.5
0306.94.39	15
0306.95.21	15
0306.95.29	15
0306.95.30	15
0306.99.21	40.5
0306.99.29	15
0306.99.31	40.5
0306.99.39	15
0307.11.10	5
0307.11.20	5
0307.12.00	4.5
0307.19.20	15
0307.19.30	37.5
0307.21.10	KBTC
0307.21.20	5
0307.22.00	KBTC
0307.29.30	15
0307.29.40	15
0307.31.10	5
0307.31.20	5
0307.32.00	5
0307.39.30	15
0307.39.40	15
0307.42.11	5
0307.42.19	4.5
0307.42.21	15
0307.42.29	5
0307.43.10	15
0307.43.90	5
0307.49.21	15
0307.49.29	15
0307.49.31	22.5
0307.49.39	22.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0307.51.10	5
0307.51.20	15
0307.52.00	22.5
0307.59.20	15
0307.59.30	37.5
0307.60.10	5
0307.60.20	5
0307.60.40	15
0307.60.50	15
0307.71.10	4.5
0307.71.20	5
0307.72.00	5
0307.79.30	15
0307.79.40	15
0307.81.10	5
0307.81.20	5
0307.82.10	4.5
0307.82.20	5
0307.83.00	5
0307.84.00	5
0307.87.10	15
0307.87.20	15
0307.88.10	15
0307.88.20	15
0307.91.10	4.5
0307.91.20	5
0307.92.00	5
0307.99.30	15
0307.99.40	15
0308.11.10	5
0308.11.20	5
0308.12.00	5
0308.19.20	15
0308.19.30	37.5
0308.21.10	5
0308.21.20	5
0308.22.00	5
0308.29.20	15
0308.29.30	37.5
0308.30.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0308.30.20	5
0308.30.30	5
0308.30.40	15
0308.30.50	37.5
0308.90.10	5
0308.90.20	5
0308.90.30	5
0308.90.40	15
0308.90.50	37.5
0309.10.00	30
0309.90.11	30
0309.90.12	5
0309.90.19	15
0309.90.21	5
0309.90.22	5
0309.90.29	22.5
0309.90.90	5
0401.10.10	22.5
0401.10.90	22.5
0401.20.10	22.5
0401.20.90	22.5
0401.40.10	22.5
0401.40.20	22.5
0401.40.90	22.5
0401.50.10	22.5
0401.50.90	22.5
0402.10.41	3
0402.10.42	7.5
0402.10.49	3
0402.10.91	3
0402.10.92	7.5
0402.10.99	3
0402.21.20	3
0402.21.30	7.5
0402.21.90	3
0402.29.20	3
0402.29.30	7.5
0402.29.90	3
0402.91.00	3
0402.99.00	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0403.20.11	30
0403.20.19	30
0403.20.91	30
0403.20.99	30
0403.90.10	30
0403.90.90	30
0404.10.11	5
0404.10.19	5
0404.10.91	5
0404.10.99	5
0404.90.00	7.5
0405.10.00	19.5
0405.20.00	22.5
0405.90.10	7.5
0405.90.20	7.5
0405.90.30	22.5
0405.90.90	7.5
0406.10.10	7.5
0406.10.20	7.5
0406.20.10	7.5
0406.20.90	7.5
0406.30.00	7.5
0406.40.00	7.5
0406.90.00	7.5
0407.11.10	5
0407.11.90	5
0407.19.11	5
0407.19.19	5
0407.19.91	5
0407.19.99	5
0407.21.00	60
0407.29.10	60
0407.29.90	60
0407.90.10	60
0407.90.20	60
0407.90.90	60
0408.11.00	30
0408.19.00	30
0408.91.00	30
0408.99.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0409.00.00	15
0410.10.00	7.5
0410.90.10	7.5
0410.90.20	7.5
0410.90.90	7.5
0501.00.00	7.5
0502.10.00	7.5
0502.90.00	7.5
0504.00.00	4.5
0505.10.10	7.5
0505.10.90	7.5
0505.90.10	7.5
0505.90.90	7.5
0506.10.00	5
0506.90.00	5
0507.10.00	4.5
0507.90.20	7.5
0507.90.90	4.5
0508.00.20	7.5
0508.00.90	7.5
0510.00.00	5
0511.10.00	5
0511.91.10	7.5
0511.91.20	5
0511.91.30	7.5
0511.91.90	7.5
0511.99.10	5
0511.99.20	5
0511.99.30	5
0511.99.90	5
0601.10.00	5
0601.20.10	5
0601.20.20	5
0601.20.90	5
0602.10.10	5
0602.10.20	5
0602.10.90	5
0602.20.00	5
0602.30.00	5
0602.40.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0602.90.10	5
0602.90.20	5
0602.90.40	5
0602.90.50	5
0602.90.60	5
0602.90.90	5
0603.11.00	30
0603.12.00	30
0603.13.00	30
0603.14.00	30
0603.15.00	30
0603.19.00	30
0603.90.00	30
0604.20.10	30
0604.20.90	30
0604.90.10	30
0604.90.90	30
0701.10.00	5
0701.90.10	30
0701.90.90	30
0702.00.00	30
0703.10.11	5
0703.10.19	22.5
0703.10.21	5
0703.10.29	30
0703.20.10	5
0703.20.90	30
0703.90.10	5
0703.90.90	30
0704.10.10	30
0704.10.20	30
0704.10.90	30
0704.20.00	30
0704.90.10	30
0704.90.20	30
0704.90.30	30
0704.90.90	30
0705.11.00	30
0705.19.00	30
0705.21.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0705.29.00	30
0706.10.10	25.5
0706.10.20	30
0706.90.00	30
0707.00.00	30
0708.10.00	30
0708.20.10	30
0708.20.20	30
0708.20.90	30
0708.90.00	30
0709.20.00	22.5
0709.30.00	22.5
0709.40.00	22.5
0709.51.00	22.5
0709.52.00	22.5
0709.53.00	22.5
0709.54.00	22.5
0709.55.00	22.5
0709.56.00	30
0709.59.20	30
0709.59.90	22.5
0709.60.10	19.5
0709.60.90	19.5
0709.70.00	22.5
0709.91.00	22.5
0709.92.00	18
0709.93.00	19.5
0709.99.10	19.5
0709.99.20	19.5
0709.99.90	19.5
0710.10.00	15
0710.21.00	25.5
0710.22.00	25.5
0710.29.00	25.5
0710.30.00	22.5
0710.40.00	25.5
0710.80.00	25.5
0710.90.00	25.5
0711.20.10	22.5
0711.20.90	22.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0711.40.10	45
0711.40.90	45
0711.51.10	45
0711.51.90	45
0711.59.10	45
0711.59.90	45
0711.90.10	45
0711.90.20	45
0711.90.30	22.5
0711.90.40	45
0711.90.50	45
0711.90.60	45
0711.90.90	45
0712.20.00	45
0712.31.00	45
0712.32.00	45
0712.33.00	45
0712.34.00	45
0712.39.10	45
0712.39.90	45
0712.90.10	33
0712.90.20	33
0712.90.90	33
0713.10.10	5
0713.10.90	22.5
0713.20.10	5
0713.20.90	22.5
0713.31.10	5
0713.31.90	22.5
0713.32.10	5
0713.32.90	30
0713.33.10	5
0713.33.90	22.5
0713.34.10	5
0713.34.90	30
0713.35.10	5
0713.35.90	30
0713.39.10	5
0713.39.90	30
0713.40.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0713.40.90	30
0713.50.10	5
0713.50.90	30
0713.60.10	5
0713.60.90	30
0713.90.10	5
0713.90.90	30
0714.10.11	4.5
0714.10.19	4.5
0714.10.91	4.5
0714.10.99	4.5
0714.20.10	15
0714.20.90	15
0714.30.10	15
0714.30.90	15
0714.40.10	15
0714.40.90	15
0714.50.10	15
0714.50.90	15
0714.90.11	15
0714.90.19	15
0714.90.91	15
0714.90.99	15
0801.11.00	45
0801.12.00	45
0801.19.10	45
0801.19.90	45
0801.21.00	45
0801.22.00	45
0801.31.00	7.5
0801.32.00	37.5
0802.11.00	15
0802.12.10	15
0802.12.90	15
0802.21.00	30
0802.22.00	30
0802.31.00	12
0802.32.00	45
0802.41.00	45
0802.42.00	45

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0802.51.00	22.5
0802.52.00	22.5
0802.61.00	45
0802.62.00	45
0802.70.00	45
0802.80.00	45
0802.91.00	45
0802.92.00	45
0802.99.00	45
0803.10.10	37.5
0803.10.20	37.5
0803.90.10	37.5
0803.90.20	37.5
0803.90.30	37.5
0803.90.90	37.5
0804.10.00	45
0804.20.00	45
0804.30.00	45
0804.40.00	22.5
0804.50.10	37.5
0804.50.21	37.5
0804.50.22	37.5
0804.50.30	37.5
0805.10.10	30
0805.10.20	30
0805.21.00	45
0805.22.00	45
0805.29.00	45
0805.40.00	60
0805.50.10	30
0805.50.20	30
0805.90.00	60
0806.10.00	12
0806.20.00	18
0807.11.00	45
0807.19.00	45
0807.20.00	45
0808.10.00	12
0808.30.00	15
0808.40.00	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0809.10.00	30
0809.21.00	15
0809.29.00	15
0809.30.00	30
0809.40.10	30
0809.40.20	30
0810.10.00	22.5
0810.20.00	22.5
0810.30.00	22.5
0810.40.00	22.5
0810.50.00	10.5
0810.60.00	45
0810.70.00	37.5
0810.90.10	37.5
0810.90.20	45
0810.90.30	37.5
0810.90.40	37.5
0810.90.50	37.5
0810.90.60	37.5
0810.90.70	37.5
0810.90.91	37.5
0810.90.92	37.5
0810.90.93	37.5
0810.90.94	37.5
0810.90.99	37.5
0811.10.00	45
0811.20.00	45
0811.90.00	45
0812.10.00	45
0812.90.10	45
0812.90.90	45
0813.10.00	45
0813.20.00	45
0813.30.00	45
0813.40.10	45
0813.40.20	45
0813.40.90	45
0813.50.10	45
0813.50.20	45
0813.50.30	45



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0813.50.40	45
0813.50.90	45
0814.00.00	15
0901.11.20	22.5
0901.11.30	22.5
0901.11.90	22.5
0901.12.20	30
0901.12.90	30
0901.21.11	45
0901.21.12	45
0901.21.19	45
0901.21.20	45
0901.22.10	45
0901.22.20	45
0901.90.10	45
0901.90.20	45
0902.10.10	60
0902.10.90	60
0902.20.10	60
0902.20.90	60
0902.30.10	60
0902.30.90	60
0902.40.10	60
0902.40.90	60
0903.00.00	45
0904.11.10	30
0904.11.20	30
0904.11.90	30
0904.12.10	30
0904.12.20	30
0904.12.90	30
0904.21.10	30
0904.21.90	30
0904.22.10	30
0904.22.90	30
0905.10.00	30
0905.20.00	30
0906.11.00	30
0906.19.00	30
0906.20.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
0907.10.00	30
0907.20.00	30
0908.11.00	30
0908.12.00	30
0908.21.00	30
0908.22.00	30
0908.31.00	30
0908.32.00	30
0909.21.00	22.5
0909.22.00	22.5
0909.31.00	22.5
0909.32.00	22.5
0909.61.10	22.5
0909.61.20	22.5
0909.61.30	22.5
0909.61.90	22.5
0909.62.10	22.5
0909.62.20	22.5
0909.62.30	22.5
0909.62.90	22.5
0910.11.00	22.5
0910.12.00	22.5
0910.20.00	22.5
0910.30.00	22.5
0910.91.10	22.5
0910.91.90	22.5
0910.99.10	22.5
0910.99.90	22.5
1001.11.00	5
1001.19.00	5
1001.91.00	5
1001.99.11	5
1001.99.12	5
1001.99.19	5
1001.99.91	5
1001.99.99	5
1002.10.00	5
1002.90.00	5
1003.10.00	5
1003.90.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1004.10.00	5
1004.90.00	5
1005.10.00	5
1005.90.10	45
1005.90.91	3
1005.90.99	3
1006.10.10	5
1006.10.90	60
1006.20.10	60
1006.20.90	60
1006.30.30	60
1006.30.40	60
1006.30.50	60
1006.30.60	60
1006.30.70	60
1006.30.91	60
1006.30.99	60
1006.40.10	60
1006.40.90	60
1007.10.00	7.5
1007.90.00	7.5
1008.10.00	7.5
1008.21.00	5
1008.29.00	5
1008.30.00	15
1008.40.00	7.5
1008.50.00	7.5
1008.60.00	7.5
1008.90.00	7.5
1101.00.11	22.5
1101.00.19	22.5
1101.00.20	22.5
1102.20.00	22.5
1102.90.10	22.5
1102.90.20	22.5
1102.90.90	22.5
1103.11.00	30
1103.13.00	15
1103.19.10	30
1103.19.20	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1103.19.90	30
1103.20.00	30
1104.12.00	22.5
1104.19.10	7.5
1104.19.90	7.5
1104.22.00	22.5
1104.23.00	7.5
1104.29.20	22.5
1104.29.90	7.5
1104.30.00	22.5
1105.10.00	45
1105.20.00	45
1106.10.00	45
1106.20.10	45
1106.20.20	45
1106.20.90	45
1106.30.00	45
1107.10.00	7.5
1107.20.00	7.5
1108.11.00	22.5
1108.12.00	22.5
1108.13.00	30
1108.14.00	30
1108.19.10	30
1108.19.90	30
1108.20.00	30
1109.00.00	15
1201.10.00	5
1201.90.00	5
1202.30.00	5
1202.41.00	15
1202.42.00	15
1203.00.00	15
1204.00.00	15
1205.10.00	7.5
1205.90.00	7.5
1206.00.00	15
1207.10.10	7.5
1207.10.30	7.5
1207.10.90	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1207.21.00	7.5
1207.29.00	7.5
1207.30.00	15
1207.40.10	7.5
1207.40.90	7.5
1207.50.00	7.5
1207.60.00	15
1207.70.00	15
1207.91.00	15
1207.99.40	15
1207.99.50	15
1207.99.90	15
1208.10.00	12
1208.90.00	37.5
1209.10.00	5
1209.21.00	5
1209.22.00	5
1209.23.00	5
1209.24.00	5
1209.25.00	5
1209.29.10	5
1209.29.90	5
1209.30.00	5
1209.91.10	5
1209.91.90	5
1209.99.20	5
1209.99.30	5
1209.99.90	5
1210.10.00	7.5
1210.20.00	7.5
1211.20.10	7.5
1211.20.90	7.5
1211.30.00	7.5
1211.40.00	5
1211.50.00	7.5
1211.60.00	7.5
1211.90.11	7.5
1211.90.12	7.5
1211.90.13	7.5
1211.90.15	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1211.90.17	7.5
1211.90.18	7.5
1211.90.19	7.5
1211.90.91	7.5
1211.90.92	7.5
1211.90.94	7.5
1211.90.95	7.5
1211.90.97	5
1211.90.98	7.5
1211.90.99	7.5
1212.21.11	15
1212.21.12	15
1212.21.13	15
1212.21.19	15
1212.21.90	15
1212.29.11	15
1212.29.19	15
1212.29.20	15
1212.29.30	15
1212.91.00	15
1212.92.00	15
1212.93.10	5
1212.93.90	15
1212.94.00	15
1212.99.10	15
1212.99.90	15
1213.00.00	15
1214.10.00	5
1214.90.00	5
1301.20.00	7.5
1301.90.30	7.5
1301.90.40	7.5
1301.90.90	7.5
1302.11.10	7.5
1302.11.90	7.5
1302.12.00	7.5
1302.13.00	7.5
1302.14.00	7.5
1302.19.20	7.5
1302.19.40	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1302.19.50	7.5
1302.19.90	7.5
1302.20.00	7.5
1302.31.00	7.5
1302.32.00	7.5
1302.39.11	7.5
1302.39.12	7.5
1302.39.13	7.5
1302.39.19	7.5
1302.39.90	7.5
1401.10.00	7.5
1401.20.10	7.5
1401.20.21	7.5
1401.20.29	7.5
1401.20.30	7.5
1401.20.90	7.5
1401.90.00	7.5
1404.20.00	7.5
1404.90.20	7.5
1404.90.30	7.5
1404.90.91	7.5
1404.90.92	7.5
1404.90.99	7.5
1501.10.00	15
1501.20.00	15
1501.90.00	15
1502.10.00	15
1502.90.10	15
1502.90.90	15
1503.00.10	22.5
1503.00.90	22.5
1504.10.20	7.5
1504.10.90	15
1504.20.10	7.5
1504.20.90	15
1504.30.00	7.5
1505.00.10	15
1505.00.90	15
1506.00.00	15
1507.10.00	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1507.90.10	7.5
1507.90.20	22.5
1507.90.90	22.5
1508.10.00	7.5
1508.90.00	30
1509.20.10	7.5
1509.20.90	7.5
1509.30.00	7.5
1509.40.00	7.5
1509.90.11	7.5
1509.90.19	7.5
1509.90.91	30
1509.90.99	30
1510.10.00	7.5
1510.90.10	7.5
1510.90.20	7.5
1510.90.90	37.5
1511.10.00	7.5
1511.90.20	45
1511.90.31	45
1511.90.32	45
1511.90.36	45
1511.90.37	45
1511.90.39	45
1511.90.41	10.5
1511.90.42	10.5
1511.90.49	10.5
1512.11.00	7.5
1512.19.10	7.5
1512.19.20	22.5
1512.19.90	22.5
1512.21.00	7.5
1512.29.10	7.5
1512.29.90	37.5
1513.11.10	7.5
1513.11.90	7.5
1513.19.10	7.5
1513.19.90	45
1513.21.10	10.5
1513.21.90	10.5

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1513.29.11	7.5
1513.29.12	7.5
1513.29.13	7.5
1513.29.14	7.5
1513.29.91	37.5
1513.29.92	37.5
1513.29.94	37.5
1513.29.95	52.5
1513.29.96	37.5
1513.29.97	37.5
1514.11.00	7.5
1514.19.10	7.5
1514.19.20	7.5
1514.19.90	7.5
1514.91.00	7.5
1514.99.10	7.5
1514.99.90	30
1515.11.00	7.5
1515.19.00	22.5
1515.21.00	7.5
1515.29.11	7.5
1515.29.19	7.5
1515.29.91	30
1515.29.99	45
1515.30.10	10.5
1515.30.90	22.5
1515.50.10	10.5
1515.50.20	7.5
1515.50.90	37.5
1515.60.00	45
1515.90.11	7.5
1515.90.12	7.5
1515.90.19	37.5
1515.90.21	7.5
1515.90.22	7.5
1515.90.29	15
1515.90.31	7.5
1515.90.32	7.5
1515.90.39	37.5
1515.90.91	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1515.90.92	7.5
1515.90.99	45
1516.10.20	33
1516.10.90	33
1516.20.11	30
1516.20.12	37.5
1516.20.14	45
1516.20.17	37.5
1516.20.18	37.5
1516.20.19	37.5
1516.20.21	37.5
1516.20.22	45
1516.20.23	37.5
1516.20.24	45
1516.20.25	37.5
1516.20.26	37.5
1516.20.29	37.5
1516.20.31	45
1516.20.32	37.5
1516.20.33	37.5
1516.20.34	45
1516.20.35	45
1516.20.39	45
1516.20.41	45
1516.20.42	45
1516.20.43	45
1516.20.44	37.5
1516.20.45	37.5
1516.20.46	45
1516.20.47	45
1516.20.48	37.5
1516.20.49	45
1516.20.51	37.5
1516.20.52	37.5
1516.20.53	37.5
1516.20.54	45
1516.20.59	45
1516.20.61	37.5
1516.20.62	37.5
1516.20.69	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1516.20.91	45
1516.20.92	37.5
1516.20.93	37.5
1516.20.94	37.5
1516.20.96	37.5
1516.20.98	45
1516.20.99	45
1516.30.00	KBTC
1517.10.10	37.5
1517.10.90	37.5
1517.90.10	45
1517.90.20	37.5
1517.90.30	45
1517.90.43	37.5
1517.90.44	37.5
1517.90.50	45
1517.90.61	45
1517.90.62	45
1517.90.63	45
1517.90.64	45
1517.90.65	45
1517.90.66	45
1517.90.67	45
1517.90.68	45
1517.90.69	45
1517.90.80	45
1517.90.90	45
1518.00.12	7.5
1518.00.14	7.5
1518.00.15	7.5
1518.00.16	7.5
1518.00.19	7.5
1518.00.20	7.5
1518.00.32	7.5
1518.00.33	7.5
1518.00.34	7.5
1518.00.35	7.5
1518.00.36	7.5
1518.00.37	7.5
1518.00.38	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1518.00.39	7.5
1518.00.60	7.5
1518.00.90	7.5
1520.00.10	4.5
1520.00.90	7.5
1521.10.00	7.5
1521.90.10	7.5
1521.90.20	4.5
1522.00.10	4.5
1522.00.90	4.5
1601.00.10	KBTC
1601.00.90	KBTC
1602.10.10	KBTC
1602.10.90	KBTC
1602.20.00	45
1602.31.10	33
1602.31.91	33
1602.31.99	33
1602.32.10	60
1602.32.90	33
1602.39.00	33
1602.41.10	33
1602.41.90	33
1602.42.10	33
1602.42.90	33
1602.49.11	33
1602.49.19	33
1602.49.91	33
1602.49.99	33
1602.50.10	52.5
1602.50.90	52.5
1602.90.10	52.5
1602.90.20	52.5
1602.90.90	52.5
1603.00.10	45
1603.00.90	45
1604.11.10	45
1604.11.90	45
1604.12.10	45
1604.12.90	45

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1604.13.11	45
1604.13.19	45
1604.13.91	45
1604.13.99	45
1604.14.11	45
1604.14.19	45
1604.14.91	45
1604.14.99	45
1604.15.10	45
1604.15.90	45
1604.16.10	52.5
1604.16.90	52.5
1604.17.10	45
1604.17.90	45
1604.18.10	30
1604.18.91	45
1604.18.99	45
1604.19.20	45
1604.19.30	45
1604.19.90	45
1604.20.20	45
1604.20.30	45
1604.20.40	45
1604.20.91	45
1604.20.99	45
1604.31.00	52.5
1604.32.00	52.5
1605.10.11	52.5
1605.10.12	52.5
1605.10.13	52.5
1605.10.14	52.5
1605.10.90	52.5
1605.21.00	45
1605.29.20	45
1605.29.30	45
1605.29.90	45
1605.30.00	52.5
1605.40.00	52.5
1605.51.00	37.5
1605.52.00	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1605.53.00	37.5
1605.54.10	37.5
1605.54.90	37.5
1605.55.00	37.5
1605.56.00	37.5
1605.57.10	37.5
1605.57.90	37.5
1605.58.00	37.5
1605.59.00	37.5
1605.61.00	37.5
1605.62.00	37.5
1605.63.00	37.5
1605.69.00	37.5
1701.12.00	37.5
1701.13.00	37.5
1701.14.00	37.5
1701.91.00	60
1701.99.10	60
1701.99.90	60
1702.11.00	5
1702.19.00	5
1702.20.00	15
1702.30.10	22.5
1702.30.20	22.5
1702.40.00	22.5
1702.50.00	22.5
1702.60.10	22.5
1702.60.20	22.5
1702.90.11	22.5
1702.90.19	22.5
1702.90.20	22.5
1702.90.30	22.5
1702.90.40	22.5
1702.90.51	22.5
1702.90.59	22.5
1702.90.91	22.5
1702.90.99	22.5
1703.10.10	15
1703.10.90	15
1703.90.10	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1703.90.90	15
1704.10.00	37.5
1704.90.10	30
1704.90.20	30
1704.90.91	22.5
1704.90.99	22.5
1801.00.10	15
1801.00.90	15
1802.00.00	15
1803.10.00	15
1803.20.00	15
1804.00.00	15
1805.00.00	30
1806.10.00	30
1806.20.10	30
1806.20.90	27
1806.31.00	19.5
1806.32.00	30
1806.90.10	19.5
1806.90.30	37.5
1806.90.40	37.5
1806.90.90	30
1901.10.10	15
1901.10.20	10.5
1901.10.30	27
1901.10.91	10.5
1901.10.92	15
1901.10.99	15
1901.20.10	27
1901.20.20	27
1901.20.30	27
1901.20.40	27
1901.90.11	10.5
1901.90.19	15
1901.90.20	15
1901.90.31	15
1901.90.32	15
1901.90.39	15
1901.90.41	27
1901.90.49	27

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
1901.90.91	10.5
1901.90.99	27
1902.11.00	60
1902.19.20	60
1902.19.30	30
1902.19.40	30
1902.19.90	30
1902.20.10	60
1902.20.30	60
1902.20.90	60
1902.30.20	52.5
1902.30.30	52.5
1902.30.40	45
1902.30.90	52.5
1902.40.00	60
1903.00.00	60
1904.10.10	22.5
1904.10.90	22.5
1904.20.10	52.5
1904.20.90	52.5
1904.30.00	52.5
1904.90.10	52.5
1904.90.90	30
1905.10.00	60
1905.20.00	60
1905.31.10	22.5
1905.31.20	22.5
1905.32.10	52.5
1905.32.20	52.5
1905.40.10	60
1905.40.90	60
1905.90.10	30
1905.90.20	30
1905.90.30	45
1905.90.40	45
1905.90.50	45
1905.90.60	15
1905.90.70	45
1905.90.80	30
1905.90.90	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2001.10.00	60
2001.90.10	52.5
2001.90.90	52.5
2002.10.00	45
2002.90.10	30
2002.90.20	30
2002.90.90	30
2003.10.00	60
2003.90.10	60
2003.90.90	60
2004.10.00	18
2004.90.10	60
2004.90.90	60
2005.10.20	60
2005.10.30	60
2005.20.11	27
2005.20.19	27
2005.20.91	52.5
2005.20.99	52.5
2005.40.00	52.5
2005.51.00	52.5
2005.59.10	52.5
2005.59.90	52.5
2005.60.00	45
2005.70.00	37.5
2005.80.00	60
2005.91.00	48
2005.99.10	48
2005.99.90	48
2006.00.00	52.5
2007.10.00	52.5
2007.91.00	52.5
2007.99.10	60
2007.99.20	60
2007.99.30	60
2007.99.90	60
2008.11.10	45
2008.11.20	27
2008.11.90	30
2008.19.10	52.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2008.19.91	27
2008.19.99	27
2008.20.10	60
2008.20.90	60
2008.30.10	60
2008.30.90	60
2008.40.00	52.5
2008.50.00	60
2008.60.10	60
2008.60.90	60
2008.70.10	52.5
2008.70.90	52.5
2008.80.00	52.5
2008.91.00	60
2008.93.10	45
2008.93.90	45
2008.97.10	45
2008.97.20	45
2008.97.90	45
2008.99.10	60
2008.99.20	60
2008.99.30	60
2008.99.40	45
2008.99.90	45
2009.11.00	30
2009.12.00	45
2009.19.00	45
2009.21.00	52.5
2009.29.00	52.5
2009.31.00	52.5
2009.39.00	52.5
2009.41.00	52.5
2009.49.00	52.5
2009.50.00	52.5
2009.61.00	52.5
2009.69.00	45
2009.71.00	45
2009.79.00	37.5
2009.81.10	37.5
2009.81.90	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2009.89.10	37.5
2009.89.20	37.5
2009.89.30	37.5
2009.89.40	37.5
2009.89.91	37.5
2009.89.99	37.5
2009.90.10	37.5
2009.90.91	37.5
2009.90.99	37.5
2101.11.11	45
2101.11.19	45
2101.11.90	45
2101.12.10	45
2101.12.91	45
2101.12.92	45
2101.12.99	45
2101.20.20	45
2101.20.30	45
2101.20.90	45
2101.30.00	45
2102.10.00	15
2102.20.10	10.5
2102.20.90	10.5
2102.30.00	10.5
2103.10.00	48
2103.20.00	52.5
2103.30.00	52.5
2103.90.11	45
2103.90.12	48
2103.90.13	30
2103.90.19	30
2103.90.21	45
2103.90.29	45
2104.10.11	60
2104.10.19	60
2104.10.91	60
2104.10.99	60
2104.20.11	60
2104.20.19	60
2104.20.91	60

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2104.20.99	60
2105.00.00	30
2106.10.00	7.5
2106.90.11	37.5
2106.90.12	22.5
2106.90.19	22.5
2106.90.20	22.5
2106.90.30	30
2106.90.41	22.5
2106.90.49	22.5
2106.90.53	22.5
2106.90.54	22.5
2106.90.55	22.5
2106.90.59	22.5
2106.90.61	27
2106.90.62	27
2106.90.64	27
2106.90.65	27
2106.90.66	27
2106.90.67	27
2106.90.69	27
2106.90.71	22.5
2106.90.72	22.5
2106.90.73	22.5
2106.90.81	15
2106.90.89	15
2106.90.91	22.5
2106.90.92	22.5
2106.90.93	22.5
2106.90.95	22.5
2106.90.96	10.5
2106.90.97	22.5
2106.90.98	12
2106.90.99	22.5
2201.10.10	52.5
2201.10.20	52.5
2201.90.10	60
2201.90.90	60
2202.10.20	52.5
2202.10.30	52.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2202.10.90	52.5
2202.91.00	30
2202.99.10	45
2202.99.20	45
2202.99.30	45
2202.99.40	30
2202.99.50	45
2202.99.90	30
2203.00.11	52.5
2203.00.19	52.5
2203.00.91	52.5
2203.00.99	52.5
2204.10.00	75
2204.21.11	75
2204.21.13	75
2204.21.14	75
2204.21.21	75
2204.21.22	75
2204.22.11	75
2204.22.12	75
2204.22.13	75
2204.22.21	75
2204.22.22	75
2204.29.11	75
2204.29.12	75
2204.29.21	75
2204.29.22	75
2204.30.10	75
2204.30.20	75
2205.10.10	75
2205.10.20	75
2205.90.10	75
2205.90.20	75
2206.00.10	82.5
2206.00.20	82.5
2206.00.31	82.5
2206.00.39	82.5
2206.00.41	82.5
2206.00.49	82.5
2206.00.50	82.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2206.00.60	82.5
2206.00.91	82.5
2206.00.99	82.5
2207.10.00	60
2207.20.11	22.5
2207.20.19	22.5
2207.20.90	60
2208.20.50	67.5
2208.20.90	67.5
2208.30.10	67.5
2208.30.90	67.5
2208.40.00	67.5
2208.50.00	67.5
2208.60.00	67.5
2208.70.10	67.5
2208.70.90	67.5
2208.90.10	67.5
2208.90.20	67.5
2208.90.30	67.5
2208.90.40	67.5
2208.90.50	67.5
2208.90.60	67.5
2208.90.70	67.5
2208.90.80	67.5
2208.90.91	67.5
2208.90.99	67.5
2209.00.00	30
2301.10.00	5
2301.20.10	5
2301.20.20	5
2301.20.90	5
2302.10.00	5
2302.30.10	5
2302.30.90	5
2302.40.10	5
2302.40.90	5
2302.50.00	5
2303.10.10	5
2303.10.90	5
2303.20.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2303.30.00	5
2304.00.10	5
2304.00.21	3
2304.00.29	3
2304.00.90	3
2305.00.00	5
2306.10.00	5
2306.20.00	5
2306.30.00	5
2306.41.10	5
2306.41.20	5
2306.49.10	5
2306.49.20	5
2306.50.00	5
2306.60.10	5
2306.60.90	5
2306.90.10	5
2306.90.90	5
2307.00.00	5
2308.00.00	5
2309.10.10	10.5
2309.10.90	10.5
2309.90.11	4.5
2309.90.12	4.5
2309.90.13	5
2309.90.14	4.5
2309.90.19	4.5
2309.90.20	5
2309.90.90	5
2401.10.10	45
2401.10.20	45
2401.10.40	45
2401.10.50	45
2401.10.90	45
2401.20.10	45
2401.20.20	45
2401.20.30	45
2401.20.40	45
2401.20.50	45
2401.20.90	45

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2401.30.10	22.5
2401.30.90	45
2402.10.00	150
2402.20.10	202.5
2402.20.20	202.5
2402.20.90	202.5
2402.90.10	202.5
2402.90.20	202.5
2403.11.10	45
2403.11.90	45
2403.19.11	75
2403.19.19	45
2403.19.20	60
2403.19.91	60
2403.19.99	60
2403.91.10	75
2403.91.90	105
2403.99.10	45
2403.99.30	45
2403.99.40	75
2403.99.50	75
2403.99.90	75
2404.11.00	75
2404.12.10	75
2404.12.90	75
2404.19.10	KBTC
2404.19.20	75
2404.91.10	75
2404.91.90	75
2404.92.10	75
2404.92.90	75
2404.99.00	75
2501.00.10	45
2501.00.20	45
2501.00.50	22.5
2501.00.91	22.5
2501.00.93	22.5
2501.00.99	22.5
2502.00.00	5
2503.00.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2504.10.00	7.5
2504.90.00	7.5
2505.10.00	5
2505.90.00	5
2506.10.00	7.5
2506.20.00	7.5
2507.00.00	4.5
2508.10.00	4.5
2508.30.00	4.5
2508.40.10	4.5
2508.40.90	4.5
2508.50.00	4.5
2508.60.00	4.5
2508.70.00	4.5
2509.00.00	4.5
2510.10.10	5
2510.10.90	5
2510.20.10	5
2510.20.90	4.5
2511.10.00	4.5
2511.20.00	5
2512.00.00	4.5
2513.10.00	4.5
2513.20.00	4.5
2514.00.00	4.5
2515.11.00	5
2515.12.10	3
2515.12.20	3
2515.20.00	3
2516.11.00	5
2516.12.10	3
2516.12.20	3
2516.20.10	5
2516.20.20	5
2516.90.00	3
2517.10.00	4.5
2517.20.00	5
2517.30.00	5
2517.41.00	4.5
2517.49.00	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2518.10.00	4.5
2518.20.00	4.5
2519.10.00	4.5
2519.90.10	4.5
2519.90.90	4.5
2520.10.00	4.5
2520.20.10	5
2520.20.90	4.5
2521.00.00	5
2522.10.00	7.5
2522.20.00	7.5
2522.30.00	7.5
2523.10.10	37.5
2523.10.90	37.5
2523.21.00	48
2523.29.10	48
2523.29.90	48
2523.30.00	48
2523.90.00	48
2524.10.00	7.5
2524.90.00	7.5
2525.10.00	7.5
2525.20.00	7.5
2525.30.00	4.5
2526.10.00	5
2526.20.10	4.5
2526.20.90	5
2528.00.00	4.5
2529.10.10	7.5
2529.10.90	7.5
2529.21.00	4.5
2529.22.00	4.5
2529.30.00	4.5
2530.10.00	4.5
2530.20.10	4.5
2530.20.20	4.5
2530.90.10	4.5
2530.90.90	4.5
2601.11.10	5
2601.11.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2601.12.10	5
2601.12.90	5
2601.20.00	5
2602.00.00	5
2603.00.00	5
2604.00.00	5
2605.00.00	5
2606.00.00	5
2607.00.00	5
2608.00.00	5
2609.00.00	5
2610.00.00	5
2611.00.00	5
2612.10.00	5
2612.20.00	5
2613.10.00	5
2613.90.00	5
2614.00.10	5
2614.00.90	5
2615.10.00	5
2615.90.00	5
2616.10.00	5
2616.90.00	5
2617.10.00	5
2617.90.00	5
2618.00.00	15
2619.00.00	15
2620.11.00	15
2620.19.00	15
2620.21.00	15
2620.29.00	15
2620.30.00	15
2620.40.00	15
2620.60.00	15
2620.91.00	15
2620.99.10	15
2620.99.90	15
2621.10.00	15
2621.90.10	15
2621.90.90	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2701.11.00	3
2701.12.10	3
2701.12.90	3
2701.19.00	3
2701.20.00	3
2702.10.00	3
2702.20.00	3
2703.00.10	3
2703.00.20	3
2704.00.10	4.5
2704.00.20	4.5
2704.00.30	5
2705.00.00	5
2706.00.00	5
2707.10.00	4.5
2707.20.00	5
2707.30.00	4.5
2707.40.00	5
2707.50.00	5
2707.91.00	5
2707.99.10	5
2707.99.90	5
2708.10.00	5
2708.20.00	5
2709.00.10	0
2709.00.20	4.5
2709.00.90	5
2710.12.11	30
2710.12.12	30
2710.12.13	30
2710.12.21	15
2710.12.22	15
2710.12.23	15
2710.12.24	15
2710.12.25	15
2710.12.26	15
2710.12.27	15
2710.12.28	15
2710.12.29	15
2710.12.31	10.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2710.12.39	10.5
2710.12.40	30
2710.12.50	30
2710.12.60	30
2710.12.70	30
2710.12.80	30
2710.12.91	30
2710.12.92	30
2710.12.99	30
2710.19.20	7.5
2710.19.30	7.5
2710.19.41	7.5
2710.19.42	7.5
2710.19.44	7.5
2710.19.45	7.5
2710.19.46	7.5
2710.19.50	4.5
2710.19.60	7.5
2710.19.71	10.5
2710.19.72	10.5
2710.19.79	10.5
2710.19.81	10.5
2710.19.82	10.5
2710.19.83	10.5
2710.19.89	7.5
2710.19.90	7.5
2710.20.00	7.5
2710.91.00	30
2710.99.00	30
2711.11.00	7.5
2711.12.00	3
2711.13.00	7.5
2711.14.10	7.5
2711.14.90	7.5
2711.19.00	7.5
2711.21.10	5
2711.21.90	5
2711.29.00	5
2712.10.00	4.5
2712.20.00	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2712.90.10	4.5
2712.90.90	4.5
2713.11.00	5
2713.12.00	5
2713.20.00	5
2713.90.00	5
2714.10.00	5
2714.90.00	5
2715.00.10	30
2715.00.90	5
2716.00.00	1.5
2801.10.00	4.5
2801.20.00	5
2801.30.00	5
2802.00.00	5
2803.00.20	15
2803.00.41	3
2803.00.49	3
2803.00.90	4.5
2804.10.00	5
2804.21.00	4.5
2804.29.00	4.5
2804.30.00	4.5
2804.40.00	4.5
2804.50.00	5
2804.61.00	5
2804.69.00	5
2804.70.00	4.5
2804.80.00	5
2804.90.00	5
2805.11.00	5
2805.12.00	5
2805.19.00	5
2805.30.00	5
2805.40.00	5
2806.10.00	15
2806.20.00	4.5
2807.00.10	15
2807.00.90	15
2808.00.00	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2809.10.00	5
2809.20.31	7.5
2809.20.32	7.5
2809.20.39	7.5
2809.20.91	7.5
2809.20.92	7.5
2809.20.99	7.5
2810.00.10	5
2810.00.20	5
2811.11.00	5
2811.12.00	5
2811.19.10	5
2811.19.20	5
2811.19.90	5
2811.21.00	3
2811.22.10	5
2811.22.90	5
2811.29.10	5
2811.29.20	5
2811.29.90	5
2812.11.00	5
2812.12.00	5
2812.13.00	5
2812.14.00	5
2812.15.00	5
2812.16.00	5
2812.17.00	5
2812.19.00	5
2812.90.00	5
2813.10.00	5
2813.90.00	5
2814.10.00	3
2814.20.00	7.5
2815.11.00	7.5
2815.12.00	30
2815.20.00	5
2815.30.00	5
2816.10.00	7.5
2816.40.00	7.5
2817.00.10	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2817.00.20	5
2818.10.00	5
2818.20.00	3
2818.30.00	4.5
2819.10.00	5
2819.90.00	5
2820.10.00	4.5
2820.90.00	5
2821.10.00	3
2821.20.00	4.5
2822.00.00	5
2823.00.00	5
2824.10.00	5
2824.90.00	5
2825.10.00	5
2825.20.00	5
2825.30.00	5
2825.40.00	5
2825.50.00	5
2825.60.00	5
2825.70.00	5
2825.80.00	5
2825.90.00	5
2826.12.00	5
2826.19.00	5
2826.30.00	5
2826.90.00	5
2827.10.00	5
2827.20.10	22.5
2827.20.90	15
2827.31.00	5
2827.32.00	4.5
2827.35.00	5
2827.39.10	5
2827.39.20	5
2827.39.30	3
2827.39.90	3
2827.41.00	5
2827.49.00	5
2827.51.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2827.59.00	5
2827.60.00	5
2828.10.00	5
2828.90.10	5
2828.90.90	5
2829.11.00	5
2829.19.00	5
2829.90.10	5
2829.90.90	5
2830.10.00	5
2830.90.10	5
2830.90.90	5
2831.10.00	5
2831.90.00	5
2832.10.00	5
2832.20.00	5
2832.30.00	5
2833.11.00	7.5
2833.19.00	7.5
2833.21.00	7.5
2833.22.10	7.5
2833.22.90	7.5
2833.24.00	7.5
2833.25.00	7.5
2833.27.00	4.5
2833.29.20	7.5
2833.29.30	7.5
2833.29.40	7.5
2833.29.90	7.5
2833.30.00	15
2833.40.00	7.5
2834.10.00	5
2834.21.00	5
2834.29.10	4.5
2834.29.90	4.5
2835.10.00	5
2835.22.00	5
2835.24.00	5
2835.25.10	5
2835.25.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2835.26.00	5
2835.29.10	5
2835.29.90	5
2835.31.10	7.5
2835.31.90	7.5
2835.39.10	5
2835.39.90	5
2836.20.00	3
2836.30.00	7.5
2836.40.00	5
2836.50.10	15
2836.50.90	15
2836.60.00	5
2836.91.00	5
2836.92.00	5
2836.99.10	5
2836.99.20	5
2836.99.90	4.5
2837.11.00	5
2837.19.00	5
2837.20.00	5
2839.11.00	4.5
2839.19.20	4.5
2839.19.90	5
2839.90.00	3
2840.11.00	5
2840.19.00	5
2840.20.00	5
2840.30.00	5
2841.30.00	5
2841.50.00	5
2841.61.00	5
2841.69.00	5
2841.70.00	5
2841.80.00	5
2841.90.00	5
2842.10.00	7.5
2842.90.10	5
2842.90.20	5
2842.90.30	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2842.90.90	5
2843.10.00	5
2843.21.00	5
2843.29.00	5
2843.30.00	5
2843.90.00	5
2844.10.10	5
2844.10.90	5
2844.20.10	5
2844.20.90	5
2844.30.10	5
2844.30.90	5
2844.41.00	5
2844.42.00	5
2844.43.00	5
2844.44.00	5
2844.50.00	5
2845.10.00	5
2845.20.00	5
2845.30.00	5
2845.40.00	5
2845.90.00	5
2846.10.00	5
2846.90.00	5
2847.00.10	4.5
2847.00.90	5
2849.10.00	5
2849.20.00	5
2849.90.00	5
2850.00.00	5
2852.10.10	4.5
2852.10.20	5
2852.10.90	5
2852.90.10	5
2852.90.20	5
2852.90.90	5
2853.10.00	5
2853.90.10	5
2853.90.90	5
2901.10.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2901.21.00	5
2901.22.00	5
2901.23.00	5
2901.24.00	5
2901.29.10	5
2901.29.20	5
2901.29.90	5
2902.11.00	5
2902.19.00	5
2902.20.00	4.5
2902.30.00	5
2902.41.00	5
2902.42.00	5
2902.43.00	4.5
2902.44.00	5
2902.50.00	5
2902.60.00	5
2902.70.00	5
2902.90.10	5
2902.90.20	5
2902.90.90	3
2903.11.10	7.5
2903.11.90	7.5
2903.12.00	5
2903.13.00	5
2903.14.00	7.5
2903.15.00	7.5
2903.19.20	7.5
2903.19.90	7.5
2903.21.00	5
2903.22.00	7.5
2903.23.00	7.5
2903.29.00	7.5
2903.41.00	7.5
2903.42.00	7.5
2903.43.00	7.5
2903.44.00	7.5
2903.45.00	7.5
2903.46.00	7.5
2903.47.00	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2903.48.00	7.5
2903.49.00	7.5
2903.51.00	7.5
2903.59.00	7.5
2903.61.00	5
2903.62.00	7.5
2903.69.00	7.5
2903.71.00	7.5
2903.72.00	7.5
2903.73.00	7.5
2903.74.00	7.5
2903.75.00	7.5
2903.76.00	7.5
2903.77.00	7.5
2903.78.00	7.5
2903.79.00	7.5
2903.81.00	7.5
2903.82.00	7.5
2903.83.00	7.5
2903.89.00	7.5
2903.91.00	7.5
2903.92.00	7.5
2903.93.00	7.5
2903.94.00	7.5
2903.99.00	7.5
2904.10.00	4.5
2904.20.10	4.5
2904.20.90	4.5
2904.31.00	4.5
2904.32.00	4.5
2904.33.00	4.5
2904.34.00	4.5
2904.35.00	4.5
2904.36.00	4.5
2904.91.00	4.5
2904.99.00	4.5
2905.11.00	5
2905.12.00	5
2905.13.00	5
2905.14.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2905.16.00	5
2905.17.00	5
2905.19.00	5
2905.22.00	5
2905.29.00	5
2905.31.00	5
2905.32.00	5
2905.39.00	5
2905.41.00	5
2905.42.00	5
2905.43.00	5
2905.44.00	7.5
2905.45.00	5
2905.49.00	5
2905.51.00	5
2905.59.00	5
2906.11.00	5
2906.12.00	5
2906.13.00	5
2906.19.00	5
2906.21.00	5
2906.29.00	5
2907.11.00	5
2907.12.00	5
2907.13.00	5
2907.15.00	5
2907.19.00	5
2907.21.00	5
2907.22.00	5
2907.23.00	5
2907.29.10	5
2907.29.90	5
2908.11.00	5
2908.19.00	5
2908.91.00	5
2908.92.00	5
2908.99.00	5
2909.11.00	5
2909.19.00	5
2909.20.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2909.30.00	5
2909.41.00	5
2909.43.00	5
2909.44.00	5
2909.49.00	5
2909.50.00	5
2909.60.00	5
2910.10.00	5
2910.20.00	5
2910.30.00	5
2910.40.00	5
2910.50.00	5
2910.90.00	5
2911.00.00	5
2912.11.00	4,5
2912.12.00	5
2912.19.00	5
2912.21.00	5
2912.29.00	5
2912.41.00	5
2912.42.00	5
2912.49.10	5
2912.49.90	5
2912.50.00	5
2912.60.00	5
2913.00.00	5
2914.11.00	5
2914.12.00	5
2914.13.00	5
2914.19.00	5
2914.22.00	5
2914.23.00	5
2914.29.10	5
2914.29.90	5
2914.31.00	5
2914.39.00	5
2914.40.00	5
2914.50.00	5
2914.61.00	5
2914.62.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2914.69.00	5
2914.71.00	5
2914.79.00	5
2915.11.00	5
2915.12.00	5
2915.13.00	5
2915.21.00	5
2915.24.00	5
2915.29.10	5
2915.29.90	5
2915.31.00	5
2915.32.00	5
2915.33.00	5
2915.36.00	5
2915.39.10	5
2915.39.20	5
2915.39.90	5
2915.40.00	5
2915.50.00	5
2915.60.00	5
2915.70.10	5
2915.70.20	5
2915.70.30	5
2915.90.20	5
2915.90.30	5
2915.90.40	5
2915.90.90	5
2916.11.00	5
2916.12.00	5
2916.13.00	5
2916.14.10	5
2916.14.90	5
2916.15.00	5
2916.16.00	5
2916.19.00	5
2916.20.00	5
2916.31.00	7,5
2916.32.10	5
2916.32.20	5
2916.34.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2916.39.10	5
2916.39.20	5
2916.39.90	5
2917.11.00	5
2917.12.10	7.5
2917.12.90	5
2917.13.00	5
2917.14.00	5
2917.19.00	5
2917.20.00	5
2917.32.00	15
2917.33.00	15
2917.34.10	15
2917.34.90	15
2917.35.00	5
2917.36.00	5
2917.37.00	5
2917.39.10	7.5
2917.39.20	5
2917.39.90	5
2918.11.00	5
2918.12.00	5
2918.13.00	5
2918.14.00	7.5
2918.15.10	7.5
2918.15.90	7.5
2918.16.00	5
2918.17.00	5
2918.18.00	5
2918.19.00	5
2918.21.00	5
2918.22.00	5
2918.23.00	5
2918.29.10	5
2918.29.90	5
2918.30.00	5
2918.91.00	5
2918.99.00	5
2919.10.00	4.5
2919.90.00	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2920.11.00	5
2920.19.00	5
2920.21.00	5
2920.22.00	5
2920.23.00	5
2920.24.00	5
2920.29.00	5
2920.30.00	5
2920.90.00	5
2921.11.00	5
2921.12.00	5
2921.13.00	5
2921.14.00	5
2921.19.00	5
2921.21.00	5
2921.22.00	5
2921.29.00	5
2921.30.00	5
2921.41.00	5
2921.42.00	5
2921.43.00	5
2921.44.00	5
2921.45.00	5
2921.46.00	5
2921.49.00	5
2921.51.00	5
2921.59.00	5
2922.11.00	4.5
2922.12.00	4.5
2922.14.00	5
2922.15.00	4.5
2922.16.00	4.5
2922.17.00	4.5
2922.18.00	4.5
2922.19.10	5
2922.19.20	4.5
2922.19.90	4.5
2922.21.00	4.5
2922.29.00	4.5
2922.31.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2922.39.00	4.5
2922.41.00	5
2922.42.10	15
2922.42.20	30
2922.42.90	30
2922.43.00	4.5
2922.44.00	4.5
2922.49.00	5
2922.50.10	5
2922.50.90	5
2923.10.00	5
2923.20.11	4.5
2923.20.19	4.5
2923.20.90	5
2923.30.00	5
2923.40.00	5
2923.90.00	5
2924.11.00	5
2924.12.10	5
2924.12.20	5
2924.19.10	5
2924.19.90	5
2924.21.10	5
2924.21.20	5
2924.21.90	5
2924.23.00	4.5
2924.24.00	5
2924.25.00	5
2924.29.10	15
2924.29.20	4.5
2924.29.30	5
2924.29.90	5
2925.11.00	15
2925.12.00	5
2925.19.00	5
2925.21.00	5
2925.29.00	5
2926.10.00	5
2926.20.00	5
2926.30.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2926.40.00	5
2926.90.00	5
2927.00.10	5
2927.00.90	5
2928.00.10	5
2928.00.90	5
2929.10.10	5
2929.10.20	5
2929.10.90	7.5
2929.90.10	7.5
2929.90.20	7.5
2929.90.90	5
2930.10.00	5
2930.20.00	5
2930.30.00	5
2930.40.00	5
2930.60.00	5
2930.70.00	5
2930.80.00	5
2930.90.10	5
2930.90.90	5
2931.10.10	5
2931.10.20	5
2931.20.00	5
2931.41.00	5
2931.42.00	5
2931.43.00	5
2931.44.00	5
2931.45.00	5
2931.46.00	5
2931.47.00	5
2931.48.00	5
2931.49.10	5
2931.49.20	5
2931.49.90	5
2931.51.00	5
2931.52.00	5
2931.53.00	5
2931.54.00	5
2931.59.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2931.59.90	5
2931.90.41	5
2931.90.49	5
2931.90.50	5
2931.90.90	5
2932.11.00	5
2932.12.00	5
2932.13.00	5
2932.14.00	5
2932.19.00	5
2932.20.10	5
2932.20.90	5
2932.91.00	5
2932.92.00	5
2932.93.00	5
2932.94.00	5
2932.95.00	5
2932.96.00	5
2932.99.00	5
2933.11.00	5
2933.19.00	5
2933.21.00	5
2933.29.00	5
2933.31.00	5
2933.32.00	5
2933.33.00	5
2933.34.00	5
2933.35.00	5
2933.36.00	5
2933.37.00	5
2933.39.10	5
2933.39.30	5
2933.39.90	5
2933.41.00	5
2933.49.10	5
2933.49.90	5
2933.52.00	5
2933.53.00	5
2933.54.00	5
2933.55.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2933.59.10	5
2933.59.90	5
2933.61.00	5
2933.69.00	5
2933.71.00	5
2933.72.00	5
2933.79.00	5
2933.91.00	5
2933.92.00	5
2933.99.10	5
2933.99.90	5
2934.10.00	5
2934.20.00	5
2934.30.00	5
2934.91.00	5
2934.92.00	7.5
2934.99.10	15
2934.99.20	7.5
2934.99.30	5
2934.99.40	7.5
2934.99.50	5
2934.99.90	7.5
2935.10.00	5
2935.20.00	5
2935.30.00	5
2935.40.00	5
2935.50.00	5
2935.90.00	5
2936.21.00	5
2936.22.00	5
2936.23.00	5
2936.24.00	5
2936.25.00	5
2936.26.00	5
2936.27.00	5
2936.28.00	5
2936.29.00	5
2936.90.00	5
2937.11.00	5
2937.12.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2937.19.00	5
2937.21.00	5
2937.22.00	5
2937.23.00	5
2937.29.00	5
2937.50.00	5
2937.90.10	5
2937.90.20	5
2937.90.90	5
2938.10.00	4.5
2938.90.00	4.5
2939.11.10	5
2939.11.90	5
2939.19.00	5
2939.20.10	5
2939.20.90	5
2939.30.00	5
2939.41.00	5
2939.42.00	5
2939.43.00	5
2939.44.00	5
2939.45.00	5
2939.49.00	5
2939.51.00	5
2939.59.00	5
2939.61.00	5
2939.62.00	5
2939.63.00	5
2939.69.00	5
2939.72.00	5
2939.79.00	5
2939.80.00	5
2940.00.00	4.5
2941.10.11	15
2941.10.19	15
2941.10.20	7.5
2941.10.90	5
2941.20.00	5
2941.30.00	5
2941.40.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
2941.50.00	5
2941.90.00	5
2942.00.00	4.5
3001.20.00	5
3001.90.00	5
3002.12.10	5
3002.12.90	5
3002.13.00	5
3002.14.00	5
3002.15.00	5
3002.41.10	5
3002.41.20	5
3002.41.90	5
3002.42.00	5
3002.49.00	5
3002.51.00	5
3002.59.00	5
3002.90.00	5
3003.10.10	12
3003.10.20	12
3003.10.90	5
3003.20.00	5
3003.31.00	5
3003.39.00	5
3003.41.00	5
3003.42.00	5
3003.43.00	5
3003.49.00	5
3003.60.00	5
3003.90.00	5
3004.10.15	7.5
3004.10.16	12
3004.10.19	5
3004.10.20	5
3004.20.10	7.5
3004.20.31	7.5
3004.20.32	7.5
3004.20.39	5
3004.20.71	7.5
3004.20.79	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3004.20.91	5
3004.20.99	5
3004.31.00	5
3004.32.10	7.5
3004.32.40	5
3004.32.90	5
3004.39.00	5
3004.41.00	5
3004.42.00	5
3004.43.00	5
3004.49.11	5
3004.49.19	5
3004.49.51	7.5
3004.49.59	5
3004.49.60	7.5
3004.49.70	7.5
3004.49.80	5
3004.49.90	5
3004.50.10	5
3004.50.21	5
3004.50.29	5
3004.50.91	5
3004.50.99	5
3004.60.10	7.5
3004.60.20	7.5
3004.60.90	7.5
3004.90.10	5
3004.90.20	5
3004.90.30	5
3004.90.41	7.5
3004.90.49	5
3004.90.51	4.5
3004.90.53	7.5
3004.90.54	5
3004.90.55	7.5
3004.90.59	4.5
3004.90.62	7.5
3004.90.64	7.5
3004.90.65	7.5
3004.90.69	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3004.90.71	7.5
3004.90.72	7.5
3004.90.79	5
3004.90.81	5
3004.90.82	5
3004.90.89	5
3004.90.91	5
3004.90.92	5
3004.90.93	7.5
3004.90.94	7.5
3004.90.95	7.5
3004.90.96	7.5
3004.90.98	7.5
3004.90.99	5
3005.10.10	12
3005.10.90	12
3005.90.10	12
3005.90.20	12
3005.90.90	12
3006.10.10	5
3006.10.90	5
3006.30.10	10.5
3006.30.20	5
3006.30.30	5
3006.30.90	5
3006.40.10	5
3006.40.20	5
3006.50.00	5
3006.60.00	5
3006.70.00	5
3006.91.00	7.5
3006.92.10	21
3006.92.90	21
3006.93.00	22.5
3101.00.10	5
3101.00.92	5
3101.00.99	5
3102.10.00	9
3102.21.00	5
3102.29.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3102.30.00	4.5
3102.40.00	5
3102.50.00	5
3102.60.00	5
3102.80.00	5
3102.90.00	5
3103.11.10	9
3103.11.90	9
3103.19.10	9
3103.19.90	9
3103.90.10	9
3103.90.90	5
3104.20.00	5
3104.30.00	5
3104.90.00	5
3105.10.10	9
3105.10.20	9
3105.10.90	5
3105.20.00	9
3105.30.00	9
3105.40.00	5
3105.51.00	5
3105.59.00	5
3105.60.00	5
3105.90.00	5
3201.10.00	5
3201.20.00	5
3201.90.00	5
3202.10.00	5
3202.90.00	5
3203.00.10	7.5
3203.00.90	7.5
3204.11.10	5
3204.11.90	5
3204.12.10	5
3204.12.90	5
3204.13.00	5
3204.14.00	5
3204.15.00	5
3204.16.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3204.17.10	5
3204.17.90	5
3204.18.00	5
3204.19.00	5
3204.20.00	5
3204.90.00	5
3205.00.00	5
3206.11.10	5
3206.11.90	5
3206.19.10	5
3206.19.90	5
3206.20.10	5
3206.20.90	5
3206.41.10	5
3206.41.90	5
3206.42.10	5
3206.42.90	5
3206.49.11	5
3206.49.19	5
3206.49.90	5
3206.50.10	5
3206.50.90	5
3207.10.00	5
3207.20.10	5
3207.20.90	5
3207.30.00	5
3207.40.00	5
3208.10.11	7.5
3208.10.19	15
3208.10.20	15
3208.10.90	15
3208.20.40	15
3208.20.70	7.5
3208.20.90	15
3208.90.11	7.5
3208.90.19	15
3208.90.21	7.5
3208.90.29	15
3208.90.30	15
3208.90.90	15



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3209.10.10	15
3209.10.40	7.5
3209.10.50	15
3209.10.90	15
3209.90.00	15
3210.00.10	15
3210.00.20	5
3210.00.30	7.5
3210.00.91	15
3210.00.99	30
3211.00.00	4.5
3212.10.00	4.5
3212.90.11	7.5
3212.90.13	4.5
3212.90.14	4.5
3212.90.19	7.5
3212.90.21	4.5
3212.90.22	4.5
3212.90.29	4.5
3213.10.00	7.5
3213.90.00	7.5
3214.10.00	7.5
3214.90.00	7.5
3215.11.10	7.5
3215.11.20	7.5
3215.11.90	7.5
3215.19.10	7.5
3215.19.90	7.5
3215.90.10	10.5
3215.90.60	7.5
3215.90.70	10.5
3215.90.90	7.5
3301.12.00	7.5
3301.13.00	7.5
3301.19.00	7.5
3301.24.00	7.5
3301.25.00	7.5
3301.29.20	7.5
3301.29.30	7.5
3301.29.40	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3301.29.50	7.5
3301.29.60	7.5
3301.29.70	7.5
3301.29.90	7.5
3301.30.00	7.5
3301.90.10	7.5
3301.90.20	7.5
3301.90.90	7.5
3302.10.10	15
3302.10.20	15
3302.10.30	12
3302.10.90	12
3302.90.00	7.5
3303.00.00	27
3304.10.00	30
3304.20.00	33
3304.30.00	33
3304.91.00	33
3304.99.20	15
3304.99.30	27
3304.99.90	27
3305.10.10	22.5
3305.10.90	22.5
3305.20.00	22.5
3305.30.00	22.5
3305.90.00	30
3306.10.10	30
3306.10.90	30
3306.20.00	9
3306.90.00	30
3307.10.00	27
3307.20.00	30
3307.30.00	30
3307.41.10	30
3307.41.90	30
3307.49.10	30
3307.49.90	30
3307.90.10	30
3307.90.30	30
3307.90.40	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3307.90.50	9
3307.90.90	27
3401.11.40	30
3401.11.50	30
3401.11.61	30
3401.11.69	30
3401.11.70	30
3401.11.90	30
3401.19.10	33
3401.19.20	33
3401.19.90	33
3401.20.20	25.5
3401.20.91	33
3401.20.99	33
3401.30.00	40.5
3402.31.10	12
3402.31.90	12
3402.39.10	12
3402.39.90	12
3402.41.00	12
3402.42.10	7.5
3402.42.90	4.5
3402.49.10	5
3402.49.90	12
3402.50.11	12
3402.50.12	15
3402.50.19	15
3402.50.91	12
3402.50.92	15
3402.50.99	15
3402.90.11	12
3402.90.12	15
3402.90.13	15
3402.90.14	12
3402.90.19	12
3402.90.91	12
3402.90.92	12
3402.90.93	12
3402.90.94	12
3402.90.99	12

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3403.11.11	7.5
3403.11.19	7.5
3403.11.90	7.5
3403.19.11	7.5
3403.19.12	7.5
3403.19.19	27
3403.19.90	15
3403.91.11	7.5
3403.91.19	7.5
3403.91.90	7.5
3403.99.11	7.5
3403.99.12	7.5
3403.99.19	30
3403.99.90	15
3404.20.00	4.5
3404.90.10	4.5
3404.90.90	4.5
3405.10.00	30
3405.20.00	30
3405.30.00	30
3405.40.00	22.5
3405.90.10	30
3405.90.90	30
3406.00.00	30
3407.00.10	7.5
3407.00.20	5
3407.00.30	5
3501.10.00	15
3501.90.10	15
3501.90.20	15
3502.11.00	15
3502.19.00	15
3502.20.00	7.5
3502.90.00	15
3503.00.41	4.5
3503.00.49	7.5
3503.00.50	7.5
3503.00.61	15
3503.00.69	15
3504.00.00	4.5



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3505.10.10	7.5
3505.10.90	7.5
3505.20.00	30
3506.10.00	21
3506.91.10	21
3506.91.90	21
3506.99.00	21
3507.10.00	4.5
3507.90.00	4.5
3601.00.00	5
3602.00.00	5
3603.10.00	5
3603.20.00	5
3603.30.00	5
3603.40.00	5
3603.50.00	5
3603.60.00	5
3604.10.00	30
3604.90.20	30
3604.90.40	5
3604.90.50	5
3604.90.90	5
3605.00.00	30
3606.10.00	30
3606.90.10	30
3606.90.20	30
3606.90.30	30
3606.90.90	30
3701.10.00	5
3701.20.00	7.5
3701.30.00	7.5
3701.91.10	7.5
3701.91.90	7.5
3701.99.10	7.5
3701.99.90	7.5
3702.10.00	5
3702.31.00	7.5
3702.32.00	7.5
3702.39.00	7.5
3702.41.00	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3702.42.10	4.5
3702.42.90	4.5
3702.43.00	4.5
3702.44.00	4.5
3702.52.20	5
3702.52.90	4.5
3702.53.00	4.5
3702.54.40	5
3702.54.90	7.5
3702.55.20	5
3702.55.50	5
3702.55.90	7.5
3702.56.20	5
3702.56.90	7.5
3702.96.10	5
3702.96.90	7.5
3702.97.10	7.5
3702.97.90	7.5
3702.98.10	5
3702.98.30	9
3702.98.90	7.5
3703.10.10	9
3703.10.90	9
3703.20.00	9
3703.90.00	9
3704.00.10	7.5
3704.00.90	9
3705.00.10	7.5
3705.00.20	4.5
3705.00.30	7.5
3705.00.90	7.5
3706.10.10	7.5
3706.10.30	7.5
3706.10.40	7.5
3706.10.90	7.5
3706.90.10	7.5
3706.90.30	7.5
3706.90.40	7.5
3706.90.90	7.5
3707.10.00	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3707.90.10	4.5
3707.90.90	4.5
3801.10.00	7.5
3801.20.00	7.5
3801.30.00	4.5
3801.90.00	4.5
3802.10.10	5
3802.10.90	5
3802.90.10	5
3802.90.20	5
3802.90.90	5
3803.00.00	5
3804.00.10	5
3804.00.20	7.5
3804.00.90	7.5
3805.10.00	7.5
3805.90.00	7.5
3806.10.00	7.5
3806.20.00	7.5
3806.30.10	7.5
3806.30.90	7.5
3806.90.10	7.5
3806.90.90	7.5
3807.00.00	4.5
3808.52.10	5
3808.52.20	4.5
3808.52.90	4.5
3808.59.11	4.5
3808.59.19	4.5
3808.59.21	4.5
3808.59.29	4.5
3808.59.31	5
3808.59.39	5
3808.59.40	5
3808.59.50	5
3808.59.60	5
3808.59.91	5
3808.59.99	5
3808.61.10	9
3808.61.20	9

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3808.61.30	4.5
3808.61.40	4.5
3808.61.50	4.5
3808.61.90	4.5
3808.62.10	4.5
3808.62.20	9
3808.62.30	9
3808.62.40	4.5
3808.62.50	4.5
3808.62.90	4.5
3808.69.10	4.5
3808.69.90	4.5
3808.91.10	5
3808.91.20	4.5
3808.91.30	4.5
3808.91.40	9
3808.91.50	9
3808.91.91	4.5
3808.91.99	4.5
3808.92.11	4.5
3808.92.19	KBTC
3808.92.90	4.5
3808.93.11	5
3808.93.19	5
3808.93.20	5
3808.93.30	5
3808.94.10	5
3808.94.20	5
3808.94.90	5
3808.99.10	5
3808.99.90	5
3809.10.00	5
3809.91.10	7.5
3809.91.90	5
3809.92.00	5
3809.93.00	5
3810.10.00	5
3810.90.00	4.5
3811.11.00	5
3811.19.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3811.21.10	7.5
3811.21.90	7.5
3811.29.00	5
3811.90.10	5
3811.90.90	5
3812.10.00	5
3812.20.00	4.5
3812.31.00	5
3812.39.00	5
3813.00.00	5
3814.00.00	4.5
3815.11.00	4.5
3815.12.00	4.5
3815.19.00	4.5
3815.90.00	4.5
3816.00.10	7.5
3816.00.20	5
3816.00.90	9
3817.00.00	5
3818.00.00	5
3819.00.00	4.5
3820.00.00	4.5
3821.00.10	5
3821.00.90	5
3822.11.00	5
3822.12.00	5
3822.13.00	5
3822.19.00	5
3822.90.10	5
3822.90.90	5
3823.11.00	15
3823.12.00	15
3823.13.00	15
3823.19.11	15
3823.19.19	15
3823.19.20	15
3823.19.30	15
3823.19.90	15
3823.70.10	7.5
3823.70.90	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3824.10.00	5
3824.30.00	5
3824.40.00	7.5
3824.50.00	9
3824.60.00	7.5
3824.81.00	5
3824.82.00	5
3824.83.00	5
3824.84.00	5
3824.85.00	5
3824.86.00	5
3824.87.00	5
3824.88.00	5
3824.89.00	5
3824.91.00	5
3824.92.00	5
3824.99.10	7.5
3824.99.30	5
3824.99.40	5
3824.99.50	5
3824.99.60	22.5
3824.99.70	9
3824.99.91	5
3824.99.99	5
3825.10.00	30
3825.20.00	30
3825.30.10	30
3825.30.90	30
3825.41.00	30
3825.49.00	30
3825.50.00	30
3825.61.00	30
3825.69.00	30
3825.90.00	30
3826.00.10	5
3826.00.21	5
3826.00.22	5
3826.00.29	5
3826.00.30	5
3826.00.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3827.11.10	7.5
3827.11.90	5
3827.12.00	5
3827.13.00	5
3827.14.00	5
3827.20.00	5
3827.31.00	5
3827.32.00	5
3827.39.10	7.5
3827.39.90	5
3827.40.00	5
3827.51.00	5
3827.59.00	5
3827.61.10	5
3827.61.20	5
3827.61.90	5
3827.62.00	5
3827.63.10	5
3827.63.90	5
3827.64.00	5
3827.65.00	5
3827.68.00	5
3827.69.00	5
3827.90.00	5
3901.10.12	5
3901.10.19	5
3901.10.92	5
3901.10.99	5
3901.20.00	5
3901.30.00	5
3901.40.00	5
3901.90.40	5
3901.90.90	5
3902.10.30	4.5
3902.10.40	4.5
3902.10.90	4.5
3902.20.00	5
3902.30.30	4.5
3902.30.90	4.5
3902.90.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3902.90.90	5
3903.11.10	7.5
3903.11.90	7.5
3903.19.10	7.5
3903.19.20	7.5
3903.19.90	7.5
3903.20.40	15
3903.20.50	7.5
3903.20.90	7.5
3903.30.40	12
3903.30.50	7.5
3903.30.60	4.5
3903.30.90	7.5
3903.90.30	7.5
3903.90.91	7.5
3903.90.99	7.5
3904.10.10	7.5
3904.10.91	9
3904.10.92	7.5
3904.10.99	4.5
3904.21.10	9
3904.21.20	9
3904.21.90	5
3904.22.10	5
3904.22.20	9
3904.22.30	9
3904.22.90	5
3904.30.10	7.5
3904.30.20	4.5
3904.30.90	5
3904.40.10	7.5
3904.40.20	4.5
3904.40.90	5
3904.50.40	5
3904.50.50	7.5
3904.50.60	4.5
3904.50.90	5
3904.61.10	7.5
3904.61.20	4.5
3904.61.90	5

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3904.69.30	5
3904.69.40	7.5
3904.69.50	4.5
3904.69.90	5
3904.90.30	5
3904.90.40	7.5
3904.90.50	4.5
3904.90.90	5
3905.12.00	7.5
3905.19.10	7.5
3905.19.90	5
3905.21.00	15
3905.29.00	7.5
3905.30.10	7.5
3905.30.90	7.5
3905.91.10	7.5
3905.91.90	7.5
3905.99.10	15
3905.99.20	7.5
3905.99.90	5
3906.10.10	7.5
3906.10.90	7.5
3906.90.20	7.5
3906.90.92	5
3906.90.99	7.5
3907.10.00	5
3907.21.00	5
3907.29.10	5
3907.29.90	5
3907.30.20	4.5
3907.30.30	5
3907.30.90	5
3907.40.00	5
3907.50.10	4.5
3907.50.90	5
3907.61.00	4.5
3907.69.10	4.5
3907.69.90	5
3907.70.00	5
3907.91.20	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3907.91.30	7.5
3907.91.90	7.5
3907.99.40	4.5
3907.99.50	5
3907.99.60	5
3907.99.90	5
3908.10.10	5
3908.10.90	5
3908.90.00	5
3909.10.10	7.5
3909.10.90	4.5
3909.20.10	7.5
3909.20.90	4.5
3909.31.10	4.5
3909.31.90	4.5
3909.39.10	4.5
3909.39.91	5
3909.39.99	5
3909.40.10	4.5
3909.40.90	4.5
3909.50.00	4.5
3910.00.20	5
3910.00.90	5
3911.10.00	5
3911.20.00	4.5
3911.90.00	4.5
3912.11.00	5
3912.12.00	5
3912.20.11	5
3912.20.12	5
3912.20.19	5
3912.20.20	5
3912.31.00	5
3912.39.00	5
3912.90.20	5
3912.90.90	5
3913.10.00	5
3913.90.10	5
3913.90.20	5
3913.90.30	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3913.90.90	5
3914.00.00	5
3915.10.10	15
3915.10.90	15
3915.20.10	15
3915.20.90	15
3915.30.10	15
3915.30.90	15
3915.90.10	15
3915.90.20	15
3915.90.30	15
3915.90.40	15
3915.90.50	15
3915.90.90	15
3916.10.10	7.5
3916.10.20	15
3916.20.10	7.5
3916.20.20	15
3916.90.11	9
3916.90.12	9
3916.90.19	9
3916.90.21	9
3916.90.22	9
3916.90.29	9
3916.90.30	9
3916.90.40	KBTC
3916.90.50	15
3916.90.60	15
3916.90.91	7.5
3916.90.92	15
3917.10.10	15
3917.10.90	15
3917.21.00	22.5
3917.22.00	22.5
3917.23.00	25.5
3917.29.11	25.5
3917.29.19	25.5
3917.29.21	25.5
3917.29.22	25.5
3917.29.23	25.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3917.29.24	25.5
3917.29.25	25.5
3917.29.29	25.5
3917.31.11	22.5
3917.31.12	22.5
3917.31.19	22.5
3917.31.21	22.5
3917.31.23	22.5
3917.31.24	22.5
3917.31.25	22.5
3917.31.29	22.5
3917.32.10	15
3917.32.20	25.5
3917.32.91	25.5
3917.32.92	25.5
3917.32.93	25.5
3917.32.94	25.5
3917.32.95	25.5
3917.32.99	25.5
3917.33.10	22.5
3917.33.90	22.5
3917.39.11	22.5
3917.39.12	22.5
3917.39.19	22.5
3917.39.91	22.5
3917.39.92	22.5
3917.39.93	22.5
3917.39.94	22.5
3917.39.99	22.5
3917.40.00	22.5
3918.10.11	40.5
3918.10.19	40.5
3918.10.90	40.5
3918.90.11	40.5
3918.90.13	40.5
3918.90.14	40.5
3918.90.15	40.5
3918.90.16	40.5
3918.90.19	40.5
3918.90.91	40.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3918.90.92	40.5
3918.90.93	40.5
3918.90.94	40.5
3918.90.99	40.5
3919.10.10	22.5
3919.10.20	22.5
3919.10.91	22.5
3919.10.92	22.5
3919.10.99	22.5
3919.90.10	18
3919.90.20	18
3919.90.91	18
3919.90.92	18
3919.90.99	18
3920.10.11	9
3920.10.19	9
3920.10.90	9
3920.20.10	9
3920.20.91	9
3920.20.99	9
3920.30.20	7.5
3920.30.91	9
3920.30.92	9
3920.30.99	9
3920.43.10	9
3920.43.90	9
3920.49.00	9
3920.51.11	9
3920.51.19	9
3920.51.90	9
3920.59.11	9
3920.59.19	9
3920.59.90	9
3920.61.10	9
3920.61.90	9
3920.62.10	9
3920.62.91	9
3920.62.99	9
3920.63.10	9
3920.63.90	9

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3920.69.10	9
3920.69.90	9
3920.71.10	9
3920.71.91	9
3920.71.99	9
3920.73.00	9
3920.79.10	9
3920.79.20	9
3920.79.91	9
3920.79.99	9
3920.91.10	9
3920.91.91	9
3920.91.99	9
3920.92.10	9
3920.92.91	9
3920.92.99	9
3920.93.10	9
3920.93.90	9
3920.94.10	9
3920.94.91	9
3920.94.99	9
3920.99.10	9
3920.99.21	9
3920.99.29	9
3920.99.31	9
3920.99.39	9
3920.99.90	9
3921.11.21	9
3921.11.29	9
3921.11.91	9
3921.11.92	9
3921.11.99	9
3921.12.00	9
3921.13.11	9
3921.13.19	9
3921.13.91	9
3921.13.92	9
3921.13.99	9
3921.14.21	9
3921.14.29	9

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3921.14.91	9
3921.14.92	9
3921.14.99	9
3921.19.11	9
3921.19.12	9
3921.19.19	9
3921.19.31	9
3921.19.39	9
3921.19.40	9
3921.19.50	9
3921.19.61	9
3921.19.62	9
3921.19.69	9
3921.19.93	9
3921.19.94	9
3921.19.99	9
3921.90.10	9
3921.90.20	9
3921.90.30	9
3921.90.41	9
3921.90.42	9
3921.90.43	9
3921.90.49	9
3921.90.50	9
3921.90.60	9
3921.90.70	9
3921.90.90	9
3922.10.11	33
3922.10.19	33
3922.10.90	33
3922.20.00	33
3922.90.11	33
3922.90.12	37.5
3922.90.19	37.5
3922.90.90	37.5
3923.10.10	18
3923.10.20	15
3923.10.90	15
3923.21.11	18
3923.21.19	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3923.21.91	22.5
3923.21.99	22.5
3923.29.10	18
3923.29.90	22.5
3923.30.20	15
3923.30.90	22.5
3923.40.10	7.5
3923.40.90	7.5
3923.50.00	15
3923.90.10	15
3923.90.90	22.5
3924.10.10	33
3924.10.91	33
3924.10.99	33
3924.90.10	33
3924.90.20	33
3924.90.30	33
3924.90.90	33
3925.10.00	37.5
3925.20.00	40.5
3925.30.00	40.5
3925.90.00	30
3926.10.00	30
3926.20.10	30
3926.20.20	22.5
3926.20.30	22.5
3926.20.60	15
3926.20.90	30
3926.30.00	30
3926.40.00	30
3926.90.10	22.5
3926.90.20	22.5
3926.90.32	15
3926.90.39	10.5
3926.90.41	7.5
3926.90.42	9
3926.90.44	9
3926.90.49	9
3926.90.53	9
3926.90.55	9

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
3926.90.59	9
3926.90.60	18
3926.90.81	5
3926.90.82	18
3926.90.89	18
3926.90.91	22.5
3926.90.92	15
3926.90.93	18
3926.90.99	18
4001.10.11	4.5
4001.10.19	4.5
4001.10.21	4.5
4001.10.29	4.5
4001.21.10	4.5
4001.21.20	4.5
4001.21.30	4.5
4001.21.40	4.5
4001.21.50	4.5
4001.21.90	4.5
4001.22.10	4.5
4001.22.20	4.5
4001.22.30	4.5
4001.22.40	4.5
4001.22.50	4.5
4001.22.60	4.5
4001.22.90	4.5
4001.29.10	4.5
4001.29.20	4.5
4001.29.30	4.5
4001.29.50	4.5
4001.29.60	4.5
4001.29.70	4.5
4001.29.80	4.5
4001.29.94	4.5
4001.29.96	4.5
4001.29.99	4.5
4001.30.20	4.5
4001.30.90	4.5
4002.11.00	5
4002.19.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4002.19.90	5
4002.20.10	5
4002.20.90	5
4002.31.10	5
4002.31.90	5
4002.39.10	5
4002.39.90	5
4002.41.00	5
4002.49.10	5
4002.49.90	5
4002.51.00	5
4002.59.10	5
4002.59.90	5
4002.60.10	5
4002.60.90	5
4002.70.10	5
4002.70.90	5
4002.80.10	4.5
4002.80.90	4.5
4002.91.00	5
4002.99.30	4.5
4002.99.40	4.5
4002.99.90	4.5
4003.00.00	4.5
4004.00.00	4.5
4005.10.10	7.5
4005.10.90	7.5
4005.20.00	7.5
4005.91.10	7.5
4005.91.90	7.5
4005.99.10	7.5
4005.99.20	7.5
4005.99.90	7.5
4006.10.00	4.5
4006.90.11	4.5
4006.90.19	4.5
4006.90.90	4.5
4007.00.00	7.5
4008.11.10	4.5
4008.11.20	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4008.11.90	4.5
4008.19.00	4.5
4008.21.10	4.5
4008.21.20	4.5
4008.21.30	4.5
4008.21.40	4.5
4008.21.90	4.5
4008.29.00	4.5
4009.11.00	4.5
4009.12.10	4.5
4009.12.90	4.5
4009.21.10	4.5
4009.21.90	4.5
4009.22.10	4.5
4009.22.90	4.5
4009.31.10	4.5
4009.31.91	4.5
4009.31.99	4.5
4009.32.10	4.5
4009.32.90	4.5
4009.41.10	4.5
4009.41.90	4.5
4009.42.10	4.5
4009.42.20	4.5
4009.42.90	4.5
4010.11.00	7.5
4010.12.00	7.5
4010.19.00	7.5
4010.31.00	22.5
4010.32.00	22.5
4010.33.00	22.5
4010.34.00	22.5
4010.35.00	7.5
4010.36.00	7.5
4010.39.00	7.5
4011.10.00	37.5
4011.20.11	37.5
4011.20.12	37.5
4011.20.13	37.5
4011.20.19	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4011.20.90	15
4011.30.00	5
4011.40.00	52.5
4011.50.00	52.5
4011.70.00	30
4011.80.11	30
4011.80.19	30
4011.80.31	30
4011.80.39	30
4011.80.40	15
4011.90.10	30
4011.90.20	30
4011.90.90	15
4012.11.00	45
4012.12.10	45
4012.12.90	15
4012.13.00	5
4012.19.20	30
4012.19.30	30
4012.19.41	30
4012.19.49	30
4012.19.90	30
4012.20.10	37.5
4012.20.21	37.5
4012.20.29	30
4012.20.30	5
4012.20.40	37.5
4012.20.50	37.5
4012.20.60	30
4012.20.71	30
4012.20.79	30
4012.20.80	30
4012.20.91	30
4012.20.99	30
4012.90.14	7.5
4012.90.17	7.5
4012.90.19	45
4012.90.21	45
4012.90.22	7.5
4012.90.71	45



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4012.90.72	7.5
4012.90.80	45
4012.90.90	7.5
4013.10.11	45
4013.10.19	15
4013.10.21	45
4013.10.29	15
4013.20.00	52.5
4013.90.11	30
4013.90.19	7.5
4013.90.20	52.5
4013.90.31	45
4013.90.39	15
4013.90.40	5
4013.90.91	45
4013.90.99	15
4014.10.00	7.5
4014.90.10	4.5
4014.90.40	4.5
4014.90.50	4.5
4014.90.90	4.5
4015.12.10	30
4015.12.90	30
4015.19.10	30
4015.19.90	30
4015.90.10	7.5
4015.90.20	22.5
4015.90.90	30
4016.10.10	30
4016.10.20	30
4016.10.90	30
4016.91.10	45
4016.91.20	45
4016.91.90	45
4016.92.10	30
4016.92.90	30
4016.93.10	4.5
4016.93.20	4.5
4016.93.90	4.5
4016.94.00	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4016.95.00	7.5
4016.99.11	15
4016.99.12	15
4016.99.13	15
4016.99.15	15
4016.99.16	37.5
4016.99.17	37.5
4016.99.18	37.5
4016.99.19	7.5
4016.99.20	7.5
4016.99.30	7.5
4016.99.40	7.5
4016.99.51	4.5
4016.99.52	4.5
4016.99.53	4.5
4016.99.54	7.5
4016.99.59	4.5
4016.99.60	7.5
4016.99.70	7.5
4016.99.91	30
4016.99.99	7.5
4017.00.10	15
4017.00.20	15
4017.00.90	15
4101.20.00	5
4101.50.00	5
4101.90.10	7.5
4101.90.90	5
4102.10.00	5
4102.21.00	5
4102.29.00	5
4103.20.00	5
4103.30.00	7.5
4103.90.00	5
4104.11.10	4.5
4104.11.90	4.5
4104.19.00	4.5
4104.41.00	7.5
4104.49.00	7.5
4105.10.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4105.30.00	7.5
4106.21.00	5
4106.22.00	7.5
4106.31.00	5
4106.32.00	5
4106.40.00	5
4106.91.00	5
4106.92.00	7.5
4107.11.00	15
4107.12.00	15
4107.19.00	15
4107.91.00	15
4107.92.00	7.5
4107.99.00	15
4112.00.00	15
4113.10.00	15
4113.20.00	7.5
4113.30.00	15
4113.90.00	15
4114.10.00	7.5
4114.20.00	7.5
4115.10.00	7.5
4115.20.00	7.5
4201.00.00	30
4202.11.10	37.5
4202.11.90	37.5
4202.12.11	37.5
4202.12.19	37.5
4202.12.91	37.5
4202.12.99	37.5
4202.19.20	37.5
4202.19.90	37.5
4202.21.00	37.5
4202.22.10	37.5
4202.22.20	37.5
4202.29.00	37.5
4202.31.00	37.5
4202.32.00	37.5
4202.39.00	37.5
4202.91.11	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4202.91.19	37.5
4202.91.90	37.5
4202.92.10	37.5
4202.92.20	37.5
4202.92.90	37.5
4202.99.10	37.5
4202.99.90	37.5
4203.10.00	37.5
4203.21.10	30
4203.21.90	30
4203.29.10	37.5
4203.29.90	37.5
4203.30.00	37.5
4203.40.00	37.5
4205.00.10	30
4205.00.20	30
4205.00.30	30
4205.00.40	7.5
4205.00.90	30
4206.00.00	5
4301.10.00	5
4301.30.00	5
4301.60.00	5
4301.80.00	5
4301.90.00	5
4302.11.00	5
4302.19.00	5
4302.20.00	5
4302.30.00	5
4303.10.00	37.5
4303.90.20	37.5
4303.90.90	22.5
4304.00.10	37.5
4304.00.20	37.5
4304.00.91	37.5
4304.00.99	37.5
4401.11.00	4.5
4401.12.00	4.5
4401.21.00	4.5
4401.22.00	4.5

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4401.31.00	4.5
4401.32.00	4.5
4401.39.00	4.5
4401.41.00	4.5
4401.49.00	4.5
4402.10.00	7.5
4402.20.10	7.5
4402.20.90	7.5
4402.90.00	7.5
4403.11.10	5
4403.11.90	5
4403.12.10	5
4403.12.90	5
4403.21.10	5
4403.21.90	5
4403.22.10	5
4403.22.90	5
4403.23.10	5
4403.23.90	5
4403.24.10	5
4403.24.90	5
4403.25.10	5
4403.25.90	5
4403.26.10	5
4403.26.90	5
4403.41.10	5
4403.41.90	5
4403.42.10	5
4403.42.90	5
4403.49.10	5
4403.49.90	5
4403.91.10	5
4403.91.90	5
4403.93.10	5
4403.93.90	5
4403.94.10	5
4403.94.90	5
4403.95.10	5
4403.95.90	5
4403.96.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4403.96.90	5
4403.97.10	5
4403.97.90	5
4403.98.10	5
4403.98.90	5
4403.99.10	5
4403.99.90	5
4404.10.00	4.5
4404.20.10	4.5
4404.20.90	4.5
4405.00.10	5
4405.00.20	4.5
4406.11.00	5
4406.12.00	5
4406.91.00	5
4406.92.00	5
4407.11.10	5
4407.11.90	5
4407.12.00	5
4407.13.00	5
4407.14.00	5
4407.19.10	5
4407.19.90	5
4407.21.10	5
4407.21.90	5
4407.22.10	5
4407.22.90	5
4407.23.10	5
4407.23.20	5
4407.23.90	5
4407.25.12	5
4407.25.13	5
4407.25.19	5
4407.25.21	5
4407.25.29	5
4407.26.20	5
4407.26.30	5
4407.26.90	5
4407.27.20	5
4407.27.30	5

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4407.27.90	5
4407.28.10	5
4407.28.90	5
4407.29.12	5
4407.29.13	5
4407.29.19	5
4407.29.22	5
4407.29.23	5
4407.29.29	5
4407.29.32	5
4407.29.33	5
4407.29.39	5
4407.29.42	5
4407.29.43	5
4407.29.49	5
4407.29.51	5
4407.29.59	5
4407.29.72	5
4407.29.73	5
4407.29.79	5
4407.29.82	5
4407.29.83	5
4407.29.89	5
4407.29.91	5
4407.29.92	5
4407.29.94	5
4407.29.95	5
4407.29.96	5
4407.29.97	5
4407.29.98	5
4407.29.99	5
4407.91.20	5
4407.91.30	5
4407.91.90	5
4407.92.10	5
4407.92.90	5
4407.93.10	5
4407.93.90	5
4407.94.10	5
4407.94.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4407.95.10	5
4407.95.90	5
4407.96.10	5
4407.96.90	5
4407.97.10	5
4407.97.90	5
4407.99.10	5
4407.99.90	5
4408.10.10	5
4408.10.30	5
4408.10.90	5
4408.31.00	5
4408.39.10	5
4408.39.20	5
4408.39.90	5
4408.90.10	5
4408.90.90	5
4409.10.00	4.5
4409.21.00	4.5
4409.22.00	4.5
4409.29.00	4.5
4410.11.00	7.5
4410.12.00	7.5
4410.19.00	7.5
4410.90.00	7.5
4411.12.00	12
4411.13.00	12
4411.14.00	12
4411.92.00	12
4411.93.00	12
4411.94.00	12
4412.10.00	7.5
4412.31.00	7.5
4412.33.00	7.5
4412.34.00	7.5
4412.39.00	7.5
4412.41.10	7.5
4412.41.90	7.5
4412.42.00	7.5
4412.49.00	7.5

9

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4412.51.00	7.5
4412.52.00	7.5
4412.59.00	7.5
4412.91.10	7.5
4412.91.90	7.5
4412.92.00	7.5
4412.99.00	7.5
4413.00.00	4.5
4414.10.00	37.5
4414.90.00	37.5
4415.10.00	30
4415.20.00	30
4416.00.10	30
4416.00.90	30
4417.00.10	30
4417.00.90	30
4418.11.00	7.5
4418.19.00	7.5
4418.21.00	7.5
4418.29.00	7.5
4418.30.00	4.5
4418.40.00	7.5
4418.50.00	7.5
4418.73.10	4.5
4418.73.20	7.5
4418.73.90	7.5
4418.74.00	4.5
4418.75.00	7.5
4418.79.00	7.5
4418.81.10	4.5
4418.81.90	4.5
4418.82.00	4.5
4418.83.00	4.5
4418.89.00	4.5
4418.91.00	4.5
4418.92.00	4.5
4418.99.00	4.5
4419.11.00	37.5
4419.12.00	37.5
4419.19.00	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4419.20.00	37.5
4419.90.00	37.5
4420.11.00	30
4420.19.00	30
4420.90.10	30
4420.90.20	30
4420.90.90	30
4421.10.00	37.5
4421.20.00	37.5
4421.91.10	30
4421.91.20	37.5
4421.91.30	37.5
4421.91.40	37.5
4421.91.50	37.5
4421.91.60	37.5
4421.91.70	37.5
4421.91.90	37.5
4421.99.10	30
4421.99.20	37.5
4421.99.30	37.5
4421.99.40	37.5
4421.99.70	37.5
4421.99.80	37.5
4421.99.93	37.5
4421.99.94	37.5
4421.99.95	37.5
4421.99.96	37.5
4421.99.99	37.5
4501.10.00	5
4501.90.00	5
4502.00.00	7.5
4503.10.00	30
4503.90.00	30
4504.10.00	15
4504.90.00	30
4601.21.00	30
4601.22.00	30
4601.29.00	30
4601.92.10	30
4601.92.20	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4601.92.90	30
4601.93.10	30
4601.93.20	30
4601.93.90	30
4601.94.10	30
4601.94.20	30
4601.94.90	30
4601.99.10	30
4601.99.20	30
4601.99.30	30
4601.99.90	30
4602.11.10	30
4602.11.20	30
4602.11.90	30
4602.12.10	30
4602.12.20	30
4602.12.90	30
4602.19.10	30
4602.19.20	30
4602.19.90	30
4602.90.10	30
4602.90.20	30
4602.90.90	30
4701.00.00	1.5
4702.00.10	1.5
4702.00.20	1.5
4703.11.00	5
4703.19.00	5
4703.21.00	5
4703.29.00	5
4704.11.00	5
4704.19.00	5
4704.21.00	5
4704.29.00	5
4705.00.00	5
4706.10.00	5
4706.20.00	5
4706.30.00	5
4706.91.00	5
4706.92.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4706.93.10	5
4706.93.90	5
4707.10.00	5
4707.20.00	5
4707.30.00	5
4707.90.00	5
4801.00.11	30
4801.00.12	30
4801.00.13	30
4801.00.14	30
4801.00.21	30
4801.00.22	30
4801.00.23	30
4801.00.24	30
4802.10.00	30
4802.20.10	7.5
4802.20.90	7.5
4802.40.10	7.5
4802.40.90	7.5
4802.54.11	7.5
4802.54.19	7.5
4802.54.21	7.5
4802.54.29	7.5
4802.54.30	7.5
4802.54.40	30
4802.54.50	30
4802.54.90	30
4802.55.21	30
4802.55.29	30
4802.55.40	7.5
4802.55.50	7.5
4802.55.61	30
4802.55.69	30
4802.55.70	30
4802.55.90	7.5
4802.56.21	37.5
4802.56.29	37.5
4802.56.41	30
4802.56.49	30
4802.56.50	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4802.56.90	30
4802.57.21	30
4802.57.29	30
4802.57.30	30
4802.57.90	30
4802.58.21	30
4802.58.29	30
4802.58.31	30
4802.58.39	30
4802.58.91	30
4802.58.99	30
4802.61.31	30
4802.61.39	30
4802.61.41	7.5
4802.61.49	7.5
4802.61.51	30
4802.61.59	30
4802.61.60	30
4802.61.91	30
4802.61.99	30
4802.62.11	30
4802.62.19	30
4802.62.21	30
4802.62.29	30
4802.62.31	30
4802.62.39	30
4802.62.91	30
4802.62.99	30
4802.69.11	30
4802.69.19	30
4802.69.91	30
4802.69.99	30
4803.00.30	30
4803.00.90	30
4804.11.00	22.5
4804.19.00	27
4804.21.10	4.5
4804.21.90	25.5
4804.29.10	4.5
4804.29.90	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4804.31.10	7.5
4804.31.30	15
4804.31.40	7.5
4804.31.50	4.5
4804.31.90	30
4804.39.10	15
4804.39.20	25.5
4804.39.90	27
4804.41.10	7.5
4804.41.90	30
4804.42.10	30
4804.42.90	30
4804.49.10	30
4804.49.90	30
4804.51.10	7.5
4804.51.20	7.5
4804.51.30	15
4804.51.90	30
4804.52.10	25.5
4804.52.90	25.5
4804.59.10	30
4804.59.90	30
4805.11.00	15
4805.12.00	15
4805.19.10	15
4805.19.90	15
4805.24.00	15
4805.25.10	15
4805.25.90	15
4805.30.10	15
4805.30.90	15
4805.40.00	7.5
4805.50.00	15
4805.91.10	7.5
4805.91.20	30
4805.91.90	7.5
4805.92.10	15
4805.92.90	15
4805.93.10	15
4805.93.20	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4805.93.90	15
4806.10.00	4.5
4806.20.00	15
4806.30.00	4.5
4806.40.00	7.5
4807.00.00	30
4808.10.00	15
4808.40.00	15
4808.90.20	15
4808.90.30	15
4808.90.90	15
4809.20.00	15
4809.90.10	30
4809.90.90	30
4810.13.10	7.5
4810.13.91	7.5
4810.13.99	7.5
4810.14.10	7.5
4810.14.91	7.5
4810.14.99	7.5
4810.19.10	7.5
4810.19.90	7.5
4810.22.10	7.5
4810.22.90	7.5
4810.29.10	7.5
4810.29.91	7.5
4810.29.99	7.5
4810.31.30	15
4810.31.90	15
4810.32.30	7.5
4810.32.90	7.5
4810.39.30	15
4810.39.90	15
4810.92.40	15
4810.92.90	15
4810.99.40	15
4810.99.90	15
4811.10.20	7.5
4811.10.90	7.5
4811.41.20	22.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4811.41.90	22.5
4811.49.00	22.5
4811.51.31	37.5
4811.51.39	22.5
4811.51.91	37.5
4811.51.99	22.5
4811.59.20	4.5
4811.59.41	37.5
4811.59.49	22.5
4811.59.91	37.5
4811.59.99	22.5
4811.60.20	22.5
4811.60.91	22.5
4811.60.99	22.5
4811.90.41	37.5
4811.90.42	7.5
4811.90.49	7.5
4811.90.91	37.5
4811.90.92	7.5
4811.90.93	7.5
4811.90.99	7.5
4812.00.00	5
4813.10.00	30
4813.20.10	30
4813.20.21	30
4813.20.22	30
4813.20.23	30
4813.20.29	30
4813.20.31	30
4813.20.32	30
4813.20.39	30
4813.90.11	30
4813.90.12	30
4813.90.19	30
4813.90.91	30
4813.90.99	30
4814.20.10	37.5
4814.20.91	37.5
4814.20.99	37.5
4814.90.00	30

2

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4816.20.10	15
4816.20.90	15
4816.90.10	30
4816.90.20	30
4816.90.30	15
4816.90.40	22.5
4816.90.50	30
4816.90.90	30
4817.10.00	37.5
4817.20.00	37.5
4817.30.00	37.5
4818.10.00	27
4818.20.00	27
4818.30.10	30
4818.30.20	30
4818.50.00	30
4818.90.00	30
4819.10.00	22.5
4819.20.00	22.5
4819.30.00	30
4819.40.00	30
4819.50.00	30
4819.60.00	30
4820.10.00	37.5
4820.20.00	37.5
4820.30.00	37.5
4820.40.00	37.5
4820.50.00	37.5
4820.90.00	37.5
4821.10.10	30
4821.10.90	22.5
4821.90.10	30
4821.90.90	30
4822.10.10	7.5
4822.10.90	7.5
4822.90.10	7.5
4822.90.90	7.5
4823.20.10	7.5
4823.20.90	7.5
4823.40.21	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4823.40.29	5
4823.40.90	5
4823.61.00	30
4823.69.00	30
4823.70.00	7.5
4823.90.10	30
4823.90.20	30
4823.90.30	30
4823.90.40	30
4823.90.51	15
4823.90.59	15
4823.90.60	30
4823.90.70	30
4823.90.91	30
4823.90.92	30
4823.90.94	30
4823.90.95	30
4823.90.96	30
4823.90.99	30
4901.10.00	5
4901.91.00	5
4901.99.10	5
4901.99.90	7.5
4902.10.00	5
4902.90.10	5
4902.90.90	5
4903.00.00	5
4904.00.00	7.5
4905.20.00	5
4905.90.00	5
4906.00.00	5
4907.00.10	5
4907.00.21	30
4907.00.29	5
4907.00.50	5
4907.00.60	5
4907.00.90	30
4908.10.00	7.5
4908.90.00	22.5
4909.00.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
4910.00.00	30
4911.10.10	30
4911.10.90	30
4911.91.10	15
4911.91.21	15
4911.91.29	30
4911.91.91	15
4911.91.99	30
4911.99.10	30
4911.99.20	30
4911.99.30	30
4911.99.40	30
4911.99.90	30
5001.00.00	7.5
5002.00.00	7.5
5003.00.00	15
5004.00.00	7.5
5005.00.00	7.5
5006.00.00	7.5
5007.10.20	18
5007.10.30	18
5007.10.90	18
5007.20.20	18
5007.20.30	18
5007.20.90	18
5007.90.20	18
5007.90.30	18
5007.90.90	18
5101.11.00	5
5101.19.00	5
5101.21.00	5
5101.29.00	5
5101.30.00	5
5102.11.00	5
5102.19.00	5
5102.20.00	5
5103.10.00	15
5103.20.00	15
5103.30.00	15
5104.00.00	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5105.10.00	5
5105.21.00	5
5105.29.00	5
5105.31.00	5
5105.39.00	5
5105.40.00	5
5106.10.00	7.5
5106.20.00	7.5
5107.10.00	7.5
5107.20.00	7.5
5108.10.00	7.5
5108.20.00	7.5
5109.10.00	7.5
5109.90.00	7.5
5110.00.00	7.5
5111.11.00	18
5111.19.00	18
5111.20.00	18
5111.30.00	18
5111.90.00	18
5112.11.10	18
5112.11.90	18
5112.19.10	18
5112.19.90	18
5112.20.00	18
5112.30.00	18
5112.90.00	18
5113.00.00	18
5201.00.00	5
5202.10.00	15
5202.91.00	15
5202.99.00	15
5203.00.00	5
5204.11.10	7.5
5204.11.90	7.5
5204.19.00	7.5
5204.20.00	7.5
5205.11.00	7.5
5205.12.00	7.5
5205.13.00	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5205.14.00	7.5
5205.15.00	7.5
5205.21.00	7.5
5205.22.00	7.5
5205.23.00	7.5
5205.24.00	7.5
5205.26.00	7.5
5205.27.00	7.5
5205.28.00	7.5
5205.31.00	7.5
5205.32.00	7.5
5205.33.00	7.5
5205.34.00	7.5
5205.35.00	7.5
5205.41.00	7.5
5205.42.00	7.5
5205.43.00	7.5
5205.44.00	7.5
5205.46.00	7.5
5205.47.00	7.5
5205.48.00	7.5
5206.11.00	7.5
5206.12.00	7.5
5206.13.00	7.5
5206.14.00	7.5
5206.15.00	7.5
5206.21.00	7.5
5206.22.00	7.5
5206.23.00	7.5
5206.24.00	7.5
5206.25.00	7.5
5206.31.00	7.5
5206.32.00	7.5
5206.33.00	7.5
5206.34.00	7.5
5206.35.00	7.5
5206.41.00	7.5
5206.42.00	7.5
5206.43.00	7.5
5206.44.00	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5206.45.00	7.5
5207.10.00	7.5
5207.90.00	7.5
5208.11.00	18
5208.12.00	18
5208.13.00	18
5208.19.00	18
5208.21.00	18
5208.22.00	18
5208.23.00	18
5208.29.00	18
5208.31.10	18
5208.31.90	18
5208.32.00	18
5208.33.00	18
5208.39.00	18
5208.41.10	18
5208.41.90	18
5208.42.10	18
5208.42.90	18
5208.43.00	18
5208.49.00	18
5208.51.10	18
5208.51.90	18
5208.52.10	18
5208.52.90	18
5208.59.10	18
5208.59.20	18
5208.59.90	18
5209.11.10	18
5209.11.90	18
5209.12.00	18
5209.19.00	18
5209.21.00	18
5209.22.00	18
5209.29.00	18
5209.31.00	18
5209.32.00	18
5209.39.00	18
5209.41.00	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5209.42.00	18
5209.43.00	18
5209.49.00	18
5209.51.10	18
5209.51.90	18
5209.52.10	18
5209.52.90	18
5209.59.10	18
5209.59.90	18
5210.11.00	18
5210.19.00	18
5210.21.00	18
5210.29.00	18
5210.31.00	18
5210.32.00	18
5210.39.00	18
5210.41.10	18
5210.41.90	18
5210.49.00	18
5210.51.10	18
5210.51.90	18
5210.59.10	18
5210.59.90	18
5211.11.00	18
5211.12.00	18
5211.19.00	18
5211.20.00	18
5211.31.00	18
5211.32.00	18
5211.39.00	18
5211.41.10	18
5211.41.90	18
5211.42.00	18
5211.43.00	18
5211.49.00	18
5211.51.10	18
5211.51.90	18
5211.52.10	18
5211.52.90	18
5211.59.10	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5211.59.90	18
5212.11.00	18
5212.12.00	18
5212.13.00	18
5212.14.00	18
5212.15.10	18
5212.15.90	18
5212.21.00	18
5212.22.00	18
5212.23.00	18
5212.24.00	18
5212.25.10	18
5212.25.90	18
5301.10.00	5
5301.21.00	5
5301.29.00	5
5301.30.00	5
5302.10.00	5
5302.90.00	5
5303.10.00	4.5
5303.90.00	4.5
5305.00.10	7.5
5305.00.21	7.5
5305.00.22	7.5
5305.00.23	7.5
5305.00.90	7.5
5306.10.00	4.5
5306.20.00	4.5
5307.10.00	7.5
5307.20.00	7.5
5308.10.00	7.5
5308.20.00	7.5
5308.90.10	7.5
5308.90.90	7.5
5309.11.00	18
5309.19.00	18
5309.21.00	18
5309.29.00	18
5310.10.10	18
5310.10.90	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5310.90.00	18
5311.00.10	18
5311.00.20	18
5311.00.90	18
5401.10.10	7.5
5401.10.90	7.5
5401.20.10	7.5
5401.20.90	7.5
5402.11.00	5
5402.19.00	5
5402.20.00	5
5402.31.00	5
5402.32.00	5
5402.33.10	4.5
5402.33.90	4.5
5402.34.00	5
5402.39.00	5
5402.44.10	4.5
5402.44.20	4.5
5402.44.90	4.5
5402.45.00	5
5402.46.10	4.5
5402.46.90	4.5
5402.47.10	4.5
5402.47.90	4.5
5402.48.00	5
5402.49.00	5
5402.51.00	5
5402.52.00	4.5
5402.53.00	5
5402.59.00	5
5402.61.00	5
5402.62.00	5
5402.63.00	5
5402.69.00	5
5403.10.00	5
5403.31.10	5
5403.31.90	5
5403.32.10	5
5403.32.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5403.33.10	5
5403.33.90	5
5403.39.10	5
5403.39.90	5
5403.41.10	5
5403.41.90	5
5403.42.00	5
5403.49.00	5
5404.11.00	5
5404.12.00	5
5404.19.00	5
5404.90.00	5
5405.00.00	5
5406.00.00	7.5
5407.10.20	18
5407.10.91	18
5407.10.99	18
5407.20.00	18
5407.30.00	18
5407.41.10	18
5407.41.90	18
5407.42.00	18
5407.43.00	18
5407.44.00	18
5407.51.00	18
5407.52.00	18
5407.53.00	18
5407.54.00	18
5407.61.10	18
5407.61.90	18
5407.69.10	18
5407.69.90	18
5407.71.00	18
5407.72.00	18
5407.73.00	18
5407.74.00	18
5407.81.00	18
5407.82.00	18
5407.83.00	18
5407.84.00	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5407.91.00	18
5407.92.00	18
5407.93.00	18
5407.94.00	18
5408.10.10	18
5408.10.90	18
5408.21.00	18
5408.22.00	18
5408.23.00	18
5408.24.00	18
5408.31.00	18
5408.32.00	18
5408.33.00	18
5408.34.00	18
5501.11.00	5
5501.19.00	5
5501.20.00	5
5501.30.00	5
5501.40.00	5
5501.90.00	5
5502.10.00	5
5502.90.00	5
5503.11.00	5
5503.19.00	5
5503.20.10	3
5503.20.90	3
5503.30.00	5
5503.40.00	5
5503.90.10	5
5503.90.90	5
5504.10.00	5
5504.90.00	5
5505.10.00	4,5
5505.20.00	4,5
5506.10.00	5
5506.20.00	5
5506.30.00	5
5506.40.00	5
5506.90.00	5
5507.00.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5508.10.10	7,5
5508.10.90	7,5
5508.20.10	7,5
5508.20.90	7,5
5509.11.00	7,5
5509.12.00	7,5
5509.21.00	7,5
5509.22.00	7,5
5509.31.00	7,5
5509.32.00	7,5
5509.41.00	7,5
5509.42.00	7,5
5509.51.00	7,5
5509.52.10	5
5509.52.90	7,5
5509.53.00	7,5
5509.59.00	7,5
5509.61.00	7,5
5509.62.00	7,5
5509.69.00	7,5
5509.91.00	7,5
5509.92.00	7,5
5509.99.00	7,5
5510.11.00	7,5
5510.12.00	7,5
5510.20.00	7,5
5510.30.00	7,5
5510.90.00	7,5
5511.10.10	7,5
5511.10.90	7,5
5511.20.10	7,5
5511.20.90	7,5
5511.30.00	7,5
5512.11.00	18
5512.19.00	18
5512.21.00	18
5512.29.00	18
5512.91.00	18
5512.99.00	18
5513.11.00	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5513.12.00	18
5513.13.00	18
5513.19.00	18
5513.21.00	18
5513.23.00	18
5513.29.00	18
5513.31.00	18
5513.39.00	18
5513.41.00	18
5513.49.00	18
5514.11.00	18
5514.12.00	18
5514.19.00	18
5514.21.00	18
5514.22.00	18
5514.23.00	18
5514.29.00	18
5514.30.00	18
5514.41.00	18
5514.42.00	18
5514.43.00	18
5514.49.00	18
5515.11.00	18
5515.12.00	18
5515.13.00	18
5515.19.00	18
5515.21.00	18
5515.22.00	18
5515.29.00	18
5515.91.00	18
5515.99.10	18
5515.99.90	18
5516.11.00	18
5516.12.00	18
5516.13.00	18
5516.14.00	18
5516.21.00	18
5516.22.00	18
5516.23.00	18
5516.24.00	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5516.31.00	18
5516.32.00	18
5516.33.00	18
5516.34.00	18
5516.41.00	18
5516.42.00	18
5516.43.00	18
5516.44.00	18
5516.91.00	18
5516.92.00	18
5516.93.00	18
5516.94.00	18
5601.21.00	7.5
5601.22.10	7.5
5601.22.90	7.5
5601.29.00	7.5
5601.30.10	7.5
5601.30.20	7.5
5601.30.90	7.5
5602.10.00	18
5602.21.00	18
5602.29.00	18
5602.90.00	18
5603.11.00	18
5603.12.00	18
5603.13.00	18
5603.14.00	18
5603.91.00	18
5603.92.00	18
5603.93.00	18
5603.94.00	18
5604.10.00	7.5
5604.90.10	7.5
5604.90.20	7.5
5604.90.30	7.5
5604.90.90	7.5
5605.00.00	7.5
5606.00.00	18
5607.21.00	18
5607.29.00	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5607.41.00	18
5607.49.00	18
5607.50.10	18
5607.50.90	18
5607.90.10	18
5607.90.21	18
5607.90.22	18
5607.90.30	18
5607.90.90	18
5608.11.00	18
5608.19.20	18
5608.19.90	15
5608.90.10	18
5608.90.90	15
5609.00.00	18
5701.10.10	18
5701.10.90	18
5701.90.11	18
5701.90.19	18
5701.90.20	18
5701.90.91	18
5701.90.99	18
5702.10.00	18
5702.20.00	18
5702.31.00	18
5702.32.00	18
5702.39.10	18
5702.39.20	18
5702.39.90	18
5702.41.10	18
5702.41.90	18
5702.42.10	18
5702.42.90	18
5702.49.11	18
5702.49.19	18
5702.49.20	18
5702.49.91	18
5702.49.99	18
5702.50.10	18
5702.50.20	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5702.50.90	18
5702.91.10	18
5702.91.90	18
5702.92.10	18
5702.92.90	18
5702.99.11	18
5702.99.19	18
5702.99.20	18
5702.99.91	18
5702.99.99	18
5703.10.10	18
5703.10.20	18
5703.10.30	18
5703.10.90	18
5703.21.00	18
5703.29.10	18
5703.29.90	18
5703.31.00	18
5703.39.10	18
5703.39.90	18
5703.90.11	18
5703.90.19	18
5703.90.21	18
5703.90.22	18
5703.90.29	18
5703.90.91	18
5703.90.92	18
5703.90.93	18
5703.90.99	18
5704.10.00	18
5704.20.00	18
5704.90.00	18
5705.00.11	18
5705.00.19	18
5705.00.21	18
5705.00.29	18
5705.00.91	18
5705.00.92	18
5705.00.99	18
5801.10.10	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5801.10.90	18
5801.21.10	18
5801.21.90	18
5801.22.10	18
5801.22.90	18
5801.23.10	18
5801.23.90	18
5801.26.10	18
5801.26.90	18
5801.27.10	18
5801.27.90	18
5801.31.10	18
5801.31.90	18
5801.32.10	18
5801.32.90	18
5801.33.10	18
5801.33.90	18
5801.36.10	18
5801.36.90	18
5801.37.11	18
5801.37.12	18
5801.37.91	18
5801.37.92	18
5801.90.11	18
5801.90.19	18
5801.90.91	18
5801.90.99	18
5802.10.10	18
5802.10.90	18
5802.20.10	18
5802.20.90	18
5802.30.10	18
5802.30.20	18
5802.30.30	18
5802.30.90	18
5803.00.10	18
5803.00.20	18
5803.00.30	18
5803.00.90	18
5804.10.11	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5804.10.19	18
5804.10.21	18
5804.10.29	18
5804.10.91	18
5804.10.99	18
5804.21.10	18
5804.21.90	18
5804.29.10	18
5804.29.90	18
5804.30.00	18
5805.00.10	18
5805.00.90	18
5806.10.10	18
5806.10.20	18
5806.10.90	18
5806.20.10	18
5806.20.90	18
5806.31.10	18
5806.31.20	18
5806.31.30	18
5806.31.90	18
5806.32.10	18
5806.32.40	18
5806.32.50	18
5806.32.90	18
5806.39.10	18
5806.39.91	18
5806.39.92	18
5806.39.93	18
5806.39.99	18
5806.40.00	18
5807.10.00	18
5807.90.10	18
5807.90.90	18
5808.10.10	18
5808.10.90	18
5808.90.10	18
5808.90.90	18
5809.00.00	18
5810.10.00	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5810.91.00	18
5810.92.00	18
5810.99.00	18
5811.00.10	18
5811.00.90	18
5901.10.00	18
5901.90.10	18
5901.90.20	18
5901.90.90	18
5902.10.11	4.5
5902.10.19	7.5
5902.10.91	15
5902.10.99	7.5
5902.20.20	5
5902.20.91	4.5
5902.20.99	7.5
5902.90.00	5
5903.10.10	18
5903.10.90	18
5903.20.00	18
5903.90.10	18
5903.90.90	18
5904.10.00	18
5904.90.00	18
5905.00.10	18
5905.00.90	18
5906.10.00	18
5906.91.00	15
5906.99.10	7.5
5906.99.90	7.5
5907.00.10	18
5907.00.30	7.5
5907.00.40	15
5907.00.50	15
5907.00.60	18
5907.00.90	18
5908.00.10	18
5908.00.90	18
5909.00.10	5
5909.00.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
5910.00.00	9
5911.10.00	5
5911.20.00	5
5911.31.00	5
5911.32.00	5
5911.40.00	5
5911.90.10	5
5911.90.90	5
6001.10.00	18
6001.21.00	18
6001.22.00	18
6001.29.00	18
6001.91.00	18
6001.92.20	18
6001.92.30	18
6001.92.90	18
6001.99.00	18
6002.40.00	18
6002.90.00	18
6003.10.00	18
6003.20.00	18
6003.30.00	18
6003.40.00	18
6003.90.00	18
6004.10.10	18
6004.10.90	18
6004.90.00	18
6005.21.00	18
6005.22.00	18
6005.23.00	18
6005.24.00	18
6005.35.00	18
6005.36.10	18
6005.36.90	18
6005.37.10	18
6005.37.90	18
6005.38.10	18
6005.38.90	18
6005.39.10	18
6005.39.90	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6005.41.00	18
6005.42.00	18
6005.43.00	18
6005.44.00	18
6005.90.10	18
6005.90.90	18
6006.10.00	18
6006.21.00	18
6006.22.00	18
6006.23.00	18
6006.24.00	18
6006.31.10	18
6006.31.20	18
6006.31.90	18
6006.32.10	18
6006.32.20	18
6006.32.90	18
6006.33.10	18
6006.33.90	18
6006.34.10	18
6006.34.90	18
6006.41.10	18
6006.41.90	18
6006.42.10	18
6006.42.90	18
6006.43.10	18
6006.43.90	18
6006.44.10	18
6006.44.90	18
6006.90.00	18
6101.20.00	30
6101.30.00	30
6101.90.00	30
6102.10.00	30
6102.20.00	30
6102.30.00	30
6102.90.00	30
6103.10.00	30
6103.22.00	30
6103.23.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6103.29.00	30
6103.31.00	30
6103.32.00	30
6103.33.00	30
6103.39.10	30
6103.39.90	30
6103.41.00	30
6103.42.00	30
6103.43.00	30
6103.49.00	30
6104.13.00	30
6104.19.20	30
6104.19.90	30
6104.22.00	30
6104.23.00	30
6104.29.00	30
6104.31.00	30
6104.32.00	30
6104.33.00	30
6104.39.00	30
6104.41.00	30
6104.42.00	30
6104.43.00	30
6104.44.00	30
6104.49.00	30
6104.51.00	30
6104.52.00	30
6104.53.00	30
6104.59.00	30
6104.61.00	30
6104.62.00	30
6104.63.00	30
6104.69.00	30
6105.10.00	30
6105.20.10	30
6105.20.20	30
6105.90.00	30
6106.10.00	30
6106.20.00	30
6106.90.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6107.11.00	30
6107.12.00	30
6107.19.00	30
6107.21.00	30
6107.22.00	30
6107.29.00	30
6107.91.00	30
6107.99.00	30
6108.11.00	30
6108.19.20	30
6108.19.30	30
6108.19.40	30
6108.19.90	30
6108.21.00	30
6108.22.00	30
6108.29.00	30
6108.31.00	30
6108.32.00	30
6108.39.00	30
6108.91.00	30
6108.92.00	30
6108.99.00	30
6109.10.10	30
6109.10.20	30
6109.90.10	30
6109.90.20	30
6109.90.30	30
6110.11.00	30
6110.12.00	30
6110.19.00	30
6110.20.00	30
6110.30.00	30
6110.90.00	30
6111.20.00	30
6111.30.00	30
6111.90.10	30
6111.90.90	30
6112.11.00	30
6112.12.00	30
6112.19.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6112.20.00	30
6112.31.00	30
6112.39.00	30
6112.41.10	30
6112.41.90	30
6112.49.10	30
6112.49.90	30
6113.00.10	30
6113.00.30	7.5
6113.00.40	30
6113.00.90	30
6114.20.00	30
6114.30.20	7.5
6114.30.90	30
6114.90.10	30
6114.90.90	30
6115.10.10	30
6115.10.90	30
6115.21.00	30
6115.22.00	30
6115.29.10	30
6115.29.90	30
6115.30.10	30
6115.30.90	30
6115.94.00	30
6115.95.00	30
6115.96.00	30
6115.99.00	30
6116.10.10	30
6116.10.90	30
6116.91.00	30
6116.92.00	30
6116.93.00	30
6116.99.00	30
6117.10.10	30
6117.10.90	30
6117.80.11	30
6117.80.19	30
6117.80.20	30
6117.80.90	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6117.90.00	30
6201.20.10	30
6201.20.90	30
6201.30.10	30
6201.30.90	30
6201.40.10	30
6201.40.90	30
6201.90.11	30
6201.90.19	30
6201.90.21	30
6201.90.29	30
6201.90.90	30
6202.20.10	30
6202.20.90	30
6202.30.10	30
6202.30.90	30
6202.40.10	30
6202.40.90	30
6202.90.10	30
6202.90.20	30
6202.90.90	30
6203.11.00	30
6203.12.00	30
6203.19.11	30
6203.19.19	30
6203.19.21	30
6203.19.29	30
6203.19.90	30
6203.22.10	30
6203.22.90	30
6203.23.00	30
6203.29.10	30
6203.29.90	30
6203.31.00	30
6203.32.10	30
6203.32.90	30
6203.33.00	30
6203.39.00	30
6203.41.00	30
6203.42.10	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6203.42.90	30
6203.43.00	30
6203.49.10	30
6203.49.90	30
6204.11.00	30
6204.12.10	30
6204.12.90	30
6204.13.00	30
6204.19.11	30
6204.19.19	30
6204.19.90	30
6204.21.00	30
6204.22.10	30
6204.22.90	30
6204.23.00	30
6204.29.10	30
6204.29.90	30
6204.31.00	30
6204.32.10	30
6204.32.90	30
6204.33.00	30
6204.39.11	30
6204.39.19	30
6204.39.90	30
6204.41.00	30
6204.42.10	30
6204.42.90	30
6204.43.00	30
6204.44.00	30
6204.49.10	30
6204.49.90	30
6204.51.00	30
6204.52.10	30
6204.52.90	30
6204.53.00	30
6204.59.10	30
6204.59.90	30
6204.61.00	30
6204.62.00	30
6204.63.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6204.69.00	30
6205.20.10	30
6205.20.20	30
6205.20.90	30
6205.30.10	30
6205.30.90	30
6205.90.10	30
6205.90.91	30
6205.90.92	30
6205.90.99	30
6206.10.10	30
6206.10.90	30
6206.20.00	30
6206.30.10	30
6206.30.90	30
6206.40.00	30
6206.90.00	30
6207.11.00	30
6207.19.00	30
6207.21.10	30
6207.21.90	30
6207.22.00	30
6207.29.10	30
6207.29.90	30
6207.91.00	30
6207.99.10	30
6207.99.90	30
6208.11.00	30
6208.19.00	30
6208.21.10	30
6208.21.90	30
6208.22.00	30
6208.29.10	30
6208.29.90	30
6208.91.10	30
6208.91.90	30
6208.92.10	30
6208.92.90	30
6208.99.10	30
6208.99.90	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6209.20.30	30
6209.20.40	30
6209.20.90	30
6209.30.10	30
6209.30.30	30
6209.30.40	30
6209.30.90	30
6209.90.00	30
6210.10.11	30
6210.10.19	30
6210.10.90	30
6210.20.20	7.5
6210.20.30	30
6210.20.40	30
6210.20.90	30
6210.30.20	7.5
6210.30.30	30
6210.30.40	30
6210.30.90	30
6210.40.10	7.5
6210.40.20	30
6210.40.90	30
6210.50.10	7.5
6210.50.20	30
6210.50.90	30
6211.11.00	30
6211.12.00	30
6211.20.00	30
6211.32.10	30
6211.32.20	30
6211.32.90	30
6211.33.10	30
6211.33.20	7.5
6211.33.30	30
6211.33.40	30
6211.33.90	30
6211.39.10	30
6211.39.20	7.5
6211.39.30	30
6211.39.40	30

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6211.39.90	30
6211.42.10	30
6211.42.20	30
6211.42.30	30
6211.42.90	30
6211.43.10	30
6211.43.20	30
6211.43.30	30
6211.43.40	30
6211.43.50	30
6211.43.60	30
6211.43.70	30
6211.43.90	30
6211.49.10	30
6211.49.20	30
6211.49.31	30
6211.49.39	30
6211.49.50	30
6211.49.60	30
6211.49.90	30
6212.10.11	30
6212.10.19	30
6212.10.91	30
6212.10.99	30
6212.20.10	30
6212.20.90	30
6212.30.10	30
6212.30.90	30
6212.90.11	30
6212.90.12	30
6212.90.19	30
6212.90.91	30
6212.90.92	30
6212.90.99	30
6213.20.10	30
6213.20.90	30
6213.90.11	30
6213.90.19	30
6213.90.91	30
6213.90.99	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6214.10.10	30
6214.10.90	30
6214.20.00	30
6214.30.10	30
6214.30.90	30
6214.40.10	30
6214.40.90	30
6214.90.10	30
6214.90.90	30
6215.10.10	30
6215.10.90	30
6215.20.10	30
6215.20.90	30
6215.90.10	30
6215.90.90	30
6216.00.10	30
6216.00.91	30
6216.00.92	30
6216.00.99	30
6217.10.10	30
6217.10.90	30
6217.90.00	30
6301.10.00	18
6301.20.00	18
6301.30.10	18
6301.30.90	18
6301.40.10	18
6301.40.90	18
6301.90.10	18
6301.90.90	18
6302.10.00	18
6302.21.00	18
6302.22.10	18
6302.22.90	18
6302.29.00	18
6302.31.00	18
6302.32.10	18
6302.32.90	18
6302.39.00	18
6302.40.00	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6302.51.10	18
6302.51.90	18
6302.53.00	18
6302.59.10	18
6302.59.90	18
6302.60.00	18
6302.91.00	18
6302.93.00	18
6302.99.10	18
6302.99.90	18
6303.12.00	18
6303.19.10	18
6303.19.90	18
6303.91.00	18
6303.92.00	18
6303.99.00	18
6304.11.00	18
6304.19.10	18
6304.19.20	18
6304.19.90	18
6304.20.00	18
6304.91.10	18
6304.91.90	18
6304.92.00	18
6304.93.00	18
6304.99.00	18
6305.10.11	18
6305.10.19	18
6305.10.21	18
6305.10.29	18
6305.20.00	18
6305.32.10	18
6305.32.20	18
6305.32.90	18
6305.33.10	18
6305.33.20	18
6305.33.90	18
6305.39.10	18
6305.39.20	18
6305.39.90	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6305.90.10	18
6305.90.20	18
6305.90.90	18
6306.12.00	18
6306.19.10	18
6306.19.20	18
6306.19.90	18
6306.22.00	18
6306.29.10	18
6306.29.90	18
6306.30.00	18
6306.40.10	18
6306.40.90	18
6306.90.10	18
6306.90.91	18
6306.90.99	18
6307.10.10	18
6307.10.20	18
6307.10.90	18
6307.20.00	5
6307.90.30	30
6307.90.40	7.5
6307.90.61	7.5
6307.90.69	30
6307.90.70	30
6307.90.80	30
6307.90.90	30
6308.00.00	30
6309.00.00	150
6310.10.10	75
6310.10.90	75
6310.90.10	75
6310.90.90	75
6401.10.00	45
6401.92.10	45
6401.92.90	45
6401.99.10	45
6401.99.90	45
6402.12.00	45
6402.19.10	45

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6402.19.90	45
6402.20.00	45
6402.91.10	45
6402.91.91	45
6402.91.92	45
6402.91.99	45
6402.99.10	5
6402.99.20	5
6402.99.90	5
6403.12.00	45
6403.19.10	45
6403.19.20	45
6403.19.30	45
6403.19.90	45
6403.20.00	45
6403.40.00	45
6403.51.00	45
6403.59.10	45
6403.59.90	45
6403.91.10	45
6403.91.20	45
6403.91.30	45
6403.91.90	45
6403.99.10	45
6403.99.20	45
6403.99.30	45
6403.99.90	45
6404.11.10	45
6404.11.20	45
6404.11.90	45
6404.19.10	45
6404.19.90	45
6404.20.00	45
6405.10.00	45
6405.20.00	45
6405.90.00	45
6406.10.10	22.5
6406.10.90	22.5
6406.20.10	45
6406.20.20	45

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6406.90.10	22.5
6406.90.21	7.5
6406.90.22	7.5
6406.90.23	7.5
6406.90.29	7.5
6406.90.41	7.5
6406.90.42	7.5
6406.90.49	7.5
6406.90.51	7.5
6406.90.52	7.5
6406.90.59	7.5
6406.90.91	7.5
6406.90.99	7.5
6501.00.00	15
6502.00.00	15
6504.00.00	37.5
6505.00.10	37.5
6505.00.20	37.5
6505.00.90	37.5
6506.10.10	30
6506.10.20	5
6506.10.30	5
6506.10.40	5
6506.10.90	5
6506.91.00	37.5
6506.99.10	37.5
6506.99.90	37.5
6507.00.00	37.5
6601.10.00	37.5
6601.91.00	37.5
6601.99.00	37.5
6602.00.00	37.5
6603.20.00	37.5
6603.90.10	37.5
6603.90.20	37.5
6701.00.00	30
6702.10.00	37.5
6702.90.10	45
6702.90.20	45
6702.90.90	45

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6703.00.00	30
6704.11.00	37.5
6704.19.00	37.5
6704.20.00	37.5
6704.90.00	37.5
6801.00.00	30
6802.10.00	30
6802.21.00	18
6802.23.00	18
6802.29.10	18
6802.29.90	18
6802.91.10	18
6802.91.90	18
6802.92.00	30
6802.93.10	18
6802.93.90	18
6802.99.00	30
6803.00.00	30
6804.10.00	30
6804.21.00	5
6804.22.00	30
6804.23.00	30
6804.30.00	30
6805.10.00	15
6805.20.00	15
6805.30.00	15
6806.10.00	7.5
6806.20.00	7.5
6806.90.00	7.5
6807.10.00	7.5
6807.90.10	7.5
6807.90.90	7.5
6808.00.20	45
6808.00.40	45
6808.00.91	45
6808.00.99	45
6809.11.00	45
6809.19.10	45
6809.19.90	45
6809.90.10	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6809.90.90	45
6810.11.00	52.5
6810.19.10	52.5
6810.19.90	52.5
6810.91.10	52.5
6810.91.90	52.5
6810.99.00	52.5
6811.40.10	30
6811.40.21	30
6811.40.22	30
6811.40.29	30
6811.40.30	30
6811.40.40	30
6811.40.50	22.5
6811.40.90	22.5
6811.81.00	30
6811.82.10	30
6811.82.20	30
6811.82.90	30
6811.89.10	30
6811.89.20	30
6811.89.30	30
6811.89.90	30
6812.80.20	15
6812.80.30	15
6812.80.50	15
6812.80.90	15
6812.91.10	15
6812.91.90	15
6812.99.20	15
6812.99.30	15
6812.99.40	15
6812.99.51	15
6812.99.59	15
6812.99.90	15
6813.20.10	15
6813.20.90	15
6813.81.00	15
6813.89.00	15
6814.10.00	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6814.90.00	15
6815.11.00	18
6815.12.00	22.5
6815.13.10	7.5
6815.13.90	22.5
6815.19.10	7.5
6815.19.20	22.5
6815.19.90	22.5
6815.20.00	30
6815.91.00	KBTC
6815.99.00	7.5
6901.00.00	30
6902.10.00	15
6902.20.00	15
6902.90.00	15
6903.10.00	7.5
6903.20.00	7.5
6903.90.00	7.5
6904.10.00	52.5
6904.90.00	52.5
6905.10.00	67.5
6905.90.00	67.5
6906.00.00	52.5
6907.21.10	30
6907.21.21	67.5
6907.21.22	67.5
6907.21.23	67.5
6907.21.24	67.5
6907.21.91	52.5
6907.21.92	52.5
6907.21.93	52.5
6907.21.94	52.5
6907.22.11	67.5
6907.22.12	67.5
6907.22.13	67.5
6907.22.14	67.5
6907.22.91	52.5
6907.22.92	52.5
6907.22.93	52.5
6907.22.94	52.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
6907.23.11	67.5
6907.23.12	67.5
6907.23.13	67.5
6907.23.14	67.5
6907.23.91	52.5
6907.23.92	52.5
6907.23.93	52.5
6907.23.94	52.5
6907.30.11	67.5
6907.30.19	52.5
6907.30.91	67.5
6907.30.99	52.5
6907.40.10	30
6907.40.21	67.5
6907.40.22	67.5
6907.40.91	52.5
6907.40.92	52.5
6909.11.00	7.5
6909.12.00	7.5
6909.19.00	7.5
6909.90.00	30
6910.10.00	52.5
6910.90.00	52.5
6911.10.00	52.5
6911.90.00	52.5
6912.00.00	52.5
6913.10.10	45
6913.10.90	45
6913.90.10	45
6913.90.90	45
6914.10.00	45
6914.90.00	45
7001.00.00	5
7002.10.00	4.5
7002.20.00	4.5
7002.31.10	37.5
7002.31.90	4.5
7002.32.10	37.5
7002.32.30	4.5
7002.32.40	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7002.32.90	4.5
7002.39.10	37.5
7002.39.20	7.5
7002.39.90	4.5
7003.12.10	7.5
7003.12.20	60
7003.12.90	60
7003.19.10	7.5
7003.19.20	60
7003.19.90	60
7003.20.10	60
7003.20.90	60
7003.30.10	60
7003.30.90	60
7004.20.10	7.5
7004.20.20	60
7004.20.90	60
7004.90.10	7.5
7004.90.20	60
7004.90.90	60
7005.10.10	7.5
7005.10.90	52.5
7005.21.10	7.5
7005.21.20	60
7005.21.90	60
7005.29.10	7.5
7005.29.20	60
7005.29.90	60
7005.30.10	45
7005.30.90	45
7006.00.10	7.5
7006.00.90	45
7007.11.10	30
7007.11.20	5
7007.11.90	4.5
7007.19.10	22.5
7007.19.90	22.5
7007.21.10	30
7007.21.20	5
7007.21.90	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7007.29.10	22.5
7007.29.90	22.5
7008.00.00	37.5
7009.10.00	37.5
7009.91.00	37.5
7009.92.00	45
7010.10.00	15
7010.20.00	30
7010.90.10	30
7010.90.40	7.5
7010.90.91	30
7010.90.99	30
7011.10.10	7.5
7011.10.90	37.5
7011.20.00	5
7011.90.00	37.5
7013.10.00	52.5
7013.22.00	45
7013.28.00	52.5
7013.33.00	45
7013.37.00	52.5
7013.41.00	45
7013.42.00	52.5
7013.49.00	52.5
7013.91.00	45
7013.99.00	22.5
7014.00.10	7.5
7014.00.90	7.5
7015.10.00	4.5
7015.90.10	7.5
7015.90.90	7.5
7016.10.00	37.5
7016.90.00	67.5
7017.10.10	5
7017.10.90	5
7017.20.00	5
7017.90.00	5
7018.10.10	45
7018.10.90	45
7018.20.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7018.90.10	5
7018.90.90	45
7019.11.00	4.5
7019.12.00	4.5
7019.13.00	4.5
7019.14.00	4.5
7019.15.00	4.5
7019.19.00	4.5
7019.61.00	4.5
7019.62.00	4.5
7019.63.00	4.5
7019.64.00	4.5
7019.65.00	4.5
7019.66.00	4.5
7019.69.00	4.5
7019.71.00	4.5
7019.72.00	4.5
7019.73.00	4.5
7019.80.10	4.5
7019.80.20	4.5
7019.90.20	45
7019.90.30	4.5
7019.90.40	4.5
7019.90.50	4.5
7019.90.90	4.5
7020.00.11	5
7020.00.19	5
7020.00.20	5
7020.00.30	60
7020.00.40	4.5
7020.00.90	45
7101.10.00	4.5
7101.21.00	4.5
7101.22.00	4.5
7102.10.00	1.5
7102.21.00	5
7102.29.00	5
7102.31.00	5
7102.39.00	5
7103.10.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7103.10.20	5
7103.10.90	5
7103.91.10	5
7103.91.90	5
7103.99.00	5
7104.10.10	5
7104.10.20	5
7104.21.00	5
7104.29.00	5
7104.91.00	5
7104.99.00	5
7105.10.00	1.5
7105.90.00	1.5
7106.10.00	1.5
7106.91.00	1.5
7106.92.00	1.5
7107.00.00	1.5
7108.11.00	5
7108.12.10	5
7108.12.90	5
7108.13.00	5
7108.20.00	5
7109.00.00	1.5
7110.11.10	1.5
7110.11.90	1.5
7110.19.00	1.5
7110.21.10	1.5
7110.21.90	1.5
7110.29.00	1.5
7110.31.10	1.5
7110.31.90	1.5
7110.39.00	1.5
7110.41.10	1.5
7110.41.90	1.5
7110.49.00	1.5
7111.00.10	1.5
7111.00.90	1.5
7112.30.00	1.5
7112.91.00	1.5
7112.92.00	1.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7112.99.10	1.5
7112.99.90	1.5
7113.11.10	45
7113.11.90	45
7113.19.10	37.5
7113.19.90	37.5
7113.20.10	45
7113.20.90	45
7114.11.00	45
7114.19.00	45
7114.20.00	45
7115.10.00	45
7115.90.10	45
7115.90.20	45
7115.90.90	45
7116.10.00	45
7116.20.00	45
7117.11.10	45
7117.11.90	45
7117.19.10	37.5
7117.19.20	37.5
7117.19.90	37.5
7117.90.10	37.5
7117.90.20	37.5
7117.90.94	37.5
7117.90.99	37.5
7118.10.10	45
7118.10.90	45
7118.90.10	37.5
7118.90.20	37.5
7118.90.90	37.5
7201.10.00	7.5
7201.20.00	7.5
7201.50.00	7.5
7202.11.00	7.5
7202.19.00	7.5
7202.21.00	7.5
7202.29.00	7.5
7202.30.00	7.5
7202.41.00	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7202.49.00	5
7202.50.00	5
7202.60.00	5
7202.70.00	5
7202.80.00	5
7202.91.00	5
7202.92.00	5
7202.93.00	5
7202.99.00	5
7203.10.00	5
7203.90.00	5
7204.10.00	4.5
7204.21.00	5
7204.29.00	5
7204.30.00	5
7204.41.00	4.5
7204.49.00	5
7204.50.00	4.5
7205.10.00	5
7205.21.00	5
7205.29.00	5
7206.10.10	1.5
7206.10.90	1.5
7206.90.00	1.5
7207.11.00	15
7207.12.10	7.5
7207.12.90	15
7207.19.00	15
7207.20.10	7.5
7207.20.21	7.5
7207.20.29	15
7207.20.91	7.5
7207.20.92	7.5
7207.20.99	15
7208.10.00	5
7208.25.00	5
7208.26.00	5
7208.27.11	5
7208.27.19	5
7208.27.91	5

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7208.27.99	5
7208.36.00	5
7208.37.00	5
7208.38.00	5
7208.39.10	5
7208.39.20	5
7208.39.30	5
7208.39.40	5
7208.39.90	5
7208.40.00	5
7208.51.00	5
7208.52.00	5
7208.53.00	5
7208.54.10	5
7208.54.90	5
7208.90.10	5
7208.90.20	5
7208.90.90	5
7209.15.00	10.5
7209.16.10	10.5
7209.16.90	10.5
7209.17.10	10.5
7209.17.90	10.5
7209.18.10	5
7209.18.91	10.5
7209.18.99	10.5
7209.25.00	10.5
7209.26.10	10.5
7209.26.90	10.5
7209.27.10	10.5
7209.27.90	10.5
7209.28.10	10.5
7209.28.90	10.5
7209.90.10	10.5
7209.90.90	10.5
7210.11.10	7.5
7210.11.90	7.5
7210.12.10	7.5
7210.12.90	7.5
7210.20.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7210.20.90	5
7210.30.11	15
7210.30.12	7.5
7210.30.19	7.5
7210.30.91	15
7210.30.99	7.5
7210.41.11	22.5
7210.41.12	15
7210.41.19	15
7210.41.91	22.5
7210.41.99	15
7210.49.11	5
7210.49.14	22.5
7210.49.15	15
7210.49.16	15
7210.49.17	22.5
7210.49.18	15
7210.49.19	15
7210.49.91	22.5
7210.49.99	15
7210.50.00	7.5
7210.61.11	22.5
7210.61.12	15
7210.61.19	15
7210.61.91	22.5
7210.61.92	15
7210.61.99	15
7210.69.11	22.5
7210.69.19	15
7210.69.91	22.5
7210.69.99	15
7210.70.12	7.5
7210.70.13	7.5
7210.70.19	7.5
7210.70.21	7.5
7210.70.29	7.5
7210.70.91	7.5
7210.70.99	7.5
7210.90.10	7.5
7210.90.90	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7211.13.12	5
7211.13.13	5
7211.13.14	5
7211.13.19	5
7211.13.92	5
7211.13.93	5
7211.13.99	5
7211.14.14	5
7211.14.15	5
7211.14.16	5
7211.14.17	5
7211.14.19	5
7211.14.94	5
7211.14.95	5
7211.14.99	5
7211.19.13	15
7211.19.14	10.5
7211.19.19	5
7211.19.91	15
7211.19.99	5
7211.23.10	10.5
7211.23.20	10.5
7211.23.30	10.5
7211.23.90	10.5
7211.29.10	10.5
7211.29.20	10.5
7211.29.30	10.5
7211.29.90	10.5
7211.90.11	10.5
7211.90.12	10.5
7211.90.13	10.5
7211.90.14	10.5
7211.90.19	10.5
7211.90.91	10.5
7211.90.99	10.5
7212.10.11	10.5
7212.10.14	10.5
7212.10.19	10.5
7212.10.94	10.5
7212.10.99	10.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7212.20.10	10.5
7212.20.20	10.5
7212.20.90	10.5
7212.30.11	5
7212.30.12	5
7212.30.13	15
7212.30.14	5
7212.30.19	15
7212.30.90	15
7212.40.11	15
7212.40.12	15
7212.40.13	15
7212.40.14	15
7212.40.19	15
7212.40.91	15
7212.40.99	15
7212.50.14	5
7212.50.19	5
7212.50.23	15
7212.50.24	15
7212.50.29	15
7212.50.93	5
7212.50.94	5
7212.50.99	5
7212.60.11	5
7212.60.12	5
7212.60.19	5
7212.60.91	5
7212.60.99	5
7213.10.10	15
7213.10.90	15
7213.20.00	5
7213.91.10	15
7213.91.20	22.5
7213.91.30	15
7213.91.90	15
7213.99.10	15
7213.99.20	22.5
7213.99.90	15
7214.10.11	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7214.10.19	5
7214.10.21	5
7214.10.29	5
7214.20.31	22.5
7214.20.39	15
7214.20.41	22.5
7214.20.49	15
7214.20.51	22.5
7214.20.59	15
7214.20.61	22.5
7214.20.69	15
7214.30.10	5
7214.30.90	5
7214.91.11	5
7214.91.12	5
7214.91.19	5
7214.91.20	5
7214.99.11	5
7214.99.19	5
7214.99.91	5
7214.99.92	5
7214.99.93	5
7214.99.99	5
7215.10.10	5
7215.10.90	5
7215.50.10	5
7215.50.91	22.5
7215.50.99	5
7215.90.10	22.5
7215.90.91	5
7215.90.99	5
7216.10.00	22.5
7216.21.10	22.5
7216.21.90	22.5
7216.22.00	22.5
7216.31.10	22.5
7216.31.90	22.5
7216.32.10	22.5
7216.32.90	22.5
7216.33.11	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7216.33.19	15
7216.33.90	15
7216.40.10	22.5
7216.40.90	22.5
7216.50.11	22.5
7216.50.19	22.5
7216.50.91	22.5
7216.50.99	22.5
7216.61.00	22.5
7216.69.00	22.5
7216.91.10	22.5
7216.91.90	22.5
7216.99.00	22.5
7217.10.10	22.5
7217.10.22	5
7217.10.29	15
7217.10.32	5
7217.10.33	5
7217.10.39	4.5
7217.20.10	22.5
7217.20.20	7.5
7217.20.91	5
7217.20.99	7.5
7217.30.11	15
7217.30.19	22.5
7217.30.20	7.5
7217.30.33	7.5
7217.30.34	7.5
7217.30.35	7.5
7217.30.39	7.5
7217.90.10	15
7217.90.90	7.5
7218.10.00	5
7218.91.00	5
7218.99.00	5
7219.11.00	5
7219.12.00	5
7219.13.00	5
7219.14.00	5
7219.21.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7219.22.00	5
7219.23.00	5
7219.24.00	5
7219.31.00	5
7219.32.00	5
7219.33.00	15
7219.34.00	15
7219.35.00	15
7219.90.00	5
7220.11.10	5
7220.11.90	5
7220.12.10	5
7220.12.90	5
7220.20.10	15
7220.20.90	15
7220.90.10	5
7220.90.90	5
7221.00.00	5
7222.11.00	5
7222.19.00	5
7222.20.10	15
7222.20.90	15
7222.30.10	15
7222.30.90	15
7222.40.10	5
7222.40.90	5
7223.00.10	15
7223.00.90	15
7224.10.00	5
7224.90.00	5
7225.11.00	5
7225.19.00	5
7225.30.10	5
7225.30.90	5
7225.40.10	5
7225.40.90	5
7225.50.10	5
7225.50.90	5
7225.91.10	5
7225.91.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7225.92.10	5
7225.92.20	5
7225.92.90	5
7225.99.10	5
7225.99.90	5
7226.11.10	5
7226.11.90	5
7226.19.10	5
7226.19.90	5
7226.20.10	5
7226.20.90	5
7226.91.10	5
7226.91.90	5
7226.92.10	5
7226.92.90	5
7226.99.11	5
7226.99.19	5
7226.99.91	5
7226.99.99	5
7227.10.00	5
7227.20.00	5
7227.90.10	5
7227.90.90	5
7228.10.10	5
7228.10.90	5
7228.20.11	5
7228.20.19	5
7228.20.91	5
7228.20.99	5
7228.30.10	5
7228.30.90	5
7228.40.10	5
7228.40.90	5
7228.50.10	5
7228.50.90	5
7228.60.10	5
7228.60.90	5
7228.70.10	5
7228.70.90	5
7228.80.11	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7228.80.19	5
7228.80.90	5
7229.20.00	5
7229.90.21	5
7229.90.29	5
7229.90.30	5
7229.90.91	5
7229.90.99	5
7301.10.00	4.5
7301.20.00	7.5
7302.10.00	4.5
7302.30.00	4.5
7302.40.00	4.5
7302.90.10	4.5
7302.90.90	4.5
7303.00.11	15
7303.00.19	15
7303.00.91	4.5
7303.00.99	4.5
7304.11.00	5
7304.19.00	5
7304.22.10	5
7304.22.90	5
7304.23.10	5
7304.23.90	5
7304.24.10	7.5
7304.24.20	5
7304.24.30	5
7304.29.10	7.5
7304.29.20	5
7304.29.30	5
7304.31.10	7.5
7304.31.20	5
7304.31.40	15
7304.31.90	7.5
7304.39.20	5
7304.39.40	15
7304.39.90	7.5
7304.41.00	5
7304.49.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7304.51.10	5
7304.51.20	5
7304.51.90	5
7304.59.10	5
7304.59.90	5
7304.90.10	5
7304.90.30	15
7304.90.90	7.5
7305.11.00	7.5
7305.12.10	7.5
7305.12.90	7.5
7305.19.10	15
7305.19.90	15
7305.20.00	7.5
7305.31.10	7.5
7305.31.90	7.5
7305.39.10	15
7305.39.90	15
7305.90.00	7.5
7306.11.10	7.5
7306.11.90	7.5
7306.19.10	7.5
7306.19.20	7.5
7306.19.90	7.5
7306.21.00	7.5
7306.29.00	7.5
7306.30.11	15
7306.30.19	15
7306.30.21	15
7306.30.29	15
7306.30.30	15
7306.30.41	7.5
7306.30.49	7.5
7306.30.91	15
7306.30.92	15
7306.30.99	15
7306.40.11	10.5
7306.40.19	10.5
7306.40.20	10.5
7306.40.30	10.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7306.40.90	5
7306.50.11	7.5
7306.50.19	7.5
7306.50.91	7.5
7306.50.99	7.5
7306.61.10	7.5
7306.61.90	7.5
7306.69.10	7.5
7306.69.90	7.5
7306.90.11	15
7306.90.19	15
7306.90.91	15
7306.90.94	15
7306.90.95	15
7306.90.96	15
7306.90.97	15
7306.90.99	15
7307.11.10	7.5
7307.11.90	7.5
7307.19.00	7.5
7307.21.10	7.5
7307.21.90	7.5
7307.22.10	15
7307.22.90	15
7307.23.10	7.5
7307.23.90	7.5
7307.29.10	7.5
7307.29.90	7.5
7307.91.10	7.5
7307.91.90	7.5
7307.92.10	15
7307.92.90	15
7307.93.10	7.5
7307.93.90	7.5
7307.99.10	7.5
7307.99.90	7.5
7308.10.10	5
7308.10.90	4.5
7308.20.11	4.5
7308.20.19	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7308.20.21	7.5
7308.20.29	7.5
7308.30.10	18
7308.30.90	18
7308.40.10	4.5
7308.40.90	4.5
7308.90.20	15
7308.90.40	15
7308.90.50	15
7308.90.60	15
7308.90.92	15
7308.90.99	15
7309.00.11	7.5
7309.00.19	7.5
7309.00.91	7.5
7309.00.99	7.5
7310.10.10	18
7310.10.91	18
7310.10.99	18
7310.21.11	22.5
7310.21.19	22.5
7310.21.91	15
7310.21.99	18
7310.29.11	22.5
7310.29.19	22.5
7310.29.91	15
7310.29.92	15
7310.29.99	15
7311.00.21	7.5
7311.00.22	5
7311.00.23	30
7311.00.24	7.5
7311.00.25	5
7311.00.26	30
7311.00.27	7.5
7311.00.29	5
7311.00.91	25.5
7311.00.92	25.5
7311.00.94	7.5
7311.00.99	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7312.10.10	7.5
7312.10.20	7.5
7312.10.30	7.5
7312.10.91	4.5
7312.10.99	7.5
7312.90.00	7.5
7313.00.00	45
7314.12.00	22.5
7314.14.00	22.5
7314.19.10	22.5
7314.19.90	22.5
7314.20.00	22.5
7314.31.00	30
7314.39.00	30
7314.41.00	45
7314.42.00	45
7314.49.00	45
7314.50.00	30
7315.11.10	52.5
7315.11.91	4.5
7315.11.99	4.5
7315.12.10	4.5
7315.12.90	4.5
7315.19.10	52.5
7315.19.90	4.5
7315.20.00	4.5
7315.81.00	4.5
7315.82.00	4.5
7315.89.10	45
7315.89.90	4.5
7315.90.20	45
7315.90.90	4.5
7316.00.00	4.5
7317.00.10	30
7317.00.20	30
7317.00.30	30
7317.00.90	30
7318.11.00	7.5
7318.12.10	18
7318.12.90	18

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7318.13.00	15
7318.14.10	18
7318.14.90	18
7318.15.10	18
7318.15.90	18
7318.16.10	18
7318.16.90	18
7318.19.10	18
7318.19.90	18
7318.21.00	18
7318.22.00	18
7318.23.10	18
7318.23.90	18
7318.24.00	18
7318.29.10	18
7318.29.90	18
7319.40.10	45
7319.40.20	45
7319.90.10	45
7319.90.90	45
7320.10.11	15
7320.10.12	4.5
7320.10.19	4.5
7320.10.90	4.5
7320.20.11	4.5
7320.20.12	4.5
7320.20.19	4.5
7320.20.90	4.5
7320.90.10	4.5
7320.90.90	4.5
7321.11.00	22.5
7321.12.00	30
7321.19.10	30
7321.19.90	30
7321.81.00	22.5
7321.82.00	37.5
7321.89.00	37.5
7321.90.10	15
7321.90.21	15
7321.90.29	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7321.90.90	15
7322.11.00	40.5
7322.19.00	45
7322.90.00	30
7323.10.00	37.5
7323.91.10	45
7323.91.20	45
7323.91.90	45
7323.92.00	45
7323.93.10	45
7323.93.20	45
7323.93.90	45
7323.94.00	45
7323.99.10	30
7323.99.20	30
7323.99.90	30
7324.10.10	30
7324.10.90	30
7324.21.10	52.5
7324.21.90	52.5
7324.29.10	52.5
7324.29.90	52.5
7324.90.10	30
7324.90.91	30
7324.90.93	30
7324.90.99	30
7325.10.20	30
7325.10.30	22.5
7325.10.90	22.5
7325.91.00	30
7325.99.20	30
7325.99.90	30
7326.11.00	30
7326.19.00	15
7326.20.50	30
7326.20.60	22.5
7326.20.70	22.5
7326.20.90	22.5
7326.90.10	7.5
7326.90.20	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7326.90.30	22.5
7326.90.60	22.5
7326.90.70	22.5
7326.90.91	22.5
7326.90.99	15
7401.00.10	5
7401.00.20	5
7402.00.10	5
7402.00.90	5
7403.11.00	5
7403.12.00	5
7403.13.00	5
7403.19.00	5
7403.21.00	5
7403.22.00	5
7403.29.00	5
7404.00.00	5
7405.00.00	5
7406.10.00	5
7406.20.00	5
7407.10.30	5
7407.10.41	7.5
7407.10.49	7.5
7407.21.00	5
7407.29.00	5
7408.11.20	15
7408.11.30	15
7408.11.90	7.5
7408.19.10	15
7408.19.90	15
7408.21.00	4.5
7408.22.00	5
7408.29.10	5
7408.29.90	5
7409.11.00	4.5
7409.19.00	5
7409.21.00	5
7409.29.00	5
7409.31.00	5
7409.39.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7409.40.00	5
7409.90.00	5
7410.11.10	5
7410.11.90	5
7410.12.00	5
7410.21.00	5
7410.22.00	5
7411.10.00	7.5
7411.21.00	7.5
7411.22.00	7.5
7411.29.00	4.5
7412.10.00	5
7412.20.20	5
7412.20.91	5
7412.20.99	5
7413.00.11	22.5
7413.00.19	22.5
7413.00.91	5
7413.00.99	5
7415.10.10	30
7415.10.20	30
7415.10.90	30
7415.21.00	15
7415.29.00	15
7415.33.10	15
7415.33.20	15
7415.39.00	15
7418.10.10	37.5
7418.10.30	37.5
7418.10.90	37.5
7418.20.00	45
7419.20.10	7.5
7419.20.20	7.5
7419.20.90	7.5
7419.80.10	7.5
7419.80.21	5
7419.80.29	5
7419.80.30	5
7419.80.40	7.5
7419.80.50	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7419.80.60	7.5
7419.80.70	7.5
7419.80.80	7.5
7419.80.90	7.5
7501.10.00	5
7501.20.00	5
7502.10.00	5
7502.20.00	5
7503.00.00	5
7504.00.00	5
7505.11.00	5
7505.12.00	5
7505.21.00	5
7505.22.00	5
7506.10.00	5
7506.20.00	5
7507.11.00	5
7507.12.00	5
7507.20.00	5
7508.10.00	5
7508.90.30	5
7508.90.50	5
7508.90.90	5
7601.10.00	4.5
7601.20.00	4.5
7602.00.00	5
7603.10.00	5
7603.20.10	5
7603.20.20	5
7604.10.10	7.5
7604.10.90	15
7604.21.10	15
7604.21.20	15
7604.21.90	15
7604.29.10	7.5
7604.29.30	15
7604.29.90	15
7605.11.00	15
7605.19.10	15
7605.19.90	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7605.21.00	4.5
7605.29.10	4.5
7605.29.90	4.5
7606.11.10	5
7606.11.90	5
7606.12.20	5
7606.12.32	4.5
7606.12.33	4.5
7606.12.34	4.5
7606.12.35	4.5
7606.12.39	4.5
7606.12.90	4.5
7606.91.00	5
7606.92.00	4.5
7607.11.00	5
7607.19.00	4.5
7607.20.10	4.5
7607.20.91	4.5
7607.20.99	4.5
7608.10.00	4.5
7608.20.00	4.5
7609.00.00	4.5
7610.10.10	22.5
7610.10.90	22.5
7610.90.30	4.5
7610.90.91	22.5
7610.90.99	22.5
7611.00.00	7.5
7612.10.00	30
7612.90.10	22.5
7612.90.90	22.5
7613.00.00	4.5
7614.10.11	30
7614.10.12	22.5
7614.10.19	15
7614.10.90	7.5
7614.90.11	30
7614.90.12	22.5
7614.90.19	15
7614.90.90	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7615.10.10	45
7615.10.90	33
7615.20.20	45
7615.20.90	45
7616.10.10	30
7616.10.20	30
7616.10.90	30
7616.91.00	30
7616.99.20	30
7616.99.30	30
7616.99.40	30
7616.99.51	22.5
7616.99.59	22.5
7616.99.60	30
7616.99.70	22.5
7616.99.80	22.5
7616.99.90	22.5
7801.10.00	5
7801.91.00	5
7801.99.00	5
7802.00.00	5
7804.11.10	5
7804.11.90	5
7804.19.00	5
7804.20.00	5
7806.00.20	5
7806.00.30	5
7806.00.40	5
7806.00.90	5
7901.11.00	5
7901.12.00	5
7901.20.00	5
7902.00.00	5
7903.10.00	5
7903.90.00	5
7904.00.00	5
7905.00.40	5
7905.00.90	5
7907.00.30	15
7907.00.40	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
7907.00.91	15
7907.00.92	15
7907.00.93	15
7907.00.99	15
8001.10.00	4.5
8001.20.00	4.5
8002.00.00	4.5
8003.00.10	15
8003.00.90	4.5
8007.00.20	4.5
8007.00.30	4.5
8007.00.40	7.5
8007.00.91	30
8007.00.92	30
8007.00.93	30
8007.00.99	30
8101.10.00	5
8101.94.00	5
8101.96.00	5
8101.97.00	5
8101.99.10	5
8101.99.90	5
8102.10.00	5
8102.94.00	5
8102.95.00	5
8102.96.00	5
8102.97.00	5
8102.99.00	5
8103.20.00	5
8103.30.00	5
8103.91.00	5
8103.99.00	5
8104.11.00	5
8104.19.00	5
8104.20.00	5
8104.30.00	5
8104.90.00	5
8105.20.10	5
8105.20.90	5
8105.30.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8105.90.00	5
8106.10.10	5
8106.10.90	5
8106.90.10	5
8106.90.90	5
8108.20.00	5
8108.30.00	5
8108.90.00	5
8109.21.00	5
8109.29.00	5
8109.31.00	5
8109.39.00	5
8109.91.00	5
8109.99.00	5
8110.10.00	5
8110.20.00	5
8110.90.00	5
8111.00.10	5
8111.00.90	5
8112.12.00	5
8112.13.00	5
8112.19.00	5
8112.21.00	5
8112.22.00	5
8112.29.00	5
8112.31.00	5
8112.39.00	5
8112.41.00	5
8112.49.00	5
8112.51.00	5
8112.52.00	5
8112.59.00	5
8112.61.00	5
8112.69.10	5
8112.69.90	5
8112.92.00	5
8112.99.00	5
8113.00.00	5
8201.10.00	30
8201.30.10	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8201.30.90	30
8201.40.00	30
8201.50.00	30
8201.60.00	30
8201.90.00	30
8202.10.00	30
8202.20.00	15
8202.31.00	3
8202.39.00	3
8202.40.00	5
8202.91.00	3
8202.99.10	3
8202.99.90	3
8203.10.00	30
8203.20.00	30
8203.30.00	7.5
8203.40.00	15
8204.11.00	30
8204.12.00	30
8204.20.00	30
8205.10.00	7.5
8205.20.00	30
8205.30.00	30
8205.40.00	30
8205.51.00	30
8205.59.00	30
8205.60.00	30
8205.70.00	30
8205.90.00	30
8206.00.00	30
8207.13.00	5
8207.19.00	5
8207.20.00	5
8207.30.00	5
8207.40.00	5
8207.50.00	5
8207.60.00	5
8207.70.00	5
8207.80.00	5
8207.90.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8208.10.00	5
8208.20.00	5
8208.30.00	30
8208.40.00	5
8208.90.00	5
8209.00.00	5
8210.00.00	30
8211.10.00	7.5
8211.91.00	7.5
8211.92.50	7.5
8211.92.92	7.5
8211.92.99	7.5
8211.93.21	7.5
8211.93.29	7.5
8211.93.30	7.5
8211.93.90	7.5
8211.94.10	7.5
8211.94.90	7.5
8211.95.00	7.5
8212.10.00	30
8212.20.10	30
8212.20.90	30
8212.90.00	25.5
8213.00.00	37.5
8214.10.00	37.5
8214.20.00	37.5
8214.90.00	37.5
8215.10.00	37.5
8215.20.00	37.5
8215.91.00	37.5
8215.99.00	37.5
8301.10.00	37.5
8301.20.00	37.5
8301.30.00	37.5
8301.40.10	5
8301.40.20	37.5
8301.40.90	37.5
8301.50.00	37.5
8301.60.00	37.5
8301.70.00	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8302.10.00	30
8302.20.10	30
8302.20.90	22.5
8302.30.10	30
8302.30.90	30
8302.41.31	30
8302.41.39	30
8302.41.90	30
8302.42.20	30
8302.42.90	30
8302.49.10	30
8302.49.91	30
8302.49.99	30
8302.50.00	37.5
8302.60.00	25.5
8303.00.00	37.5
8304.00.10	37.5
8304.00.91	37.5
8304.00.92	37.5
8304.00.99	37.5
8305.10.10	37.5
8305.10.90	37.5
8305.20.10	37.5
8305.20.20	37.5
8305.20.90	22.5
8305.90.10	37.5
8305.90.90	37.5
8306.10.00	37.5
8306.21.00	37.5
8306.29.10	37.5
8306.29.20	37.5
8306.29.30	37.5
8306.29.90	37.5
8306.30.10	37.5
8306.30.91	37.5
8306.30.99	37.5
8307.10.00	15
8307.90.00	15
8308.10.00	40.5
8308.20.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8308.90.10	37.5
8308.90.20	37.5
8308.90.90	37.5
8309.10.00	22.5
8309.90.10	22.5
8309.90.20	22.5
8309.90.60	22.5
8309.90.70	22.5
8309.90.81	22.5
8309.90.89	22.5
8309.90.91	22.5
8309.90.92	22.5
8309.90.99	22.5
8310.00.00	15
8311.10.10	37.5
8311.10.90	37.5
8311.20.21	3
8311.20.29	3
8311.20.90	37.5
8311.30.21	3
8311.30.29	3
8311.30.91	22.5
8311.30.99	22.5
8311.90.00	37.5
8401.10.00	5
8401.20.00	5
8401.30.00	5
8401.40.00	5
8402.11.10	5
8402.11.20	5
8402.12.11	7.5
8402.12.19	7.5
8402.12.21	7.5
8402.12.29	7.5
8402.19.11	4.5
8402.19.19	4.5
8402.19.21	4.5
8402.19.29	4.5
8402.20.10	5
8402.20.20	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8402.90.10	5
8402.90.90	5
8403.10.00	5
8403.90.10	5
8403.90.90	5
8404.10.11	5
8404.10.19	5
8404.10.20	5
8404.20.00	5
8404.90.11	5
8404.90.19	5
8404.90.21	5
8404.90.29	5
8404.90.90	5
8405.10.00	5
8405.90.00	5
8406.10.00	5
8406.81.00	5
8406.82.10	5
8406.82.90	5
8406.90.00	5
8407.10.00	5
8407.21.10	37.5
8407.21.90	10.5
8407.29.20	37.5
8407.29.90	10.5
8407.31.00	75
8407.32.11	45
8407.32.12	67.5
8407.32.19	45
8407.32.22	67.5
8407.32.29	45
8407.33.10	37.5
8407.33.20	48
8407.33.90	30
8407.34.40	37.5
8407.34.50	37.5
8407.34.60	48
8407.34.71	30
8407.34.72	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8407.34.73	15
8407.34.91	37.5
8407.34.92	37.5
8407.34.93	48
8407.34.94	27
8407.34.95	27
8407.34.99	27
8407.90.10	37.5
8407.90.20	37.5
8407.90.90	7.5
8408.10.10	30
8408.10.20	4.5
8408.10.30	5
8408.10.90	5
8408.20.10	37.5
8408.20.21	30
8408.20.22	30
8408.20.23	10.5
8408.20.93	37.5
8408.20.94	37.5
8408.20.95	30
8408.20.96	22.5
8408.90.10	37.5
8408.90.51	7.5
8408.90.52	5
8408.90.59	7.5
8408.90.91	15
8408.90.92	5
8408.90.99	15
8409.10.00	5
8409.91.11	15
8409.91.12	15
8409.91.13	15
8409.91.14	15
8409.91.15	15
8409.91.16	15
8409.91.17	15
8409.91.18	15
8409.91.19	15
8409.91.21	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8409.91.22	15
8409.91.23	15
8409.91.24	15
8409.91.26	15
8409.91.28	15
8409.91.29	15
8409.91.31	40.5
8409.91.32	40.5
8409.91.34	40.5
8409.91.35	40.5
8409.91.37	40.5
8409.91.38	40.5
8409.91.39	40.5
8409.91.41	15
8409.91.42	15
8409.91.43	15
8409.91.44	15
8409.91.45	15
8409.91.46	15
8409.91.47	15
8409.91.48	15
8409.91.49	15
8409.91.51	22.5
8409.91.52	22.5
8409.91.53	22.5
8409.91.54	22.5
8409.91.55	22.5
8409.91.59	22.5
8409.91.61	4.5
8409.91.62	4.5
8409.91.63	4.5
8409.91.64	4.5
8409.91.69	4.5
8409.91.71	15
8409.91.72	15
8409.91.73	15
8409.91.74	15
8409.91.76	15
8409.91.77	15
8409.91.78	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8409.91.79	15
8409.99.11	15
8409.99.12	15
8409.99.13	15
8409.99.14	15
8409.99.15	15
8409.99.16	15
8409.99.17	15
8409.99.18	15
8409.99.19	15
8409.99.21	15
8409.99.22	15
8409.99.23	15
8409.99.24	15
8409.99.25	15
8409.99.26	15
8409.99.27	15
8409.99.29	15
8409.99.31	22.5
8409.99.32	22.5
8409.99.34	22.5
8409.99.36	22.5
8409.99.37	22.5
8409.99.38	22.5
8409.99.39	22.5
8409.99.41	15
8409.99.42	15
8409.99.43	15
8409.99.44	15
8409.99.45	15
8409.99.46	15
8409.99.47	15
8409.99.48	15
8409.99.49	15
8409.99.51	15
8409.99.52	15
8409.99.53	15
8409.99.54	15
8409.99.55	15
8409.99.59	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8409.99.61	4.5
8409.99.62	4.5
8409.99.63	4.5
8409.99.64	4.5
8409.99.65	4.5
8409.99.69	4.5
8409.99.71	15
8409.99.72	15
8409.99.73	15
8409.99.74	15
8409.99.75	15
8409.99.76	15
8409.99.77	15
8409.99.78	15
8409.99.79	15
8410.11.00	5
8410.12.00	5
8410.13.00	5
8410.90.00	5
8411.11.00	5
8411.12.00	5
8411.21.00	5
8411.22.00	5
8411.81.00	5
8411.82.00	5
8411.91.00	5
8411.99.00	5
8412.10.00	5
8412.21.00	5
8412.29.00	5
8412.31.00	5
8412.39.00	5
8412.80.00	5
8412.90.10	5
8412.90.20	5
8412.90.90	5
8413.11.00	4.5
8413.19.10	4.5
8413.19.20	4.5
8413.20.10	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8413.20.20	30
8413.20.90	30
8413.30.30	4.5
8413.30.40	4.5
8413.30.51	4.5
8413.30.52	4.5
8413.30.90	4.5
8413.40.00	5
8413.50.31	15
8413.50.32	15
8413.50.40	15
8413.50.90	5
8413.60.31	15
8413.60.32	15
8413.60.40	15
8413.60.90	5
8413.70.11	30
8413.70.19	30
8413.70.31	15
8413.70.39	15
8413.70.42	15
8413.70.43	15
8413.70.49	15
8413.70.51	15
8413.70.59	15
8413.70.91	5
8413.70.99	5
8413.81.13	15
8413.81.14	15
8413.81.15	15
8413.81.19	5
8413.82.10	5
8413.82.20	5
8413.91.10	7.5
8413.91.20	7.5
8413.91.30	7.5
8413.91.40	7.5
8413.91.90	5
8413.92.00	5
8414.10.00	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8414.20.10	30
8414.20.90	30
8414.30.40	4.5
8414.30.90	4.5
8414.40.00	10.5
8414.51.10	45
8414.51.91	37.5
8414.51.99	37.5
8414.59.10	22.5
8414.59.20	7.5
8414.59.30	22.5
8414.59.41	22.5
8414.59.49	22.5
8414.59.50	15
8414.59.91	15
8414.59.92	4.5
8414.59.99	15
8414.60.11	5
8414.60.19	22.5
8414.60.91	22.5
8414.60.99	22.5
8414.70.11	22.5
8414.70.19	7.5
8414.70.21	22.5
8414.70.29	7.5
8414.80.11	5
8414.80.19	7.5
8414.80.21	7.5
8414.80.29	7.5
8414.80.30	7.5
8414.80.41	7.5
8414.80.42	10.5
8414.80.43	4.5
8414.80.49	7.5
8414.80.50	7.5
8414.80.90	7.5
8414.90.21	7.5
8414.90.22	15
8414.90.29	22.5
8414.90.31	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8414.90.32	5
8414.90.41	5
8414.90.42	5
8414.90.50	15
8414.90.60	5
8414.90.70	5
8414.90.80	5
8414.90.90	5
8415.10.20	45
8415.10.30	45
8415.10.90	30
8415.20.10	37.5
8415.20.90	25.5
8415.81.11	5
8415.81.12	5
8415.81.19	5
8415.81.21	37.5
8415.81.29	25.5
8415.81.31	37.5
8415.81.39	25.5
8415.81.95	25.5
8415.81.96	25.5
8415.81.97	37.5
8415.81.98	37.5
8415.81.99	30
8415.82.11	5
8415.82.19	5
8415.82.21	40.5
8415.82.29	22.5
8415.82.31	40.5
8415.82.39	22.5
8415.82.91	40.5
8415.82.99	22.5
8415.83.11	5
8415.83.19	5
8415.83.21	37.5
8415.83.29	25.5
8415.83.31	37.5
8415.83.39	25.5
8415.83.91	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8415.83.99	25.5
8415.90.13	5
8415.90.14	7.5
8415.90.15	4.5
8415.90.19	4.5
8415.90.24	5
8415.90.25	4.5
8415.90.26	5
8415.90.29	4.5
8415.90.34	5
8415.90.35	4.5
8415.90.36	5
8415.90.39	4.5
8415.90.44	5
8415.90.45	4.5
8415.90.46	5
8415.90.49	4.5
8416.10.00	5
8416.20.00	5
8416.30.00	5
8416.90.00	5
8417.10.00	5
8417.20.00	15
8417.80.10	5
8417.80.90	5
8417.90.00	5
8418.10.31	37.5
8418.10.32	37.5
8418.10.39	4.5
8418.10.40	7.5
8418.10.91	15
8418.10.99	30
8418.21.10	37.5
8418.21.90	37.5
8418.29.00	52.5
8418.30.10	30
8418.30.90	30
8418.40.10	30
8418.40.90	30
8418.50.11	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8418.50.19	15
8418.50.91	7.5
8418.50.99	30
8418.61.00	15
8418.69.10	15
8418.69.30	15
8418.69.41	15
8418.69.49	15
8418.69.50	4.5
8418.69.90	15
8418.91.00	4.5
8418.99.10	5
8418.99.40	5
8418.99.90	5
8419.11.10	15
8419.11.90	15
8419.12.00	7.5
8419.19.10	7.5
8419.19.90	7.5
8419.20.00	5
8419.33.10	5
8419.33.90	5
8419.34.10	5
8419.34.20	5
8419.34.90	5
8419.35.10	5
8419.35.20	5
8419.39.30	5
8419.39.90	5
8419.40.10	5
8419.40.20	5
8419.50.10	4.5
8419.50.20	4.5
8419.50.91	4.5
8419.50.92	4.5
8419.60.00	5
8419.81.10	22.5
8419.81.20	22.5
8419.89.13	5
8419.89.19	5

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8419.89.20	5
8419.90.12	5
8419.90.13	5
8419.90.19	5
8419.90.22	5
8419.90.29	5
8420.10.10	5
8420.10.20	7.5
8420.10.90	5
8420.91.10	5
8420.91.90	5
8420.99.10	5
8420.99.90	5
8421.11.00	15
8421.12.00	27
8421.19.10	7.5
8421.19.90	7.5
8421.21.11	7.5
8421.21.19	7.5
8421.21.22	7.5
8421.21.23	7.5
8421.22.30	15
8421.22.90	15
8421.23.11	5
8421.23.19	5
8421.23.21	22.5
8421.23.29	22.5
8421.23.91	5
8421.23.99	5
8421.29.10	5
8421.29.20	5
8421.29.30	5
8421.29.40	5
8421.29.50	5
8421.29.60	5
8421.29.90	5
8421.31.10	5
8421.31.20	15
8421.31.90	5
8421.32.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8421.39.20	5
8421.39.30	5
8421.39.90	5
8421.91.10	5
8421.91.20	5
8421.91.90	5
8421.99.21	5
8421.99.29	5
8421.99.30	5
8421.99.40	5
8421.99.50	5
8421.99.60	5
8421.99.70	5
8421.99.91	5
8421.99.94	5
8421.99.96	5
8421.99.97	5
8421.99.99	5
8422.11.00	30
8422.19.00	22.5
8422.20.00	7.5
8422.30.00	5
8422.40.00	5
8422.90.10	7.5
8422.90.90	5
8423.10.10	30
8423.10.20	30
8423.20.10	5
8423.20.90	5
8423.30.10	5
8423.30.90	5
8423.81.10	30
8423.81.90	30
8423.82.31	10.5
8423.82.32	10.5
8423.82.39	22.5
8423.82.41	4.5
8423.82.42	4.5
8423.82.49	4.5
8423.89.10	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8423.89.90	4.5
8423.90.10	22.5
8423.90.30	7.5
8423.90.40	7.5
8424.10.10	5
8424.10.90	5
8424.20.11	5
8424.20.19	5
8424.20.21	5
8424.20.29	5
8424.30.00	5
8424.41.10	22.5
8424.41.20	5
8424.41.90	5
8424.49.10	5
8424.49.20	5
8424.82.10	5
8424.82.20	5
8424.82.30	5
8424.89.10	12
8424.89.20	12
8424.89.40	5
8424.89.50	5
8424.89.90	5
8424.90.10	5
8424.90.21	5
8424.90.23	5
8424.90.24	5
8424.90.29	5
8424.90.30	5
8424.90.93	5
8424.90.94	5
8424.90.95	5
8424.90.96	5
8424.90.99	5
8425.11.00	5
8425.19.00	5
8425.31.00	5
8425.39.00	5
8425.41.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8425.42.10	5
8425.42.90	5
8425.49.10	5
8425.49.20	5
8426.11.00	7.5
8426.12.00	5
8426.19.20	5
8426.19.30	5
8426.19.90	5
8426.20.00	5
8426.30.00	7.5
8426.41.00	5
8426.49.00	5
8426.91.00	5
8426.99.00	5
8427.10.00	5
8427.20.00	5
8427.90.00	5
8428.10.31	15
8428.10.39	15
8428.10.40	5
8428.20.10	7.5
8428.20.90	7.5
8428.31.00	7.5
8428.32.10	7.5
8428.32.90	7.5
8428.33.10	7.5
8428.33.90	7.5
8428.39.10	7.5
8428.39.90	7.5
8428.40.00	7.5
8428.60.00	5
8428.70.00	5
8428.90.20	5
8428.90.30	5
8428.90.90	5
8429.11.00	5
8429.19.00	5
8429.20.00	5
8429.30.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8429.40.30	5
8429.40.40	7.5
8429.40.50	5
8429.40.90	5
8429.51.00	5
8429.52.00	5
8429.59.00	5
8430.10.00	5
8430.20.00	5
8430.31.00	5
8430.39.00	5
8430.41.00	5
8430.49.10	5
8430.49.90	5
8430.50.00	5
8430.61.00	5
8430.69.00	5
8431.10.13	5
8431.10.19	5
8431.10.22	5
8431.10.29	5
8431.20.10	5
8431.20.90	5
8431.31.10	5
8431.31.20	5
8431.39.10	5
8431.39.40	5
8431.39.50	5
8431.39.90	5
8431.41.10	7.5
8431.41.90	7.5
8431.42.00	7.5
8431.43.00	5
8431.49.10	5
8431.49.20	5
8431.49.40	5
8431.49.50	5
8431.49.60	5
8431.49.90	5
8432.10.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8432.21.00	30
8432.29.00	30
8432.31.00	7.5
8432.39.00	7.5
8432.41.00	7.5
8432.42.00	7.5
8432.80.10	7.5
8432.80.20	7.5
8432.80.90	7.5
8432.90.10	5
8432.90.20	5
8432.90.90	5
8433.11.00	7.5
8433.19.10	7.5
8433.19.90	7.5
8433.20.00	7.5
8433.30.00	7.5
8433.40.00	7.5
8433.51.00	7.5
8433.52.00	7.5
8433.53.00	7.5
8433.59.20	7.5
8433.59.90	7.5
8433.60.10	5
8433.60.20	5
8433.90.10	5
8433.90.20	5
8433.90.30	5
8433.90.90	5
8434.10.00	5
8434.20.00	5
8434.90.00	5
8435.10.10	5
8435.10.20	5
8435.90.10	5
8435.90.20	5
8436.10.10	30
8436.10.20	30
8436.21.10	4.5
8436.21.20	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8436.29.10	4.5
8436.29.20	4.5
8436.80.11	4.5
8436.80.19	4.5
8436.80.21	4.5
8436.80.29	4.5
8436.91.00	5
8436.99.11	5
8436.99.19	5
8436.99.21	5
8436.99.29	5
8437.10.10	7.5
8437.10.20	7.5
8437.10.30	7.5
8437.10.40	7.5
8437.80.10	30
8437.80.20	30
8437.80.30	30
8437.80.40	30
8437.80.51	30
8437.80.59	30
8437.80.61	30
8437.80.69	30
8437.90.11	5
8437.90.19	5
8437.90.21	5
8437.90.29	5
8438.10.00	4.5
8438.20.10	4.5
8438.20.20	4.5
8438.30.10	4.5
8438.30.20	4.5
8438.40.00	7.5
8438.50.00	5
8438.60.00	5
8438.80.11	7.5
8438.80.12	5
8438.80.21	3
8438.80.22	5
8438.80.91	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8438.80.92	5
8438.90.11	5
8438.90.12	5
8438.90.19	5
8438.90.21	5
8438.90.22	5
8438.90.29	5
8439.10.00	5
8439.20.00	7.5
8439.30.00	5
8439.91.00	5
8439.99.00	5
8440.10.10	5
8440.10.20	5
8440.90.00	5
8441.10.10	5
8441.10.20	5
8441.20.00	5
8441.30.00	5
8441.40.00	5
8441.80.10	5
8441.80.20	5
8441.90.00	5
8442.30.00	5
8442.40.00	5
8442.50.00	5
8443.11.00	5
8443.12.00	5
8443.13.00	3
8443.14.00	3
8443.15.00	3
8443.16.00	3
8443.17.00	3
8443.19.00	5
8443.31.11	5
8443.31.19	5
8443.31.21	5
8443.31.29	5
8443.31.31	5
8443.31.39	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8443.31.91	5
8443.31.99	5
8443.32.11	5
8443.32.19	5
8443.32.21	5
8443.32.29	5
8443.32.31	5
8443.32.39	5
8443.32.40	5
8443.32.50	5
8443.32.60	5
8443.32.90	5
8443.39.10	5
8443.39.20	15
8443.39.30	5
8443.39.40	7.5
8443.39.90	7.5
8443.91.00	5
8443.99.10	5
8443.99.20	5
8443.99.30	5
8443.99.90	5
8444.00.10	5
8444.00.20	5
8445.11.10	5
8445.11.20	5
8445.12.00	5
8445.13.00	5
8445.19.30	7.5
8445.19.40	5
8445.19.50	5
8445.20.10	5
8445.20.20	5
8445.30.10	5
8445.30.20	5
8445.40.10	5
8445.40.20	5
8445.90.10	5
8445.90.20	5
8446.10.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8446.10.20	5
8446.21.00	5
8446.29.00	5
8446.30.00	5
8447.11.00	5
8447.12.00	5
8447.20.10	5
8447.20.20	5
8447.90.10	5
8447.90.20	5
8448.11.10	5
8448.11.20	5
8448.19.10	5
8448.19.20	5
8448.20.00	5
8448.31.00	5
8448.32.00	5
8448.33.00	5
8448.39.00	5
8448.42.00	5
8448.49.11	5
8448.49.12	5
8448.49.90	5
8448.51.00	5
8448.59.00	3
8449.00.00	5
8450.11.10	37.5
8450.11.90	37.5
8450.12.10	37.5
8450.12.90	37.5
8450.19.11	37.5
8450.19.19	37.5
8450.19.91	37.5
8450.19.99	37.5
8450.20.00	37.5
8450.90.10	7.5
8450.90.20	7.5
8451.10.00	5
8451.21.00	22.5
8451.29.00	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8451.30.10	5
8451.30.90	5
8451.40.00	5
8451.50.00	5
8451.80.00	5
8451.90.10	4.5
8451.90.90	5
8452.10.00	37.5
8452.21.00	5
8452.29.00	5
8452.30.00	15
8452.90.11	37.5
8452.90.12	37.5
8452.90.19	37.5
8452.90.91	5
8452.90.92	5
8452.90.99	5
8453.10.10	5
8453.10.20	5
8453.20.10	5
8453.20.20	5
8453.80.10	5
8453.80.20	5
8453.90.00	5
8454.10.00	5
8454.20.00	7.5
8454.30.00	5
8454.90.00	5
8455.10.00	3
8455.21.00	3
8455.22.00	3
8455.30.00	5
8455.90.00	5
8456.11.10	5
8456.11.90	5
8456.12.10	5
8456.12.90	5
8456.20.00	5
8456.30.00	5
8456.40.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8456.40.20	5
8456.40.90	5
8456.50.00	5
8456.90.20	5
8456.90.90	5
8457.10.10	5
8457.10.90	5
8457.20.00	5
8457.30.00	5
8458.11.10	5
8458.11.90	5
8458.19.10	22.5
8458.19.90	3
8458.91.00	5
8458.99.10	22.5
8458.99.90	3
8459.10.00	5
8459.21.00	5
8459.29.10	3
8459.29.20	3
8459.31.00	5
8459.39.10	5
8459.39.20	5
8459.41.00	5
8459.49.10	5
8459.49.20	5
8459.51.00	5
8459.59.10	5
8459.59.20	5
8459.61.00	5
8459.69.10	5
8459.69.20	5
8459.70.10	5
8459.70.20	5
8460.12.00	5
8460.19.00	5
8460.22.00	5
8460.23.00	5
8460.24.00	5
8460.29.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8460.29.20	5
8460.31.10	5
8460.31.90	5
8460.39.10	5
8460.39.20	5
8460.40.00	5
8460.90.10	3
8460.90.20	3
8461.20.00	7.5
8461.30.00	5
8461.40.00	5
8461.50.00	7.5
8461.90.20	7.5
8461.90.90	5
8462.11.00	3
8462.19.00	3
8462.22.10	5
8462.22.90	5
8462.23.00	5
8462.24.00	5
8462.25.00	5
8462.26.00	5
8462.29.00	5
8462.32.10	5
8462.32.90	5
8462.33.00	5
8462.39.00	5
8462.42.00	5
8462.49.00	5
8462.51.00	5
8462.59.00	5
8462.61.11	3
8462.61.19	5
8462.61.91	3
8462.61.99	5
8462.62.11	3
8462.62.19	5
8462.62.91	3
8462.62.99	5
8462.63.10	3

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8462.63.90	5
8462.69.10	3
8462.69.90	5
8462.90.10	3
8462.90.90	5
8463.10.10	5
8463.10.20	5
8463.20.10	5
8463.20.20	5
8463.30.10	5
8463.30.20	5
8463.90.10	5
8463.90.20	5
8464.10.10	5
8464.10.20	5
8464.20.10	5
8464.20.20	5
8464.90.10	5
8464.90.20	5
8465.10.00	5
8465.20.00	4.5
8465.91.10	4.5
8465.91.90	4.5
8465.92.10	4.5
8465.92.90	4.5
8465.93.10	4.5
8465.93.20	4.5
8465.94.00	4.5
8465.95.10	4.5
8465.95.90	4.5
8465.96.00	4.5
8465.99.10	4.5
8465.99.50	4.5
8465.99.60	4.5
8465.99.90	4.5
8466.10.10	5
8466.10.90	5
8466.20.10	5
8466.20.90	5
8466.30.00	5



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8466.91.00	5
8466.92.00	5
8466.93.30	5
8466.93.40	5
8466.93.90	5
8466.94.00	5
8467.11.00	5
8467.19.00	5
8467.21.00	15
8467.22.00	15
8467.29.00	15
8467.81.00	5
8467.89.00	5
8467.91.10	5
8467.91.90	5
8467.92.00	5
8467.99.10	7.5
8467.99.90	5
8468.10.00	5
8468.20.10	5
8468.20.90	5
8468.80.00	5
8468.90.20	5
8468.90.90	5
8470.10.00	5
8470.21.00	5
8470.29.00	5
8470.30.00	5
8470.50.00	5
8470.90.10	5
8470.90.90	5
8471.30.20	5
8471.30.90	5
8471.41.10	5
8471.41.90	5
8471.49.10	5
8471.49.90	5
8471.50.10	5
8471.50.90	5
8471.60.30	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8471.60.40	5
8471.60.90	5
8471.70.20	5
8471.70.30	5
8471.70.40	5
8471.70.90	5
8471.80.10	5
8471.80.70	5
8471.80.90	5
8471.90.10	5
8471.90.30	4.5
8471.90.40	5
8471.90.90	5
8472.10.00	4.5
8472.30.00	4.5
8472.90.10	5
8472.90.41	5
8472.90.49	5
8472.90.50	5
8472.90.60	4.5
8472.90.90	4.5
8473.21.00	5
8473.29.00	5
8473.30.10	5
8473.30.90	5
8473.40.00	5
8473.50.10	5
8473.50.90	5
8474.10.10	3
8474.10.20	3
8474.20.11	3
8474.20.19	3
8474.20.21	3
8474.20.29	3
8474.31.10	3
8474.31.20	3
8474.32.11	7.5
8474.32.19	3
8474.32.21	7.5
8474.32.29	5

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8474.39.10	3
8474.39.20	3
8474.80.10	3
8474.80.20	3
8474.90.00	5
8475.10.00	5
8475.21.00	5
8475.29.00	5
8475.90.30	5
8475.90.90	5
8476.21.00	5
8476.29.00	5
8476.81.00	5
8476.89.10	5
8476.89.90	5
8476.90.10	5
8476.90.90	5
8477.10.10	5
8477.10.31	5
8477.10.39	5
8477.20.10	5
8477.20.20	5
8477.30.00	5
8477.40.10	5
8477.40.20	5
8477.51.00	5
8477.59.10	5
8477.59.20	5
8477.80.10	5
8477.80.20	5
8477.80.31	5
8477.80.39	5
8477.80.40	5
8477.90.10	5
8477.90.20	5
8477.90.32	5
8477.90.39	5
8477.90.40	5
8478.10.10	5
8478.10.20	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8478.90.00	5
8479.10.10	5
8479.10.20	5
8479.20.10	3
8479.20.20	5
8479.30.00	3
8479.40.10	5
8479.40.20	5
8479.50.00	5
8479.60.00	5
8479.71.00	5
8479.79.00	5
8479.81.10	5
8479.81.20	5
8479.82.10	5
8479.82.20	5
8479.83.00	5
8479.89.10	5
8479.89.50	5
8479.89.61	5
8479.89.69	5
8479.89.70	5
8479.90.10	5
8479.90.50	5
8479.90.90	5
8480.10.00	3
8480.20.00	5
8480.30.10	5
8480.30.90	5
8480.41.00	5
8480.49.00	3
8480.50.00	5
8480.60.00	7.5
8480.71.10	4.5
8480.71.90	5
8480.79.10	4.5
8480.79.90	5
8481.10.11	7.5
8481.10.19	4.5
8481.10.21	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8481.10.22	4.5
8481.10.91	4.5
8481.10.99	4.5
8481.20.11	7.5
8481.20.19	7.5
8481.20.20	5
8481.20.90	5
8481.30.10	5
8481.30.20	3
8481.30.40	5
8481.30.90	5
8481.40.10	7.5
8481.40.30	7.5
8481.40.90	7.5
8481.80.11	7.5
8481.80.12	7.5
8481.80.13	7.5
8481.80.14	7.5
8481.80.21	7.5
8481.80.22	7.5
8481.80.30	7.5
8481.80.41	7.5
8481.80.49	7.5
8481.80.51	30
8481.80.59	30
8481.80.61	22.5
8481.80.62	22.5
8481.80.63	22.5
8481.80.64	22.5
8481.80.65	22.5
8481.80.66	15
8481.80.67	15
8481.80.71	15
8481.80.72	15
8481.80.73	7.5
8481.80.74	7.5
8481.80.77	15
8481.80.78	7.5
8481.80.79	7.5
8481.80.81	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8481.80.82	4.5
8481.80.83	15
8481.80.84	7.5
8481.80.93	15
8481.80.94	15
8481.80.95	7.5
8481.80.96	7.5
8481.80.97	15
8481.80.98	15
8481.80.99	15
8481.90.10	5
8481.90.21	15
8481.90.22	5
8481.90.23	4.5
8481.90.29	4.5
8481.90.31	4.5
8481.90.39	4.5
8481.90.41	4.5
8481.90.49	4.5
8481.90.90	5
8482.10.00	4.5
8482.20.00	4.5
8482.30.00	4.5
8482.40.00	4.5
8482.50.00	4.5
8482.80.00	4.5
8482.91.00	5
8482.99.00	5
8483.10.10	30
8483.10.24	30
8483.10.25	30
8483.10.26	30
8483.10.27	4.5
8483.10.31	15
8483.10.39	5
8483.10.90	30
8483.20.20	5
8483.20.30	15
8483.20.90	5
8483.30.30	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8483.30.90	5
8483.40.20	15
8483.40.30	22.5
8483.40.40	15
8483.40.90	15
8483.50.00	15
8483.60.00	5
8483.90.11	15
8483.90.13	15
8483.90.14	15
8483.90.15	7.5
8483.90.19	15
8483.90.91	15
8483.90.93	15
8483.90.94	15
8483.90.95	7.5
8483.90.99	15
8484.10.00	4.5
8484.20.00	4.5
8484.90.00	4.5
8485.10.00	5
8485.20.00	5
8485.30.10	5
8485.30.90	5
8485.80.00	KBTC
8485.90.10	5
8485.90.90	5
8486.10.10	5
8486.10.20	5
8486.10.30	5
8486.10.40	5
8486.10.50	5
8486.10.60	5
8486.10.90	5
8486.20.11	5
8486.20.12	5
8486.20.13	5
8486.20.19	5
8486.20.21	5
8486.20.29	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8486.20.31	5
8486.20.32	5
8486.20.33	5
8486.20.39	5
8486.20.41	5
8486.20.42	5
8486.20.49	5
8486.20.51	5
8486.20.59	5
8486.20.91	5
8486.20.92	5
8486.20.93	5
8486.20.94	5
8486.20.95	5
8486.20.99	5
8486.30.10	5
8486.30.20	5
8486.30.30	5
8486.30.90	5
8486.40.10	5
8486.40.20	5
8486.40.30	5
8486.40.40	5
8486.40.50	5
8486.40.60	5
8486.40.70	5
8486.40.90	5
8486.90.11	5
8486.90.12	5
8486.90.13	5
8486.90.14	5
8486.90.15	5
8486.90.16	5
8486.90.17	5
8486.90.19	5
8486.90.21	5
8486.90.22	5
8486.90.23	5
8486.90.24	5
8486.90.25	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8486.90.26	5
8486.90.27	5
8486.90.28	5
8486.90.29	5
8486.90.31	5
8486.90.32	5
8486.90.33	5
8486.90.34	5
8486.90.35	5
8486.90.36	5
8486.90.39	5
8486.90.41	5
8486.90.42	5
8486.90.43	5
8486.90.44	5
8486.90.45	5
8486.90.46	5
8486.90.49	5
8487.10.00	5
8487.90.00	5
8501.10.21	4.5
8501.10.22	37.5
8501.10.29	37.5
8501.10.30	15
8501.10.41	4.5
8501.10.49	37.5
8501.10.51	4.5
8501.10.59	37.5
8501.10.60	15
8501.10.91	4.5
8501.10.99	37.5
8501.20.12	4.5
8501.20.19	22.5
8501.20.21	4.5
8501.20.29	22.5
8501.31.30	4.5
8501.31.60	30
8501.31.70	30
8501.31.80	30
8501.32.21	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8501.32.24	15
8501.32.25	15
8501.32.26	15
8501.32.31	4.5
8501.32.32	7.5
8501.32.33	7.5
8501.33.10	5
8501.33.90	5
8501.34.00	5
8501.40.11	4.5
8501.40.19	30
8501.40.21	4.5
8501.40.29	30
8501.51.11	4.5
8501.51.19	22.5
8501.52.11	4.5
8501.52.12	15
8501.52.19	15
8501.52.21	4.5
8501.52.22	15
8501.52.29	15
8501.52.31	5
8501.52.32	5
8501.52.39	5
8501.53.10	5
8501.53.90	5
8501.61.10	30
8501.61.20	30
8501.62.10	10.5
8501.62.20	10.5
8501.63.00	5
8501.64.00	5
8501.71.00	30
8501.72.10	30
8501.72.20	15
8501.72.30	7.5
8501.72.40	5
8501.80.10	30
8501.80.20	10.5
8501.80.30	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8501.80.40	5
8502.11.00	22.5
8502.12.10	15
8502.12.20	15
8502.13.20	7.5
8502.13.90	7.5
8502.20.10	30
8502.20.20	15
8502.20.30	15
8502.20.42	15
8502.20.49	15
8502.31.10	5
8502.31.20	5
8502.39.10	5
8502.39.20	5
8502.39.32	5
8502.39.39	5
8502.40.00	5
8503.00.20	7.5
8503.00.90	7.5
8504.10.00	22.5
8504.21.11	7.5
8504.21.19	7.5
8504.21.92	7.5
8504.21.93	7.5
8504.21.99	7.5
8504.22.11	37.5
8504.22.19	37.5
8504.22.92	7.5
8504.22.93	37.5
8504.22.99	22.5
8504.23.10	7.5
8504.23.21	7.5
8504.23.22	7.5
8504.23.29	7.5
8504.31.11	7.5
8504.31.12	22.5
8504.31.13	30
8504.31.19	30
8504.31.21	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8504.31.22	7.5
8504.31.23	22.5
8504.31.24	30
8504.31.29	30
8504.31.30	4.5
8504.31.40	7.5
8504.31.91	30
8504.31.92	30
8504.31.93	22.5
8504.31.99	22.5
8504.32.11	15
8504.32.19	15
8504.32.20	30
8504.32.30	5
8504.32.41	15
8504.32.49	5
8504.32.51	15
8504.32.59	15
8504.33.11	30
8504.33.19	15
8504.33.91	15
8504.33.99	15
8504.34.11	15
8504.34.12	4.5
8504.34.13	15
8504.34.14	15
8504.34.15	4.5
8504.34.19	15
8504.34.22	15
8504.34.23	4.5
8504.34.24	15
8504.34.25	15
8504.34.26	4.5
8504.34.29	15
8504.40.11	5
8504.40.19	5
8504.40.20	5
8504.40.30	5
8504.40.40	5
8504.40.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8504.50.10	5
8504.50.20	5
8504.50.93	5
8504.50.94	5
8504.50.95	5
8504.90.10	7.5
8504.90.20	5
8504.90.31	7.5
8504.90.39	5
8504.90.41	7.5
8504.90.49	5
8504.90.90	5
8505.11.00	5
8505.19.00	5
8505.20.00	5
8505.90.10	5
8505.90.20	5
8505.90.90	5
8506.10.11	22.5
8506.10.12	37.5
8506.10.19	37.5
8506.10.91	7.5
8506.10.99	7.5
8506.30.00	30
8506.40.00	30
8506.50.00	30
8506.60.10	30
8506.60.90	7.5
8506.80.30	37.5
8506.80.90	7.5
8506.90.00	7.5
8507.10.10	5
8507.10.92	37.5
8507.10.95	37.5
8507.10.96	37.5
8507.10.97	30
8507.10.98	30
8507.10.99	30
8507.20.10	5
8507.20.94	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8507.20.95	37.5
8507.20.96	37.5
8507.20.97	30
8507.20.98	30
8507.20.99	30
8507.30.10	5
8507.30.90	30
8507.50.10	5
8507.50.20	5
8507.50.90	5
8507.60.31	5
8507.60.32	5
8507.60.33	5
8507.60.39	5
8507.60.90	5
8507.80.11	5
8507.80.19	5
8507.80.20	5
8507.80.91	30
8507.80.99	5
8507.90.11	7.5
8507.90.12	5
8507.90.19	7.5
8507.90.91	5
8507.90.92	7.5
8507.90.93	7.5
8507.90.99	7.5
8508.11.00	37.5
8508.19.10	37.5
8508.19.90	5
8508.60.00	5
8508.70.10	5
8508.70.90	5
8509.40.00	37.5
8509.80.10	37.5
8509.80.20	37.5
8509.80.90	37.5
8509.90.10	4.5
8509.90.90	10.5
8510.10.00	30



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8510.20.00	30
8510.30.00	30
8510.90.00	30
8511.10.10	5
8511.10.20	15
8511.10.90	30
8511.20.10	5
8511.20.21	15
8511.20.29	15
8511.20.91	30
8511.20.99	30
8511.30.30	5
8511.30.41	15
8511.30.49	15
8511.30.91	30
8511.30.99	30
8511.40.10	5
8511.40.21	15
8511.40.29	30
8511.40.31	30
8511.40.32	15
8511.40.33	15
8511.40.91	15
8511.40.99	30
8511.50.10	5
8511.50.21	15
8511.50.29	30
8511.50.31	30
8511.50.32	15
8511.50.33	15
8511.50.91	15
8511.50.99	30
8511.80.10	5
8511.80.20	15
8511.80.90	30
8511.90.10	5
8511.90.20	5
8511.90.90	7.5
8512.10.00	37.5
8512.20.20	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8512.20.91	37.5
8512.20.99	37.5
8512.30.10	37.5
8512.30.20	37.5
8512.30.91	30
8512.30.99	30
8512.40.00	37.5
8512.90.10	30
8512.90.20	22.5
8513.10.30	5
8513.10.90	30
8513.90.10	5
8513.90.30	30
8513.90.90	30
8514.11.00	5
8514.19.00	5
8514.20.20	5
8514.20.90	5
8514.31.10	5
8514.31.90	5
8514.32.10	5
8514.32.90	5
8514.39.10	5
8514.39.90	5
8514.40.00	5
8514.90.20	5
8514.90.90	5
8515.11.00	5
8515.19.11	5
8515.19.19	5
8515.19.90	5
8515.21.00	5
8515.29.00	5
8515.31.00	5
8515.39.10	5
8515.39.90	5
8515.80.10	5
8515.80.90	5
8515.90.10	5
8515.90.21	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8515.90.29	5
8515.90.90	5
8516.10.11	30
8516.10.19	30
8516.10.30	30
8516.21.00	37.5
8516.29.00	37.5
8516.31.00	37.5
8516.32.00	37.5
8516.33.00	37.5
8516.40.10	30
8516.40.90	37.5
8516.50.00	37.5
8516.60.10	30
8516.60.90	30
8516.71.00	37.5
8516.72.00	37.5
8516.79.10	37.5
8516.79.90	30
8516.80.10	15
8516.80.30	30
8516.80.90	15
8516.90.21	4.5
8516.90.29	4.5
8516.90.30	4.5
8516.90.40	4.5
8516.90.90	4.5
8517.11.00	5
8517.13.00	5
8517.14.00	5
8517.18.00	5
8517.61.00	5
8517.62.10	5
8517.62.30	5
8517.62.41	5
8517.62.42	5
8517.62.43	5
8517.62.49	5
8517.62.51	5
8517.62.52	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8517.62.53	5
8517.62.59	5
8517.62.61	5
8517.62.69	5
8517.62.91	5
8517.62.92	15
8517.62.99	5
8517.69.00	5
8517.71.00	5
8517.79.10	5
8517.79.21	5
8517.79.29	5
8517.79.31	5
8517.79.32	4.5
8517.79.39	5
8517.79.91	5
8517.79.92	7.5
8517.79.99	5
8518.10.11	5
8518.10.19	22.5
8518.10.90	22.5
8518.21.10	22.5
8518.21.90	22.5
8518.22.10	22.5
8518.22.90	22.5
8518.29.20	5
8518.29.90	22.5
8518.30.10	22.5
8518.30.20	22.5
8518.30.40	5
8518.30.51	22.5
8518.30.59	22.5
8518.30.90	22.5
8518.40.20	5
8518.40.30	10.5
8518.40.40	15
8518.40.90	30
8518.50.10	15
8518.50.20	15
8518.50.90	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8518.90.10	5
8518.90.20	5
8518.90.30	15
8518.90.40	15
8518.90.90	5
8519.20.10	37.5
8519.20.90	37.5
8519.30.00	37.5
8519.81.10	37.5
8519.81.20	37.5
8519.81.30	45
8519.81.41	15
8519.81.49	37.5
8519.81.50	15
8519.81.61	15
8519.81.62	5
8519.81.69	37.5
8519.81.71	15
8519.81.79	37.5
8519.81.91	15
8519.81.99	30
8519.89.10	15
8519.89.20	37.5
8519.89.30	15
8519.89.40	30
8519.89.90	30
8521.10.10	15
8521.10.90	45
8521.90.11	15
8521.90.19	52.5
8521.90.91	15
8521.90.99	52.5
8522.10.00	5
8522.90.20	5
8522.90.30	5
8522.90.40	5
8522.90.50	5
8522.90.91	7.5
8522.90.92	15
8522.90.93	4.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8522.90.99	4.5
8523.21.10	5
8523.21.90	30
8523.29.11	5
8523.29.19	5
8523.29.21	15
8523.29.29	15
8523.29.31	5
8523.29.33	5
8523.29.39	5
8523.29.41	5
8523.29.42	15
8523.29.43	7.5
8523.29.49	7.5
8523.29.51	5
8523.29.52	5
8523.29.59	5
8523.29.61	5
8523.29.62	15
8523.29.63	37.5
8523.29.69	15
8523.29.71	5
8523.29.79	5
8523.29.81	5
8523.29.82	5
8523.29.83	5
8523.29.85	15
8523.29.86	15
8523.29.89	15
8523.29.91	5
8523.29.92	5
8523.29.93	5
8523.29.94	5
8523.29.95	5
8523.29.99	5
8523.41.10	5
8523.41.90	5
8523.49.11	5
8523.49.12	22.5
8523.49.13	22.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8523.49.14	5
8523.49.15	22.5
8523.49.16	7.5
8523.49.19	22.5
8523.49.91	5
8523.49.92	22.5
8523.49.93	5
8523.49.99	15
8523.51.11	5
8523.51.19	5
8523.51.21	5
8523.51.29	5
8523.51.30	5
8523.51.91	15
8523.51.92	15
8523.51.99	15
8523.52.00	5
8523.59.10	5
8523.59.21	5
8523.59.29	5
8523.59.30	5
8523.59.40	5
8523.59.90	15
8523.80.40	37.5
8523.80.51	5
8523.80.59	5
8523.80.91	5
8523.80.92	5
8523.80.99	15
8524.11.00	5
8524.12.00	5
8524.19.00	5
8524.91.00	5
8524.92.00	5
8524.99.00	5
8525.50.00	5
8525.60.00	5
8525.81.10	5
8525.81.20	15
8525.81.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8525.82.10	5
8525.82.20	15
8525.82.90	5
8525.83.10	5
8525.83.20	15
8525.83.90	5
8525.89.10	5
8525.89.20	15
8525.89.30	22.5
8525.89.90	5
8526.10.10	5
8526.10.90	5
8526.91.10	5
8526.91.90	5
8526.92.00	5
8527.12.00	45
8527.13.10	45
8527.13.90	45
8527.19.20	45
8527.19.90	45
8527.21.10	37.5
8527.21.90	37.5
8527.29.00	37.5
8527.91.10	45
8527.91.90	45
8527.92.20	45
8527.92.90	45
8527.99.20	45
8527.99.90	45
8528.42.00	5
8528.49.10	18
8528.49.20	15
8528.52.00	5
8528.59.10	18
8528.59.20	15
8528.62.00	5
8528.69.10	15
8528.69.90	5
8528.71.11	5
8528.71.19	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8528.71.91	37.5
8528.71.99	37.5
8528.72.10	52.5
8528.72.91	52.5
8528.72.92	52.5
8528.72.99	52.5
8528.73.00	37.5
8529.10.21	15
8529.10.29	15
8529.10.30	22.5
8529.10.40	5
8529.10.60	15
8529.10.93	15
8529.10.94	15
8529.10.99	5
8529.90.20	5
8529.90.40	5
8529.90.51	5
8529.90.52	4.5
8529.90.53	5
8529.90.54	7.5
8529.90.55	5
8529.90.59	5
8529.90.91	4.5
8529.90.94	5
8529.90.99	5
8530.10.00	5
8530.80.00	5
8530.90.00	5
8531.10.10	5
8531.10.20	5
8531.10.30	5
8531.10.90	5
8531.20.00	5
8531.80.11	30
8531.80.19	30
8531.80.21	5
8531.80.29	5
8531.80.90	7.5
8531.90.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8531.90.20	15
8531.90.30	15
8531.90.90	5
8532.10.00	5
8532.21.00	5
8532.22.00	5
8532.23.00	5
8532.24.00	5
8532.25.00	5
8532.29.00	5
8532.30.00	5
8532.90.00	5
8533.10.10	5
8533.10.90	5
8533.21.00	5
8533.29.00	5
8533.31.00	5
8533.39.00	5
8533.40.00	5
8533.90.00	5
8534.00.10	5
8534.00.20	5
8534.00.30	5
8534.00.90	5
8535.10.00	5
8535.21.10	7.5
8535.21.20	7.5
8535.21.90	7.5
8535.29.10	7.5
8535.29.90	7.5
8535.30.11	7.5
8535.30.19	7.5
8535.30.20	7.5
8535.30.90	7.5
8535.40.00	5
8535.90.10	5
8535.90.20	5
8535.90.90	5
8536.10.11	37.5
8536.10.12	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8536.10.13	37.5
8536.10.19	37.5
8536.10.91	37.5
8536.10.92	37.5
8536.10.93	37.5
8536.10.99	22.5
8536.20.11	22.5
8536.20.12	22.5
8536.20.13	22.5
8536.20.19	5
8536.20.20	30
8536.20.91	22.5
8536.20.99	22.5
8536.30.10	4.5
8536.30.20	37.5
8536.30.90	22.5
8536.41.10	4.5
8536.41.20	15
8536.41.30	15
8536.41.40	15
8536.41.91	15
8536.41.99	15
8536.49.10	4.5
8536.49.90	5
8536.50.20	15
8536.50.32	5
8536.50.33	22.5
8536.50.39	22.5
8536.50.40	22.5
8536.50.51	5
8536.50.59	5
8536.50.61	22.5
8536.50.69	22.5
8536.50.95	22.5
8536.50.96	15
8536.50.99	15
8536.61.11	7.5
8536.61.19	7.5
8536.61.91	37.5
8536.61.99	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8536.69.10	37.5
8536.69.23	22.5
8536.69.24	22.5
8536.69.29	22.5
8536.69.32	5
8536.69.39	5
8536.69.92	37.5
8536.69.99	37.5
8536.70.10	5
8536.70.20	7.5
8536.70.90	7.5
8536.90.12	5
8536.90.19	5
8536.90.22	30
8536.90.29	30
8536.90.32	30
8536.90.39	30
8536.90.40	37.5
8536.90.93	37.5
8536.90.94	37.5
8536.90.99	37.5
8537.10.11	5
8537.10.12	7.5
8537.10.13	5
8537.10.19	22.5
8537.10.20	15
8537.10.30	15
8537.10.40	22.5
8537.10.91	22.5
8537.10.92	5
8537.10.99	22.5
8537.20.11	7.5
8537.20.19	7.5
8537.20.21	7.5
8537.20.29	7.5
8537.20.90	7.5
8538.10.11	22.5
8538.10.12	22.5
8538.10.19	22.5
8538.10.21	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8538.10.22	7.5
8538.10.29	7.5
8538.90.11	18
8538.90.12	18
8538.90.13	18
8538.90.19	18
8538.90.20	4.5
8539.10.10	30
8539.10.90	5
8539.21.20	5
8539.21.30	30
8539.21.40	15
8539.21.90	5
8539.22.20	5
8539.22.31	15
8539.22.32	15
8539.22.33	15
8539.22.39	15
8539.22.91	22.5
8539.22.93	22.5
8539.22.99	22.5
8539.29.10	5
8539.29.20	37.5
8539.29.30	15
8539.29.41	5
8539.29.49	15
8539.29.50	37.5
8539.29.60	15
8539.29.90	10.5
8539.31.10	37.5
8539.31.20	37.5
8539.31.30	37.5
8539.31.90	37.5
8539.32.00	5
8539.39.10	15
8539.39.20	15
8539.39.40	15
8539.39.90	12
8539.41.00	5
8539.49.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8539.51.00	KBTC
8539.52.10	5
8539.52.90	5
8539.90.10	7.5
8539.90.20	22.5
8539.90.30	KBTC
8539.90.90	4.5
8540.11.00	7.5
8540.12.00	15
8540.20.00	15
8540.40.10	5
8540.40.90	5
8540.60.00	5
8540.71.00	5
8540.79.00	5
8540.81.00	5
8540.89.00	5
8540.91.00	5
8540.99.00	5
8541.10.00	5
8541.21.00	5
8541.29.00	5
8541.30.00	5
8541.41.00	5
8541.42.00	5
8541.43.00	5
8541.49.00	5
8541.51.00	5
8541.59.00	5
8541.60.00	5
8541.90.00	5
8542.31.00	5
8542.32.00	5
8542.33.00	5
8542.39.00	5
8542.90.00	5
8543.10.00	5
8543.20.00	5
8543.30.20	5
8543.30.91	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8543.30.99	5
8543.40.00	5
8543.70.10	5
8543.70.21	5
8543.70.29	5
8543.70.30	5
8543.70.40	5
8543.70.50	5
8543.70.60	5
8543.70.90	5
8543.90.10	5
8543.90.20	5
8543.90.30	5
8543.90.40	5
8543.90.90	5
8544.11.20	22.5
8544.11.30	22.5
8544.11.40	22.5
8544.11.90	15
8544.19.00	7.5
8544.20.11	15
8544.20.19	15
8544.20.21	15
8544.20.29	15
8544.20.31	5
8544.20.39	3
8544.20.41	5
8544.20.49	3
8544.30.12	30
8544.30.13	30
8544.30.14	30
8544.30.19	30
8544.30.91	7.5
8544.30.99	7.5
8544.42.11	5
8544.42.13	5
8544.42.19	5
8544.42.21	5
8544.42.23	5
8544.42.29	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8544.42.32	22.5
8544.42.33	22.5
8544.42.34	22.5
8544.42.39	22.5
8544.42.91	15
8544.42.92	15
8544.42.94	25.5
8544.42.95	25.5
8544.42.96	25.5
8544.42.97	15
8544.42.99	15
8544.49.11	5
8544.49.13	5
8544.49.19	5
8544.49.21	15
8544.49.22	25.5
8544.49.23	22.5
8544.49.24	15
8544.49.29	15
8544.49.31	5
8544.49.32	15
8544.49.33	15
8544.49.39	15
8544.49.41	15
8544.49.42	15
8544.49.49	15
8544.60.11	30
8544.60.12	7.5
8544.60.19	7.5
8544.60.21	7.5
8544.60.22	7.5
8544.60.29	7.5
8544.60.31	7.5
8544.60.39	7.5
8544.70.10	5
8544.70.90	5
8545.11.00	5
8545.19.00	7.5
8545.20.00	7.5
8545.90.00	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8546.10.00	5
8546.20.10	15
8546.20.90	15
8546.90.00	5
8547.10.00	5
8547.20.00	5
8547.90.10	5
8547.90.90	5
8548.00.00	5
8549.11.11	30
8549.11.12	30
8549.11.19	30
8549.11.20	30
8549.11.30	30
8549.11.91	30
8549.11.92	30
8549.11.99	30
8549.12.10	30
8549.12.20	30
8549.12.90	30
8549.13.10	30
8549.13.20	30
8549.13.90	30
8549.14.10	30
8549.14.20	30
8549.14.90	30
8549.19.10	30
8549.19.20	30
8549.19.90	30
8549.21.00	5
8549.29.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các ND, QĐ hiện hành
8549.31.00	5
8549.39.00	5
8549.91.10	5
8549.91.90	5
8549.99.00	5
8601.10.00	5
8601.20.00	5
8602.10.00	5
8602.90.00	5
8603.10.00	5
8603.90.00	5
8604.00.00	5
8605.00.00	5
8606.10.00	5
8606.30.00	5
8606.91.00	5
8606.92.00	5
8606.99.00	3
8607.11.00	5
8607.12.00	5
8607.19.00	5
8607.21.00	5
8607.29.00	5
8607.30.00	5
8607.91.00	5
8607.99.00	5
8608.00.20	5
8608.00.90	5
8609.00.10	5
8609.00.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8701.10.11	45
8701.10.19	45
8701.10.91	15
8701.10.99	15
8701.21.10	5
8701.21.90	7.5
8701.22.10	5
8701.22.90	7.5
8701.23.10	5
8701.23.90	7.5
8701.24.10	5
8701.24.90	7.5
8701.29.10	5
8701.29.90	7.5
8701.30.00	5
8701.91.10	7.5
8701.91.90	7.5
8701.92.10	7.5
8701.92.90	7.5
8701.93.10	7.5
8701.93.90	7.5
8701.94.10	7.5
8701.94.90	7.5
8701.95.10	7.5
8701.95.90	7.5
8702.10.10	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.10.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.10.42	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8702.10.49	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.10.50	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.10.60	105
8702.10.71	7.5
8702.10.72	7.5
8702.10.79	7.5
8702.10.81	105
8702.10.82	105
8702.10.89	105
8702.10.91	105
8702.10.99	105
8702.20.10	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8702.20.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.32	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.49	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.20.50	105
8702.20.61	7.5
8702.20.62	7.5
8702.20.69	7.5
8702.20.71	105
8702.20.72	105
8702.20.79	105
8702.20.91	105
8702.20.99	105
8702.30.10	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8702.30.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.49	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.30.50	105
8702.30.61	7.5
8702.30.69	7.5
8702.30.71	105
8702.30.79	105
8702.30.91	105
8702.30.99	105
8702.40.10	Theo hướng dẫn tại khoản

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	2.1 mục I Chương 98
8702.40.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.49	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.40.50	105
8702.40.61	7.5
8702.40.69	7.5
8702.40.71	105
8702.40.79	105
8702.40.91	105
8702.40.99	105

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8702.90.10	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.32	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.33	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8702.90.40	105
8702.90.51	7.5
8702.90.59	7.5
8702.90.61	105

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8702.90.69	105
8702.90.71	105
8702.90.79	105
8702.90.80	105
8702.90.90	105
8703.10.10	105
8703.10.90	105
8703.21.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.21.14	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.15	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8703.21.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.21.41	105
8703.21.42	105
8703.21.43	22.5
8703.21.44	105
8703.21.45	105
8703.21.51	105
8703.21.59	105
8703.21.91	105
8703.21.99	105
8703.22.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	Chương 98
8703.22.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.22.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.22.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.22.30	Theo hướng dẫn tại khoản

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	2.1 mục I Chương 98
8703.22.41	105
8703.22.42	105
8703.22.43	30
8703.22.44	30
8703.22.45	30
8703.22.46	105
8703.22.47	105
8703.22.51	105
8703.22.59	105
8703.22.90	105
8703.23.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.23.12	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.23.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.23.14	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	98
8703.23.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.24	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.32	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.33	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.34	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	Chương 98
8703.23.35	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.36	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.42	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.23.51	30
8703.23.52	30
8703.23.53	22.5
8703.23.54	105
8703.23.55	105
8703.23.56	105
8703.23.57	96
8703.23.58	78
8703.23.61	105
8703.23.62	105
8703.23.63	96
8703.23.64	78
8703.23.65	105
8703.23.66	105
8703.23.67	105
8703.23.68	78
8703.23.71	105
8703.23.72	105

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8703.23.73	105
8703.23.74	78
8703.24.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.24.12	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.24.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.24.14	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.24.15	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.24.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8703.24.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.24.30	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.24.41	22.5
8703.24.42	22.5
8703.24.43	22.5
8703.24.44	105
8703.24.45	70.5
8703.24.49	78
8703.24.51	67.5
8703.24.59	78
8703.24.61	70.5
8703.24.69	78
8703.31.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.31.14	Theo hướng dẫn

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.31.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.31.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.29	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.39	Theo

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.31.41	105
8703.31.42	105
8703.31.43	22.5
8703.31.44	30
8703.31.45	30
8703.31.46	105
8703.31.47	105
8703.31.51	105
8703.31.59	105
8703.31.91	105
8703.31.99	105
8703.32.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.32.12	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.32.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.32.14	Theo hướng dẫn

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.31	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.32	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.33	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.34	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.35	Theo

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.36	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.41	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.42	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.43	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.32.51	30
8703.32.52	22.5
8703.32.53	30
8703.32.54	105
8703.32.61	105
8703.32.62	105
8703.32.63	105
8703.32.71	105
8703.32.72	105
8703.32.73	105
8703.32.74	105
8703.32.75	105
8703.32.76	105
8703.32.81	105
8703.32.82	105

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8703.32.83	105
8703.33.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.33.12	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.33.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.33.14	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.31	Theo

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.32	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.33	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.34	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.40	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.33.51	30
8703.33.52	22.5
8703.33.53	22.5
8703.33.54	105
8703.33.61	105
8703.33.62	105
8703.33.71	105
8703.33.72	105
8703.33.80	105
8703.33.90	105
8703.40.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8703.40.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.40.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.40.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.40.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.18	Theo hướng dẫn

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.24	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.25	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.26	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.27	Theo

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.28	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.40.31	105
8703.40.32	105
8703.40.33	105
8703.40.34	30
8703.40.35	30
8703.40.36	22.5
8703.40.41	30
8703.40.42	30
8703.40.43	30
8703.40.44	30
8703.40.45	30
8703.40.46	30
8703.40.47	22.5
8703.40.51	30
8703.40.52	30
8703.40.53	22.5
8703.40.54	22.5
8703.40.55	22.5
8703.40.56	105
8703.40.57	105
8703.40.58	105
8703.40.61	105
8703.40.62	105
8703.40.63	105
8703.40.64	105
8703.40.65	105
8703.40.66	78
8703.40.67	70.5
8703.40.68	78
8703.40.71	105
8703.40.72	105

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8703.40.73	105
8703.40.74	105
8703.40.75	105
8703.40.76	78
8703.40.77	70.5
8703.40.81	105
8703.40.82	105
8703.40.83	105
8703.40.84	105
8703.40.85	105
8703.40.86	78
8703.40.87	78
8703.40.91	105
8703.40.92	105
8703.40.93	105
8703.40.94	105
8703.40.95	105
8703.40.96	78
8703.40.97	70.5
8703.40.98	78
8703.50.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.50.14	Theo hướng dẫn tại điểm

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.50.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.50.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.22	Theo hướng dẫn

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.24	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.25	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.26	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.27	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.28	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.50.31	105
8703.50.32	105
8703.50.33	105
8703.50.34	22.5
8703.50.35	30
8703.50.36	30

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8703.50.41	30
8703.50.42	30
8703.50.43	22.5
8703.50.44	22.5
8703.50.45	22.5
8703.50.46	22.5
8703.50.47	22.5
8703.50.51	30
8703.50.52	30
8703.50.53	30
8703.50.54	30
8703.50.55	22.5
8703.50.56	105
8703.50.57	105
8703.50.58	105
8703.50.61	105
8703.50.62	105
8703.50.63	105
8703.50.64	105
8703.50.65	105
8703.50.66	105
8703.50.67	105
8703.50.71	105
8703.50.72	105
8703.50.73	105
8703.50.74	105
8703.50.75	105
8703.50.76	105
8703.50.77	105
8703.50.81	105
8703.50.82	105
8703.50.83	105
8703.50.84	105
8703.50.85	105
8703.50.86	105
8703.50.87	105
8703.50.91	105
8703.50.92	105
8703.50.93	105
8703.50.94	105

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8703.50.95	105
8703.50.96	105
8703.50.97	105
8703.60.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.60.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.60.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.60.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	98
8703.60.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.24	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.25	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	Chương 98
8703.60.26	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.27	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.28	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.60.31	105
8703.60.32	105
8703.60.33	105
8703.60.34	30
8703.60.35	30
8703.60.36	22.5
8703.60.41	30
8703.60.42	30
8703.60.43	30
8703.60.44	30
8703.60.45	30
8703.60.46	30
8703.60.47	22.5
8703.60.51	30
8703.60.52	30
8703.60.53	22.5
8703.60.54	22.5
8703.60.55	22.5
8703.60.56	105
8703.60.57	105
8703.60.58	105
8703.60.61	105
8703.60.62	105



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8703.60.63	105
8703.60.64	105
8703.60.65	105
8703.60.66	78
8703.60.67	70.5
8703.60.68	78
8703.60.71	105
8703.60.72	105
8703.60.73	105
8703.60.74	105
8703.60.75	105
8703.60.76	78
8703.60.77	70.5
8703.60.81	105
8703.60.82	105
8703.60.83	105
8703.60.84	105
8703.60.85	105
8703.60.86	78
8703.60.87	78
8703.60.91	105
8703.60.92	105
8703.60.93	105
8703.60.94	105
8703.60.95	105
8703.60.96	78
8703.60.97	70.5
8703.60.98	78
8703.70.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.13	Theo hướng dẫn

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.70.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.70.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.70.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	Chương 98
8703.70.21	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.22	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.23	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.24	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.25	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.26	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.27	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.70.28	Theo hướng dẫn tại khoản

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	2.1 mục I Chương 98
8703.70.31	105
8703.70.32	105
8703.70.33	105
8703.70.34	22.5
8703.70.35	30
8703.70.36	30
8703.70.41	30
8703.70.42	30
8703.70.43	22.5
8703.70.44	22.5
8703.70.45	22.5
8703.70.46	22.5
8703.70.47	22.5
8703.70.51	30
8703.70.52	30
8703.70.53	30
8703.70.54	30
8703.70.55	22.5
8703.70.56	105
8703.70.57	105
8703.70.58	105
8703.70.61	105
8703.70.62	105
8703.70.63	105
8703.70.64	105
8703.70.65	105
8703.70.66	105
8703.70.67	105
8703.70.71	105
8703.70.72	105
8703.70.73	105
8703.70.74	105
8703.70.75	105
8703.70.76	105
8703.70.77	105
8703.70.81	105
8703.70.82	105
8703.70.83	105

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8703.70.84	105
8703.70.85	105
8703.70.86	105
8703.70.87	105
8703.70.91	105
8703.70.92	105
8703.70.93	105
8703.70.94	105
8703.70.95	105
8703.70.96	105
8703.70.97	105
8703.80.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.80.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.80.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.80.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.80.91	105
8703.80.92	105
8703.80.93	22.5
8703.80.94	30
8703.80.95	30
8703.80.96	105
8703.80.97	105
8703.80.98	105
8703.80.99	105
8703.90.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.90.12	Theo hướng dẫn

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.90.13	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.90.14	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.90.15	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8703.90.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.90.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.90.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	Chương 98
8703.90.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8703.90.91	105
8703.90.92	105
8703.90.93	30
8703.90.94	30
8703.90.95	30
8703.90.96	105
8703.90.97	105
8703.90.98	105
8703.90.99	105
8704.10.13	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.10.14	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.10.15	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.10.16	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.10.17	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	98
8704.10.18	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.10.31	75
8704.10.32	75
8704.10.33	75
8704.10.34	75
8704.10.35	15
8704.10.36	15
8704.10.37	5
8704.21.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.21.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.21.13	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.21.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.21.21	30
8704.21.22	30
8704.21.23	30
8704.21.24	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8704.21.25	30
8704.21.26	105
8704.21.27	105
8704.21.29	105
8704.22.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.22.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.22.21	30
8704.22.22	30
8704.22.23	30
8704.22.24	15
8704.22.25	30
8704.22.29	75
8704.22.31	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.22.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.22.41	30
8704.22.42	30
8704.22.43	30
8704.22.45	30
8704.22.46	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8704.22.47	15
8704.22.51	75
8704.22.59	45
8704.23.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.23.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.23.21	30
8704.23.22	30
8704.23.23	30
8704.23.24	15
8704.23.25	30
8704.23.29	37.5
8704.23.51	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.23.59	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.23.61	30
8704.23.62	30
8704.23.63	30
8704.23.64	15
8704.23.65	30
8704.23.66	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8704.23.69	37.5
8704.23.71	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.23.79	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.23.81	5
8704.23.82	5
8704.23.84	5
8704.23.85	5
8704.23.86	5
8704.23.89	5
8704.31.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.31.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.31.13	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.31.19	Theo hướng dẫn tại khoản



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	2.1 mục I Chương 98
8704.31.21	30
8704.31.22	30
8704.31.23	30
8704.31.24	15
8704.31.25	30
8704.31.26	105
8704.31.27	105
8704.31.29	105
8704.32.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.32.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.32.21	30
8704.32.22	30
8704.32.23	30
8704.32.24	15
8704.32.25	30
8704.32.29	105
8704.32.31	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.32.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	Chương 98
8704.32.41	30
8704.32.42	30
8704.32.43	30
8704.32.44	15
8704.32.45	30
8704.32.48	105
8704.32.49	67.5
8704.32.51	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.32.59	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.32.61	30
8704.32.62	30
8704.32.63	30
8704.32.64	15
8704.32.65	30
8704.32.69	52.5
8704.32.72	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.32.79	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8704.32.81	30
8704.32.82	30
8704.32.83	30
8704.32.84	15
8704.32.85	30
8704.32.86	37.5
8704.32.89	37.5
8704.32.91	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.32.92	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.32.93	5
8704.32.94	5
8704.32.95	5
8704.32.96	5
8704.32.97	5
8704.32.98	5
8704.32.99	5
8704.41.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.41.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.41.21	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8704.41.22	30
8704.41.23	30
8704.41.24	15
8704.41.25	30
8704.41.26	105
8704.41.27	105
8704.41.29	105
8704.42.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.42.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.42.21	30
8704.42.22	30
8704.42.23	30
8704.42.24	15
8704.42.25	30
8704.42.29	75
8704.42.31	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.42.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.42.41	30
8704.42.42	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8704.42.43	30
8704.42.45	30
8704.42.46	15
8704.42.47	15
8704.42.51	75
8704.42.59	45
8704.43.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.43.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.43.21	30
8704.43.22	30
8704.43.23	30
8704.43.24	15
8704.43.25	30
8704.43.29	37.5
8704.43.51	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.43.59	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.43.61	30
8704.43.62	30
8704.43.63	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8704.43.64	15
8704.43.65	30
8704.43.69	37.5
8704.43.71	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.43.79	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.43.81	5
8704.43.86	5
8704.43.89	5
8704.51.11	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.51.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.51.21	30
8704.51.22	30
8704.51.23	30
8704.51.24	15
8704.51.25	30
8704.51.26	105
8704.51.27	105
8704.51.29	105
8704.52.11	Theo

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.52.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.52.21	30
8704.52.22	30
8704.52.23	30
8704.52.24	15
8704.52.25	30
8704.52.29	105
8704.52.31	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.52.39	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.52.41	30
8704.52.42	30
8704.52.43	30
8704.52.44	15
8704.52.45	30
8704.52.48	105
8704.52.49	67.5
8704.52.51	Theo hướng dẫn tại điểm

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.52.59	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.52.61	30
8704.52.62	30
8704.52.63	30
8704.52.64	15
8704.52.65	30
8704.52.69	52.5
8704.52.72	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5 khoản 3 mục I Chương 98
8704.52.79	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.52.81	30
8704.52.82	30
8704.52.83	30
8704.52.84	15
8704.52.85	30
8704.52.86	37.5
8704.52.89	37.5
8704.52.91	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.4 và b.5.5



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
	khoản 3 mục I Chương 98
8704.52.92	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.52.93	5
8704.52.94	5
8704.52.99	5
8704.60.11	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.60.12	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.60.19	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.60.21	105
8704.60.22	105
8704.60.29	105
8704.60.91	105
8704.60.92	105
8704.60.93	37.5
8704.60.94	5
8704.90.10	Theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục I Chương 98
8704.90.91	105

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8704.90.92	105
8704.90.93	105
8704.90.94	37.5
8704.90.95	5
8705.10.00	4.5
8705.20.00	5
8705.30.00	4.5
8705.40.00	22.5
8705.90.50	7.5
8705.90.60	5
8705.90.90	5
8706.00.11	15
8706.00.19	15
8706.00.21	45
8706.00.22	45
8706.00.23	45
8706.00.31	40.5
8706.00.32	40.5
8706.00.33	40.5
8706.00.34	40.5
8706.00.39	40.5
8706.00.41	45
8706.00.42	45
8706.00.50	15
8707.10.10	40.5
8707.10.20	45
8707.10.30	40.5
8707.10.90	40.5
8707.90.11	15
8707.90.19	15
8707.90.21	40.5
8707.90.29	40.5
8707.90.30	15
8707.90.40	40.5
8707.90.90	40.5
8708.10.10	22.5
8708.10.90	37.5
8708.21.00	30
8708.22.10	22.5
8708.22.20	22.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8708.22.30	22.5
8708.29.11	22.5
8708.29.15	22.5
8708.29.16	22.5
8708.29.17	22.5
8708.29.18	22.5
8708.29.19	22.5
8708.29.20	30
8708.29.92	22.5
8708.29.93	22.5
8708.29.94	22.5
8708.29.95	22.5
8708.29.96	22.5
8708.29.97	22.5
8708.29.98	22.5
8708.29.99	22.5
8708.30.10	22.5
8708.30.21	30
8708.30.29	30
8708.30.30	15
8708.30.90	15
8708.40.11	27
8708.40.13	15
8708.40.14	22.5
8708.40.19	15
8708.40.25	22.5
8708.40.26	30
8708.40.27	22.5
8708.40.29	22.5
8708.40.91	15
8708.40.92	15
8708.40.99	15
8708.50.11	30
8708.50.13	10.5
8708.50.15	22.5
8708.50.19	15
8708.50.25	22.5
8708.50.26	30
8708.50.27	15
8708.50.29	15

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8708.50.91	15
8708.50.92	15
8708.50.94	15
8708.50.95	15
8708.50.96	7.5
8708.50.99	7.5
8708.70.15	22.5
8708.70.16	22.5
8708.70.17	30
8708.70.18	30
8708.70.19	30
8708.70.21	37.5
8708.70.22	37.5
8708.70.23	37.5
8708.70.29	37.5
8708.70.31	37.5
8708.70.32	30
8708.70.33	30
8708.70.34	30
8708.70.39	30
8708.70.95	37.5
8708.70.96	30
8708.70.97	30
8708.70.99	30
8708.80.15	22.5
8708.80.16	30
8708.80.17	10.5
8708.80.19	10.5
8708.80.91	15
8708.80.92	15
8708.80.99	7.5
8708.91.15	22.5
8708.91.16	30
8708.91.17	15
8708.91.18	15
8708.91.19	15
8708.91.91	15
8708.91.93	15
8708.91.94	15
8708.91.95	15



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8708.91.99	15
8708.92.10	22.5
8708.92.20	30
8708.92.51	22.5
8708.92.52	22.5
8708.92.61	22.5
8708.92.62	22.5
8708.92.90	22.5
8708.93.50	22.5
8708.93.60	30
8708.93.70	15
8708.93.90	15
8708.94.11	30
8708.94.19	30
8708.94.94	22.5
8708.94.95	37.5
8708.94.99	22.5
8708.95.10	15
8708.95.90	15
8708.99.11	22.5
8708.99.19	22.5
8708.99.21	22.5
8708.99.24	22.5
8708.99.25	22.5
8708.99.30	30
8708.99.40	22.5
8708.99.50	22.5
8708.99.61	22.5
8708.99.62	22.5
8708.99.63	15
8708.99.70	22.5
8708.99.80	22.5
8708.99.91	22.5
8708.99.99	22.5
8709.11.00	4.5
8709.19.00	4.5
8709.90.00	4.5
8710.00.00	5
8711.10.12	105
8711.10.14	112.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8711.10.15	112.5
8711.10.19	112.5
8711.10.92	105
8711.10.94	112.5
8711.10.95	112.5
8711.10.99	112.5
8711.20.11	112.5
8711.20.12	105
8711.20.13	112.5
8711.20.14	112.5
8711.20.15	112.5
8711.20.16	112.5
8711.20.19	112.5
8711.20.91	112.5
8711.20.92	105
8711.20.93	112.5
8711.20.94	112.5
8711.20.95	112.5
8711.20.96	112.5
8711.20.99	112.5
8711.30.11	112.5
8711.30.19	112.5
8711.30.30	112.5
8711.30.90	112.5
8711.40.11	112.5
8711.40.19	112.5
8711.40.20	112.5
8711.40.90	112.5
8711.50.20	112.5
8711.50.90	60
8711.60.11	82.5
8711.60.12	82.5
8711.60.13	82.5
8711.60.19	82.5
8711.60.92	82.5
8711.60.93	82.5
8711.60.94	82.5
8711.60.95	82.5
8711.60.99	82.5
8711.90.40	48

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8711.90.60	82.5
8711.90.90	82.5
8712.00.10	7.5
8712.00.20	67.5
8712.00.30	67.5
8712.00.90	67.5
8713.10.00	5
8713.90.00	5
8714.10.10	52.5
8714.10.20	48
8714.10.30	48
8714.10.40	48
8714.10.50	48
8714.10.60	48
8714.10.70	48
8714.10.90	48
8714.20.11	5
8714.20.12	5
8714.20.19	5
8714.20.90	5
8714.91.10	60
8714.91.91	60
8714.91.99	60
8714.92.10	67.5
8714.92.90	60
8714.93.10	67.5
8714.93.90	67.5
8714.94.10	67.5
8714.94.90	60
8714.95.10	67.5
8714.95.90	67.5
8714.96.10	67.5
8714.96.90	67.5
8714.99.11	67.5
8714.99.12	67.5
8714.99.91	67.5
8714.99.93	67.5
8714.99.94	67.5
8715.00.00	45
8716.10.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8716.20.00	7.5
8716.31.00	7.5
8716.39.40	30
8716.39.91	7.5
8716.39.99	30
8716.40.00	30
8716.80.10	30
8716.80.20	30
8716.80.90	30
8716.90.13	22.5
8716.90.19	22.5
8716.90.21	22.5
8716.90.22	22.5
8716.90.23	22.5
8716.90.24	22.5
8716.90.94	22.5
8716.90.95	22.5
8716.90.96	22.5
8716.90.99	22.5
8801.00.00	5
8802.11.00	5
8802.12.00	5
8802.20.10	5
8802.20.90	5
8802.30.10	5
8802.30.90	5
8802.40.10	5
8802.40.90	5
8802.60.00	5
8804.00.10	5
8804.00.90	5
8805.10.00	5
8805.21.00	5
8805.29.10	5
8805.29.90	5
8806.10.00	5
8806.21.00	5
8806.22.00	5
8806.23.00	5
8806.24.00	5



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8806.29.00	5
8806.91.00	5
8806.92.00	5
8806.93.00	5
8806.94.00	5
8806.99.00	5
8807.10.00	5
8807.20.00	5
8807.30.00	5
8807.90.00	5
8901.10.10	15
8901.10.20	15
8901.10.60	15
8901.10.70	15
8901.10.80	15
8901.10.90	7.5
8901.20.50	15
8901.20.71	3
8901.20.72	3
8901.20.73	3
8901.20.80	5
8901.30.50	15
8901.30.70	5
8901.30.80	5
8901.90.11	15
8901.90.12	15
8901.90.14	15
8901.90.31	15
8901.90.32	15
8901.90.33	15
8901.90.34	15
8901.90.35	15
8901.90.36	5
8901.90.37	5
8902.00.31	15
8902.00.32	15
8902.00.33	15
8902.00.34	15
8902.00.35	7.5
8902.00.36	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
8902.00.37	5
8902.00.41	15
8902.00.42	15
8902.00.43	15
8902.00.44	15
8902.00.45	7.5
8902.00.46	7.5
8902.00.47	5
8903.11.00	15
8903.12.00	15
8903.19.00	15
8903.21.00	15
8903.22.00	15
8903.23.00	15
8903.31.00	15
8903.32.00	15
8903.33.00	15
8903.93.00	15
8903.99.00	15
8904.00.10	7.5
8904.00.32	7.5
8904.00.33	7.5
8904.00.34	7.5
8904.00.35	5
8905.10.00	7.5
8905.20.00	7.5
8905.90.10	7.5
8905.90.90	7.5
8906.10.00	5
8906.90.10	7.5
8906.90.20	7.5
8906.90.90	5
8907.10.00	7.5
8907.90.10	5
8907.90.90	5
8908.00.00	5
9001.10.10	5
9001.10.90	5
9001.20.00	5
9001.30.00	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9001.40.00	7.5
9001.50.00	5
9001.90.10	5
9001.90.90	5
9002.11.00	5
9002.19.00	5
9002.20.10	5
9002.20.20	5
9002.20.90	5
9002.90.20	5
9002.90.30	5
9002.90.90	5
9003.11.00	15
9003.19.00	15
9003.90.00	15
9004.10.00	30
9004.90.10	5
9004.90.50	5
9004.90.90	30
9005.10.00	5
9005.80.10	5
9005.80.90	5
9005.90.10	5
9005.90.90	5
9006.30.00	5
9006.40.00	37.5
9006.53.10	37.5
9006.53.90	15
9006.59.11	37.5
9006.59.19	22.5
9006.59.21	5
9006.59.29	5
9006.59.30	5
9006.59.90	5
9006.61.00	30
9006.69.00	30
9006.91.10	5
9006.91.40	22.5
9006.91.50	22.5
9006.91.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9006.99.10	22.5
9006.99.90	22.5
9007.10.00	5
9007.20.10	5
9007.20.90	5
9007.91.00	5
9007.92.00	5
9008.50.10	5
9008.50.90	5
9008.90.20	5
9008.90.90	5
9010.10.00	7.5
9010.50.10	7.5
9010.50.20	7.5
9010.50.90	7.5
9010.60.10	5
9010.60.90	7.5
9010.90.20	5
9010.90.30	5
9010.90.90	5
9011.10.00	5
9011.20.00	5
9011.80.00	5
9011.90.00	5
9012.10.00	5
9012.90.00	5
9013.10.10	5
9013.10.20	5
9013.20.00	5
9013.80.10	5
9013.80.90	5
9013.90.10	5
9013.90.60	5
9013.90.70	5
9013.90.90	5
9014.10.00	5
9014.20.00	5
9014.80.11	5
9014.80.19	5
9014.80.90	5



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9014.90.10	5
9014.90.90	5
9015.10.10	5
9015.10.90	5
9015.20.00	5
9015.30.00	5
9015.40.00	5
9015.80.10	5
9015.80.90	5
9015.90.00	5
9016.00.00	15
9017.10.10	5
9017.10.90	5
9017.20.10	7.5
9017.20.40	7.5
9017.20.50	5
9017.20.90	7.5
9017.30.00	5
9017.80.00	7.5
9017.90.30	5
9017.90.40	5
9017.90.90	5
9018.11.00	5
9018.12.00	5
9018.13.00	5
9018.14.00	5
9018.19.00	5
9018.20.00	5
9018.31.10	5
9018.31.90	5
9018.32.00	5
9018.39.10	5
9018.39.90	5
9018.41.00	5
9018.49.00	5
9018.50.00	5
9018.90.10	5
9018.90.20	5
9018.90.31	5
9018.90.39	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9018.90.90	5
9019.10.10	5
9019.10.90	5
9019.20.10	5
9019.20.20	5
9019.20.90	5
9020.00.10	5
9020.00.90	5
9021.10.10	5
9021.10.90	5
9021.21.00	5
9021.29.10	5
9021.29.20	5
9021.29.90	5
9021.31.00	5
9021.39.00	5
9021.40.00	5
9021.50.00	5
9021.90.00	5
9022.12.00	5
9022.13.00	5
9022.14.00	5
9022.19.10	5
9022.19.90	5
9022.21.00	5
9022.29.00	5
9022.30.00	5
9022.90.10	5
9022.90.20	5
9022.90.90	5
9023.00.00	5
9024.10.10	5
9024.10.20	5
9024.80.10	5
9024.80.20	5
9024.90.00	5
9025.11.00	5
9025.19.11	5
9025.19.19	5
9025.19.20	5

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9025.80.00	5
9025.90.00	5
9026.10.50	5
9026.10.90	5
9026.20.50	5
9026.20.90	5
9026.80.00	5
9026.90.00	5
9027.10.00	5
9027.20.00	5
9027.30.00	5
9027.50.00	5
9027.81.00	5
9027.89.10	5
9027.89.90	5
9027.90.00	5
9028.10.10	15
9028.10.90	5
9028.20.20	15
9028.20.90	5
9028.30.10	37.5
9028.30.90	37.5
9028.90.10	5
9028.90.90	5
9029.10.20	30
9029.10.90	5
9029.20.10	30
9029.20.20	5
9029.20.90	5
9029.90.10	5
9029.90.20	5
9030.10.00	5
9030.20.00	5
9030.31.00	5
9030.32.00	5
9030.33.10	5
9030.33.20	5
9030.33.30	5
9030.33.40	5
9030.33.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9030.39.00	5
9030.40.00	5
9030.82.10	5
9030.82.90	5
9030.84.10	5
9030.84.90	5
9030.89.10	5
9030.89.90	5
9030.90.10	5
9030.90.30	5
9030.90.40	5
9030.90.90	5
9031.10.00	5
9031.20.00	5
9031.41.00	5
9031.49.10	5
9031.49.20	5
9031.49.30	5
9031.49.90	5
9031.80.10	5
9031.80.90	5
9031.90.30	5
9031.90.40	5
9031.90.50	5
9031.90.90	5
9032.10.00	5
9032.20.00	30
9032.81.00	5
9032.89.10	5
9032.89.20	5
9032.89.31	5
9032.89.39	5
9032.89.90	5
9032.90.10	5
9032.90.20	5
9032.90.90	5
9033.00.00	5
9101.11.00	22.5
9101.19.00	30
9101.21.00	22.5

✓

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9101.29.00	30
9101.91.00	30
9101.99.00	30
9102.11.00	22.5
9102.12.00	30
9102.19.00	30
9102.21.00	22.5
9102.29.00	30
9102.91.00	30
9102.99.00	30
9103.10.00	30
9103.90.00	30
9104.00.10	15
9104.00.90	5
9105.11.00	37.5
9105.19.00	37.5
9105.21.00	37.5
9105.29.00	37.5
9105.91.10	15
9105.91.90	37.5
9105.99.10	15
9105.99.90	37.5
9106.10.00	7.5
9106.90.10	7.5
9106.90.90	7.5
9107.00.00	7.5
9108.11.00	30
9108.12.00	30
9108.19.00	30
9108.20.00	30
9108.90.00	30
9109.10.00	30
9109.90.00	30
9110.11.00	30
9110.12.00	30
9110.19.00	30
9110.90.00	30
9111.10.00	30
9111.20.00	30
9111.80.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9111.90.00	30
9112.20.00	30
9112.90.00	30
9113.10.00	30
9113.20.00	30
9113.90.00	30
9114.30.00	30
9114.40.00	30
9114.90.00	30
9201.10.00	4.5
9201.20.00	4.5
9201.90.00	4.5
9202.10.00	4.5
9202.90.00	4.5
9205.10.00	4.5
9205.90.10	4.5
9205.90.90	4.5
9206.00.00	4.5
9207.10.00	7.5
9207.90.00	4.5
9208.10.00	4.5
9208.90.10	4.5
9208.90.90	4.5
9209.30.00	4.5
9209.91.10	4.5
9209.91.90	4.5
9209.92.00	4.5
9209.94.00	4.5
9209.99.00	4.5
9301.10.00	5
9301.20.00	5
9301.90.00	5
9302.00.00	5
9303.10.00	5
9303.20.10	45
9303.20.90	5
9303.30.10	45
9303.30.90	5
9303.90.10	5
9303.90.90	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9304.00.10	45
9304.00.90	5
9305.10.00	5
9305.20.00	5
9305.91.10	5
9305.91.90	5
9305.99.11	5
9305.99.19	5
9305.99.91	45
9305.99.99	45
9306.21.00	5
9306.29.00	5
9306.30.11	5
9306.30.19	5
9306.30.20	5
9306.30.30	5
9306.30.91	5
9306.30.99	5
9306.90.10	5
9306.90.90	5
9307.00.00	7.5
9401.10.00	5
9401.20.10	37.5
9401.20.90	37.5
9401.31.00	37.5
9401.39.00	37.5
9401.41.00	37.5
9401.49.00	37.5
9401.52.00	37.5
9401.53.00	37.5
9401.59.00	37.5
9401.61.00	37.5
9401.69.10	37.5
9401.69.90	37.5
9401.71.00	37.5
9401.79.10	37.5
9401.79.90	37.5
9401.80.00	37.5
9401.91.00	30
9401.99.10	5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9401.99.21	30
9401.99.29	30
9401.99.30	30
9401.99.91	30
9401.99.99	30
9402.10.10	5
9402.10.30	5
9402.90.11	5
9402.90.12	5
9402.90.13	5
9402.90.14	5
9402.90.15	5
9402.90.19	5
9402.90.90	5
9403.10.00	15
9403.20.10	22.5
9403.20.90	15
9403.30.00	37.5
9403.40.00	37.5
9403.50.00	37.5
9403.60.10	30
9403.60.90	37.5
9403.70.10	37.5
9403.70.20	30
9403.70.90	30
9403.82.00	37.5
9403.83.00	37.5
9403.89.10	30
9403.89.90	37.5
9403.91.00	30
9403.99.10	30
9403.99.90	30
9404.10.00	37.5
9404.21.10	37.5
9404.21.20	37.5
9404.29.10	37.5
9404.29.20	37.5
9404.29.90	37.5
9404.30.00	37.5
9404.40.00	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9404.90.00	30
9405.11.10	5
9405.11.91	7.5
9405.11.99	45
9405.19.10	5
9405.19.91	7.5
9405.19.92	30
9405.19.99	45
9405.21.10	5
9405.21.90	37.5
9405.29.10	5
9405.29.90	37.5
9405.31.00	37.5
9405.39.00	37.5
9405.41.10	37.5
9405.41.20	7.5
9405.41.30	7.5
9405.41.40	30
9405.41.90	15
9405.42.10	37.5
9405.42.20	7.5
9405.42.30	7.5
9405.42.40	15
9405.42.50	30
9405.42.60	30
9405.42.90	15
9405.49.10	37.5
9405.49.20	7.5
9405.49.30	7.5
9405.49.40	15
9405.49.50	30
9405.49.60	30
9405.49.90	15
9405.50.11	37.5
9405.50.19	37.5
9405.50.40	37.5
9405.50.50	7.5
9405.50.90	7.5
9405.61.10	30
9405.61.90	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9405.69.10	30
9405.69.90	30
9405.91.10	5
9405.91.20	7.5
9405.91.40	30
9405.91.50	30
9405.91.90	7.5
9405.92.10	5
9405.92.20	7.5
9405.92.30	30
9405.92.90	7.5
9405.99.10	30
9405.99.20	30
9405.99.30	30
9405.99.40	30
9405.99.50	30
9405.99.90	30
9406.10.10	4.5
9406.10.90	22.5
9406.20.10	4.5
9406.20.90	22.5
9406.90.11	4.5
9406.90.12	4.5
9406.90.19	4.5
9406.90.20	22.5
9406.90.30	22.5
9406.90.40	22.5
9406.90.90	22.5
9503.00.10	15
9503.00.21	15
9503.00.22	15
9503.00.29	15
9503.00.30	15
9503.00.40	15
9503.00.50	30
9503.00.60	30
9503.00.70	15
9503.00.80	30
9503.00.91	30
9503.00.92	30

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9503.00.93	30
9503.00.94	30
9503.00.99	30
9504.20.20	37.5
9504.20.30	30
9504.20.90	37.5
9504.30.30	30
9504.30.40	30
9504.30.50	30
9504.30.90	30
9504.40.00	37.5
9504.50.10	30
9504.50.90	30
9504.90.10	37.5
9504.90.21	37.5
9504.90.29	37.5
9504.90.32	37.5
9504.90.33	37.5
9504.90.34	37.5
9504.90.35	37.5
9504.90.36	37.5
9504.90.39	37.5
9504.90.92	37.5
9504.90.93	37.5
9504.90.95	37.5
9504.90.99	37.5
9505.10.00	37.5
9505.90.00	37.5
9506.11.00	7.5
9506.12.00	7.5
9506.19.00	7.5
9506.21.00	7.5
9506.29.00	7.5
9506.31.00	7.5
9506.32.00	7.5
9506.39.00	7.5
9506.40.10	7.5
9506.40.90	7.5
9506.51.00	7.5
9506.59.00	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9506.61.00	7.5
9506.62.00	7.5
9506.69.00	7.5
9506.70.00	7.5
9506.91.00	7.5
9506.99.10	7.5
9506.99.20	7.5
9506.99.30	7.5
9506.99.90	7.5
9507.10.00	7.5
9507.20.00	7.5
9507.30.00	7.5
9507.90.00	7.5
9508.10.00	15
9508.21.00	15
9508.22.00	15
9508.23.00	15
9508.24.00	15
9508.25.00	15
9508.26.00	15
9508.29.00	15
9508.30.00	15
9508.40.00	15
9601.10.10	37.5
9601.10.90	37.5
9601.90.11	37.5
9601.90.12	37.5
9601.90.19	37.5
9601.90.21	37.5
9601.90.29	37.5
9601.90.91	37.5
9601.90.99	37.5
9602.00.10	15
9602.00.20	30
9602.00.90	30
9603.10.10	37.5
9603.10.20	37.5
9603.21.00	37.5
9603.29.00	37.5
9603.30.00	37.5



Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9603.40.00	37.5
9603.50.00	37.5
9603.90.10	37.5
9603.90.20	37.5
9603.90.40	37.5
9603.90.90	37.5
9604.00.10	37.5
9604.00.90	37.5
9605.00.00	37.5
9606.10.10	37.5
9606.10.90	37.5
9606.21.00	37.5
9606.22.00	37.5
9606.29.00	37.5
9606.30.10	37.5
9606.30.90	37.5
9607.11.00	30
9607.19.00	30
9607.20.00	22.5
9608.10.10	37.5
9608.10.90	37.5
9608.20.00	37.5
9608.30.20	37.5
9608.30.90	37.5
9608.40.00	37.5
9608.50.00	37.5
9608.60.10	15
9608.60.90	15
9608.91.10	15
9608.91.90	15
9608.99.10	37.5
9608.99.91	37.5
9608.99.99	37.5
9609.10.10	37.5
9609.10.90	37.5
9609.20.00	37.5
9609.90.10	37.5
9609.90.30	37.5
9609.90.91	37.5
9609.90.99	37.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9610.00.10	37.5
9610.00.90	37.5
9611.00.00	37.5
9612.10.10	15
9612.10.90	15
9612.20.00	7.5
9613.10.10	37.5
9613.10.90	37.5
9613.20.10	37.5
9613.20.90	37.5
9613.80.10	37.5
9613.80.20	37.5
9613.80.30	37.5
9613.80.90	37.5
9613.90.10	37.5
9613.90.90	37.5
9614.00.10	37.5
9614.00.90	37.5
9615.11.20	30
9615.11.30	30
9615.19.00	30
9615.90.11	30
9615.90.12	30
9615.90.13	30
9615.90.19	30
9615.90.21	30
9615.90.22	30
9615.90.23	30
9615.90.29	30
9615.90.91	30
9615.90.92	30
9615.90.93	30
9615.90.99	30
9616.10.10	37.5
9616.10.20	15
9616.20.00	37.5
9617.00.10	45
9617.00.20	37.5
9618.00.00	37.5
9619.00.11	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9619.00.12	22.5
9619.00.13	22.5
9619.00.14	22.5
9619.00.19	22.5
9619.00.92	30
9619.00.93	30
9619.00.99	30
9620.00.10	5
9620.00.20	5
9620.00.30	5
9620.00.40	5
9620.00.50	5
9620.00.90	5
9701.21.00	7.5
9701.22.00	7.5
9701.29.00	7.5
9701.91.00	7.5

Mã số theo TT31	Thuế suất theo các QĐ, ND hiện hành
9701.92.00	7.5
9701.99.00	7.5
9702.10.00	5
9702.90.00	5
9703.10.00	5
9703.90.00	5
9704.00.00	30
9705.10.00	5
9705.21.00	5
9705.22.00	5
9705.29.00	5
9705.31.00	5
9705.39.00	5
9706.10.00	5
9706.90.00	5

b) Chương 98:

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9801.00.00	0207.60.30	22.5
	0207.60.40	
9803.00.00	0301.93.22	5
	0301.93.32	
9804.14.10	0306.14.11	40.5
9804.14.90	0306.14.19	40.5
9804.15.00	0306.15.00	40.5
9804.16.00	0306.16.00	40.5
9804.17.11	0306.17.11	40.5
9804.17.19	0306.17.19	40.5
9804.17.21	0306.17.21	40.5
9804.17.22	0306.17.22	40.5
9804.17.29	0306.17.29	40.5
9804.17.30	0306.17.30	40.5
9804.17.90	0306.17.90	40.5
9804.19.00	0306.19.00	40.5
	0309.90.12	

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9804.23.00	0306.93.31	40.5
9804.28.11	0306.95.21	40.5
9804.28.19	0306.95.29	40.5
9804.28.90	0306.95.30	40.5
9805.00.00	1207.30.00	5
	1207.40.90	
	1207.50.00	
	1207.60.00	
	1207.70.00	
	1207.91.00	
	1207.99.40	
	1207.99.50	
	1207.99.90	
9808.00.10	5903.90.10	5
9808.00.90	5903.90.90	5
9810.00.10	7213.91.30	5
	7213.91.90	

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9810.00.90	7326.20.90	5	9818.19.30	8409.99.73	5
9811.00.10	72.24	15	9818.19.40	8409.99.74	5
	72.25		9818.19.50	8409.99.75	5
	72.26		9818.19.60	8409.99.76	5
	72.27		9818.19.70	8409.99.77	5
	72.28		9818.19.90	8409.99.79	5
9811.00.90	72.29	4.5	9818.20.10	8413.20.10	5
9812.00.10	8408.20.10	7.5	9818.20.21	8413.30.51	5
	8408.20.21			8413.30.52	
	8408.20.22		9818.20.29	8413.30.90	5
	8408.20.23		9818.20.31	8413.70.11	5
9812.00.90	8408.20.93	7.5	9818.20.39	8413.70.19	5
9816.00.00	9405.99.50	5	9818.20.90	8413.91.30	5
	9405.99.90		9818.21.10	8414.59.50	5
9817.20.00	8467.21.00	4.5	9818.21.21	8414.59.91	5
9817.30.10	8504.33.11	4.5	9818.21.29	8414.59.99	5
	8504.34.11		9818.22.11	8415.81.21	5
	8504.34.14		9818.22.19	8415.81.29	5
	8504.34.22		9818.22.20	8415.82.29	5
9817.30.90	8504.33.19	4.5	9818.22.31	8415.90.36	5
	8504.34.13		9818.22.39	8415.90.46	5
	8504.34.19		9818.23.00	8418.69.90	5
	8504.34.24		9818.24.10	8419.50.91	5
9818.11.10	4016.99.53	5		8419.50.20	
9818.11.90	4016.99.59	5	9818.24.90	8419.50.92	5
9818.12.11	7216.31.10	5		8419.50.20	
9818.12.19	7216.31.90	5	9818.25.00	8471.41.90	5
9818.12.91	7216.32.10	5	9818.26.10	8481.40.30	5
9818.12.99	7216.32.90	5	9818.26.90	8481.40.90	5
9818.13.10	7318.15.10	5	9818.27.00	8482.20.00	5
	7318.15.90		9818.28.00	8483.10.90	5
9818.13.90	7318.24.00	5	9818.29.00	8483.40.90	5
9818.14.10	7320.10.90	5	9818.30.00	8484.10.00	5
9818.14.90	7320.20.90	5	9818.31.00	8502.20.30	5
9818.15.00	7322.90.00	15	9818.32.00	8538.90.11	5
9818.16.00	7325.99.90	5		8542.31.00	
9818.17.00	8302.60.00	15		8542.32.00	
9818.19.10	8409.99.71	5		8542.39.00	
9818.19.20	8409.99.72	5	9818.33.00	8545.20.00	5

92

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9819.00.00	Tùy theo bản chất mặt hàng để phân loại vào mã hàng ghi tại các chương khác nhau quy định tại Phụ lục I Thông tư số 31/2022/TT- BTC	5	9821.10.39	8702.30.50	105
				8702.30.71	
				8702.30.79	
				8702.30.91	
				8702.30.99	
9821.10.41	8702.40.61	7.5			
			8702.40.69		
9821.10.49	8702.40.50	105			
			8702.40.71		
			8702.40.79		
			8702.40.91		
			8702.40.99		
9821.10.51	8702.90.51	7.5			
			8702.90.59		
9821.10.59	8702.90.40	105			
			8702.90.61		
			8702.90.69		
			8702.90.71		
			8702.90.79		
			8702.90.80		
			8702.90.90		
9821.21.00	8703.10.10	105			
			8703.10.90		
9821.22.10	8703.21.41	105			
			8703.21.42		
			8703.21.44		
			8703.21.45		
			8703.21.51		
			8703.21.59		
			8703.21.91		
			8703.21.99		
9821.22.20	8703.22.41	105			
			8703.22.42		
			8703.22.46		
			8703.22.47		
			8703.22.51		
			8703.22.59		
			8703.22.90		
			9821.22.31	8703.23.54	105

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9821.22.32	8703.23.55	105		8703.32.75	
	8703.23.56			8703.32.76	
	8703.23.57			8703.32.81	
9821.22.33	8703.23.58	78		8703.32.82	
9821.22.34	8703.23.61	105		8703.32.83	
	8703.23.62		9821.23.30	8703.33.54	105
	8703.23.63			8703.33.61	
	8703.23.65			8703.33.62	
	8703.23.66			8703.33.71	
	8703.23.67			8703.33.72	
	8703.23.71			8703.33.80	
	8703.23.72			8703.33.90	
9821.22.35	8703.23.64	78	9821.24.10	8703.40.31	105
	8703.23.68			8703.40.32	
	8703.23.74			8703.40.33	
9821.22.36	8703.24.44	105	9821.24.20	8703.40.56	105
9821.22.37	8703.24.45	70.5		8703.40.57	
8703.40.58					
9821.22.38	8703.24.49	78	9821.24.31	8703.40.61	105
9821.22.39	8703.24.51	70.5		8703.40.62	
	8703.24.61			8703.40.63	
9821.22.40	8703.24.59	78		8703.40.64	
	8703.24.69			8703.40.65	
9821.23.10	8703.31.41	105	9821.24.32	8703.40.66	78
	8703.31.42		9821.24.33	8703.40.67	70.5
	8703.31.46		9821.24.34	8703.40.68	78
	8703.31.47		9821.24.41	8703.40.71	105
	8703.31.51			8703.40.72	
	8703.31.59			8703.40.73	
	8703.31.91			8703.40.74	
	8703.31.99			8703.40.75	
9821.23.20	8703.32.54	105	9821.24.42	8703.40.76	78
	8703.32.61		9821.24.43	8703.40.77	70.5
	8703.32.62		9821.24.51	8703.40.81	105
	8703.32.63			8703.40.82	
	8703.32.71			8703.40.83	
	8703.32.72			8703.40.84	
	8703.32.73			8703.40.85	
	8703.32.74		9821.24.59	8703.40.86	78

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
	8703.40.87	
9821.24.61	8703.40.91	105
	8703.40.92	
	8703.40.93	
	8703.40.94	
	8703.40.95	
9821.24.62	8703.40.96	78
9821.24.63	8703.40.97	70.5
9821.24.64	8703.40.98	78
9821.25.00	8703.50.31	105
	8703.50.32	
	8703.50.33	
	8703.50.56	
	8703.50.57	
	8703.50.58	
	8703.50.61	
	8703.50.62	
	8703.50.63	
	8703.50.64	
	8703.50.65	
	8703.50.66	
	8703.50.67	
	8703.50.71	
	8703.50.72	
	8703.50.73	
	8703.50.74	
	8703.50.75	
	8703.50.76	
	8703.50.77	
	8703.50.81	
	8703.50.82	
	8703.50.83	
	8703.50.84	
	8703.50.85	
	8703.50.86	
	8703.50.87	
	8703.50.91	
	8703.50.92	
	8703.50.93	

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
	8703.50.94	
	8703.50.95	
	8703.50.96	
	8703.50.97	
9821.26.10	8703.60.31	105
	8703.60.32	
	8703.60.33	
	8703.60.56	
	8703.60.57	
	8703.60.58	
9821.26.21	8703.60.61	105
	8703.60.62	
	8703.60.63	
	8703.60.64	
	8703.60.65	
9821.26.22	8703.60.66	78
9821.26.23	8703.60.67	70.5
9821.26.24	8703.60.68	78
9821.26.31	8703.60.71	105
	8703.60.72	
	8703.60.73	
	8703.60.74	
9821.26.32	8703.60.76	78
9821.26.33	8703.60.77	70.5
9821.26.41	8703.60.81	105
	8703.60.82	
	8703.60.83	
	8703.60.84	
	8703.60.85	
9821.26.42	8703.60.86	78
9821.26.43	8703.60.87	78
9821.26.51	8703.60.91	105
	8703.60.92	
	8703.60.93	
	8703.60.94	
	8703.60.95	
9821.26.52	8703.60.96	78
9821.26.53	8703.60.97	70.5
9821.26.54	8703.60.98	78

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9821.27.10	8703.70.31	105		8703.80.99	
	8703.70.32		9821.29.00	8703.90.91	105
	8703.70.33			8703.90.92	
	8703.70.56			8703.90.96	
	8703.70.57			8703.90.97	
	8703.70.58			8703.90.98	
9821.27.20	8703.70.61	105			
	8703.70.62		9821.30.11	8704.10.31	75
	8703.70.63		9821.30.12	8704.10.32	75
	8703.70.64		9821.30.13	8704.10.33	75
	8703.70.65		9821.30.14	8704.10.34	10.5
	8703.70.66		9821.30.15	8704.10.35	10.5
	8703.70.67			8704.10.36	
9821.27.30	8703.70.71	105	9821.30.19	8704.10.37	5
	8703.70.72		9821.30.21	8704.21.26	105
	8703.70.73			8704.21.27	
	8703.70.74			8704.21.29	
	8703.70.75			8704.41.26	
	8703.70.76			8704.41.27	
	8703.70.77			8704.41.29	
9821.27.40	8703.70.81	105	9821.30.22	8704.22.29	75
	8703.70.82		8704.42.29		
	8703.70.83		9821.30.23	8704.22.51	75
	8703.70.84			8704.42.51	
	8703.70.85		9821.30.24	8704.22.59	45
	8703.70.86			8704.42.59	
	8703.70.87		9821.30.25	8704.23.29	10.5
	8704.43.29				
9821.27.90	8703.70.91	105	9821.30.26	8704.23.66	10.5
	8703.70.92		8704.43.69		
	8703.70.93		8704.23.69		
	8703.70.94		9821.30.29	8704.23.86	5
	8703.70.95			8704.43.86	
	8703.70.96			8704.23.89	
	8703.70.97			8704.43.89	
9821.28.00	8703.80.91	105	9821.30.31	8704.31.26	105
	8703.80.92		8704.31.27		
	8703.80.96		8704.31.29		
	8703.80.97				
	8703.80.98		8704.51.26		

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
	8704.51.27	
	8704.51.29	
9821.30.32	8704.32.29	105
	8704.52.29	
9821.30.33	8704.32.48	105
	8704.52.48	
9821.30.34	8704.32.49	67.5
	8704.52.49	
9821.30.35	8704.32.69	10.5
	8704.52.69	
9821.30.36	8704.32.86	10.5
	8704.52.86	
	8704.32.89	
	8704.52.89	
9821.30.39	8704.32.98	5
	8704.52.94	
	8704.32.99	
9821.30.91	8704.60.21	105
	8704.60.22	
	8704.60.29	
	8704.90.91	
9821.30.92	8704.60.91	105
	8704.90.92	
9821.30.93	8704.60.92	105
	8704.90.93	
9821.30.94	8704.60.93	10.5
	8704.90.94	
9821.30.99	8704.60.94	5
	8704.90.95	
9822.10.00	Tùy theo bản chất mặt hàng để phân loại vào mã hàng ghi tại các chương khác nhau quy định tại Phụ lục I Thông tư số 31/2022/TT- BTC	5
9822.20.00		5

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9822.30.00		5
9822.40.00		5
9822.50.00		5
9822.90.00		5
9823.00.00	8705.90.90	15
9825.00.00	3304.99.90	15
9826.00.00	5902.10.91	4.5
9827.10.10	7304.24.10	7.5
9827.10.90	7304.24.20	7.5
	7304.24.30	
9827.90.10	7304.29.10	7.5
9827.90.90	7304.29.20	7.5
	7304.29.30	
9828.00.00	7305.20.00	15
9829.10.00	7306.21.00	15
9829.20.00	7306.29.00	15
9830.00.00	7408.11.20	5
9832.10.00	8704.21.29	22.5
	8704.22.29	
	8704.22.51	
	8704.22.59	
	8704.23.29	
	8704.41.29	
	8704.42.29	
	8704.42.51	
	8704.42.59	
	8704.43.29	
9832.90.00	8704.31.29	22.5
	8704.32.29	
	8704.32.48	
	8704.32.49	
	8704.32.69	
	8704.51.29	
	8704.52.29	
	8704.52.48	
9833.00.00	9403.60.90	15
9834.11.00	4016.99.99	5

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9834.12.10	7318.15.10	5		3921.90.42	
	7318.15.90			3921.90.43	
9834.12.90	7326.90.20	5		3921.90.49	
	7326.90.99			3921.90.50	
9834.13.00	8003.00.10	5		3921.90.60	
9834.14.00	8311.90.00	5		3921.90.70	
9834.15.00	8501.10.49	5		3921.90.90	
9834.16.00	8501.10.22	5	9834.39.00	3926.90.59	5
	8501.10.29		9834.40.00	7312.10.30	5
9834.17.00	8504.31.93	5		7312.10.99	
	8504.31.99		9834.41.00	8536.69.92	5
9834.18.00	8506.50.00	5	9835.00.00	2815.12.00	4.5
9834.19.00	8517.79.32	5	9836.10.10	8704.10.34	60
9834.20.00	8536.90.93	5	9836.10.90	8704.10.35	15
9834.21.00	8536.10.12	5			
	8536.10.92		9836.20.10	8704.23.21	27
9834.22.00	8536.41.91	5		8704.43.21	
9834.23.00	8536.69.23	5	9836.20.20	8704.23.22	27
9834.24.00	8536.90.99	5			
	8542.39.00		9836.20.30	8704.23.23	27
9834.25.00	8544.42.94	5		8704.43.23	
9834.26.00	8544.42.91	5	9836.20.40	8704.23.24	15
	8544.42.92			8704.43.24	
9834.27.00	8544.49.29	5	9836.20.50	8704.23.25	27
9834.28.00	8504.34.29	5			
9834.29.00	8506.50.00	5	9836.20.90	8704.23.29	36
9834.30.00	8536.69.99	5			
9834.31.00	8537.10.19	5	9836.30.10	8704.23.61	27
9834.32.00	8544.42.96	5			
9834.33.00	8517.79.92	5	9836.30.20	8704.23.62	27
	8542.31.00			8704.43.62	
	8542.32.00		9836.30.30	8704.23.63	27
	8542.33.00				
	8542.39.00		9836.30.40	8704.23.64	15
9834.34.00	8518.10.90	5		8704.43.64	
9834.35.00	8518.30.20	5	9836.30.50	8704.23.65	27
9834.36.00	8518.30.59	5			
9834.37.00	9006.69.00	5	9836.30.60	8704.23.66	36
9834.38.00	3921.90.41	5			

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành	
9836.30.90	8704.23.69	36	9840.13.00	7415.21.00	15	
	8704.43.69		9840.14.00	7616.99.90	5	
9836.40.10	8704.32.61	27	9840.15.00	3506.99.00	7.5	
	8704.52.61		9840.16.00	7318.22.00	5	
9836.40.20	8704.32.62	27	9840.17.00	7318.21.00	5	
	8704.52.62		9840.18.00	7616.99.90	5	
9836.40.30	8704.32.63	27	9840.19.00	3823.11.00	5	
	8704.52.63		9840.20.00	6804.10.00	5	
9836.40.40	8704.32.64	15	9840.21.00	4016.93.90	5	
	8704.52.64		9840.22.00	4008.19.00	5	
9836.40.50	8704.32.65	27	9840.23.00	2803.00.90	5	
	8704.52.65		9840.24.00	7616.99.90	5	
9836.40.90	8704.32.69	45	9840.25.00	2710.19.90	5	
	8704.52.69		9840.26.00	3812.20.00	5	
9836.50.10	8704.32.81	27	9840.27.00	2817.00.20	5	
	8704.52.81		9840.28.00	7318.22.00	5	
9836.50.20	8704.32.82	27	9841.10.00	9406.10.90	7.5	
	8704.52.82		9841.20.00	9406.90.30	7.5	
9836.50.30	8704.32.83	27		9406.20.90		
	8704.52.83	9841.30.00	9406.90.20	7.5		
9836.50.40	8704.32.84	15	9841.40.00	9406.90.40	7.5	
	8704.52.84		9841.50.00	9406.90.90	7.5	
9836.50.50	8704.32.85	27	9842.00.00	2710.12.70	3	
	8704.52.85		9844.10.90	8701.91.90	5	
9836.50.60	8704.32.86	36		8701.92.90		
	8704.52.86			8701.93.90		
9836.50.90	8704.32.89	36		8701.94.90		
	8704.52.89			8701.95.90		
9836.90.00	8704.90.94	36	9844.20.10	8716.10.00	5	
	8704.60.93		9844.20.20	8716.20.00	5	
9837.00.00	3902.10.40	5	9844.20.31	8716.31.00	5	
	3902.10.90		9844.20.32	8716.39.40	5	
9838.00.00	2710.20.00	10.5	9844.20.33	8716.39.91	5	
9839.10.00	7213.91.90	5	9844.20.39	8716.39.99	5	
	7213.91.30		9844.20.90	8716.40.00	5	
9839.20.00	7213.99.90	5	9845.10.00	7007.11.10	37.5	
9840.11.00	7318.29.10	5	9845.20.00	7007.21.10	37.5	
	7318.29.90		9845.30.00	8409.99.44	22.5	
9840.12.00	7318.22.00	5	9845.40.00	8483.30.30	22.5	

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9845.50.00	8483.40.40	22.5	9849.15.29	4016.99.13	0
9845.60.00	8708.30.29	22.5	9849.16.10	7007.11.10	0
9845.80.00	8708.40.29	30	9849.16.90	7007.21.10	0
9845.90.10	8708.40.92	22.5	9849.17.10	7009.10.00	0
9845.90.20	8708.70.32	37.5	9849.17.20	7009.91.00	0
9845.90.90	8708.92.20	37.5	9849.17.90	7009.92.00	0
9846.00.10	8528.71.91	5	9849.18.10	7320.10.11	0
9846.00.90	8528.71.99	5	9849.18.20	7320.10.12	0
9847.00.00	3926.90.99	5	9849.18.30	7320.20.11	0
9848.00.00	7005.30.10	7.5	9849.18.90	7320.90.10	0
	7005.30.90		9849.19.10	8301.20.00	0
9850.00.00	3004.90.99	7.5	9849.20.11	8407.31.00	0
9851.00.00	0511.91.90	5	9849.20.12	8407.32.19	0
9852.00.00	2309.90.20	3	9849.20.13	8407.32.29	0
9849.11.10	4009.31.91	0	9849.20.14	8407.33.90	0
9849.12.10	4011.10.00	0	9849.20.15	8407.34.71	0
9849.12.11	4011.20.11	0	9849.20.16	8407.34.72	0
	4011.20.12		9849.20.17	8407.34.73	0
	4011.20.13		9849.20.18	8407.34.94	0
	4011.20.19		9849.20.19	8407.34.95	0
9849.12.19	4011.20.90	0	9849.20.20	8407.34.99	0
9849.12.90	4011.90.10	0	9849.21.11	8408.20.21	0
9849.13.10	4012.11.00	0	9849.21.12	8408.20.22	0
9849.13.11	4012.12.10	0	9849.21.13	8408.20.23	0
9849.13.19	4012.12.90	0	9849.21.14	8408.20.94	0
9849.13.20	4012.20.10	0	9849.21.15	8408.20.95	0
9849.13.31	4012.20.21	0	9849.21.19	8408.20.96	0
9849.13.39	4012.20.29	0	9849.22.11	8409.91.41	0
9849.13.40	4012.20.79	0	9849.22.12	8409.91.42	0
9849.13.51	4012.20.91	0	9849.22.13	8409.91.43	0
9849.13.59	4012.20.99	0	9849.22.14	8409.91.44	0
9849.14.11	4013.10.11	0	9849.22.15	8409.91.45	0
9849.14.19	4013.10.19	0	9849.22.16	8409.91.46	0
9849.14.21	4013.10.21	0	9849.22.17	8409.91.47	0
9849.14.29	4013.10.29	0	9849.22.18	8409.91.48	0
9849.14.31	4013.90.31	0	9849.22.19	8409.91.49	0
9849.14.39	4013.90.39	0	9849.22.21	8409.99.41	0
9849.15.10	4016.93.20	0	9849.22.22	8409.99.42	0
9849.15.21	4016.99.11	0	9849.22.23	8409.99.43	0

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9849.22.24	8409.99.44	0	9849.29.21	8511.20.21	0
9849.22.25	8409.99.45	0	9849.29.29	8511.20.29	0
9849.22.26	8409.99.46	0	9849.29.31	8511.30.41	0
9849.22.27	8409.99.47	0	9849.29.39	8511.30.49	0
9849.22.28	8409.99.48	0	9849.29.41	8511.40.21	0
9849.22.29	8409.99.49	0	9849.29.42	8511.40.32	0
9849.23.11	8413.30.30	0	9849.29.43	8511.40.33	0
9849.23.19	8413.30.40	0	9849.29.49	8511.40.91	0
9849.24.00	8414.80.42	0	9849.29.50	8511.50.21	0
9849.25.11	8415.20.10	0	9849.29.61	8511.50.32	0
9849.25.19	8415.20.90	0	9849.29.69	8511.50.33	0
9849.25.21	8415.81.31	0	9849.29.71	8511.50.91	0
9849.25.29	8415.81.39	0	9849.29.79	8511.50.99	0
9849.25.31	8415.82.31	0	9849.29.80	8511.80.20	0
9849.25.39	8415.82.39	0	9849.29.90	8511.90.20	0
9849.25.41	8415.83.31	0	9849.30.10	8512.20.20	0
9849.25.49	8415.83.39	0	9849.30.20	8512.20.99	0
9849.25.90	8415.90.14	0	9849.30.31	8512.30.10	0
9849.26.11	8421.23.21	0	9849.30.32	8512.30.20	0
9849.26.19	8421.23.29	0	9849.30.33	8512.30.91	0
9849.26.21	8421.29.40	0	9849.30.39	8512.30.99	0
9849.26.29	8421.29.50	0	9849.30.40	8512.40.00	0
9849.26.30	8421.31.20	0	9849.30.50	8512.90.20	0
9849.26.40	8421.99.30	0	9849.31.10	8536.10.13	0
9849.26.90	8421.99.99	0	9849.31.90	8536.10.93	0
	8421.99.50		9849.32.10	8539.10.10	
9849.27.10	8481.80.83	0	9849.32.20	8539.21.30	0
9849.27.90	8481.80.93	0	9849.32.30	8539.29.20	0
9849.28.11	8483.10.25	0	9849.32.90	8539.90.20	0
9849.28.12	8483.10.26	0		8539.51.00	
9849.28.13	8483.10.27	0	9849.33.10	8544.30.12	0
9849.28.20	8483.20.30	0	9849.33.20	8544.30.14	0
9849.28.30	8483.30.30	0	9849.33.30	8544.42.32	0
9849.28.40	8483.40.40	0	9849.33.40	8544.42.34	0
9849.28.50	8483.50.00	0	9849.34.11	8708.10.90	0
9849.28.60	8483.60.00	0	9849.34.12	8708.21.00	0
9849.28.91	8483.90.15	0	9849.34.13	8708.29.15	0
9849.28.99	8483.90.95	0	9849.34.14	8708.29.16	0
9849.29.10	8511.10.20	0	9849.34.15	8708.29.17	0

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9849.34.16	8708.29.18	0
9849.34.17	8708.29.19	0
9849.34.18	8708.29.20	0
9849.34.19	8708.29.93	0
9849.34.20	8708.29.94	0
9849.34.21	8708.29.95	0
	8708.22.20	
9849.34.22	8708.29.96	0
9849.34.23	8708.29.97	0
9849.34.24	8708.29.98	0
	8708.22.30	
9849.34.29	8708.29.99	0
	8708.22.30	
9849.34.31	8708.30.21	0
9849.34.32	8708.30.29	0
9849.34.33	8708.30.30	0
9849.34.39	8708.30.90	0
9849.34.41	8708.40.11	0
9849.34.42	8708.40.13	0
9849.34.43	8708.40.19	0
9849.34.44	8708.40.26	0
9849.34.45	8708.40.27	0
9849.34.46	8708.40.29	0
9849.34.47	8708.40.92	0
9849.34.49	8708.40.99	0
9849.34.51	8708.50.11	0
9849.34.52	8708.50.13	0
9849.34.53	8708.50.19	0
9849.34.54	8708.50.26	0
9849.34.55	8708.50.27	0
9849.34.56	8708.50.29	0
9849.34.57	8708.50.94	0
9849.34.58	8708.50.95	0
9849.34.59	8708.50.96	0
9849.34.60	8708.50.99	0
9849.34.71	8708.70.16	0
9849.34.72	8708.70.17	0
9849.34.73	8708.70.18	0
9849.34.74	8708.70.19	0

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9849.34.75	8708.70.22	0
9849.34.76	8708.70.23	0
9849.34.77	8708.70.29	0
9849.34.78	8708.70.32	0
9849.34.79	8708.70.33	0
9849.34.80	8708.70.34	0
9849.34.81	8708.70.39	0
9849.34.82	8708.70.96	0
9849.34.83	8708.70.97	0
9849.34.89	8708.70.99	0
9849.34.91	8708.80.16	0
9849.34.92	8708.80.17	0
9849.34.93	8708.80.19	0
9849.34.94	8708.80.92	0
9849.34.99	8708.80.99	0
9849.35.10	8708.91.16	0
9849.35.21	8708.91.17	0
9849.35.22	8708.91.18	0
9849.35.29	8708.91.19	0
9849.35.31	8708.91.93	0
9849.35.32	8708.91.94	0
9849.35.33	8708.91.95	0
9849.35.39	8708.91.99	0
9849.35.41	8708.92.20	0
9849.35.42	8708.92.51	0
9849.35.43	8708.92.52	0
9849.35.44	8708.92.61	0
9849.35.45	8708.92.62	0
9849.35.49	8708.92.90	0
9849.35.51	8708.93.60	0
9849.35.52	8708.93.70	0
9849.35.59	8708.93.90	0
9849.35.61	8708.94.19	0
9849.35.62	8708.94.95	0
9849.35.69	8708.94.99	0
9849.35.71	8708.95.10	0
9849.35.79	8708.95.90	0
9849.35.81	8708.99.21	0
9849.35.82	8708.99.24	0

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9849.35.83	8708.99.25	0
9849.35.84	8708.99.30	0
9849.35.85	8708.99.40	0
9849.35.86	8708.99.50	0
9849.35.87	8708.99.61	0
9849.35.88	8708.99.62	0
9849.35.89	8708.99.63	0
9849.35.90	8708.99.70	0
9849.35.91	8708.99.80	0
9849.35.92	8708.99.91	0
9849.35.99	8708.99.99	0
9849.36.00	9025.19.11	0
9849.37.11	9026.10.50	0
9849.37.19	9026.10.50	0
9849.37.90	9026.20.50	0
9849.38.10	9029.20.10	0
9849.38.90	9029.20.20	0
9849.39.10	9104.00.10	0
9849.39.90	9104.00.90	0
9849.40.11	9401.20.10	0

Mã số Chương 98 theo các ND, QĐ hiện hành	Mã số khai báo theo TT 31	Thuế suất C98 theo các ND, QĐ hiện hành
9849.40.19	9401.20.90	0
9849.40.21	9401.99.21	0
9849.40.22	9401.99.21	0
	9401.99.29	
9849.41.10	8527.21.10	0
	8527.21.90	
9849.41.90	8527.29.00	0
9849.42.10	8501.20.29	0
9849.42.21	8501.32.24	0
9849.42.22	8501.32.32	0
9849.42.30	8501.40.29	0
9849.42.40	8501.52.22	0
9849.43.10	8506.50.00	0
9849.43.21	8506.80.30	0
9849.43.29	8506.80.90	0
9849.43.90	8506.90.00	0
9849.44.00	3926.30.00	0
9849.45.00	8302.30.10	0
9849.46.00	8537.10.99	5
	8537.10.40	

Phụ lục II
HƯỚNG DẪN KHAI BÁO THU CỘNG
(ban hành kèm theo công văn số 5731/TCHQ-TXNK
ngày 28/12/2022 của Tổng cục Hải quan)

Đối với các mã số có mức thuế được ghi chú “KBTC” tại Phụ lục 1 thì tra cứu tại Phụ lục này, cụ thể:

Áp dụng thuế suất cho các mã số tại cột 1 theo các mức thuế suất quy định tại Nghị định 57/2020/NĐ-CP (cột 4) tương ứng với các mã số tại cột 3. Ví dụ:

Mặt hàng “trâm hương, kỳ nam, tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột” thuộc mã số 1211.90.16.10 tại Biểu thuế xuất khẩu theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP, nay căn cứ Thông tư số 31/2022/TT-BTC mặt hàng thuộc mã số 1211.90.17 thì thực hiện tra cứu:

Tại Phụ lục 1 mã số 1211.90.17 có mức thuế được ghi chú “KBTC” thì tra cứu tại Phụ lục này, cụ thể:

+ Mã số áp dụng: mã số 1211.90.17 căn cứ Thông tư số 31/2022/TT-BTC tại cột 1.

+ Mức thuế áp dụng: mặt hàng thuộc mã số 1211.90.16.10 theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP (cột 3) nên có mức thuế áp dụng là mức thuế tương ứng tại cột 4 là 20%.

1. Biểu thuế xuất khẩu:

Mã số theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả hàng hóa theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mã số đã khai báo theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP	Thuế suất theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP
(1)	(2)	(3)	(4)
1211.90.17	- - - Loại khác, tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:		
		1211.90.16.10	20
		1211.90.16.90	0
1211.90.18	- - - Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:		
		1211.90.19.10	20
		1211.90.19.90	0
4402.90.00	- Loại khác:		
		4402.90.90.10	5
		4402.90.90.20	5
		4402.90.90.90	10
8106.10.10	- - Bismut chưa gia công; phế liệu và mảnh vụn; bột:		
		8106.00.10.10	22
		8106.00.10.90	5

8106.90.10	- - Bismut chưa gia công; phế liệu và mảnh vụn; bột:		
		8106.00.10.10	22
		8106.00.10.90	5
8112.31.00	- - Chưa gia công; phế liệu và mảnh vụn; bột:		
		8112.92.00.10	22
		8112.92.00.90	5
8112.41.00	- - Chưa gia công; phế liệu và mảnh vụn; bột:		
		8112.92.00.10	22
		8112.92.00.90	5

2. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi:

Mã số theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả hàng hóa theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mã số đã khai báo theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP	Thuế suất theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP
(1)	(2)	(3)	(4)
0306.14.91	---- Cua bơi (cua thuộc họ <i>Portunidae</i>)		
		0306.14.10	3
		0306.14.90	0
0306.14.92	---- Cua hoàng đế (thuộc họ <i>Lithodidae</i>)		
		0306.14.10	3
		0306.14.90	0
0306.14.93	---- Cua tuyết (thuộc họ <i>Origoniidae</i>)		
		0306.14.10	3
		0306.14.90	0
0306.14.99	---- Loại khác		
		0306.14.10	3
		0306.14.90	0
0307.21.10	--- Sò		
		0307.21.10	0
		0307.91.10	3
0307.22.00	-- Đông lạnh		
		0307.22.00	3
		0307.92.00	0
1601.00.10	- Đóng bao bì kín khí để bán lẻ		
		1601.00.10	22
		2106.90.99	15
1601.00.90	- Loại khác		
		1601.00.90	22
		2106.90.99	15
1602.10.10	-- Chứa thịt lợn, đóng bao bì kín		

Mã số theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả hàng hóa theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mã số đã khai báo theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP	Thuế suất theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP
	khí để bán lẻ		
		1602.10.10	30
		2106.90.99	15
1602.10.90	- - Loại khác		
		1602.10.90	30
		2106.90.99	15
2404.19.10	- - - Chứa các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá		
		2403.99.30	30
		2403.99.90	50
3808.92.19	- - - - Loại khác		
		3808.59.21	3
		3808.92.19	0
3916.90.40	- - Từ các protein đã được làm cứng		
		3916.90.41	5
		3916.90.42	10
6815.91.00	- - Có chứa magiezit, magnesia ở dạng periclase, dolomit bao gồm cả dạng dolime, hoặc cromit		
		6815.91.00	10
		6815.99.00	5
8485.80.00	- Loại khác		
		8441.80.10	0
		8465.99.60	3
		8479.89.39	0
8539.51.00	- - Mô-đun đi-ốt phát quang (LED)		
		8539.90.20	15
		8539.90.90	3
		9405.99.90	20
8539.90.30	- - Loại khác, của phân nhóm 8539.51.00		
		8539.90.90	3
		9405.99.90	20

3. Biểu thuế nhập khẩu thông thường:

Mã số theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả hàng hóa theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mã số đã khai báo theo các Nghị định, Quyết định hiện hành	Thuế suất theo các Nghị định, Quyết định hiện hành
0306.14.91	- - - - Cua bơi (cua thuộc họ <i>Portunidae</i>)		
		0306.14.10	4.5
		0306.14.90	5
0306.14.92	- - - - Cua hoàng đế (thuộc họ <i>Lithodidae</i>)		
		0306.14.10	4.5
		0306.14.90	5
0306.14.93	- - - - Cua tuyết (thuộc họ <i>Origoniidae</i>)		
		0306.14.10	4.5
		0306.14.90	5
0306.14.99	- - - - Loại khác		
		0306.14.10	4.5
		0306.14.90	5
0307.21.10	- - - Sống		
		0307.21.10	5
		0307.91.10	4.5
0307.22.00	- - Đông lạnh		
		0307.22.00	4.5
		0307.92.00	5
1516.30.00	- Chất béo và dầu vi sinh vật và các phân phân đoạn của chúng		
		1516.20.39	45
		1516.20.49	45
		1516.20.59	45
		1516.20.99	45
1601.00.10	- Đóng bao bì kín khí để bán lẻ		
		1601.00.10	33
		2106.90.99	22.5
1601.00.90	- Loại khác		
		1601.00.90	33
		2106.90.99	22.5
1602.10.10	- - Chứa thịt lợn, đóng bao bì kín khí để bán lẻ		
		1602.10.10	45
		2106.90.99	22.5
1602.10.90	- - Loại khác		
		1602.10.90	45
		2106.90.99	22.5
2404.19.10	- - - Chứa các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá		
		2403.99.30	45
		2403.99.90	75
3808.92.19	- - - - Loại khác		
		3808.59.21	4.5
		3808.92.19	5

Mã số theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả hàng hóa theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mã số đã khai báo theo các Nghị định, Quyết định hiện hành	Thuế suất theo các Nghị định, Quyết định hiện hành
3916.90.40	- - Từ các protein đã được làm cứng		
		3916.90.41	7.5
		3916.90.42	15
6815.91.00	- - Có chứa magiezit, magnesia ở dạng periclase, dolomit bao gồm cả dạng dolime, hoặc cromit		
		6815.91.00	15
		6815.99.00	7.5
8485.80.00	- Loại khác		
		8441.80.10	5
		8465.99.60	4.5
		8479.89.39	5
8539.51.00	- - Mô-đun đi-ốt phát quang (LED)		
		8539.90.20	22.5
		8539.90.90	4.5
		9405.99.90	30
8539.90.30	- - Loại khác, của phân nhóm 8539.51.00		
		8539.90.90	4.5
		9405.99.90	30

✓